

## Lịch Sinh, Lục Giả Liệt Truyện -

Lịch Sinh tên là Tự Cơ người làng Cao Dương, huyện Trần Lưu. Thích đọc sách, nhà nghèo không có nghề gì kiếm ăn, làm người coi cổng ở làng. Nhưng những người tai mắt và hiền tài trong huyện không ai dám sai bảo như đầy tớ. Người trong huyện đều gọi là người cuồng.

2. Đến khi Trần Thắng, Hạng Lương nổi lên, các tướng đi cướp đất qua làng Cao Dương mấy chục người. Lịch Sinh hỏi các viên tướng thấy họ đều là những người câu nệ, thích cái lễ vụn vặt, tự phụ, tự đắc, không thể nghe những lời rộng lượng, Lịch Sinh bèn giấu mình thật kín. Về sau, nghe tin Bái công cầm quân cướp đất ở ngoài thành Trần Lưu. Kỵ sĩ ở dưới cờ Bái Công trên là Thích là người ở trong làng Lịch Sinh. Bái Công thượng hỏi những người hào kiệt và kẻ sĩ hiền tài trong làng xóm. Kỵ sĩ về, Lịch Sinh gặp, nói:

- Tôi nghe nói Bái Công ngạo mạn, khinh người, có nhiều mưu lớn, đó chính là người tôi muốn theo, nhưng không có ai tiến cử cho. Khi ông về gặp Bái Công, nhờ ông nói giúp “Trong làng của tôi có Lịch Sinh, tuổi hơn sáu mươi, cao tám thước. Người đời ai cũng bảo ông ta là anh cuồng. Ông ta tự nói: “Ta không phải người cuồng”.

Kỵ sĩ nói:

- Bái Công không thích đạo Nho. Thấy những người khách nào đội mũ nhà Nho đến Bái Công liền giật mũ đai vào trong. Khi nói với người ta thường mắng nhiếc, không thể lấy tư cách nhà nho mà thuyết phục ông ta được.

Lịch Sinh nói:

- Ông cứ nói.

Kỵ sĩ lúc rồi rãi nói lại đúng như lời Lịch Sinh đã dặn.

Bái Công đến Cao Dương dừng lại ở nhà trạm, sai người mời Lịch Sinh. Lịch Sinh đến, vào yết kiến. Lúc bấy giờ, Bái Công đang ngồi xồm trên giường, sai hai người con gái rửa chân để tiếp Lịch Sinh. Lịch Sinh vào chỉ vái dài mà không lạy, nói:

- Túc hạ muốn giúp Tần đánh chư hầu sao? Hay là muốn cầm đầu chư hầu đánh bại Tần?

Bái Công mắng:

- Thằng khốn nạn! Thiên hạ đều khổ cực vì nhà Tần đã lâu rồi, cho nên chư hầu mới kéo nhau đi đánh Tần. Sao mà lại bảo tao giúp Tần đánh chư hầu?

Lịch Sinh nói:

- Nếu thật tình muốn hợp bè đảng, tập hợp nghĩa binh giết nhà Tần vô đạo thì không nên ngồi xồm mà tiếp bậc trưởng giả.

Bái Công bèn thôi không rửa chân, đứng dậy, sửa áo, mời Lịch Sinh ngồi ghế trên, xin lỗi. Lịch Sinh nhân đấy nói thời liên hoành, hợp tung của sáu nước. Bái Công mừng rỡ, cho Lịch Sinh

ăn, hỏi:

- Bây giờ kế phải làm như thế nào?

Lịch Sinh nói:

- Túc hạ cầm toán quân ô hợp thu một đạo binh tán loạn không đầy một vạn người mà muốn đánh thẳng vào nước Tần mạnh, đó là cái người ta nói “Sờ vào miệng hổ” đấy. Trần Lưu là nơi then chốt của thiên hạ, giao thông với bốn phía, không có gì hiểm trở, trong lúc này trong thành lại chứa nhiều thóc. Thần quen quan lệnh ở đấy, xin được phép bảo ông ta đầu hàng túc hạ. Nếu ông ta không nghe, túc hạ đem binh đánh, thần sẽ làm nội ứng.

Bái Công bèn sai Lịch Sinh đi. Bái Công đem quân theo. Bèn lấy được Trần Lưu, phong Lịch Tự Cơ làm Quảng Dã Quân. Lịch Sinh nói với em là Lịch Thương sai cầm đầu mấy ngàn người theo Bái Công đi về hướng Tây Nam cướp đất. Lịch Sinh thường làm thuyết khách ruổi ngựa đi sứ các nước chư hầu.

3. Năm thứ ba nhà Hán, mùa thu, Hạng Vũ đánh Hán lấy Huỳnh Dương. Quân Hán bỏ chạy trốn, giữ đất Củng, đất Lạc. Quân Sở nghe tin Hoài Âm Hầu phá Triệu, Bành Việt mấy lần làm phản ở đất Lương, nên chia binh đến cứu. Hoài Âm Hầu lúc bấy giờ đang đi về hướng Đông đánh Tề, Hán Vương thường bị nguy khốn ở Huỳnh Dương, Thành Cao, ý muốn bỏ Thành Cao, đi về phía Đông, đóng ở đất Củng đất Lạc để chống quân Sở. Lịch Sinh bèn nói:

- Tôi nghe: “Biết cái trời của trời thì có thể làm nên cơ nghiệp vương, không biết cái trời của trời thì không thể làm nên cơ nghiệp vương”. Nhà vua lấy dân chúng làm trời, còn dân chúng thì lấy cái ăn làm trời. Ngao Thương là nơi lâu nay chuyên chở thóc của thiên hạ đến. Tôi nghe nói ở dưới đất cất giấu thóc lúa rất nhiều. Quân Sở lấy Huỳnh Dương, không lo giữ Ngao Thương mà lại đem quân đi về hướng Đông, sai những quân lính bị đầy chia nhau giữ Thành Cao. Đó là trời cho nhà Hán vậy. Nay Sở dễ lấy mà Hán lại tự vứt cái chỗ tiện lợi của mình đi, tôi trộm cho là sai. Vả lại hai sức mạnh không thể cùng sống. Sở, Hán giằng co với nhau đã lâu chưa biết ai được ai thua, trăm họ nhốn nháo, thiên hạ rối loạn, kẻ đi cày bỏ cày, đàn bà dệt vải bỏ khung cửi, lòng thiên hạ chưa định về đâu, xin túc hạ mau mau tiến quân đánh Huỳnh Dương, giữ thóc lúa Ngao Thương, chặn lấy cái hiểm của Thành Cao, chặn con đường Thái Hàng, chiếm cửa ải Phỉ Hồ, giữ bến Bạch Mã để tỏ cho chư hầu thấy cái thế mạnh về địa hình thì thiên hạ biết họ về với ai. Trong lúc này các nước Yên và Triệu đã bình định rồi, chỉ còn nước Tề là chưa lấy được. Điền Quang chiếm cứ một nước Tề rộng ngàn dặm, Điền Gian cầm hai mươi vạn quân đóng ở Lịch Thành, dòng dõi họ Điền hùng mạnh, lại dựa vào biển, có các sông Hà, sông Tế che chở, phía Nam gần nước Sở. Người Tề hay thay đổi đối trá, túc hạ tuy phái đạo quân mấy chục vạn, nhưng chưa thể trong vòng một năm vài tháng mà phá được. Tôi xin phụng chiếu, thuyết phục vua Tề, khiến nước Tề theo Hán làm cái rào giậu phía Đông của Hán.

Nhà vua nói:

- Hay lắm!

Bèn theo kế của Lịch Sinh, lại giữ Ngao Thương, sai Lịch Sinh du thuyết vua Tề. Lịch Sinh nói với vua Tề:

- Nhà vua có biết thiên hạ sẽ về đâu không?

- Không biết!

- Nếu nhà vua biết thiên hạ sẽ về đâu thì có thể có được nước Tề, nếu không biết thiên hạ sẽ về đâu thì sẽ không giữ được nước Tề.

Vua Tề hỏi:

- Thiên hạ sẽ về đâu?

- Về Hán.

- Tại sao ông lại nói thế?

- Hán Vương cùng Hạng Vương ra sức quay mặt về hướng Tây để đánh Tần. Theo giao ước, ai vào Hàm Dương trước thì người ấy được làm vương. Hán Vương vào Hàm Dương trước, Hạng Vương bội ước không cho Hán Vương làm vương ở đây mà cho làm vương ở Hán Trung. Hạng Vương dõng Nghĩa Đế đi rồi giết. Hán Vương nghe tin ấy, cử quân đất Thục và đất Hán; đánh Tam Tần, ra cửa quan trách tội Hạng Vũ về việc đối xử với Nghĩa Đế, thu binh thiên hạ, lập con cháu của chư hầu. Tướng nào đánh được thành bắt địch đầu hàng thì được phong hầu thành đó, được của là chia cho binh sĩ, cùng hưởng lợi chung với thiên hạ. Những người anh hùng hào kiệt, nhân tài từ bốn phía kéo đến, thóc của Thục Hán kết thuyền từ thượng lưu đưa xuống. Hạng Vương mang cái tiếng bội ước, giết Nghĩa Đế, người ta lập được công thì Hạng Vương không hề nhớ, người ta phạm tội thì Hạng Vương không hề quên. Các tướng đánh thắng nhưng vẫn không được thưởng, lấy được thành nhưng không được phong, nếu không phải là họ hàng thì không được tin dùng. Hạng Vương khắc ấn xong lại tiếc cứ mận mê sờ mó mà không cho người ta. Khi đánh thành được của cải cứ chất đống mà không thưởng cho binh sĩ. Thiên hạ làm phản. Những người hiền tài oán giận mà không ai theo. Cho nên kẻ sĩ trong thiên hạ sẽ theo về Hán Vương, cái đó, có thể ngồi mà tính được, Hán Vương đem quân tự đất Thục và đất Hán, bình định Tam Tần, vượt qua Tây Hà, cầm binh ở Thượng Đảng, xuống Tỉnh Hình giết Thành An Quân, phía Bắc Ngụy(l) lấy ba mươi hai thành. Đó là binh của Xuy Vu(2), không phải sức con người làm được mà là cái phúc của trời. Nay Hán Vương đã giữ được lúa của Ngao Thương, chặn lối Thành Cao hiểm trở, giữ bến Bạch Mã, chặn sườn núi Thái Hàng, nắm lấy cửa ải Phỉ Hồ. Thiên hạ ai theo sau thì sẽ bị mất trước. Nhà vua nên mau mau theo hàng Hán Vương trước đi! Như thế thì xã tắc nước Tề có thể giữ được, nếu không hàng Hán Vương thì cái cảnh nguy vong có thể đứng mà đợi nó đến.

Điền Quảng cho là phải. Bèn nghe lời Lịch Sinh, rút quân phòng giữ ở Lịch Hạ, cùng Lịch Sinh suốt ngày đêm uống rượu say.

4. Hoài Âm Hầu nghe tin Lịch Sinh đã dùng cách thuyết phục mà lấy được hơn bảy mươi thành của Tề, bèn đang đêm đưa binh vào bình nguyên, đánh úp nước Tề. Vua Tề là Điền Quảng nghe tin quân Hán đã đến, cho rằng Lịch Sinh đã lừa mình bèn nói:

- Nếu nhà ngươi có thể làm cho quân Hán dừng lại thì ta sẽ cho nhà ngươi sống. Nếu ngươi làm không được thì ta sẽ nấu nhà ngươi.

Lịch Sinh nói:

- Làm việc lớn thì không xét việc nhỏ, gặp cái đức lớn thì không nhường và từ chối, sao ông không làm lại còn nói thế? (3).

Vua Tề bên nấu Lịch Sinh, đem binh chạy về hướng Đông. Năm thứ mười hai nhà Hán, Khúc Chu Hầu Lịch Thương làm thừa tướng đem quân đánh Kinh Bó có công. Khi phong các hầu và các công thần, Cao Tổ nghĩ đến Lịch Tự Cơ, cho nên con của Lịch Tự Cơ là Lịch Giới mấy lần cầm binh, tuy công chưa đáng phong hầu nhưng vì cha có công nên nhà vua phong Giới làm Cao Lương Hầu, về sau lại đổi làm Vũ Toại Hầu. Kế tiếp ba đời đến giữa năm đầu niên hiệu Nguyên Thú, Vũ Toại Hầu tên là Bình phạm tội giả làm chiếu của Hành Sơn Vương để lấy một trăm cân vàng, tội đáng chém ở chợ, Bình mắc bệnh mà chết, tên nước bị xóa bỏ.

1. Lục Giả là người nước Sở làm môn khách theo Cao Tổ, bình định thiên hạ nổi tiếng là người có tài biện luận. Giả ở gần nhà vua, thường đi sứ sang các chư hầu.

2. Trong thời Cao Tổ, Trung Quốc mới được bình định, viên úy Triệu Đà bình định được nước Nam Việt, nhân làm vua ở đấy. Cao Tổ sai Lục Giả phong cho Triệu Đà làm Nam Việt Vương. Lục Giả đến. Viên úy Triệu Đà bôi tóc, ngồi xồm tiếp Lục Giả. Lục Giả nhân tiến lên nói với Đà:

- Túc hạ là người Trung Quốc, bà con thân thích, anh em, mồ mả ở Chân Định(4). Nay túc hạ làm trái thiên tính, bỏ đại vũ, muốn lấy cái nước Việt cô độc chống cự với thiên tử làm thành một nước địch thì tai họa sẽ đến thân đấy. Vả lại, nhà Tần bỏ mất chính sự, chư hầu hào kiệt đều nổi lên, nhưng chỉ có Hán Vương đầu tiên vào cửa quan chiếm được Hàm Dương, Hạng Vũ bội ước tự lập làm Tây Sở Bá Vương, chư hầu đều theo ông ta, như thế có thể gọi là hùng mạnh vô cùng. Thế mà Hán Vương nổi lên từ đất Ba đất Thục, roi quất thiên hạ, cướp chư hầu rồi cục diệt được Hạng Vũ. Trong vòng năm năm đã bình định cả thiên hạ, đó không phải sức người làm được mà do ý trời. Thiên tử nghe nói nhà vua làm vua ở Nam Việt, không giúp thiên tử giết bọn bạo nghịch; các quan văn vũ muốn đem binh đến trừng trị nhà vua. Nhưng thiên tử thương trăm họ mới khó nhọc khổ sở, cho nên hãy cho họ nghỉ ngơi, sai tôi trao ấn quân vương, chặt phù, cho sứ thần đi lại. Nhà vua nên ra đón từ xa(5), quay mặt về hướng Bắc xưng thần mới phải, thế mà lại muốn lấy nước Việt mới lập, chưa bình định xong, xưng hùng xưng bá ở đây. Nếu vua Hán quả biết điều đó thì sẽ sai đào nỏ đốt mả của cha ông nhà vua, diệt dòng họ, sai một viên tướng cầm mười vạn quân đến Việt. Thế thì nước Việt sẽ giết nhà vua mà đầu hàng Hán như trở bàn tay thôi.

Triệu Đà bèn hoảng hốt, ngồi thẳng, xin lỗi. Lục Sinh:

- Tôi ở Man Di đã lâu bỏ mất lễ nghĩa.

Nhân hỏi Lục Sinh:

: - Tôi so với Tiêu Hà, Tào Thàn Hàn Tín ai giỏi hơn.

- Nhà vua có vẻ giỏi hơn?

Lại hỏi:

- Tôi so với Hoàng đế ai giỏi hơn?

Lục Sinh đáp:

- Hoàng đế nổi lên từ ấp Phong, quận Bái, trừ nhà Tần bạo ngược, giết nước Sở mạnh, vì thiên hạ hưng lợi trừ hại, nổi cơ nghiệp của Tam Hoàng, Ngũ Đế, thống trị Trung Quốc. Người Trung

Quốc đông kể hàng ức, đất xuống vạn dặm, ở nơi giàu có nhất trong thiên hạ, người đông, xe cộ, vạn vật giàu có, phong phú quyền chính do một nhà cai quản, từ khi trời đất tách rời nhau cho đến nay chưa hề có ai được như vậy. Nay dân của nhà vua chẳng qua vài chục vạn, đều là man di, cô độc, ở giữa nơi núi non, biển cả, cũng ví như một quận của Hán, nhà vua làm sao lại so sánh mình với Hán được!

Úy Đà cười vang nói:

- Ta không nổi lên ở Trung Quốc cho nên làm vua ở đây thôi. Nếu ta ở Trung Quốc thì việc gì lại không được như Hán!

Bèn rất thích Lục Sinh, giữ lại uống rượu mấy tháng, nói:

- Trong nước Việt không có ai đáng nói chuyện với tôi, khi ông đến đây, tôi ngày ngày được nghe những điều chưa được nghe.

Triệu Đà cho Lục Sinh một cái túi ngọc đáng giá ngàn vàng, lại cho một món quà khác cũng đáng giá ngàn vàng. Lục Sinh cho Úy Đà làm vua Việt, bảo ông ta xưng thần, thờ nhà Hán.

3. Giao ước xong, Lục Sinh về, Cao Tổ cả mừng, cho làm thái trung đại phu. Lục Sinh thường hay đến trước nhà vua nói chuyện Kinh Thi, Kinh Thư. Cao Đế mừng Lục Sinh:

- Ông mà ngồi trên mình ngựa mà lấy được thiên hạ, cần gì Kinh Thi với Kinh Thư?

Lục Sinh nói:

- Nhà vua ngồi trên mình ngựa lấy được thiên hạ, nhưng có thể ngồi trên lưng ngựa mà cai trị thiên hạ không? Vả chẳng, các vua Thành Thang, Vũ Vương lấy được thiên hạ một cách nghịch, nhưng lại giữ thiên hạ một cách thuận. Dùng cả văn lẫn vũ là cái thuận lâu dài. Ngày xưa, vua Ngô phù Sai, Trí Bá đều hết sức mạnh mà vẫn bị diệt vong, nhà Tần dùng hình pháp không thay đổi nên cuối cùng họ Triệu bị diệt(6). Giả sử trước đây sau khi nhà Tần đã thôn tính thiên hạ, lại thi hành nhân nghĩa, theo phép tắc của các vị thánh ngày xưa thì bệ hạ làm sao mà có được thiên hạ?

Cao Đế không vui, có vẻ hơi thẹn, bèn bảo Lục Sinh:

- Ông thử vì ta viết tại sao Tần mất thiên hạ, tại sao ta lại được thiên hạ và những nước xưa tại sao lại thành, tại sao lại bại?

Lục Giả bèn thuật qua những bằng chứng về sự tồn tại hay sự diệt vong của một nước, tất cả mười hai thiên. Mỗi khi một thiên đưa lên, bao giờ Cao Tổ cũng khen, các quan hầu đều kêu “Vạn tuế” Gọi sách là Tân Thư.

4. Trong thời Hiếu Huệ hoàng đế, Lữ thái hậu cầm quyền chính muốn phong họ Lữ làm vương, sợ các quan đại thần có tài biện luận. Lục Giả tự xét không thể nào can được, bèn cáo bệnh xin thôi, về nhà, cho là đất ruộng Hảo Chi tốt có thể làm nhà ở đấy. Giả có năm người con trai. Giả bèn đem số ngọc trong túi đã có được khi đi sứ ở Việt ra bán được nghìn cân vàng, chia cho mỗi người con trai ba trăm cân sai con lo làm ăn. Giả thường đi xe bốn ngựa, người đi theo ca múa gảy đàn cầm đàn sắt có đến mười người, cầm thanh bảo kiếm giá ngàn vàng bảo người con:

- Ta giao ước với mày, khi ghé qua nhà mày thì mày cung cấp cho người và ngựa của ta ăn uống

tha hồ, muốn gì cũng được, sau mười ngày lại qua nhà khác. Ta chết ở nhà ai, nhà ấy sẽ được bảo kiểm, xe cộ và những người tùy tùng. Trong một năm ta đi lại các nhà chẳng qua hai ba lần. Thường thường ta đến nhà mày, đừng để có những thức ăn không tươi, đừng ngại ta ở lâu.

Trong thời kỳ Lữ thái hậu, thái hậu phong những người họ Lữ làm vương, bọn họ Lữ chuyên quyền muốn uy hiếp vị vua còn nhỏ tuổi, làm nguy họ Lưu. Hữu thừa tướng là Trần Bình sợ sức mình không thể can ngăn, bị nguy đến thân, thường ngồi một mình suy nghĩ sâu xa. Lục Giả đến thăm, vào thẳng chỗ ngồi. Bấy giờ Trần thừa tướng đang suy nghĩ đăm chiêu, ổng thấy Lục Sinh, Lục Sinh nói:

- Suy nghĩ gì mà đăm chiêu thế?

Trần Bình nói:

- Ông đoán thử tôi nghĩ gì?

Lục Sinh cười:

- Túc hả làm hữu thừa tướng, là bậc hầu, đất phong ba vạn nhà, có thể gọi là giàu sang cùng cực không gì hơn nữa. Nhưng có điều lo nghĩ chẳng qua lo về họ Lữ và vị vua còn nhỏ mà thôi.

Trần Bình nói:

- Đúng! Nên làm thế nào?

Lục Sinh nói:

- Khi thiên hạ yên thì người ta chú ý đến ông thừa tướng, khi thiên hạ nguy thì người ta chú ý đến ông tướng quân. Thừa tướng và tướng quân hòa hợp với nhau thì các kẻ sĩ theo, các kẻ sĩ theo thì thiên hạ tuy có biến nhưng cái quyền vẫn không bị chia xẻ. Cho nên muốn lo việc xã tắc là ở trong tay hai vị mà thôi. Tôi thường nói với quan thái thú Giáng Hầu, nhưng Giáng Hầu với tôi là chỗ bạn chơi, xem thường lời nói của tôi. Tại sao ông không đi lại vui vẻ với thái úy và liên kết thân mật với nhau?

Lục Giả giúp Trần Bình bày mấy kế về việc họ Lữ. Trần Bình dùng kế của Giả, bèn đem năm trăm cân vàng biếu Giáng Hầu làm lễ chúc thọ có đủ tiệc rượu và âm nhạc. Thái úy cũng đáp lại như vậy. Hai người này liên kết với nhau chặt chẽ, mưu của họ Lữ càng kém đi. Trần Bình bèn đem một trăm nô và tỳ, năm mươi cỗ xe, năm trăm vạn đồng tiền tặng cho Lục Sinh để làm phí tổn trong việc ăn uống. Lục Sinh lấy những thứ này đi chơi với các công khanh ở triều đình nhà Hán, tiếng tăm lừng lẫy.

Đến khi giết họ Lữ lập Hiếu Văn Đế, Lục Sinh cũng có công. Hiếu Văn Đế lên ngôi muốn sai người đi Nam Việt, bọn Trần thừa tướng bèn cử Lục Sinh làm thái trung đại phu qua đi sứ Triệu Đà, bảo Úy Đà bỏ xe hoàng ốc, đừng gọi mệnh lệnh của mình là “chế” cho ông ta theo đúng nghi lễ của chư hầu. Những việc ấy Lục Giả đều làm được như ý muốn của nhà vua. Việc này chép trong phần về Nam Việt.

Lục Sinh rốt cục chết trọn tuổi trời.

Thái sử công nói:



Đời truyền sách của Lịch Sinh thường nói sau khi Hán Vương đã lấy Tam Tần, phía Đông đánh Hạng Tịch, đem quân vào miền đất giữa đất Cửng và đất Lạc, Lịch Sinh mặc áo nhà nho đến thuyết Hán Vương. Nói thế là không đúng. Ngay từ khi Bái Công chưa vào Quan Trung, chia tay với Hạng Vũ, đến Cao Dương đã gặp anh em Lịch Sinh. Tôi đọc sách Tân ngũ của Lục Sinh gồm mười hai thiên, thực là người có tài biện luận trong đời.

.....

- (1) Đây chỉ Ngụy Báo vì Báo làm Ngụy Vương ở phía Bắc Hoàng Hà.
- (2) Xuy Vưu được xem là thần chiến tranh. Đoạn này kể những chiến công của Hàn Tín (Xem Hoài Âm Hầu liệt truyện).
- (3) Ý nói Lịch Sinh sẵn sàng chịu chết, sao vua Tề lại không hàng Hán mà nói chuyện đánh Hán.
- (4) Thuộc nước Triệu
- (5) Nguyên văn: giao nghinh. Theo nghĩa đen là đón cách nước một trăm dặm.
- (6) Vua Tần họ Triệu.

oOo

## Quý Bố, Loan Bố Liệt Truyện -

Quý Bố là người nước Sở, tính khí khái, thích làm việc nghĩa hiệp, nổi tiếng ở nước Sở. Hạng Tịch cho cầm quân, nhiều lần làm Hán Vương nguy khốn. Đến khi Hạng Vũ bị diệt, Cao Tổ thưởng ngàn vàng cho ai tìm được Bố, ai dám giấu trong nhà thì trị tội giết ba họ. Quý Bố trốn ở nhà họ Chu ở đất Bộc Dương. Họ Chu nói:

- Hán tìm tướng quân gấp, sắp tìm đến nhà tôi. Nếu tướng quân nghe lời thì tôi xin hiến kế, nếu không thì xin tướng quân tự sát trước.

Quý Bố bằng lòng. Họ Chu bèn cạo đầu, lấy vòng sắt buộc vào cổ, cho mặc áo ngắn đặt ở trong xe tang cùng vài mươi người đẩy tó trong nhà đem Quý Bố đến bán cho nhà Chu Gia(l). Chu Gia biết là Quý Bố, bèn mua, cho ra đồng cày và dặn con trai:

- Việc cày ruộng thì nghe lời tên nô này, phải cùng ăn

với nó.

Chu Gia bèn lên xe một ngựa đi Lạc Dương, yết kiến Nhữ âm Hầu là Đàng Công. Đàng Công giữ Chu Gia ở lại uống rượu mấy ngày. Chu Gia nhân đây nói với Đàng Công.

- Quý Bố có tội gì lớn mà hoàng thượng tìm gấp như thế?

Đàng Công nói:

- Bố nhiều lần làm hoàng thượng nguy khốn, hoàng thượng oán ông ta cho nên nhất định muốn bắt ông ta cho kỳ được.

- Ông xem Quý Bố là người như thế nào?

Đàng Công nói:

- Là người hiền.

Chu Gia nói:

- Là tôi thì ai thờ chủ người ấy, Quý Bố theo Hạng Tịch đó chỉ là làm theo chức vụ mà thôi. Nhà vua có thể giết tất cả bầy tôi họ Hạng không? Nay hoàng thượng mới được thiên hạ, lại chỉ vì cái oán riêng của mình mà tìm bắt một người; sao lại tỏ lòng hẹp hòi với thiên hạ như thế? Vả chăng, Quý Bố hiền mà Hán lại tìm bắt ông ta gấp, thì ông ta không chạy về hướng Bắc theo Hồ cũng chạy về hướng Nam theo Việt mà thôi. Cái lối ghét người tráng sĩ để đến nỗi buộc họ phải giúp cho nước địch là điều đã khiến Ngũ Tử Tư quật roi trên mộ Bình Vương nước Sở đấy(2). Tại sao ông không nhân lúc rảnh nói với hoàng thượng?

Nhữ Âm Hầu Đàng Công vốn biết Chu Gia là người rất nghĩa hiệp, nghĩ chắc Quý Bố lánh ở nhà ông ta, bèn hứa:

- Vàng.



Nhân lúc rảnh, Đổng Công quả nhiên nói lại như ý của Chu Gia. Nhà vua bèn tha tội cho Quý Bố.

Lúc bấy giờ mọi người khen Quý Bố biết bề cứng thành mềm(3), Chu Gia cung vì việc ấy mà nổi tiếng ở đời. Quý Bố được mời ra yết kiến, Bố tạ tội, nhà vua cho làm lang trung.

Trong thời Hiếu Văn, Bố làm lang trung tướng. Thiên Vu có lần đưa thư làm nhục Lữ Hậu, lời lẽ thô tục. Lữ Hậu cả giận, cho mời các tướng để bàn. Thượng tướng quân Phàn Khoái nói:

- Thần xin được mười vạn quân, tung hoành ở đất Hung Nô.

Các tướng đều phụ họa theo ý của Lữ Hậu, nói:

- Phải.

Quý Bố nói:

- Phàn Khoái đáng chém! Cao Đế cầm quân hơn bốn mươi vạn, còn bị nguy khốn ở Bình Hành; nay với mười vạn quân, Khoái làm sao có thể tung hoành ở đất Hung Nô được? Thế là nói dối trước mặt thái hậu. Vả chăng, Tần gây sự với quân Hồ thì bọn Trần Thắng nổi lên, đến nay vết thương vẫn chưa lành. Khoái lại xu nịnh trước mặt thái hậu muốn làm thiên hạ rung động.

Những người trên điện lúc bấy giờ đều sợ. Thái hậu bãi triều. Sau đó không bàn đến việc đánh Hung Nô nữa.

Quý Bố làm thái thú ở Hà Đông. Thời Hiếu Văn, có người nói ông là người hiền. Hiếu Văn cho mời vào muốn cho làm Ngự sử đại phu. Lại có người nói ông ta mạnh mẽ, khi đã say thì bướng bỉnh khó gần. Quý Bố đến, ở tại nhà khách xá một tháng, bị bãi chức. Quý Bố nhân đấy tiến lên nói:

- Thần không có công lao. Trộm được bề hạ thương đến, chớ tội ở Hà Đông, bề hạ vô cớ gọi thần, chắc là có người lừa dối bề hạ về thần. Nay thần đến, không được làm việc gì lại bãi miễn mà về. Điều này chắc là có người gian thần. Bề hạ vì một người khe mà gọi thần đến, lại vì một người chê mà cho thần đi, thần sợ những người có kiến thức trong thiên hạ nghe thế có thể dò biết bề hạ là người như thế nào.

Nhà vua im lặng, thẹn. Một hồi lâu, nói:

- Hà Đông là quận gần kinh đô của trăm, cho nên riêng triệu nhà ngươi về đó thôi.

Bố từ giả về nơi làm quan cũ.

Tào Khâu Sinh người nước Sở là biện sĩ, mấy lần mượn quyền thế của những người sang để kiếm tiền, thờ bọn quý nhân Triệu Đồng(4) chơi thân với Đậu Trường Quân. Quý Bố nghe thấy thế gửi thư can Đậu Trường Quân:

- Tôi nghe nói Tào Khâu Sinh không phải là bậc trưởng giả, ông chớ chơi với hắn.

Đến khi Tào Khâu Sinh về, muốn được thư tiến cử của Đậu Trường Quân để ra mắt Quý Bố. Đậu Trường Quân nói:

- Quý tướng quân không thích tức hạ, tức hạ chớ có đến!

Tào Khâu cứ một mực xin cho được thư rồi đi. Tào Khâu cho người mang thư đến trước. Quả nhiên Quý Bố cả giận, đợi Tào Khâu. Tào Khâu đến liền vái chào Quý Bố, nói:

- Ngạn ngữ nước Sở nói: “Được trăm cân vàng không bằng một lời ừ của Quý Bố. Túc hạ làm sao được cái tiếng ấy ở giữa miền Lương, Sở? Vả chẳng tôi là người Sở, túc hạ cũng là người Sở, tôi nêu cao cái danh của túc hạ ở trong thiên hạ, chẳng lẽ không có công lao gì sao? Tại sao túc hạ cự tuyệt tôi gay gắt đến thế?

Quý Bố bèn vì vậy rất vui lòng, giữ lại mấy tháng làm thượng khách, dùng hậu lễ để tiễn. Sở dĩ danh tiếng Quý Bố càng nổi là do Tào Khâu Sinh truyền bá vậy.

Em trai Quý Bố là Quý Tâm nổi tiếng dũng cảm nhất Quan Trung, đối đãi với người ta rất cung kính, cẩn thận, tính nghĩa hiệp, trong vòng mấy ngàn dặm, kẻ sĩ đều tranh nhau chết cho ông ta. Có lần giết người, trốn đến đất Ngô ẩn náu tại nhà Viên Tư, xem Viên Tư như bậc anh, xem bọn Quán Phu, Tịch Phúc(5) như em. Có lần làm trung tư mã, trung úy Chắt Đô không dám không lấy lễ đối xử. Những người trẻ tuổi thường lợi dụng cái tên của Tâm để hành sự. Lúc bấy giờ Quý Tâm và Bố nổi tiếng ở Quan Trung, một người về dũng cảm, một người về tín cẩn trong ngôn ngữ(6).

Cậu của Quý Bố là Đình Công làm tướng Sở. Đình Công theo Hạng Vũ đuổi đánh và làm khốn quẫn Cao Tổ ở phía Tây Bành Thành. Binh khí ngăn chạm nhau, Cao Tổ nguy cấp quay lại nói với Đình Công:

- Hai người hiền sao lại làm khốn nhục nhau?

Đình Công bèn dẫn quân về. Hán Vương nhờ vậy được thoát. Đến khi Hạng Vương bị diệt, Đình Công yết kiến Cao Tổ. Cao Tổ đem Đình Công ra răn trong quân, nói:

- Đình Công làm tôi Hạng Vương mà bất trung, người làm cho Hạng Vương mất thiên hạ là Đình Công!

Bèn chém Đình Công, nói:

- Khiến chỗ kẻ làm tôi đời sau chớ bắt chước Đình Công.

2. Loạn Bố là người Lương. Khi Lương Vương là Bành Việt còn làm người dân; thường chơi với Bố cùng khốn qua Tề làm thuê ở nhà bán rượu. Được mấy năm, Bành Việt bỏ đi đến đầm Cự Dã làm cướp, còn Bố thì bị người ta cướp bán làm nô ở đất Yên. Bố trả thù cho chủ nhà mình, tướng Yên là Tang Đồ cho làm đô úy. Về sau, Tang Đồ làm Yên Vương, cho Bố làm tướng. Đến khi Tang Đồ làm phản, Hán đánh Yên bắt Bố làm tù binh. Lương Vương là Bành Việt nghe vậy, nói với nhà vua, xin chuộc Bố làm đại phu ở Lương.

Bành Việt sai Bố đi sứ ở Tề. Bố chưa về thì Hán cho gọi Bành Việt buộc tội mưu phản giết ba họ. Sau đó bêu đầu Bành Việt ở dưới thành Lạc Dương: Lời chiếu nói: “Ai cả gan thu liệm hay xem thì bắt ngay”

Bố ở Tề về báo công việc ở dưới đầu Bành Việt, cúng và khóc. Bọn thu lại bắt Bố báo lên. Nhà vua gọi Bố đến mắng:

- Mày theo Bành Việt làm phản phải không? Ta cấm không ai được khâm liệm, mày một mình

cúng hấn mà khóc, rõ ràng là mày theo Việt làm phản.

Giặc đem nấu. Lúc đang đưa Bố đến vạc nước sôi. Bố quay lại nói:

- Cho nói một lời rồi sẽ chết.

Nhà vua nói:

- Người nói gì?

Bố nói:

- Khi vua đang bị nguy khốn ở Bành Thành, bị bại trận ở giữa miền Huỳnh Dương, Thành Cao, nhưng Hạng Vương vẫn không sao đi về hướng Tây chỉ là có Bành Việt ở đất Lương cùng hợp tung với Hán làm khổ cho Sở. Trong lúc bấy giờ Bành Vương chỉ cần nghiêng về một bên theo Sở thì Hán bị diệt, theo Hán thì Sở bị diệt. Vả chăng khi gặp nhau ở Cai Hạ, nếu không có Bành Việt thì họ Hạng chưa đến nổi mất. Thiên hạ đã định, Bành Vương được chặt phù, nhận đất phong cũng là muốn truyền đến vạn đời. Nay bệ hạ mới một lần bảo Lương đem binh đến, Bành Vương bị bệnh không đi được thế mà bệ hạ nghi cho là phản. Tội phản chưa thấy, lấy điều vụn vặt để giết, sợ công thần ai cũng tự cho mình sẽ nguy. Nay Bành Vương đã chết thần sống cũng không bằng chết, xin chịu nấu.

Nhà vua bèn tha tội cho Bố, cho làm đô úy.

Trong thời Hiếu Văn, Bố làm tướng quốc ở Yên, làm đến tướng quân. Bố bèn nói:

- Khốn cùng mà không nhục đến thân, nhụt mất chí thì không phải là người; phú quý mà không làm được thỏa thích ý muốn thì không phải là hiền.

Do đó, ai có ân đức với mình thì Bố báo ơn hậu; ai có oán với mình thì Bố lấy luật pháp giết hại. Khi quân Ngô làm phản. Bố có quân công nên được phong là Dư Hầu, sau lại làm tướng quốc nước Yên. Giữa đất Yên và Tề đều làm sinh từ thời Loạn Bố, gọi là “Đền Loạn Công”. Bố chết năm thứ năm đời Cảnh Đế (năm 145 trước Công nguyên). Con là Bồn tập tước cha làm thái thường. Vì lúc tế tự ở tôn miếu không dùng súc vật đúng nghi thức nên nước bị mất.

### 3. Thái sử công nói:

Trước cái khí khái anh hùng của Hạng Vũ mà Quý Bố vẫn nổi tiếng dũng mãnh ở Sở, thân đã nhiều lần diệt địch, giành lấy cờ địch, có thể gọi là tráng sĩ. Thế nhưng bị hình, chịu làm nô lệ cho người ta mà không chết. Sao mà hèn vậy? Người ấy chắc tự phụ tài mình cho nên chịu nhục mà không xấu hổ, muốn trở cái tài của mình chưa dùng hết vậy. Cho nên rốt cuộc làm danh tướng của Hán. Người hiền thực biết trọng cái chết(7). Hạng nàng hầu, vợ lẽ hèn hạ cảm khái tự sát không phải có can đảm đâu. Họ không nghĩ được kể gì khác đó thôi! Loạn Bố khóc Bành Việt, nhảy vào vạc nước sôi như về nhà. Người ấy thực biết chỗ phải chết không xem trọng cái chết. Dù người liệt sĩ thời xưa cũng làm sao hơn được.

(1) Xem Du hiệp liệt truyện.

(2) Cha và anh Ngũ Tử Tư bị Sở Bình Vương giết. Tử Tư bỏ trốn sang Ngô đem quân đánh tan

quân Sở lấy roi quất thây Bình Vương cho hả cơn giận. Đây nói quất trên mộ là nói bóng.

(3) Ý nói: chịu khuất phục, cạo trọc đầu làm nô lệ.

(4) Triệu Đồng là hoạn quan tên là Đàm; nhân vì tác giả kiêng tên cha nên tác giả viết Đồng.

(5) Xem Ngụy Kỳ Hầu, Vũ An Hầu liệt truyện.

(6) Nguyên văn: Một người về dũng, một người về “ừ”. Ý nói Quý Bố đã ừ là làm.

(7) Tác giả mượn Quý Bố mà bày tỏ tâm sự của mình: Quý Bố nổi tiếng tráng sĩ nhưng chịu làm nô lệ không tự sát, không phải là hèn nhát. Có nhiều cái chết khác nhau. Có cái chết của liệt sĩ như Loan Bố nhảy vào vạc nước sôi như về nhà, có cái chết, vì không có đường thoát của bọn nàg hầu, vợ lẽ.

oOo

## Trương Thích Chi, Phùng Đường Liệt Truyện -

Đình Úy (l) Trương Thích Chi là người Đỗ Dương, tên tự là Quý. Thích Chi có người anh là Trọng cùng ở một nhà. Thích Chi nhờ giàu có được làm kỹ lang (2) thờ Hiếu Văn Đế. Mười năm không được thăng, không ai biết tiếng. Thích Chi nói:

- Làm quan lâu, giảm bớt sự nghiệp của anh Trọng không thích.

Ý muốn xin từ quan về nhà. Trung lang tướng là Viên Áng biết ông hiền, tiếc ông bỏ quan, bèn xin đổi Thích Chi đi làm chức yết giả (3). Sau khi vào chầu xong, Thích Chi nhân đấy trình bày những việc nên làm trước mặt nhà vua. Văn Đế nói:

- Nói thấp thôi chớ nói chuyện cao xa, nói việc ngày nay có thể làm được.

Thích Chi bèn nói việc giữa thời Tần, Hán tại sao Tần lại mất mà Hán lại nổi lên. Nói một hồi lâu, Văn Đế khen hay, bèn cho Thích Chi làm yết giả bộc xa (4).

Thích Chi theo vua đi đến nơi nuôi hổ trong vườn nhà vua. Nhà vua hỏi viên úy coi vườn Thượng Lâm về số chim chóc thú vật ghi vào sổ là bao nhiêu. Hỏi hơn mười câu, viên úy nhìn quanh nhìn quẩn không trả lời được. Người coi chuồng hổ ở bên cạnh thay viên úy trả lời nhà vua rất đầy đủ về số chim chóc, thú vật; nhà vua hỏi là trả lời ngay, thao thao bất tuyệt. Văn Đế nói:

- Làm quan há lại không nên như thế sao! Viên úy không nhờ cậy được.

Bèn ra lệnh Thích Chi cho người giữ chuồng hổ làm quan coi vườn Thượng Lâm. Một hồi lâu sau Thích Chi tiến lên nói:

- Bệ hạ cho Giáng Hầu Chu Bột là người như thế nào?

Nhà vua nói:

- Ông ta là người trưởng giả.

Thích Chi lại hỏi:

- Đông Dương Hầu Trương Tương Như là người như thế nào?

Nhà vua lại nói:

- Là người trưởng giả.

Thích Chi nói:

- Giáng Hầu và Đông Dương Hầu được khen là trưởng giả, nhưng hai người này bàn công việc thì thường không nói ra lời, họ có phải học anh giữ chuồng hổ khua môi múa mép đầu! Vả chăng, nhà Tần vì tin dùng bọn thư lại, bọn thư lại đua nhau về mặt nghiêm ngặt, gắt gao cho là giỏi. Nhưng cái tệ là ở chỗ chỉ lo đến câu văn suông chứ không có lòng thương xót thực sự của con người. Vì vậy, nhà Tần không nghe nói đến sai lầm của mình, dần dà cho đến đời Nhị Thế,

thiên hạ suy sụp. Nay bệ hạ cho rằng người giữ chuồng hổ ăn nói lưu loát mà cho thăng vượt bậc, thần sợ thiên hạ đua nhau bắt chước, tranh nhau về chỗ ăn nói lưu loát mà không có thực chất. Vả chăng, ở dưới mà bị trên cảm hóa còn nhanh hơn bóng và tiếng vang, việc thưởng phạt không thể không cẩn thận.

Văn Đế nói:

- Phải.

Bèn thôi không cho người coi chuồng hổ làm quan. Nhà vua lên xe gọi Thích Chi cùng ngồi. Xe đi chậm rãi, nhà vua hỏi những việc tể đòi Tần. Thích Chi nói thực tất cả. Đến cung, nhà vua cho Thích Chi làm công xa lệnh (5).

Được ít lâu, thái tử và Lương Vương cùng đi xe vào triều, không xuống xe ở cửa Tư mã. Thích Chi bèn đuổi theo ngăn thái tử và Lương Vương không cho vào cửa điện. Sau đó, tâu lên hặc họ về tội bất kính, không xuống xe ở cửa công. Bạc thái hậu (6) nghe tin ấy, Văn Đế cất mũ tạ lỗi, nói:

- Ta không cẩn thận trong việc dạy con.

Bạc thái hậu bèn sai sứ mang chiếu tha lỗi cho thái tử và Lương Vương, sau đó họ mới được vào. Văn Đế vì vậy cho Thích Chi là người kỳ lạ, cho làm trung đại phu.

Ít lâu sau, Thích Chi làm đến trung lang tướng, theo vua đến Bá Lăng. Nhà vua lên mé sông phía Bắc.

Bấy giờ Thận phu nhân đi theo, nhà vua chỉ đường Tân Phong cho Thận phu nhân nói:

- Đường này đi Hàm Đan đây (7)!

Vua sai Thận phu nhân gảy đàn sắt, nhà vua hát theo tiếng đàn, ý sâu thẳm khiến người buồn nhớ. Nhà vua quay lại nói với các quan:

- Than ôi! Lấy đá núi Bắc Sơn làm quách, lấy tơ lót ở trong, lấy sơn phết gắn lại thì còn ai động đến được (8)!

Các quan hầu đều nói:

- Phải.

Thích Chi tiến lên nói:

- Nếu ở trong ấy có cái mà người ta thích thì dù là linh cữu hàn bằng cả hòn núi Nam Sơn cũng bị người ta soi; nếu ở trong không có gì người ta thích thì dù không có quách bằng đá cũng không có gì phải lo!

Văn Đế khen phải. Sau đó phong Thích Chi làm đình úy

Ít lâu sau, nhà vua đi ra khỏi cầu Trung Vị. Có một người ở dưới cầu chạy ra, ngựa, xe loan của nhà vua hoảng sợ. Vua liền sai quân kỵ bắt giao cho đình úy.

Thích Chi tra hỏi biết người kia ở huyện đến, nghe xe ngựa nhà vua lại nên nấp ở dưới cầu. Một



hồi lâu cho rằng vua đã đi qua, người ấy liền ra thì thấy xe ngựa nhà vua, cho nên bỏ chạy đó thôi. Đình úy tâu lên: một người phạm vào lối đi nhà vua đánh phạt tiền. Văn Đế giận nói:

- Người này tự mình làm cho con ngựa của ta hoảng sợ. Cũng may ngựa ta hiền lành, chứ nếu gặp con ngựa khác thì chẳng đã làm đổ xe, khiến ta bị thương sao ấy thế mà đình úy lại xử phạt tiền à!

Thích Chi nói:

- Pháp luật là chung cho nhà vua cũng như mọi người. Nay pháp luật đã như vậy mà lại thay đổi làm cho nặng thì không được dân tin. Vả chẳng, lúc bấy giờ, nếu nhà vua giết ngay hần thì thôi. Chứ đã giao cho đình úy, đình úy là người cầm cân nảy mực cho thiên hạ. Nếu nghiêng về một bên thì những người thi hành pháp luật trong thiên hạ đều theo đó mà tùy ý thêm bớt, dân còn biết đặt tay chân vào đâu? Cúi xin bệ hạ xét cho?

Một hồi lâu, vua nói:

- Đình úy thì phải như thế.

Sau đó, có người ăn trộm cái vòng ngọc trước chỗ ngồi ở miếu Cao Đế, bị bắt. Văn Đế giận giao cho đình úy trị tội. Thích Chi căn cứ theo pháp luật tâu, người ăn trộm những vật dùng trong tông miếu của vua phải chém ở ngoài chợ.

Nhà vua cả giận, nói:

- Hần vô đạo, ăn trộm đồ ở miếu tiên đế, ta giao cho đình úy là muốn đình úy giết cả họ hần, nay nhà ngươi theo luật tâu thì không phải là cái ý muốn tôn kính nơi tông miếu của ta.

Thích Chi cắt mũ, để đầu trần tạ lỗi nói:

- Pháp luật như thế là đủ. Vả lại, cùng là tội hết cả nhưng phải theo chỗ sự lẽ nghịch hay thuận để phân biệt nặng nhẹ. Nay hần ăn trộm đồ ở tông miếu mà giết cả họ hần đi thì nếu như trong muôn một có một tên ngu dân lấy một nắm đất ở Trường Lăng (9), lúc bấy giờ bệ hạ biết lấy gì mà trị tội thêm nữa?

Một hồi lâu, Văn Đế nói với thái hậu và cho đình úy là phải. Lúc bấy giờ Diên Hựu Chu A Phu làm trung úy và Sơn Đô Hầu Vương Diễm Khai làm tướng quốc nước Lương thấy Thích Chi xét xử công bình nên kết làm bạn thân. Vì vậy Trương đình úy được thiên hạ khen ngợi.

Về sau Văn Đế mất, Cảnh Đế lên ngôi. Thích Chi sợ cáo bệnh, muốn từ quan về vì sợ bị giết đến nơi. Ý ông ta muốn yết kiến nhà vua để tạ lỗi nhưng chưa biết làm sao. Thích Chi dùng mưu kế của Vương Sinh, rớt cục yết kiến nhà vua, tạ tội. Cảnh Đế không bắt lỗi.

Vương Sinh là một người ẩn sĩ thích nói về Hoàng Đế, Lão Tử. Có lần được triệu vào triều đình, các tam công và cửu khanh đều đứng ở đấy. Vương Sinh là người già, nói:

- Tôi tụt giày.

Quay lại bảo Trương đình úy:

- Buộc giày cho tôi.

Thích Chi quỳ xuống buộc giày. Sau đấy, có người bảo Vương Sinh:

- Tại sao riêng ông lại làm nhục Trương đình úy ở triều đình bắt ông ta buộc giày?

Wương Sinh nói:

- Tôi già và hèn, tự nghĩ rằng suốt đời chẳng giúp được gì cho Trương đình úy. Trương đình úy hiện nay là vị quan có danh trong thiên hạ. Tôi cố ý nhân đấy làm nhục đình úy, bắt ông ta quỳ xuống buộc giày là muốn đề cao ông ta.

Các quan nghe vậy, cho Vương Sinh là người hiền và kính trọng Trương đình úy. Trương đình úy thờ Cảnh Đế hơn một năm làm tướng quốc của Hoài Nam Vương, vì chỗ trước kia có lỗi lầm. Mãi về sau, Thích Chi chết, con là Trương Chi, tự là Trương Công làm quan đến đại phu xin thôi, cho rằng mình không thể a dua để sống theo thế tục nên suốt đời không làm quan.

2. Ông của Phùng Đường là người nước Triệu, đến đời cha đời đến đất Đại. Khi nhà Hán nổi lên, dời đến An Lăng. Đường nổi tiếng vì có hiếu, được cử làm người cầm đầu các trung lang thự. Đường thờ Văn Đế, Văn Đế đi xe qua hỏi Đường:

- Tại sao cụ lại làm trung lang? Nhà ở đâu?

Đường cứ theo thực mà tâu. Văn Đế nói:

- Khi ở đất Đại, ta thường ăn cơm của người quan coi việc ăn uống là Cao Khư, ông ta mấy lần nói với ta rằng Lý Tề, tướng nước Triệu (10), là người hiền, đánh ở gần Cự Lộc. Nay mỗi khi ăn cơm ta vẫn thường nhớ đến Cự Lộc. Cụ có biết ông ta không?

- Cũng không bằng Liêm Pha, Lý Mục làm tướng.

- Tại sao biết?

- Ông của thần khi ở Triệu coi một đội quân, chơi thân với Lý Mục. Cha của thần vốn làm tướng quốc ở nước Đại chơi thân với tướng nước Triệu là Lý Tề nên biết ông ta là người như thế nào.

Nhà vua nghe nói đến Liêm Pha, Lý Mục lấy làm cao hứng vỗ đùi mà nói:

- Than ôi? Ta không có Liêm Pha, Lý Mục để dùng làm tướng. Nếu có thì ta lo gì quân Hung Nô?

Đường nói:

- Thần sợ bề hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được.

Nhà vua nổi giận, đứng dậy đi vào cung cấm.

Một hồi lâu sau, nhà vua cho gọi Đường vào trách:

- Tại sao ông lại làm nhục ta trước mặt mọi người, ông không có dịp nào khác nữa à?

Đường tâu:

- Kẻ hèn mọn này vốn không biết kiêng dè.

Lúc bấy giờ quân Hung Nô mới đem đại quân xâm nhập huyện Chiêu Na, giết đô úy đất Bắc Địa là Ngang. Nhà vua đang lo lắng về giặc Hồ nên cuối cùng lại hỏi Đường:

- Tại sao ông biết ta không thể dùng Liêm Pha, Lý Mục được?

Đường tâu:

- Thần nghe nói các vua thời thượng cổ khi nào sai tướng thì quỳ xuống đẩy trục bánh xe nói: “Việc trong kinh đô thì quả nhân quyết định; việc ở ngoài kinh đô thì tướng quân quyết định”. Việc công quân, khen thưởng ban tước, đều do tướng quân quyết định ở ngoài, khi nào về mới tâu lại. Điều đó không phải lời nói suông (11). Người ông của thần nói Lý Mục khi làm tướng nước Triệu, ở biên giới, thuế ở chợ đều tự tiện dùng để nuôi quân sĩ; việc khen thưởng đều quyết định ở ngoài, trong triều không cản trở. Nhà vua chỉ giao việc chính cốt sao làm tròn trách nhiệm, cho nên Lý Mục mới có thể trở hết tài năng, trí tuệ của mình chọn một nghìn ba trăm cỗ xe, một vạn ba nghìn quân kỵ bắn tên, mười vạn dũng sĩ (12). Vì vậy cho nên phía Bắc đánh đuổi được Thiên Vu, phá được Đông Hồ, diệt được Đan Lãm (13); phía Tây chống lại nước Tần mạnh, phía Nam giúp đỡ nước Hàn, nước Ngụy. Trong thời bấy giờ, nước Triệu gần như xưng bá. Sau đó, gặp lúc vua Triệu là Thiên lên ngôi, người mẹ là con hát. Thiên nghe lời Quách Khai gièm pha, cuối cùng giết Lý Mục. Sai Nhận Tự thay thế. Vì vậy cho nên binh bị phá tan, quân sĩ bỏ chạy, vua nước Triệu bị nước Tần bắt và nước bị tiêu diệt. Nay thần trộm nghe Ngụy Thượng làm thái thú ở Vân Trung, tất cả thuế chợ đều dùng để đãi tân khách, thuộc hạ và tướng sĩ, cho nên quân Hung Nô tránh xa không đến gần biên giới Vân Trung. Quân địch có một lần vào, Thượng đem xe và quân kỵ đánh, giết rất nhiều địch (14). Sĩ tốt đều là con em của dân, dời bỏ việc cày cấy ra làm lính, làm sao biết được giấy tờ sổ sách! Suốt ngày họ ra sức chiến đấu chém đầu hoặc bắt sống quân địch. Nhưng khi báo công lên cho quân doanh hễ nói một lời không hợp thì bọn quan văn lại lấy luật pháp bắt bẻ nên không được thưởng. Còn bọn quan văn dùng phép tắc bắt bẻ người ta thì lại được tin dùng. Thần ngu dốt cho rằng luật pháp của bề hạ quá sáng suốt, thưởng quá nhẹ, phạt quá nặng. Vả chăng, sở dĩ thái thú Vân Trung Ngụy Thượng phạm tội là vì sổ thủ cấp báo công lên so với sự thực thiếu sáu cái (15). Bề hạ giao ông ta cho quan lại xét, truất quan tước bắt ông ta chịu khổ dịch một năm. Cứ thế mà xét thì bề hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được. Thần quả thật là ngu, xúc phạm đến điều phải kiêng phải tránh, tội đáng chết, tội đáng chết!

Văn Đế vui lòng. Hôm ấy sai Phùng Đường cầm cờ tiết tha Ngụy Thượng, lại cho làm quan thú Vân Trung. Nhà vua lại cho Đường làm xa kỵ đô úy coi các trung úy và quân lính đánh bằng xe ở các nơi.

Năm thứ bảy, Cảnh Đế lên ngôi, cho Đường làm tướng quốc nước Sở. Đường xin thôi, Vũ Đế lên ngôi cầu người hiền tài, người ta cử Phùng Đường. Lúc bấy giờ Đường hơn chín mươi tuổi, không thể làm quan được nữa, nhà vua bèn cho con của Đường là Phùng Toại làm quan lang.

Toại tên tự là Vương Tôn, cũng là một kẻ sĩ ít có chơi thân với tôi (16).

### 3. Thái sử công nói:

Trương Công nói về bậc trưởng giả, giữ pháp luật không a dua theo ý nhà vua (17). Phùng Công bàn về tướng sủng thật thú vị làm sao! Thật thú vị làm sao (18)! Ngạn ngữ nói: “Không biết người ấy thì hãy nhìn bạn người ấy”. Việc hai người bàn luận tán tụng có thể ghi vào sổ sách triều đình.

Kinh Thư nói: “Không thiên không đảng, đạo vua rộng rãi, công đảng không thiên, đạo vua công bình”(19).

Trương Công, Phùng Công cũng gần được như vậy (20).

.....

(1). Đình Ủy là chức quan cao nhất về tư pháp.

(2). Chức coi cổng.

(3). Chức quan lo việc tiếp khách.

(4). Cầm đầu các yết giả.

(5). Chức quan coi cửa Tư mã.

(6). Mẹ của Văn Đế.

(7). Thận phu nhân người Hàm Đan.

(8). Ý nói động đến linh cữu.

(9). Mộ của Hán Cao Tổ.

(10). Vì Phùng Đường nói mình là người nước Triệu nên Văn Đế nói chuyện về tướng nước Triệu.

(11). Trở xuống giải thích tại sao không phải là lời nói suông.

(12). Nguyên văn: dùng sĩ đáng thưởng trăm cân vàng.

(13). Xem Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.

(14). Việc làm giống như Lý Mục.

(15). Thưởng phạt khác vua Triệu xưa đối với Lý Mục.

(16). Với tác giả.

(17). Câu này nói về việc Trương Thích Chi bàn luận về bậc trưởng giả như Chu Bột.

(18). Nhắc hai lần vì tác giả rất tán thưởng.

(19). Kinh Thư, thiên Hồng Phạm. Ý nói nếu không thiên lệch và không bè phái thì đạo nhà vua rộng rãi khoan dung lại công bình. Tác giả ca ngợi Trương Thích Chi và Phùng Đường chính trực.

(20). Ghép Trương Thích Chi và Phùng Đường vào một truyện, tác giả muốn ca ngợi những con người muốn nói cho nhà vua biết sự thực dù sự thực ấy không làm nhà vua đẹp lòng. ở đây tác giả cũng có ý tự ngụ.

oOo

## Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu Liệt Truyện -

Ngụy Kỳ Hầu Đậu Anh là con người anh chú bác của Hiếu Văn hoàng hậu. Cha ông đời đời ở đất Quan Tâm, thích tân khách. Trong thời Hiếu Văn, Đậu Anh làm thừa tướng nước Ngô, bị bệnh nên thôi. Khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Anh làm thêm sự (1), Lương Hiếu Vương là em của Hiếu Cảnh, được mẹ là Đậu thái hậu yêu. Lương Hiếu Vương vào chầu, ăn tiệc uống rượu theo lễ anh em. Lúc bấy giờ nhà vua chưa lập thái tử. Uống rượu say, nhà vua ung dung nói:

- Sau khi mất, ta sẽ truyền ngôi cho Lương Vương.

Thái hậu mừng rỡ, Đậu Anh gắp chén rượu tiến về phía trước dâng lên nhà vua nói:

- Thiên hạ là thiên hạ của Cao Tổ, cha truyền con nối đó là điều nhà Hán đã giao ước. Tại sao bệ hạ lại có thể tự tiện truyền cho Lương Vương

Thái hậu vì vậy ghét Đậu Anh, Đậu Anh cũng cho chức quan của mình là nhỏ, nhân có bệnh xin thôi. Thái hậu gạch sổ tên Đậu Anh trong sổ ra vào cửa cung không cho vào triều yết.

Năm thứ ba đời Hiếu Cảnh (năm 154 trước Công nguyên), nước Ngô, nước Sở làm phản (2), nhà vua xét ở trong tôn thất và những người họ Đậu (3) không ai giỏi bằng Đậu Anh nên muốn mời Anh. Anh vào yết kiến, mượn cơ bệnh hoạn từ chối nói mình không đủ sức. Thái hậu cũng thẹn. Bấy giờ nhà vua nói:

- Ngày nay thiên hạ đang gặp chuyện nguy cấp, lẽ nào Vương Tôn (4) lại nhường chức ấy hay sao?

Bèn cho Anh làm đại tướng quân cho một ngàn cân vàng. Anh bèn nói:

- Viên Áng, Loan Bố (5) là những viên tướng có danh và những kẻ sĩ có tài hiện nay về nhà, nên dùng họ.

Được nhà vua cho bao nhiêu vàng, Anh đều bày ngoài hành lang, dưới mái cửa, thấy các tướng sĩ đi qua liền bảo họ lấy mà dùng, không cho vàng vào nhà.

Đậu Anh giữ đất Huỳnh Dương, cai quản quân Tề và Triệu. Sau khi quân bảy nước đã bị tiêu diệt, Anh được phong làm, Ngụy Kỳ Hầu. Bọn du sĩ, tân khách tranh nhau theo Ngụy Kỳ Hầu. Trong thời Hiếu Cảnh mỗi khi ra triều bàn việc lớn, những người được phong hầu không ai dám xem mình ngang hàng với Điều Hầu (6) và Ngụy Kỳ Hầu.

Năm thứ tư đời Hiếu Cảnh (153 trước Công nguyên) lập thái tử Lật, sai Ngụy Kỳ Hầu làm thái phó của thái tử.

Năm thứ bảy đời Hiếu Cảnh. Lật thái tử bị truất, Ngụy Kỳ mấy lần can ngăn không được. Ngụy Kỳ cáo bệnh rút lui về ở ẩn ở chân núi phía Nam Lam Điền mấy tháng. Các tân khách, biện sĩ khuyên ông, nhưng không ai làm cho ông trở về triều. Cao Toại người nước Lương bèn nói với Ngụy Kỳ:

- Người có thể làm cho tướng quân giàu sang là nhà vua, người có thể làm tướng quân thành

người thân tín của triều đình là thái hậu. Nay tướng quân làm thái phó thái tử, thái tử bị phế truất, tướng quân không can ngăn được; can ngăn đã không được, lại không dám chết, rút lui cáo bệnh ôm gái nước Triệu lui về nơi nhân dật không chịu vào triều. Nếu căn cứ vào sự việc mà xem thì đó là tướng quân muốn nêu lên cái sai lầm của nhà vua, nhờ cả hai cung đều giận tướng quân thì vợ con sẽ chẳng còn sống sót được đâu.

Ngụy Kỳ Hầu cho là phải, bèn đứng dậy vào triều như cũ.

Đào Hầu (7) thôi làm thừa tướng. Đậu thái hậu mấy lần tiến cử Ngụy Kỳ Hầu. Hiếu Cảnh Đế nói:

- Thái hậu cho tôi tiếc rẻ điều gì, mà không cho Ngụy Kỳ làm thừa tướng hay sao? Ngụy Kỳ là người tự phụ tự đắc, dễ khinh suất trong công việc, khó lòng làm thừa tướng, một chức vụ cần con người thận trọng.

Vì vậy nhà vua không dùng Đậu Anh, mà dùng Kiến Lăng Hầu là Vệ Uyển làm thừa tướng.

2. Vũ An Hầu Điền Phân là người em cùng mẹ với hoàng hậu vua Hiếu Cảnh, sinh ở Trường Lăng. Lúc Ngụy Kỳ Hầu đã làm đại tướng quân, thịnh đạt thì Phân làm quan lang chưa được quý trọng, thường qua lại hầu rượu ở nhà Ngụy Kỳ, quỳ xuống đứng lên như bọn con cháu vậy.

Đến cuối đời Hiếu Cảnh, Phân càng được vua yêu quý, làm thái trung đại phu. Phân có tài nói năng, biện luận, học văn tự cổ. Vương thái hậu là người hiền. Khi Hiếu Cảnh mất, liền trong ngày ấy thái tử được lập lên nối ngôi. Hoàng thái hậu thay vua trị vì, thường dùng kế của bọn tân khách của Điền Phân để trấn áp và vỗ về dân chúng. Em của Phân là Điền Thắng, vì là em thái hậu, cho nên Hiếu Cảnh làm vua được ba năm thì Phân được phong làm Vũ An Hầu, Thắng được phong làm Chu Dương Hầu.

Lúc đầu Vũ An Hầu tưởng rằng mình sẽ được làm thừa tướng nên khiêm tốn với các tân khách, tiến cử các danh sĩ, người nào ở nhà thì mời ra làm quan muốn để áp đảo các quan văn võ theo Ngụy Kỳ. Năm thứ nhất niên hiệu Kiến Nguyên (năm 140 trước Công nguyên) (8) thừa tướng Uyển bị bệnh nên thôi không làm nữa, nhà vua bàn việc cử người làm thừa tướng và thái úy. Tịch Phúc nói với Vũ An Hầu:

- Ngụy Kỳ lâu nay được tôn quý, kẻ sĩ trong thiên hạ vốn theo ông ta. Nay tướng quân mới nổi lên chưa bằng Ngụy Kỳ. Nếu như hoàng thượng cho tướng quân làm thừa tướng thì cứ nhường cho Ngụy Kỳ. Ngụy Kỳ làm thừa tướng thì tướng quân thế nào cũng làm thái úy, Thái úy và thừa tướng cũng tôn quý như nhau thôi. Ngài lại được tiếng nhường cho người hiền.

Vũ An Hầu đem điều đó nói bóng nói gió với thái hậu để thái hậu nói lại với nhà vua. Kết quả Ngụy Kỳ Hầu được làm thừa tướng và Vũ An Hầu làm thái úy. Tịch Phúc mừng Ngụy Kỳ Hầu, nhân đấy có lời khuyên:

- Ngài tính yêu người thiện, ghét người ác. Nay người thiện khen ngài cho nên ngài làm đến thừa tướng nhưng ngài lại ghét người ác mà người ác lại đông, thế nào họ cũng gièm pha ngài. Nếu có thể bao dung được cả hai hạng người thì ngài sẽ được làm lâu; nếu không ngài sẽ bị người ta gièm pha mà rời bỏ địa vị thừa tướng.

Ngụy Kỳ không nghe.



Ngụy Kỳ và Vũ An đều thích đạo Nho (9), tiến cử Triệu Quán làm ngự sử đại phu, Vương Tang làm lang trung lệnh, đón Lễ Thần Công. Muốn đặt nhà mình đường (10), khiến chư hầu về nước của mình (11), bỏ việc cấm ra vào cửa ải, làm các lễ phục theo phép tắc, để nêu rõ thiên hạ thái bình. Ngụy Kỳ xét những người họ Đậu và họ Tôn thất, ai phẩm hạnh kém thì gạch tên ở trong sổ. Lúc bấy giờ những người họ ngoại đều làm tước hầu, các vị hầu đều lấy công chúa, không ai muốn về nước. Vì vậy người ta ngày ngày gièm pha với Đậu thái hậu. Thái hậu thích thuyết của Hoàng Đế, Lão Tử, trái lại bọn Ngụy Kỳ, Vũ An, Triệu Quán, Vương Tang lại muốn suy tôn Nho giáo dim Đạo giáo. Vì vậy Đậu thái hậu càng không thích bọn Ngụy Kỳ.

Năm thứ hai niên hiệu Kiến Nguyên (năm 139 trước Công nguyên) ngự sử đại phu là Triệu Quán xin dừng tâu công việc với đông cung (12). Đậu thái hậu giận lắm, bèn phế truất bọn Triệu Quán, Vương Tang và bãi thừa tướng, thái úy cho Bách Chí Hầu là Hứa Xương làm thừa tướng. Vũ Cương Hầu là Trang Thanh Địch làm ngự sử đại phu. Ngụy Kỳ, Vũ An vì vậy vẫn giữ tước hầu mà về ở nhà.

Vũ An Hầu tuy không làm quan, nhưng nhờ Vương thái hậu (13) nên được tin yêu, mấy lần bàn công việc đều có kết quả.

Các quan lại và kẻ sĩ ham thế lợi đều bỏ Ngụy Kỳ theo Vũ An. Vũ An ngày càng kiêu căng.

Năm thứ sáu niên hiệu Kiến Nguyên (năm 135 trước Công nguyên). Đậu thái hậu chết, thừa tướng là Xương, ngự sử đại phu là Thanh Địch bị bãi vì không lo việc tang. Nhà vua cho Vũ An Hầu Điền Phen làm thừa tướng, cho quan đại tư nông Hàn An Quốc làm ngự sử đại phu. Kẻ sĩ trong thiên hạ, các quan ở các nước và chư hầu lại càng xu phụ Vũ An. Vũ An mặt mày xấu xí nhưng lại được tôn quý. Ông ta cho rằng chư hầu nhiều người lớn tuổi, nhà vua thì mới lên ngôi, tuổi còn nhỏ (14), mình nhờ là người thân thích nên được làm thừa tướng ở kinh, nếu không dùng nghi lễ để bắt họ phải nhất nhất phục tùng mình thì thiên hạ không sợ.

Lúc bấy giờ thừa tướng vào tâu, ngồi nói chuyện suốt buổi, nói gì cũng được nhà vua nghe theo. Có lần tiến cử người ta từ chỗ chưa làm gì lên đến làm chức quan hai nghìn thạch, quyền lẫn át cả nhà vua. Nhà vua nói:

- Ông bổ nhiệm quan lại đã xong chưa? Tôi cũng muốn bổ nhiệm quan lại đây.

Có lần Phen xin đất của nha môn để mở rộng thêm nhà cửa của mình, nhà vua nổi giận nói:.

- Sao ông không lấy luôn cả kho vũ khí cho rồi.

Sau đó, ông ta mới bớt xin xỏ.

Có lần Điền Phen mời tân khách uống rượu để người anh là Cái Hầu ngồi ngoảnh mặt về hướng Nam còn mình ngồi ngoảnh mặt về hướng Đông (15). Ý ông ta cho rằng mình làm thừa tướng nhà Hán là giữ địa vị cao, không thể vì chỗ anh em mà giảm bớt sự tôn quý. Vì vậy An Vũ càng kiêu ngạo, sửa sang nhà cửa đẹp hơn tất cả các chư hầu. Ruộng vườn đều hết sức màu mỡ còn những người đi các chợ ở các quận huyện để mua các sản vật về thì gặp nhau từng đoàn ở ngoài đường. Trước nhà bày chuông trống, đặt cờ khúc chiên (16). Ở phòng sau, đàn bà kể đến hàng trăm. Chư hầu mang vàng, ngọc, chó, ngựa đồ chơi đến biểu không kể xiết.

Ngụy Kỳ không còn Đậu thái hậu (17) nên càng không được dùng, không có thế lực. Tân khách dần dần đổi thái độ, tỏ ra kiêu ngạo. Chỉ có một mình Quán tướng quân vẫn đối xử như cũ.

Ngụy Kỳ thường ngày lảm li không vui, chỉ chơi thân với một mình Quán tướng quân.

3. Quán tướng quân tên là Phu người ở huyện Dĩnh Âm. Cha Phu là Trương Mạnh có lần làm môn hạ của Dĩnh Âm Hầu Quán Anh. Mạnh được yêu quý, do đó được tiến cử làm đến chức quan hai nghìn thạch. Mạnh lấy họ Quán, gọi là Quán Mạnh.

Trong thời Ngô, Sở làm phản, Dĩnh Âm Hầu Quán Hà làm tướng quân ở dưới quyền của thái úy, mời Quán Mạnh làm hiệu úy. Phu đem một ngàn người theo cha. Quán Mạnh tuổi già, Dĩnh Âm Hầu cố nài mãi Mạnh mới được dùng. Vì thế Mạnh bức bối không bằng lòng. Lúc chiến đấu Mạnh thường xông vào nơi quân địch mạnh (18) và cuối cùng chết ở giữa quân Ngô.

Theo pháp lệnh trong quân, nếu cha con cùng tông quân có người chết thì người còn sống có thể mang hài cốt về. Quán Phu không chịu về lo việc chôn cất, khẳng khái nói:

- Xin lấy đầu của Ngô Vương hay đầu của tướng quân nước Ngô để trả thù cho cha.

Quán Phu bèn mang áo giáp, cầm giáo, chọn những tráng sĩ trong quân đội mà mình quen biết, người tình nguyện đi theo được mấy chục. Nhưng khi ra khỏi cửa thành không ai dám tiến lên. Chỉ có hai người và mười mấy người tòng nô (19) phi ngựa vào trong quân của Ngô, đến dưới cờ đại tướng của Ngô, giết và làm bị thương mấy chục người, không tiến lên được nữa, họ lại phi ngựa về, khi vào thành của Hán thì những người tòng nô đều chết hết chỉ còn một quân kỵ đi theo. Phu bị hơn mười vết thương nặng, may có thứ thuốc quý giá ngàn vàng mới khỏi chết.

Thương tích mới hơi bớt. Phu lại xin với tướng quân:

- Tôi đã biết thêm ngõ ngách ở trong thành của quân Ngô, xin cho tôi đi lần nữa.

Tướng quân khen ngợi lòng can đảm nghĩa khí của Phu, nhưng sợ Phu chết mất nên nói với thái úy. Thái úy bèn cố sức can ngăn. Sau khi quân Ngô bị phá, Quán Phu vì vậy nổi tiếng trong thiên hạ.

Dĩnh Âm Hầu nói với nhà vua, nhà vua cho Phu làm trung lang tướng. Được mấy tháng, phạm sai lầm thôi không làm quan.

Sau đó nhà ở Trường An, những người giàu sang ở Trường An không ai không khen ngợi Phu.

Thời Hiếu Cảnh, Phu làm đến thừa tướng nước Đại. Khi Hiếu Cảnh mất, Kim thượng (20) mới lên ngôi cho rằng Hoài Dương là nơi then chốt trong thiên hạ; quân mạnh tụ tập ở đấy nên cho Quán Phu đến làm thái thú Hoài Dương. Năm thứ nhất mền hiệu Kiến Nguyên, Phu về kinh làm thái bộc. Năm thứ hai Phu uống rượu ở cung Trường Lạc với vệ úy là Đâu Phủ, hai người cãi nhau không ai chịu ai. Phu say, đánh Phủ, Phủ là hàng em của Đâu thái hậu. Nhà vua sợ Đâu thái hậu giết Phu nên dời Phu đi làm thừa tướng nước Yên. Được mấy năm, phạm lỗi, bỏ quan về, nhà ở Trường An.

Quán Phu là người cương trực, uống rượu say thì hung hăng, không thích người ta nịnh ở trước mặt. Đối với những người bên ngoài nhà vua, có thế lực hơn mình, không muốn dùng lễ đối xử với mình thì thế nào Phu cũng tranh hơn với họ; trái lại đối với những kẻ sĩ kém mình thì càng nghèo hèn thì Phu càng kính trọng, coi ngang hàng. Ở nơi tụ tập đông người, Phu tiến cử những người hậu bối. Kẻ sĩ cũng vì vậy khen ngợi ông ta.

Tính Phu không thích văn học, thích nghĩa hiệp. Một khi đã ừ với ai thì nhất định làm. Những người Phu đi lại toàn là hạng hào kiệt hay những bọn đại gian, đại ác. Nhà Phu giàu có đến mấy ngàn lạng vàng, khách ăn mỗi ngày ngót trăm người. Họ hàng khách khứa cướp đoạt ruộng vườn, ao hồ, đề đập tranh quyền giành lợi cho mình, hoành hành ở Dĩnh Xuyên. Trẻ con Dĩnh Xuyên có bài hát: “Nước Dĩnh Xuyên trong họ Quán được vinh; nước Dĩnh Xuyên đục, họ Quán bị giết cả gia tộc”.

Tuy Quán Phu nhà giàu nhưng vì mất thế lực nên các quan khanh, tướng, thị trung, khách khứa ngày càng ít đến chơi. Đến khi thất thế, Ngụy Kỳ Hầu cũng muốn dựa vào Quán Phu để che chở cho nhau và gạt bỏ những người trước kia hâm mộ nhưng sau bỏ mình. Quán Phu cũng dựa vào Ngụy Kỳ để được đi lại với các liệt hầu, tôn thất, đăng đề cao danh tiếng của mình. Hai người nâng đỡ nhau, tôn trọng nhau, chơi với nhau như cha với con rất là vui vẻ, không lúc nào chán, chỉ tiếc biết nhau quá muộn.

Quán Phu có tang, qua nhà thừa tướng. Thừa tướng ung dung nói:

- Ta muốn cùng Trọng Nhụ (21) sang nhà Ngụy Kỳ Hầu nhưng Trọng Nhụ lại có tang.

Quán Phu nói:

- Tướng quân hạ cố đến thăm Ngụy Kỳ Hầu, thì Phu này đâu dám vì chuyện có tang mà từ chối. Tôi xin nói lại với Ngụy Kỳ Hầu chuẩn bị rượu thịt, tướng quân sáng mai sẽ đến.

Vũ An bằng lòng. Quán Phu nói lại với Ngụy Kỳ Hầu tất cả những điều Vũ An Hầu đã nói. Ngụy Kỳ cùng vợ mua thêm rượu thịt ban đêm quét tước, dậy sớm sắp đặt cho đến sáng. Tủ tảng sáng đã sai đầy tớ đứng chực ở ngoài cửa. Mãi đến trưa thừa tướng vẫn không đến. Ngụy Kỳ nói với Quán Phu:

- Thừa tướng quên hay sao?

Quán Phu bực mình nói:

- Phu xin không ngại có tang phục đến mời, thế nào ông ta cũng đến.

Phu bèn lên xe ngựa, thân hành đi đón thừa tướng. Trước đấy thừa tướng chỉ nói đùa với Quán Phu thôi chứ thực ra không có ý đến. Khi Quán Phu đến cửa, thừa tướng còn đang nằm trên giường. Quán Phu bèn vào gặp mặt, nói:

- Hôm qua tướng quân có hứa đến nhà Ngụy Kỳ, vợ chuẩn bị thức ăn đợi từ sáng đến giờ chưa dám ăn.

Vũ An kinh ngạc xin lỗi:

- Hôm qua tôi say quên mất những điều đã nói với Trọng Nhụ.

Bèn lên xe đi, nhưng lại đi chậm rãi, Quán Phu lại càng nổi giận. Đến khi uống rượu say. Quán Phu đứng dậy múa, mời thừa tướng múa. Thừa tướng không đứng dậy, Quán Phu ngồi nói xúc phạm thừa tướng. Ngụy Kỳ bèn đỡ Quán Phu đưa đi nơi khác xin lỗi với thừa tướng. Thừa tướng uống mãi đến đêm rất vui rồi trở về (22).

Có lần thừa tướng sai Tịch Phúc xin Ngụy Kỳ ruộng, ở phía Nam thành, Ngụy Kỳ cả giận nói:

- Già này tuy bị bỏ rơi, tướng quân được tôn quý nhưng làm sao có thể lấy thế lực để cướp của tôi.

Ngụy Kỳ không cho. Quán Phu nghe nói nổi giận mắng Tịch Phúc. Tịch Phúc không muốn hai người sinh hiềm khích, nên dùng lời lẽ khôn khéo để xin lỗi thừa tướng, nói:

- Ngụy Kỳ già sắp chết xin chịu khó đợi một chút.

Sau đó Vũ An nghe nói Ngụy Kỳ và Quán Phu giận, không đưa ruộng cho mình, cũng nổi giận, nói:

- Con Ngụy Kỳ có lần giết người. Phân này cứu cho nó sống. Xưa Phân nhờ Ngụy Kỳ, Ngụy Kỳ muốn gì cũng được, ông ta còn tiếc mấy đám ruộng sao? Còn Quán Phu thì can dự gì vào việc này! Thôi ta chẳng dám xin ruộng nữa đâu (23).

Vì vậy Vũ An rất oán Ngụy Kỳ, Quán Phu.

Mùa xuân, năm thứ tư, niên hiệu Nguyên Quang (năm 131 trước Công nguyên) thừa tướng nói:

- Quán Phu nhà ở Dĩnh Xuyên hoành hành dữ quá, dân khổ vì ông ta, xin làm án.

Nhà vua nói:

- Đó là việc của thừa tướng, còn xin làm gì?

Quán Phu cũng lượm lặt những việc kín của thừa tướng dùng thủ đoạn gian xảo để mưu lợi, lấy vàng của Hoài Nam Vương (24) và những lời nói bí mật của ông ta. Tân khách hai nhà can ngăn hai người mới thôi, oán thù mới được cởi.

Mùa hạ, thừa tướng lấy con gái của Yên Vương làm phu nhân, có chiếu của thái hậu mời liệt hầu tôn thất đến mừng. Ngụy Kỳ Hầu ghé qua nhà Quán Phu, muốn rủ ông ta cùng đi mừng. Quán Phu từ chối nói:

- Phu mấy lần say rượu có lỗi với thừa tướng. Thừa tướng bây giờ lại có hiềm khích với Phu.

Ngụy Kỳ nói:

- Việc đó đã xong rồi.

Bèn ép Phu cùng đi. Đến khi uống rượu say, Vũ An đứng dậy làm lễ chúc thọ, tất cả cử tọa đều rời khỏi chiếu sụp xuống lạy. Đến khi Ngụy Kỳ chúc thọ thì chỉ có những người quen cũ rời khỏi chiếu mà thôi, còn thì chỉ quì một chân ở trên chiếu. Quán Phu không bằng lòng, đứng dậy mời rượu đến trước mặt Vũ An. Vũ An quì trên chiếu nói:

- Tôi không uống hết được chén rượu.

Phu nổi giận cười lạt mà rằng:

- - Tướng quân là bậc tôn quý, xin uống cạn chén.

Bấy giờ Vũ An không chịu, Phu cầm rượu đến trước mặt Lâm Nhữ Hầu, lúc này Lâm Nhữ Hầu đang ghé tai nói chuyện với Trình Bất Thúc, lại không rời khỏi chiếu, Phu không biết trút giận dữ của mình lên đầu ai, bèn mắng Lâm Nhữ Hầu:

- Ông thường ngày gièm Trình Bất Thúc, cho ông ta không đáng một đồng tiền, thế mà hôm nay có người trưởng giả chúc thọ, ông lại bắt chúc bọn nhi nữ, nói thì thâm bên tai như vậy à?

Vũ An bảo Quán Phu:

- Ông Trình và ông Lý (25) người làm vệ úy của đông cung, người làm vệ úy của tây cung. Nay ông Trọng Nhụ làm nhục Trình tướng quân trước mặt mọi người, thế ông Trọng Nhụ không nể mặt Lý tướng quân hay sao?

Quán Phu nói:

- Hôm nay chém đầu, đâm vào bụng còn biết gì Trình với Lý nữa (26).

Khách khứa đứng dậy giả vờ đi đồng dần dần đi ra. Ngụy Kỳ Hầu vẫy tay bảo Quán Phu ra. Vũ An nổi giận, nói:

- Đó là tội của ta làm cho Quán Phu càng kiêu ngạo.

Bèn ra lệnh cho quân kỵ giữ Quán Phu lại. Quán Phu muốn ra không được. Tịch Phúc đứng dậy xin lỗi, đề cổ Quán Phu, bảo tạ lỗi. Quán Phu càng nổi giận, không chịu xin lỗi. Vũ An bèn vây quân kỵ trói Phu để ở nhà khách xá, gọi người trưởng sử vào mà bảo:

- Hôm nay có chiếu triệu tập những người tôn thất đến, Quán Phu mắng nhiếc tân khách, phạm tội bất kính (27) trói ở nhà cự thất.

Vũ An bèn xét những việc làm từ trước, sai quan lại chia nhau đuổi bắt, họ hàng họ Quán, đều bị tội chém ở chợ. Ngụy Kỳ Hầu xấu hổ, xuất tiền của, nhờ tân khách xin hộ, nhưng không ai làm sao được. Các quan lại của Vũ An đều là tay chân của ông ta, họ Quán đều trốn tránh. Quán Phu đã bị trói cho nên không làm sao tố giác những điều mờ ám của Vũ An.

Ngụy Kỳ liệu mình tìm cách cứu Quán Phu, vợ can Ngụy Kỳ:

- Quán tướng quân có tội với thừa tướng, chống lại gia đình của thái hậu còn cứu làm sao được.

Ngụy Kỳ Hầu nói:

- Tước hầu là do ta mà có được, nên tự ta bỏ nó đi thì cũng không tiếc gì. Vả chẳng ta quyết không thể nào để cho Quán Trọng Nhụ chết một mình còn anh này sống sót.

Bèn giấu người nhà, ngầm viết thư dâng lên nhà vua. Nhà vua liền gọi vào, Ngụy Kỳ kể lại đầu đuôi việc Quán Phu say rượu có lỗi, tội không đáng chết. Nhà vua cho là phải, cho Ngụy Kỳ ăn và nói:

- Đến đông cung biện luận trước đình thần.

Ngụy Kỳ đến đông cung hết sức ca ngợi Quán Phu là người tốt, nói ông ta say rượu có lỗi, nhưng thừa tướng lại lấy những việc khác vu cáo bắt tội ông ta. Vũ An lại ra sức gièm pha Quán Phu làm những điều ngang ngược, phạm tội phản nghịch vô đạo, Ngụy Kỳ xem chừng không biết làm sao bèn nói những khuyết điểm của thừa tướng.

Vũ An nói:

- Thiên hạ may mắn được an ninh vô sự. Phần nhờ là chỗ thân thích làm thừa tướng, điều tôi thích chỉ là âm nhạc, chó ngựa, ruộng vườn, nhà cửa mà thôi. Điều tôi yêu chỉ là những người hát xướng và bọn thợ khéo, chứ không phải như Ngụy Kỳ, Quán Phu, ngày đêm chiêu tập bọn hào kiệt, tráng sĩ trong thiên hạ cùng nhau bàn bạc, trong lòng âm thầm phỉ báng triều đình, không nhìn lên trời mà cúi đầu vạch dưới đất, chỉ chực chờ hai cung có hiểm khích, mong mỗi thiên hạ có biến động để lập công lớn. Thần không hiểu bọn Ngụy Kỳ làm cái gì (28).

Nhà vua bèn hỏi triều thần:

- Trong hai người ai phải?

Ngự sử đại phu Hàn An Quốc, nói:

- Ngụy Kỳ nói: “Cha Quán Phu chết, Quán Phu thân mang giáp phi vào chỗ quân Ngô bắt trặc, mình bị mấy mươi vết thương, nổi tiếng trong ba quân là bậc tráng sĩ trong thiên hạ, không phạm điều gian ác lớn, việc tranh nhau chén rượu không đủ khiến người ta dẫn ra những sai lầm khác để giết”. Điều Ngụy Kỳ nói là đúng. Thừa tướng nói: “Quán Phu đi lại với bọn gian ác, xâm phạm dân lành, nhà giàu hàng trăm triệu, hoành hành ngang ngược ở Dĩnh Xuyên, lấn át tôn thất, xâm phạm những người trong cốt nhục, tức như người ta nói “cành lớn hơn gốc; bắp chân lớn hơn vế, không chặt thì sẽ sinh họa”. Lời nói ấy của thừa tướng cũng đúng. Xin hoàng thượng xét.

Cấp Âm (29) làm chủ tước đô úy cho Ngụy Kỳ là phải, song không dám mạnh bạo nói điều mình chủ trương. Còn những người khác không ai dám nói. Nhà vua giận nội sử (30) nói:

- Nhà ngươi hàng ngày thường nói việc hay dở của Ngụy Kỳ, Vũ An, thế mà hôm nay triều đình bàn bạc thì cứ lúng ta lúng túng như con ngựa bị buộc vào cổ xe, ta chém luôn tất cả bọn ngươi bây giờ.

Nhà vua bèn bãi triều đứng dậy đi vào hậu côm bên cạnh thái hậu. Thái hậu cũng sai người đi rình, rồi về kể lại tất cả cho thái hậu biết. Thái hậu nổi giận không ăn, nói:

- Nay ta còn sống thế mà người ta đều lấn át em của ta, khi ta trăm tuổi rồi thì họ ăn thịt nó mất. Nhà vua há phải là gỗ đá hay sao? Hiện nay nhà vua đang còn ở đấy thì bọn kia chỉ biết phụ họa, nhưng một khi trăm tuổi rồi thì hỏi có nhờ được bọn họ không?

Nhà vua xin lỗi, nói:

- Họ đều là người bên ngoài cho nên mới bàn bạc ở triều đình. Nếu không thì đó là việc của một viên lại coi ngục quyết định thôi.

Bấy giờ Thạch Kiến làm lang trung lệnh trình bày cho nhà vua biết nguyên nhân sinh xích mích giữa hai người.

Sau khi bãi triều, Vũ An dừng lại ở cửa Chỉ Xa (31) gọi Hàn ngự sử đại phu lên cùng ngồi, giận dữ nói:

- Trường Nhụ đối phó với một thằng trọc già (32) làm gì mà phải rụt rè nhút nhát nói nước đôi như vậy?

Hàn ngự sử thở dài hồi lâu bảo thừa tướng.



- Sao ngài không tự trọng? Ngụy Kỳ chỉ trích ngài, thì đáng lý ngài phải cất mũ, cởi dải ấn, xin về nói: “Tôi là chỗ thân thích may được giữ chức vụ này, chứ thực ra không đủ năng lực. Điều Ngụy Kỳ nói đều đúng cả”. Như vậy thế nào nhà vua cũng khen ngài khiêm nhường, mà không truất ngài. Ngụy Kỳ trong lòng thế nào cũng xấu hổ về nhà đóng cửa căn lưới mà tự sát. Bây giờ người ta chỉ trích ngài, ngài cũng chỉ trích người ta như bọn đàn bà con nít buôn bán cãi cọ nhau, sao mà ngài không biết đại thể đến thế

Vũ An xin lỗi nói:

- Lúc cãi nhau gấp quá không nghĩ đến điều đó.

Nhà vua bèn sai ngự sử căn cứ vào sổ sách chép tội trạng đối chiếu với những lời Ngụy Kỳ khen Quán Phu, thấy có nhiều chỗ không phù hợp, cho là Ngụy Kỳ lừa dối nhà vua nên bỏ tù ở trong ngục đô tư không. Thời Hiếu Cảnh, Ngụy Kỳ đã từng được di chiếu (33) nói: “Nếu có việc gì không lợi thì có thể tùy tiện tâu lên nhà vua”. Đến khi mắc vào vụ Quán Phu, tội đến bị giết cả họ, việc ngày càng gấp, các quan không ai dám nói với nhà vua nữa. Ngụy Kỳ bèn sai người cháu dâng thư nói may gì được yết kiến lần nữa. Thư tâu lên nhưng ở trong cung không có di chiếu, chiếu thư chỉ cất riêng ở nhà Ngụy Kỳ, lại niêm phong bằng ấn của Ngụy Kỳ là bậc gia thân. Các quan bèn khép Ngụy Kỳ vào tội giả mạo chiếu của tiên đế, tội này bị chém giữa chợ. Tháng mười, năm thứ năm (năm 132 trước Công nguyên) xét tất cả Quán Phu và người nhà. Ngụy Kỳ mãi về sau mới nghe tin. Khi nghe tin nổi giận. Mắc bệnh trúng phong không ăn, muốn chết. Nghe nói nhà vua không có ý muốn giết Ngụy Kỳ, Ngụy Kỳ lại ăn khỏi bệnh. Quả nhiên lệnh ban xuống không khép Ngụy Kỳ vào tội chết. Nhưng có lời đồn đại nói xấu đến tai nhà vua (34) cho nên ngày cuối tháng tháng mười hai bị khép vào tội chém giữa chợ Vị Thành.

Mùa xuân năm ấy Vũ An Hân mắc bệnh cứ một mực gào xin tha tội. Sau thầy bói nhìn quẻ xem quẻ là ai thì thấy Ngụy Kỳ cùng Quán Phu giữ lấy ông ta muốn giết ông ta. Vũ An chết, con là Điền tập tước. Năm thứ ba niên hiệu Nguyên Sóc (năm 126 trước Công nguyên). Vũ An Hân phạm tội mặc áo cụt vào cung bị khép vào tội bất kính.

Việc Hoài Nam Vương là An mưu phản tiết lộ bị trừng trị. Trong triều trước, Hoài Nam Vương vào chầu, Vũ An Hân làm thái úy đón Hoài Nam Vương ở Bái Thương bảo Hoài Nam Vương:

- Nhà vua chưa có thái tử, đại vương là người hiền nhất lại là cháu của Cao Tổ; nếu như nhà vua băng hà, đại vương không được lập thì còn ai được lập nữa?

Hoài Nam Vương cả mừng đưa cho Vũ An Hân vàng và lễ vật. Sau vụ Ngụy Kỳ, nhà vua không cho Vũ An Hân là phải, chỉ vì có thái hậu mà thôi. Đến khi nghe việc Hoài Nam Vương đút vàng, nhà vua nói:

- Nếu Vũ An Hân còn sống thì giết cả họ.

4. Thái sử công nói:

Ngụy Kỳ, Vũ An đều là người bên ngoài nhà vua mà được trọng vọng, Quán Phu nhờ quyết tâm nhất thời mà được nổi danh. Ngụy Kỳ nhờ việc trấn áp Ngô, Sở mà được nổi lên. Vũ An được quý trọng trong phạm vi ngày tháng. Nhưng Ngụy Kỳ thực không biết thay đổi theo thời thế. Quán Phu vô học lại bướng bỉnh ngang ngược, hai người nâng đỡ cho nhau, gây nên tai họa. Vũ An ỷ thế, muốn cậy quyền chỉ vì chén rượu mà oán giận hãm hại hai người hiền. Ô hô! Thương

thay! Làm hại người khác thì mạng của mình không được dài (35). Mọi người không yêu (36) kết quả mang tiếng ác. Ô hô! Thương thay!

.....

- (1). Chức quan coi việc trong cung hoàng hậu, thái tử.
- (2). Tất cả bảy nước làm phản, quan trọng nhất là Ngô Vương, Sở Vương.
- (3). Tất cả những người trong họ nội (họ Lưu) và họ ngoại bên mẹ (họ Đậu).
- (4). Vương Tôn là tên tự của Đậu Anh.
- (5). Xem Quý Bố, Loan Bố liệt truyện.
- (6). Điều Hầu là Chu á Phu - Xem Lý tướng quân liệt truyện.
- (7). Túc Lưu Xá. Lưu Xá được phong là Đào Hầu.
- (8). Trung Quốc bắt đầu có niên hiệu từ đây.
- (9). Vì thích đạo Nho nên tiến cử những người theo đạo Nho. Lỗ Thần Công tên Bôi nổi tiếng về Nho học ở Lỗ chuyên trị Kinh Thi, Lỗ Thi còn lại ngày nay là do ông ta soạn. Triệu Quán, Vương Tang là học trò của Bôi.
- (10). Nhà minh đường: nhà lập nên để triệu chư hầu, phát huy chính giáo của thiên tử.
- (11). Đòi Hán những người được phong hầu tuy có đất phong nhưng cứ ở kinh đô không về đất phong của mình.
- (12). Bấy giờ Đậu thái hậu ở Trường Lạc cung ở phía Đông gọi là đông cung. ý nói đừng tâu với thái hậu mà tâu thẳng với nhà vua.
- (13). Vương thái hậu vợ Hiếu Cảnh, mẹ Vũ Đế ở trên đã nói là chị cùng mẹ khoe cha với Điền Phân.
- (14). Vũ Đế lên ngôi 16 tuổi.
- (15). Đòi Hán hương Đông là tôn quý hơn hương Nam.
- (16). Cờ cán cong, cờ này chỉ vua dùng khi đón mời các ả sĩ. Điều đó chứng tỏ Điền Phân muốn lấn át nhà vua.
- (17). Bấy giờ Đậu thái hậu đã chết.
- (18). Để tỏ rằng mình chưa già.
- (19). Nô lệ làm bộ hạ Quán Phu.
- (20). Chỉ Vũ Đế. Khi tác giả viết Vũ Đế vẫn còn sống nên gọi là kim thượng.
- (21). Tên tự Quán Phu.
- (22). Kể lại một trường hợp hai người tâng bốc nhau.

(28). Nói dối.

(24). Hoài Nam Vương tên Lưu An, tác giả bộ Hoài Nam tử mưu phản bị lộ, tự sát.

(25). Lý Quảng, xem Lý tướng quân liệt truyện.

(26). Ý nói: hôm nay ai phạm vào ta thì ta liều chết đánh lại, cứ gì Trình với Lý. Câu này ám chỉ thừa tướng.

(27). Có chiếu thái hậu triệu tập những người tôn thất. Quán Phu mắng khách tức là phạm tội bất kính. Phạm tội ấy là bị chém.

(28). Ám chỉ lập phe đảng, coi thường thái hậu và hoàng đế chờ cơ hội làm phản.

(29). Xem Cấp Âm liệt truyện.

(30). Chỉ Trình Dương Thời.

(31). Cửa ngoài cung cấm.

(32). Trường Nhu là tên tự của Hàn An Quốc, thành trực giả chỉ Đạm Anh.

(33). Chiếu của Cảnh Đế trao cho trước khi chết.

(34). Điền Phân phao rằng Ngụy Kỳ phỉ báng nhà vua.

(35). Chỉ Điền Phân.

(36). Chỉ Quán Phu.

oOo

## Lý Tường Quân Liệt Truyện -

Tướng quân Lý Quảng là người huyện Thành Kỷ đất Lũng Tây. Tổ tiên là Lý Tín đời Tần làm tướng đuổi bắt được thái tử Đan nước Yên. Trước đấy ở Hòe Lý, sau dời đến huyện Thành Kỷ. Nhà Quảng đời đời học bắn cung.

Năm thứ mười bốn đời Hiếu Văn Đế (năm 166 trước Công nguyên) người Hung Nô đem đại quân vào đánh Tiêu Quan, Quảng lấy tư cách con nhà lương thiện tòng quân đánh quân Hồ, nhờ giỏi cưỡi ngựa bắn cung, chém được nhiều đầu giặc, bắt được nhiều giặc nên được làm chức trung lang đời Hán (l). Em họ của Quảng là Lý Thái cung làm quan lang. Hai người đều được thăng từ chức trung lang lên làm võ kỵ thường thị (2), lương tám trăm斛. Quảng thường theo nhà vua đi chơi, đã nhiều lần xung phong hãm trận bẻ được cửa quan bắt được thú dữ. Vua Hiếu Văn nói:

- Tiếc thay, ngươi không gặp thời! Nếu ngươi sinh thời Cao Đế thì làm chức Vạn hộ hầu chẳng cần phải nói.

Đến khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Quảng làm đô úy (3) quận Lũng Tây, dời làm kỵ lang tướng. Lúc Ngô, Sở (4) đem binh nổi dậy, Quảng làm phiêu kỵ đô úy, theo thái úy là Á Phu đánh quân Ngô, quân Sở, giết được cừ, nổi danh ở gần Xương áp. Vì Lương Vương trao cho Quảng ấn (5) tướng quân, nên lúc Quảng trở về không được thưởng, đổi sang làm thái thú quận Thượng Cốc. Hàng ngày Hung Nô đến giao chiến, Công Tôn Hồn Da làm đĩnh thuộc quốc (6) khóc tâu lên vua:

- Tài năng và dũng khí của Lý Quảng, trong thiên hạ không có hai, nhưng tự phụ mình giỏi, đánh nhau nhiều lần với giặc sợ chết mất.

Vua bèn đổi Quảng làm thái thú Thượng Quận. Sau đó Quảng sang làm thái thú ở các quận thuộc biên giới rồi chuyển đến Thượng Quận. Quảng đã từng làm thái thú ở Lũng Tây, Bắc Địa, Nhạn Môn, Đại Quận, Vân Trung (7) đều nổi tiếng đánh hăng.

Hung Nô đem đại binh vào Thượng Quận, nhà vua sai trung quý nhân (8) theo Quảng tập duyệt binh lính để đánh Hung Nô. Trung quý nhân đem mấy chục quân kỵ xông vào quân địch, thấy ba người Hung Nô, giao chiến. Ba người kia quay lại bắn trung quý nhân bị thương, giết gần hết các quân kỵ. Trung quý nhân chạy về gặp Quảng, Quảng nói:

- Đó chắc là bọn săn chim điêu.

Quảng bèn đem một trăm quân kỵ đuổi theo ba người. Ba người bỏ ngựa đi bộ, đi được mấy mươi dặm, Quảng sai quân kỵ của mình dàn ra hai cánh tả hữu còn Quảng thân hành bắn ba người kia, giết chết hai người, bắt sống một người thì đúng là bọn Hung Nô săn chim điêu. Sau khi đã trối ý đem lên ngựa, nhìn xa thấy có mấy nghìn quân Hung Nô. Họ thấy Quảng cho là quân kỵ ra để dụ quân địch đánh, nên lên núi bày trận (9). Một trăm quân kỵ của Quảng đều cả sợ muốn ruổi chạy về. Quảng nói:

- Chúng ta cách đại quân mấy mươi dặm, nay nếu một trăm quân kỵ này bỏ chạy, bọn Hung Nô

đuổi theo bắn thì ta chết hết. Nếu ta ở lại, bọn Hung Nô thế nào cũng cho rằng ta ra dụ địch cho đại quân, chúng sẽ không dám đánh chúng ta.

Quảng ra lệnh cho quân kỵ:

- Tiến!

Tiến đến cách trận địa của Hung Nô hai dặm, bèn dừng lại, ra lệnh:

- Tất cả xuống ngựa cỡi yên!

Quân kỵ nói:

- Quân giặc đã đông lại gần, nếu có việc gấp thì làm thế nào?

Quảng nói:

- Giặc kia cho rằng chúng ta bỏ chạy. Nay chúng ta đều cỡi yên tỏ rằng không chạy để cho chúng càng tin chúng ta khiêu khích.

Vì thế quân Hồ không dám đánh.

Có viên tướng cưỡi ngựa trắng ra chỉ huy quân sĩ. Lý Quảng lên ngựa cùng hơn mười quân kỵ, xông ra bắn chết viên tướng Hồ cưỡi ngựa trắng rồi lại trở về, vào giữa đám quân kỵ. Quảng cỡi yên, ra lệnh cho quân lính đều thả ngựa mà nằm. Khi ấy trời chiều, quân Hồ vẫn lấy làm lạ không dám đánh. Lúc nửa đêm, quân Hồ cũng cho là Hán có phục binh ở bên cạnh, muốn đang đêm sang đánh họ, nên tướng Hồ rút quân đi. Sáng rõ, Lý Quảng về với đại quân của mình vì đại quân không biết Quảng đi đâu nên không theo tiếp ứng (10).

2. Mãi về sau, Hiếu Cảnh mất, Vũ Đế lên ngôi. Những người xung quanh nhà vua cho Quảng là bậc danh tướng, nên Quảng được làm thái thú Thượng Quận, được cất làm vệ úy cung Vệ Ương, còn Trình Bất Thức thì làm vệ úy cung Trường Lạc.

Trình Bất Thức cùng Lý Quảng đều là thái thú ở ngoài biên, kiêm việc cai quản quân đồn trú. Khi ra đánh quân Hồ, quân của Quảng không chia ra bộ, ngũ (11), không bày thành thế trận; đóng đồn gần những nơi sẵn nước, sẵn cỏ, ai nấy đều cho là tiện; đêm không đánh công để tự vệ; trong quân doanh giảm giấy tờ, sổ sách. Quảng có khi đi xa cách quân canh gác nhưng cũng chưa hề bị hại. Trình Bất Thức thì trong quân chia ra bộ, khoe, hàng ngũ; đóng dinh, bày trận phân minh; đêm đánh công; các viên lại coi sổ sách quân lính rất rõ ràng. Lính không được nghỉ ngơi. Thế nhưng cũng chưa hề bị hại. Bất Thức nói:

- Cách chỉ huy quân của Lý Quảng rất giản dị, nhưng nếu quân địch đột nhiên phạm vào, thì không lấy gì chống lại. Có điều quân lính họ sung sướng, thoải mái đều vui lòng chết cho tướng. Quân của ta tuy phiền nhiễu, nhưng quân địch không phạm nổi ta.

Bây giờ Lý Quảng, Trình Bất Thức đều là những danh tướng ở ngoài biên quận nhà Hán. Nhưng Hung Nô sợ mưu lược của Lý Quảng, quân lính cũng phần nhiều vui lòng theo ý Quảng mà khổ sở với Trình Bất Thức.

Trong thời vua Hiếu Cảnh, Trình Bất Thức hay đem lời thẳng can gián, được làm thái trung đại phu. Trình là người thanh liêm cẩn thận về mặt giấy tờ và pháp lệnh.

Về sau, Hán đem thành Mã ấp dụ Thiển Vu, sai đại quân nấp ở các hang bên huyện Mã ấp còn Quảng thì làm Phiêu kỵ tướng quân dưới quyền Hộ quân tướng quân (12). Nhưng khi ấy Thiển Vu biết mưu, bỏ đi, quân Hán đến, không lập nên công cán gì.

Sau đó bốn năm, Quảng từ chức vệ úy được phong làm tướng, ra ải Nhậm môn đánh Hung Nô. Quân Hung Nô nhiều quá đánh vỡ quân Quảng, bắt sống được Quảng, Thiển Vu vốn nghe tiếng Quảng giỏi, ra lệnh rằng:

- Bắt Lý Quảng phải bắt sống mà nộp!

Quân kỵ của Hồ bắt được Quảng. Quảng bấy giờ bị thương. Chúng đặt Quảng vào giữa hai con ngựa, ràng dây để đặt Quảng nằm. Đi hơn mười dặm, Quảng giả vờ chết, liếc coi bên cạnh có một tên Hồ cưỡi con ngựa hay. Quảng liền nhảy tót lên ngựa của tên Hồ, đẩy nó xuống, lấy cung của nó, quất ngựa dón về phương Nam vài mươi dặm, lại tìm được đám quân còn sót của mình, nhân đem quân vào trong cửa ải. bọn quân kỵ Hung Nô bắt Quảng gồm có vài trăm cùng đuổi theo Quảng. Quảng vừa chạy vừa lấy cung của tên Hồ bắn các quân kỵ đuổi theo, vì thế được thoát.

Đến khi về kinh thành, nhà Hán giao Quảng cho các quan xét tội. Các quan cho rằng số người và ngựa của Quảng chết và lạc mất nhiều, Quảng đã bị giặc bắt sống (14) kết án chém. Nhờ đem tiền chuộc nên được làm dân thường.

Sau đó, Quảng ở nhà mấy năm. Nhà Quảng gần nhà cháu Đinh Âm Hầu (15) xưa. Hai người đều rút lui về ở nhà quê, trong núi Nam Sơn huyện Lam Điền, thường cùng nhau vào trong núi săn bắn. Thường đêm đêm theo một người, cưỡi ngựa, uống rượu với người ta ở giữa đồng. Khi về đến đình Bá Lăng, viên úy Bá Lăng say, quất Quảng dừng lại. Người cưỡi ngựa theo Quảng nói:

- Lý tướng quân hồi trước đấy mà?

Viên úy nói:

- Tướng quân hồi này cũng còn không được phép đi đêm nữa là tướng quân hồi trước.

Y giữ Quảng ngủ lại dưới đình.

Được ít lâu, Hung Nô kéo vào giết quan thái thú Liêu Tây, đánh bại Hàn tướng quân. Hàn tướng quân đổi đi Hữu Bắc Bình. Vì thế nhà vua gọi Quảng cho làm thái thú Hữu Bắc Bình. Quảng liền xin cho viên úy Bá Lăng cùng đi, khi y tới quân Quảng sai chém chết?

Quảng ở Hữu Bắc Bình, Hung Nô nghe tin gọi là “viên tướng bay của Hán” lánh mặt mấy năm không dám đến. Quảng ra đi săn, thấy tảng đá ở trong cỏ, cho là con hổ, liền bắn trúng ngập hẳn mũi tên? Nhìn lại thì là tảng đá. Nhân lại bắn, nhưng không sao cắm vào đá được nữa?

Quận Quảng ở, nghe nói có hổ, Quảng thường thân hành bắn hổ. Đến khi ở Hữu Bắc Bình bắn hổ, hổ vồ Quảng bị thương. Nhưng cuối cùng Quảng cũng bắn chết được hổ. Tính Quảng thanh liêm, được tiền thưởng là chia ngay cho người dưới, ăn uống chung với quân lính. Trọn đời Quảng làm chức quan ăn hai nghìn học lương hơn bốn mươi năm nhưng nhà không có của cải thừa, Quảng cũng không nghĩ đến chuyện gia sản.



Quảng là người cao lớn, tay dài như tay vượn, khéo bắn cũng là tính trời. Con cháu của Quảng hay người khác tập bắn cũng không ai bằng Quảng.

Quảng nói năng vụng, ít nói. Ở với ai thì vẽ đất làm trận, thi bắn rộng, hẹp, phạt người thua uống rượu. Cho đến lúc chết, chỉ đọc tiêu khiển bằng cách bắn cung.

Khi đem quân đi, đến những nơi thiếu thốn, trông thấy nước, quân lính chưa uống hết lượt thì Quảng không gần nước; quân lính chưa ăn hết lượt thì Quảng không bao giờ ăn. Quảng rộng rãi không hà khắc, vì thế quân lính đều yêu mến, vui lòng theo.

Lối bắn của Quảng như sau: thấy giặc đến gấp, nhưng nếu không ở trong tầm vài mươi bước, liệu không trúng thì không bắn. Đã bắn thì đích phải chết lả ngay dưới tiếng dây cung! Vì cách bắn ấy (16) nên khi đem quân thường bị bao vây, làm nguy khốn; khi bắn thú dữ cũng bị chúng vỗ bị thương (17).

3. Ít lâu sau, Thạch Kiến mất, nhà vua bèn triệu Quảng làm lang trung lệnh thay Kiến.

Năm thứ sáu niên hiệu Nguyên Sóc (năm 122 trước Công nguyên), Quảng lại làm hậu tướng quân theo đại tướng quân ra Định Tương đánh Hung Nô. Các tướng phần nhiều chém được đầu giặc đủ số quy định theo công lao được phong hầu, riêng quân của Quảng là không lập được công.

Sau đó bốn năm, Quảng lĩnh chức lang trung lệnh đem bốn nghìn quân kỵ ra Hữu Bắc Bình. Bác Vọng Hầu là Trương Khiên đem một vạn quân kỵ cùng đi với Quảng nhưng khác đường. Đi được độ vài trăm dặm, Tả hiền vương (18) của Hung Nô đem bốn vạn quân kỵ vây Quảng. Quân lính Quảng đều hoảng sợ. Quảng bèn sai con là Cảm cười ngựa xông ra đánh. Cảm chỉ đem theo vài chục quân kỵ xông thẳng qua vòng quân kỵ của Hồ bao vây theo phía tả, phía hữu mà về, thưa với Quảng rằng:

- Giặc Hồ dễ đối phó thôi?

Quân sĩ mới yên lòng. Quảng bày trận thành vòng tròn quay ra phía ngoài. Quân Hồ đánh gấp, tên bắn như mưa, quân Hán chết quá nửa, mà tên bên Hán thì gần hết. Quảng bèn ra lệnh cho quân cứ giương cung chứ đừng bắn. Rồi Quảng thân cầm nỏ đại hoàng bắn các tỳ tướng của giặc, giết được vài người, quân Hồ càng nản. Gặp trời chiều tướng sĩ không còn máu mặt, mà Quảng ý khí vẫn như thường, đánh càng hăng. Trong quân từ đó phục Quảng là người can đảm.

Hôm sau, lại ra sức đánh, rồi quân của Bác Vọng Hầu cũng đến. Quân Hung Nô bèn giải vây rút lui. Quân Hán mệt không sao đuổi được. Khi ấy, quân của Quảng mất gần hết phải bãi binh trở về. Theo phép nhà Hán, Bác Vọng Hầu dùng dằng đến sau ngày hẹn, tội đáng chém, nhưng cho chuộc tội làm dân. Còn quân của Quảng công và tội ngang nhau cũng không được thưởng.

Trước đây, Quảng cùng em họ là Lý Thái thờ vua Hiếu Văn. Đời Cảnh Đế, Thái lập nhiều công, lương thực được đến hai nghìn hộ. Đời Hiếu Vũ Đế, Thái làm tướng quốc nước Đại. Năm thứ năm niên hiệu Nguyên Sóc (năm 124 trước Công nguyên), Thái làm Kinh xa tướng quân, theo đại tướng quân đánh Hữu hiền vương, có công (19) được phong làm Lạc An Hầu. Năm Nguyên Thú thứ hai, Thái thay Công Tôn Hoàng làm thừa tướng. Thái là người vào bậc kém (20), danh tiếng kém Quảng xa. Vậy mà Quảng không được tước, phong ấp, làm quan chẳng qua đến bậc cửu khanh. Còn Thái thì được phong hầu, địa vị lên đến tam công! Ngay đến các quan lại lĩnh

tráng dưới quyền Quảng, cũng có người được phong hầu. Một hôm Quảng nói đùa với người xem thiên văn là Vương Sóc (21) rằng:

- Từ khi Hán đánh Hung Nô, không lúc nào Quảng không ở trong quân ngũ. Trong các bộ, ngũ, bọn hiệu úy trở xuống tài năng không đến bậc trung nhưng nhờ quân công trong việc đánh Hồ được phong hầu có đến vài chục người. Quảng thì chẳng hề kém ai, vậy mà chẳng được lấy chút công lao gì để được phong ấp là có làm sao? Hay tướng tôi không đáng phong hầu? Hay đó là số mạng đấy?

Sóc nói:

- Tướng quân thử tự nghĩ xem, hoặc giả có điều gì còn ân hận chăng?

Quảng nói:

- Tôi có lần làm thái thú Lũng Tây. Người không làm phản, tôi dụ họ hàng. Họ hàng hơn tám trăm người. Tôi lừa họ giết cả trong một ngày. Tới nay chỉ có việc đó là rất ân hận mà thôi!

Sóc nói:

- Tai họa không gì to bằng việc giết người đã hàng. Tướng quân sở dĩ không được phong hầu là vì thế.

Sau đó hai năm, đại tướng quân và Phiêu kỵ tướng quân đem đại quân đi đánh Hung Nô. Quảng mấy lần tự xin đi. Nhà vua thấy Quảng già không cho mãi sau mới bằng lòng cho làm tiền tướng quân. Năm ấy là năm thứ tư niên hiệu Nguyên Thù (năm 118 trước Công nguyên).

Quảng theo đại tướng quân là Vệ Thanh đi đánh Hung Nô. Khi đã ra ngoài ải, Thanh bắt được giặc, hỏi biết nơi Thiển Vu đóng, bèn thân hành đem tinh binh đi đánh, trái lại sai Quảng hiệp với hữu tướng quân đem quân đi đường phía Đông. Lối phía Đông hơi quanh co và xa mà trên đường đại quân đi lại thiếu cỏ và nước, nên không thể dừng lại được (22).

Quảng bèn thân hành xin:

- Chúc tôi là tiền tướng quân. Sao nay đại tướng quân lại đổi tôi đi đường phía Đông. Vả chăng tôi từ khi kết tóc đã đánh với Hung Nô nhưng đến trận này mới được đối địch với Thiển Vu. Tôi xin đi tiên phong quyết liều chết với Thiển Vu.

Đại tướng quân Vệ Thanh đã ngầm nghe lời vua can ngăn, cho Lý Quảng tuổi già, số xấu, chớ để đối địch với Thiển Vu, sợ không đạt được điều mình muốn. Đã thế bây giờ Công Tôn Ngao (23) lại vừa mất tước hầu, làm trung tướng quân, đi theo đại tướng quân. Đại tướng quân cũng muốn cùng Ngao sang đánh Thiển Vu cho nên mới đổi tiền tướng quân Quảng vào việc khác. Khi Quảng biết việc này, cố xin với đại tướng quân. Đại tướng quân không nghe, sai viên trưởng sử cầm phong thư đưa sang trưởng của Quảng nói: “Mau mau đem quân bản bộ đi, theo như lệnh trong thư”. Quảng không từ già đại tướng quân, lập tức đi ngay đến bộ, ngũ xem ý rất tức giận, đem quân hợp với hữu tướng quân là Tự Cơ, kéo ra lối phía Đông. Quân Quảng không người dẫn đường có khi lạc cả lối, nên đến sau đại tướng quân. Đại tướng quân đánh nhau với Thiển Vu. Thiển Vu trốn chạy. Đại tướng quân không bắt được, trở về. Quay về phía Nam vượt qua sa mạc, gặp tiền tướng quân và hữu tướng quân. Quảng trông thấy đại tướng quân vội lui vào trong quân. Đại tướng quân sai viên trưởng sử đem rượu và lương khô cho Quảng (24) nhân hỏi Quảng

và Tụ Cơ về việc lạc lối - ý Thanh muốn dâng thư báo với nhà vua về việc quân phải đi đường vòng (25) - Quảng chưa kịp trình, đại tướng quân lại sai trưởng sử đòi ngay bọn dưới trướng của Quảng sang để lấy cung.

Quảng nói:

- Bọn hiệu úy không có tội. Lạc lối là tự ta? Ta sẽ sang cho mà lấy cung.

Quảng bảo những người dưới quyền mình:

- Quảng này từ khi kết tóc đánh nhau với Hung Nô, lớn, nhỏ hơn bảy mươi trận. Nay được may mắn theo đại tướng quân đi, giáp chiến với quân của Thiển Vu, mà đại tướng quân lại bắt Quảng phải đem quân đi lối vòng xa, rồi lạc mất đường? Đó há chẳng phải tại trời sao? Vả chẳng Quảng ngoài sáu mươi rồi, dù sao cũng không thể mặt mũi nào nhìn bọn thư lại lần nữa!

Bèn rút dao tự đâm cổ! Tướng sĩ và toàn quân của Quảng đều khóc! Trăm họ nghe chuyện ấy, người quen hay không quen, già, trẻ, đều vì Quảng mà sa nước mắt. Còn hữu tướng quân thì giao cho các quan xét án, đáng tội chết, cho chuộc làm thường dân (26).

4. Con Quảng, ba người là Đương Hộ, Tiêu và Cẩm đều làm quan lang.

Nhà vua đùa với Hàn Yển, Yển hơi hỗn (27). Đương Hộ đánh Yển, Yển chạy. Vì thế nhà vua cho là dũng cảm. Đương Hộ chết sớm, nên cho Tiêu làm thái thú Đại Quận. Hai người đều chết trước Quảng. Khi Đương Hộ chết có người con di phúc (28) tên là Lăng.

Khi Quảng chết ở trong quân, Cẩm đang theo Phiêu kỵ tướng quân.

Quảng chết rồi, năm sau; Lý Thái đang làm thừa tướng mắc tội xâm lấn khu đất lăng của vua Hiếu Cảnh, bị giao thư lại xét xử. Thái cũng tự sát chẳng để cho người hỏi cung! Đất phong bị xóa!

Lý Cẩm làm hiệu úy theo Phiêu kỵ tướng quân đánh Tả hiền vương của quân Hồ. Cẩm cố sức đánh, cướp cờ trống của Tả hiền vương, chém nhiều đầu được phong tước là Quan nội hầu, đất phong là hai trăm hộ, thay Quảng làm lang trung lệnh. Được ít lâu, Cẩm oán đại tướng quân Vệ Thanh đã làm cho cha mình tự sát, bèn đánh đại tướng quân bị thương, đại tướng quân giấu kín chuyện ấy. Không bao lâu, Cẩm theo vua đem quân lên đất Ung, tới cung Cam Tuyền, đi săn. Phiêu kỵ tướng quân là Khứ Bệnh thân thích của nhà Thanh (29) bèn bắn chết Cẩm. Khứ Bệnh khi ấy đương được vua yêu nên vua nói dối rằng Cẩm bị nai húc chết!

Hơn năm sau Khứ Bệnh chết mà Cẩm thì có con gái hầu thái tử được thái tử yêu. Con trai Cẩm là Vũ cũng được lòng thái tử nhưng ham lợi. Họ Lý dần dần sa sút.

Lý Lăng đã lớn (30), được kén làm quan coi quân canh cung Kiến Chương, coi các quân kỵ; giỏi bắn cung, yêu quân sĩ. Nhà vua nghĩ họ Lý đòi đòi làm tướng, bèn cho coi tám trăm quân kỵ. Có lần Lăng vào sâu đất Hung Nô hơn hai nghìn dặm, qua đất Cư Duyên, trông địa thế chẳng thấy giặc, nên trở về, được thăng làm đô úy quân kỵ, đem hơn năm nghìn người ở Sở, ở Đan Dương, dạy bắn ở Tửu Tuyền, Trương Dịch để đóng đồn phòng bị giặc Hồ.

Vài năm sau, tới mùa thu năm thứ hai niên hiệu Thiên Hán (năm 99 trước Công nguyên). Nhị sư tướng quân là Lý Quảng Lợi (31) đem ba vạn quân kỵ đánh Hữu hiền vương của Hung Nô ở Kỳ

Liên Sơn. Sai Lãng đem quân bộ cùng năm nghìn người thiện xạ qua phía Bắc Cư Duyên chừng hơn nghìn dặm. Ý nhà vua muốn chia sức quân Hung Nô, không để chúng tập trung vào đánh Nhị Sư.

Khi Lãng đã đến ngày trở về, thì Thiên Vu đem tám vạn quân vây đánh quân của Lãng. Quân Lãng có năm nghìn người, tên bắn đã hết, lính chết quá nửa, nhưng giết hại quân Hung Nô cũng hơn vạn người. Lãng vừa rút lui vừa đánh tám ngày liền. Khi về còn cách Cư Duyên chừng hơn trăm dặm, Hung Nô chặn đứt lối đường hẻm. Quân Lãng thiếu ăn mà cứu binh không tới. Giặc đánh gấp và dụ Lãng hàng. Lãng nói:

- Chẳng còn mặt mũi nào mà nhìn chúa thượng nữa.

Bèn đầu hàng Hung Nô. Đám quân ấy mất hết. Còn thừa tan tác hơn bốn trăm trốn được về Hán.

Thiên Vu đã bắt được Lãng, vốn nghe danh tiếng gia đình Lãng, đến khi đánh trận giỏi, bèn đem con gái gả cho Lãng và cho ở địa vị cao. Vua Hán nghe tin, giết mẹ và vợ con Lãng.

Từ đó về sau, họ Lý mất tiếng. Những người ở Lũng Tây từng làm môn hạ họ Lý đều lấy thế làm xấu hổ (32).

5. Thái sử công nói:

Sách (33) dạy rằng: “Thân mình mà chính, không ra lệnh người ta cũng làm. Thân mình mà không chính, dù ra lệnh cũng không ai theo! ”.

Đó phải chăng là chuyện Lý tướng quân! (34). Tôi xem Lý tướng quân chất phác như người nhà quê, miệng nói chẳng nên lời. Đến khi chết trong thiên hạ quen hay không quen, đều hết sức thương xót. Đó là vì lòng trung thực của ông làm cho tướng sĩ tin yêu. Tục ngữ có câu: “Đào mận không nói, dưới gốc tự nhiên thành đường! ”. Câu ấy tuy nói việc nhỏ, có thể hiểu ra lẽ lớn vậy... (35).

.....

(1). Chức quan nhỏ lương 600 thạch lo việc canh phòng trong cung cấm.

(2). Chức quan đi theo nhà vua để hộ vệ.

(3). Chức quan lương 2000 thạch cai quản binh sĩ một quận.

(4). Ngô và Sở làm phản.

(5). Quảng là người tướng Hán vì có công khi đánh trận ở Lương nên Lương Hiếu Vương trao cho ấn tướng quân và thế là vi phạm pháp lệnh của Hán.

(6). Công Tôn là họ Hồn Da là tên, điển thuộc quốc là chức quan ngoại giao trông coi các bộ lạc đã đầu hàng nhà Hán.

(7). Giải thích câu: ở các quận biên giới. Những quận này đều ở biên giới.

(8). Trung quý nhân chức hoạn quan không rõ tên họ.

- (9). Để phòng việc bất trắc.
- (10). Đoạn I: Những chiến công của Lý Quảng khi còn trẻ.
- (11). Các đơn vị từ lớn đến nhỏ.
- (12). Năm 133 Nhiếp Nhất bày mưu cho Vũ Đế. Nhất trốn sang Hung Nô nói với Thiên Vu: “Tôi có thể khiến quan huyện, mã ấp, đem cả thành đầu hàng”. Vua Hung Nô đem mười vạn quân vào biên giới.
- (13). Lúc bấy giờ Hàn An Quốc làm Hộ quốc tướng quân chỉ huy Quảng.
- (14). Cách xét xử lạ đời.
- (15). Đinh Âm Hầu là Quán Anh.
- (16). Vì bắn ít.
- (17). Đoạn 2: Miêu tả tỉ mỉ tính cách, lối sống và cái tài bắn cung của Quảng.
- (18). Chúc quan thống lĩnh quân đội Hung Nô.
- (19). Nguyên văn “trúng suất” tức là giết đủ số thủ cấp theo quy định. Đời Vũ Đế không có quân công thì không được phong hầu.
- (20). Nguyên văn “tại hạ trung” ở bậc hạ trung. Người chia theo giá trị làm 9 hạng từ thượng thượng đến hạ hạ. Hạ trung là ở bậc 8.
- (21). Vương Sóc làm chúc vọng khí, xem thiên văn để đoán việc hay dở. Tư Mã Thiên có nói đến Sóc trong Thiên quan thư.
- (22). Đáng lý chức tiền tướng quân thì phải đi trước dẫn đường cho đại quân. Đường đại quân gần lại thiếu cỏ và nước nên bắt buộc phải đi nhanh và thế nào cũng đến trước.
- (28). Công Tôn Ngao trước là bạn Vệ Thanh. Vệ Thanh gặp nạn nhờ Ngao cứu cho khỏi chết. Sau có Công được phong hầu lại vì tội sợ Hung Nô bị xử trảm, chuộc làm thường dân.
- (24). Câu có vẻ thừa nhưng tỏ rõ Vệ Thanh không muốn giết Quảng.
- (25). Vệ Thanh và Lý Quảng đều có quân doanh. Trưởng sử lo việc giấy tờ trong quân doanh của đại tướng quân, hiệu úy lo việc giấy tờ trong quân doanh của Quảng.
- (26). Đoạn 8: Quảng suốt đời không đạt được ý muốn, cuối cùng phải tự sát.
- (27 ). Hàn Yển là con cháu Hàn Vương Tín, sủng thần của nhà vua.
- (28). Mồ côi cha khi chưa ra đời.
- (29). Hoắc Khứ Bệnh gọi Vệ Thanh là cậu.
- (30). Nguyên văn: ký tráng. Ngày xưa ba mươi tuổi gọi là tráng.
- (31). Lý Quảng Lợi là sủng thần của Vũ Đế. Nguyên văn Kỳ liên Thiên Sơn. Người Hồ gọi trời là kỳ liên, ở đây tức là Kỳ Liên Sơn hay Thiên Sơn.

(32). Đoạn 4: Con cháu Lý Quảng.

(33). Luận ngữ, thiên “Tử Lộ”.

(34). Ý nói Lý Quảng chỉ huy quân sĩ, quân sĩ vui vẻ theo.

(35). Đoạn 5: Tán dương Lý Quảng.

o0o



## Nam Việt Ủy Đà Liệt Truyện -

Vua Nam Việt họ Triệu tên là Đà người huyện Chân Định, trước làm quan úy. Bấy giờ nhà Tần đã chiếm cả thiên hạ, cướp lấy đất Dương Việt, đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đưa những người bị đày đến ở lẫn với người Việt. Như thế đã mười ba năm. Thời Tần, Đà được làm lệnh ở huyện Long Xuyên, thuộc quận Nam Hải. Đến đời Nhị Thế, quan úy ở Nam Hải là Nhâm Ngao, ốm sắp chết, mời huyện lệnh Long Xuyên là Triệu Đà đến nói;

- Tôi nghe bọn Trần Thắng làm loạn. Nhà Tần làm điều vô đạo, thiên hạ khổ cực. Bọn Hạng Vũ, Lưu Quý, Trần Thắng, Ngô Quảng đều dấy binh tụ tập quân sĩ, tranh giành thiên hạ. Trung Quốc loạn lạc chưa biết lúc nào yên. Những người hào kiệt phản Tần đều đứng lên cả. Nam Hải ở nơi xa lánh, tôi sợ quân giặc xâm lấn đến đây, nên định dấy binh chặn đứt con đường mới (l) để tự phòng bị, đợi chờ hầu có sự thay đổi. Nay gặp lúc ốm nặng. Đất Phiên Ngung nhân thế núi hiểm trở, đất Nam Hải Đông Tây rộng vài ngàn dặm, lại có người Trung Quốc giúp, cũng là nơi chủ chốt của một châu có thể lập thành nước được. Các trưởng lại trong quận không ai có thể cùng bàn việc ấy nên tôi mời ông đến để nói.

Ngao liền làm chiếu giả cho Đà làm công việc của quan úy quận Nam Hải. Ngao chết, Đà lập tức truyền hịch bảo các cửa quan Hoành Phố, Dương Sơn, Hoàn Khê rằng:

- Quân giặc sắp đến, phải chặn ngay đường, tụ tập quân sĩ để tự bảo vệ.

Rồi dần dần ông dùng hình pháp giết các trưởng lại do nhà Tần đặt ra, dùng những người đồng đảng để thay thế. Khi nhà Tần đã bị tiêu diệt, Đà lập tức đánh chiếm lấy cả Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ Vương.

Sau khi Hán Cao Đế bình định được thiên hạ, thấy Trung Quốc mới khổ nhọc, cực nhọc, nên tha Đà không trị tội. Năm thứ 11 (năm 196 trước Công nguyên), Hán sai Lục Giả sang, nhân tiện phong cho Đà làm Nam Việt Vương, chặt phù để làm tin, cho phép phái sứ giả đi lại với Trung Quốc, bảo phải hòa hợp với Bách Việt, không được gây việc lo ngại ở biên giới phía Nam.

Nam Việt giáp giới với quận Trường Sa. Thời Cao Hậu, quan đương sự xin cấm không cho người Nam Việt vào mua đồ sắt. Đà nói:

- Cao Đế lập ta làm vương, cho sứ giả cùng hàng hóa được đi lại. Nay Cao Hậu nghe lời bọn bày tôi gièm pha, cách biệt man di, cấm đứt khí vật,. Đó chắc là mưu kế của Trường Sa Vương. Ông ta muốn tìm cách dựa vào Trung Quốc, tiêu diệt Nam Việt để làm vua cả đất của ta. Đà bèn tự tôn là “Nam Việt Vũ Đế”; đem quân đánh các ấp ở biên giới quận Trường Sa, đánh bại mấy huyện rồi đi. Cao Hậu sai tướng quân Lâm Hi Hầu tên là Táo đến đánh. Gặp lúc trời nắng khí ẩm, quân lính bị bệnh dịch rất nhiều, nên quân Hán không qua được núi Dương Sơn. Được hơn một năm, Cao Hậu mất, liền bãi binh.

Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đặc của cải đứt lót các nước Mân Việt, Tây Âu Lạc để bắt họ lệ thuộc theo mình. Đất đai của Đà chiều ngang có hơn vạn dặm. Đà bèn đi xe mui lưa màu vàng cấm cờ tả đạo, mệnh gọi là “chế”(2), chẳng kém gì Trung Quốc.

Năm đầu thời Hiếu Văn Đế, thiên hạ mới yên. Nhà vua sai sứ đi bá cáo chư hầu, tứ di biết rằng nhà vua ở đất Đại (3) về lên ngôi, ý muốn nêu cao đạo đức của nhà vua. Nhân Đà có mồ mả cha mẹ ở huyện Chân Định, nhà vua bèn đặt người giữ ấp để hàng năm đến ngày giỗ thờ cúng. Đối với anh em họ của Đà, nhà vua ban ơn cho họ làm quan to và thưởng cho nhiều của. Nhà vua xuống chiếu cho bọn thừa tướng là Trần Bình cử người có thể đi sứ sang Nam Việt. Bình nói:

- Có Lục Giả người huyện Hảo Chỉ, thời tiền đế đã quen đi sứ Nam Việt.

Vua Hán bèn triệu Giả phong làm thái trung đại phu để đi sứ, nhân đấy trách Đà đã tự lập làm “đế” mà không hề phái sứ giả sang báo tin.

Lục Giả đến nơi, Nam Việt Vương sợ hãi, làm giấy tạ tội rằng: “Thần tên là Đà, là một kẻ già ở man di. Ngày trước Cao Hậu gạt bỏ Nam Việt, thần trốn nhờ Trường Sa Vương đã gièm pha thần. Lại nghe đồn Cao Hậu giết hết họ hàng Đà, đào mồ mả, đốt hài cốt cha ông Đà. Vì thế nên liều mạng xâm phạm biên cảnh quận Trường Sa. Vả lại phương Nam đất thấp, ẩm, dân man di ở vào giữa. Ở phía Đông đất Mân Việt chỉ vẹn vẹn nghìn người, cũng xưng hiệu là “vương”; ở phía Tây, nước Âu Lạc là nước trần truồng, cũng xưng là “vương”. Lão thần trốn dùng bậy danh hiệu “đế” chỉ để tự vui (4), chứ đâu dám để nói đến tai bệ hạ? ”.

Đà bèn dập đầu xuống tạ tội, xin mãi mãi làm phiên thần dâng lễ cống. Rồi ra lệnh trong nước:

- Ta nghe nói “hai anh hùng không cùng sống, hai người hiền không cùng ở một đời”, Đức hoàng đế là bậc thiên tử hiền tài. Từ nay về sau mệnh lệnh không gọi là “chế”, bỏ xe mui lụa vàng và cờ tả đạo.

Lục Giả về báo tin, Hiếu Văn Đế bằng lòng lắm.

Đến thời Hiếu Cảnh, Đà vẫn xưng thần, sai người vào châu. Nhưng ở trong nước Nam Việt thì vẫn trốn dùng danh hiệu “đế” như cũ; còn khi sai sứ sang thiên tử, thì xưng “vương”, triều kiến thỉnh mệnh như các chư hầu.

Đến năm thứ tư niên hiệu Kiến Nguyên (năm 137 trước Công nguyên), Đà mất, cháu Đà là Hồ làm Nam Việt Vương. Lúc bấy giờ vua Mân Việt là Dĩnh đem binh đánh các ấp ngoài biên của nước Nam Việt. Hồ sai người dâng thư lên vua Hán, nói:

- Hai nước Việt đều là phiên thần, không được đem binh đánh nhau. Nay nước Mân Việt đem binh xâm lấn đất của thần, thần không dám đánh lại, xin đợi thiên tử chiếu truyền cho việc ấy.

Thiên tử bèn khen Nam Việt biết giữ chức phận mình, hứa sẽ đưa quân đến giúp, bèn sai hai tướng quân đi đánh Mân Việt (5). Quân của Hán chưa vượt núi Ngũ Lĩnh thì em của Mân Việt Vương là Dư Thiện đã giết Dĩnh để hàng. Vì thế bãi binh.

Thiên tử sai Trang Trọ sang Nam Việt hiểu dụ ý của nhà vua. Nam Việt Vương là Hồ dập đầu xuống, nói:

- Thiên tử vì thần mà đem quân đánh Mân Việt, thần chết không đủ để báo ơn đức ấy.

Bèn sai thái tử là Anh Tề vào túc trực ở nơi cung cấm. Hồ bảo Trọ rằng:

- Nước mới bị cướp, sứ giả đi thôi.

Hồ đang ngày đêm sửa chữa hành trang để vào triều kiến thiên tử. Sau khi Trọ đi rồi, đại thần can Hồ rằng:

- Nhà Hán dấy quân đánh Dĩnh cũng là làm cho Nam Việt hoảng sợ. Vả lại tiên vương trước có nói: “Phụng sự thiên tử cốt không thất lễ, không nên nghe lời dỗ ngon dỗ ngọt mà vào châu”. Nếu vào châu thì không được về, đó là cái thế mất nước đấy.

Vì vậy Hồ mượn cơ bị bệnh nặng, thái tử Anh Tề xin về nước. Hồ mất, thụy là Văn Vương, Anh Tề lên ngôi thay, lập tức giấu ngay ấn Vũ Đế của Triệu Đà.

Khi Anh Tề vào làm túc vệ ở Trường An, có lấy người con gái họ Cù, người huyện Ham Đan, sinh người con là Hưng. Đến lúc Anh Tề lên làm vua, bèn dâng thư lên vua Hán, xin lập Cù thị làm hậu, Hưng làm con nối nghiệp. Hán luôn luôn sai sứ giả sang dỗ dành Anh Tề. Anh Tề thính hưởng lạc, tự ý giết người, sợ vào châu phải theo pháp luật của nhà Hán cũng như chư hầu ở Trung Quốc. Anh Tề bèn cố ý xưng có bệnh, không vào triều, sai con là Thứ Công vào làm túc vệ.

Anh Tề mất, thụy là Minh Vương. Thái tử là Hưng lên thay, mẹ làm thái hậu.

Thái hậu từ khi chưa làm vợ của Anh Tề, đã dan díu với người huyện Bá Lăng là An Quốc Thiếu Quý. Sau khi Anh Tề mất, năm thứ tư niên hiệu Nguyên Đế (năm 113 trước Công nguyên), vua Hán sai An Quốc Thiếu Quý sang dụ vương và vương thái hậu vào châu như các nước chư hầu. Vua Hán lại sai bọn biện sĩ là Chung Quân làm giám đại phu đi theo để trình bày, bọn dũng sĩ là Ngụy Thần đi theo để giúp khi cần thiết, vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng đồn ở quận Quế Dương để đợi sứ giả.

Vương tuổi còn nhỏ, thái hậu trước đã dan díu với An Quốc Thiếu Quý. Thiếu Quý sang sứ, lại tư thông với thái hậu. Người trong nước biết, phần nhiều không theo thái hậu. Thái hậu sợ có loạn, cũng muốn dựa vào uy thế nhà Hán mấy lần khuyên vua cùng các quan xin nội thuộc. Nhân có sứ giả nhà vua dâng thư, xin được làm chư hầu ở Trung Quốc, cứ ba năm một lần vào châu, hủy bỏ các cửa ải nơi biên giới. Thiên tử ưng thuận. Thiên tử cấp cho thừa tướng của vương là Lữ Gia ấn bằng bạc cùng các ấn nội sử, trung úy thái phó. Còn các chức khác thì tự đặt lấy. Bỏ hình phạt cũ chạm vào trán, cắt mũi, dùng pháp luật của nhà Hán, coi như chư hầu ở Trung Quốc. Các sứ giả đều ở lại để vỗ về nước Nam Việt. Vương và vương thái hậu sửa chữa hành lý, quà biếu, mang đồ vào triều cống.

Thừa tướng của vương là Lữ Gia tuổi đã nhiều, làm thừa tướng ba đời vua. Họ hàng làm quan trưởng lại đến hơn bảy mươi người. Con giai lấy con gái vua, con gái lấy con giai, anh em, tôn thất của vua, lại thông gia với Tần Vương ở quận Thương Ngô. Ông ở trong nước rất được tôn trọng, người Việt tin ông, nhiều người làm tai mắt cho ông. Ông được lòng dân hơn vương. Khi vương dâng thư, Lữ Gia mấy lần can ngăn, nhưng vương không nghe. Ông có ý lắm phẫn, luôn luôn nói là bị bệnh, không tiếp kiến sứ giả nhà Hán. Các sứ giả đều để ý đến Gia, nhưng chưa thể giết được. Vương và vương thái hậu cũng sợ Lữ Gia gây việc trước, bèn đặt tiệc rượu, nhờ uy quyền các sứ giả để mưu giết bọn Gia. Các sứ giả đều ngồi quay mặt về hướng Đông, thái hậu ngồi quay mặt về hướng Nam, vương ngồi quay mặt về hướng Bắc, thừa tướng Gia và các đại thần đều ngồi quay mặt về hướng Tây hầu, uống rượu. Em của Gia làm tướng võ, cai quản quân lính ở ngoài cung. Khi mời rượu, thái hậu bảo Gia:

- Nước Nam Việt nội thuộc là lợi cho nước, tại sao tướng quân lại cho là bất tiện?

Thái hậu muốn khích các sứ giả giận, nhưng các sứ giả do dự nhìn nhau, không ai dám ra oai. Gia thấy dáng mặt có khác, lập tức đứng dậy ra đi. Thái hậu giận muốn lấy giáo đâm Gia, vương ngăn thái hậu lại. Gia bèn đi ra, chia quân của em, đem quân về nhà. Đoạn Gia nội là có bệnh không chịu vết kiến vương và các sứ giả, ngầm bàn mưu cùng các quan đại thần nổi loạn.

Vương vẫn không có ý giết Gia. Gia biết thế nên mấy tháng việc không xảy ra. Thái hậu dâm ô, người trong nước không theo. Thái hậu muốn giết bọn Gia nhưng sức lại không làm nổi. Thiên tử nghe tin, biết Gia không chịu, vương và thái hậu thì cô đơn, nhu nhược không chế ngự được, các sứ giả lại nhút nhát không quả quyết. Thiên tử lại cho là vương và thái hậu đã theo Hán rồi, một mình Lữ Gia làm loạn, không đáng đem binh đánh, muốn sai Trang Sâm đem hai nghìn người đi sang sứ. Sâm nói:

- Nếu dùng hòa hoãn mà đi, thì vài người cũng đủ, muốn dùng vũ lực mà đi thì hai nghìn người không đủ để làm gì.

Trang Sâm từ chối là không thể được. Thiên tử bãi chức quan của Sâm. Hàn Thiên Thu, tráng sĩ ở huyện Giáp, nguyên là tướng quốc ở Tế Bắc, hăng hái nói:

- Lấy nước Việt còn con, lại có vương thái hậu làm nội ứng, chỉ có một mình thừa tướng Lữ Gia cản trở thì khó gì! Nhà vua cho tôi hai trăm người dũng sĩ, thế nào tôi cũng chém được Gia về báo.

Thiên tử bèn sai Thiên Thu cùng em của vương thái hậu là Cù Lại đem hai nghìn người đi vào nước Việt. Bọn Lữ Gia bèn làm phản, ra lệnh trong nước: “Vương tuổi còn trẻ, thái hậu là người Trung Quốc, lại dâm dục với sứ giả, chỉ muốn nội thuộc, đem hết đồ quý báu của tiên vương vào dâng thiên tử để được yên. Đem nhiều người đi theo, đến Trường An, bán cho người ta làm đồng bộc. Thái hậu chỉ nghĩ đến cái lợi thoát thân một thời, không nghĩ gì đến mưu kế lâu dài cho xã tắc họ Triệu cả”.

Lữ Gia bèn cùng em đem quân đánh giết vương, thái hậu, cùng các sứ giả của nhà Hán. Lữ gia sai người báo với Tần Vương ở quận Thương Ngô và các quận huyện; lập Vệ Dương Hầu Kiến Đức người con trai đầu của Minh Vương, vợ là người Việt, làm vua.

Sau đó, quân của Hàn Thiên Thu vào phá mấy ấp nhỏ. Sau quân Việt mở thẳng đường, mang lương thực người Việt đem quân đánh bọn Thiên Thu, diệt được họ cách Phiên Ngung bốn mươi dặm, Gia sai người phong gói cờ tiết của sứ giả nhà Hán đem để ở cửa ải, khéo nói dối để tạ tội, rồi đem quân đóng giữ những nơi hiểm yếu. Thiên tử bèn nói:

- Hàn Thiên Thu tuy không thành công, cũng là người tiên phong giỏi nhất. Phong cho con là Diên Niên làm An Thành Hầu. Cù Lạc có chị là vương: thái hậu xin phụ thuộc nhà Hán, phong cho con là Quảng Đức làm Long Cung Hầu.

Bèn hạ lệnh tha tội cho các tội nhân, nói:

- Thiên tử suy yếu, chư hầu đánh nhau, là chê nhân thần không đánh giặc. Nay bọn Lữ Gia, Kiến Đức, lại tự lập một cách yên ổn, trẫm hạ lệnh đem các tội nhân cùng mười vạn quân lâu thuyền ở miền Giang, Hoài trở về Nam để đi đánh

Năm thứ năm niên hiệu Nguyên Đế (năm 112 trước Công nguyên), mùa thu, vệ úy là Lộ Bác

Đức làm Phục Ba tướng quân đem quân từ quận Quế Dương xuống đường sông Hối Thủy, chủ tước đô úy là Dương Bộc làm Lâu thuyền tướng quân đem quân từ quận Dự Chương xuống đường Hoàn Phố, Quy Nghĩa. Kiệt Hâu là người Việt trước đã hàng làm quà thuyền, Hạ Lê tướng quân, đem quân từ huyện Linh Lăng, xuống đường sông Ly Thủy, hoặc để quân Thương Ngô; sai Trì Nghĩa Hâu, đem thêm tội nhân nước Ba Thục, đưa quân từ đất Dạ Lang xuống đường sông Tường Kha. Các quân ấy đều gặp nhau ở Phiên Ngung.

Năm thứ sáu niên hiệu Nguyên Đĩnh (năm 111 trước Công nguyên), mùa đông. Lâu thuyền tướng quân đem quân tinh nhuệ đến trước đánh hãm Tâm Hiệp, phá được Thạch Môn, lấy được thuyền thóc của người Việt. Nhân đấy, ông ta tiến lên, đánh gẫy quân tiên phong của Việt, và đem vài vạn người đợi Phục Ba. Phục Ba tướng quân đem theo tội nhân, đi đường xa đến sau kỳ hội. Phục Ba cùng quân của Lâu thuyền họp lại mới có được hơn nghìn người, bèn cùng tiến. Quân của Lâu thuyền đi trước đến Phiên Ngung, Kiến Đức cùng Gia đều giữ thành. Lâu thuyền tự chọn nơi tiện lợi đóng ở mặt Đông Nam. Phục Ba đóng ở mặt Tây Bắc. Gặp lúc chiều tối, Lâu thuyền đánh bại người Việt, tung lửa đốt thành. Người Việt vẫn nghe biết tiếng Phục Ba, nhưng trời tối quân không biết số quân nhiều ít thế nào. Phục Ba bèn lập doanh trại, sai sứ chiêu hàng, cho họ lấy ấn quan, lại thả cho về để chiêu dụ nhau. Lâu thuyền ra sức đánh và đốt, quân địch lại chạy vào trong trại của Phục Ba. Đến mờ sáng, người trong thành đều hàng Phục Ba. Lữ Gia và Kiến Đức từ đêm đã cùng gia thuộc vài trăm người, chạy trốn ra biển, lấy thuyền đi về phía Tây.

Phục Ba nhân tiện hỏi những người chức vị cao đã hàng để biết lối Lữ Gia chạy và cho người đuổi theo. Hiệu úy Tư Mã Tô Hoàng là người Việt hàng Hán bắt được Kiến Đức, được phong làm Hải Thường Hâu, quan lang người Việt là Đô Kê bắt được Gia, được phong làm Lâm Thái Hâu. Thương Ngô Vương là Triệu Quang là người cùng họ với Việt Vương, nghe quân nhà Hán đến, cùng quan huyện lệnh Kê Dương của Việt tên là Định tự quyết định đi theo nhà Hán; quan giám quận Quế Lâm của Việt tên là Cư Ông dụ dân Âu Lạc đi theo nhà Hán. Những người này đều được phong tước hầu.

Quân của qua thuyền, Hạ Lê tướng quân cùng quân Dạ Lang mà Trì Nghĩa Hâu đem đi, chưa xuống đến nơi, thì Nam Việt đã dẹp yên rồi. Bèn lấy đất đặt làm chín quận. Phục Ba tướng quân phong thêm cho Lâu thuyền tướng quân làm Tương Lương Hầu vì đã hạ được nơi kiên cố.

Từ lúc úy Đà mới làm vương đến sau là năm đời, cộng chín mươi ba năm rồi mất nước.

Thái sử công nói:

Úy Đà làm vương vốn do ở Ngâm Ngao, gặp lúc nhà Hán mới bình định thiên hạ, ông được liệt vào hàng chư hầu. Lâm Lư Hầu ngại khí thấp, bệnh dịch, không đi đánh, Đà càng được thể kiêu căng. Âu Lạc đánh nhau làm rung động nước Nam Việt. Quân nhà Hán tới cõi. Anh Tề vào châu, sau đó mất nước, nguồn gốc đều do Cù thị. Lữ Gia giữ lòng trung nhỏ mọn, khiến cho Đà không có người nối dõi. Lâu thuyền tướng quân làm theo ý muốn không biết tiết chế, lười biếng, kiêu ngạo, thành bị nhảm nhỡ. Phục Ba tướng quân gặp khốn cùng, càng nảy trí mưu, nhân họa thành ra phúc. Sự việc xoay vần thành và bại, ví như cái thùng, cái sợi, xoắn xuýt lấy nhau.

.....

(1). Đường Tần làm để đi thông đến Việt.

(2). Xem Tần Thủy Hoàng bản kỷ chú thích.

(3). Văn Đế trước đây là vua ở đất Đại.

(4). Lời nói rất xược.

(5). Vương Khôi và Hàn An Quốc.

o0o



## Cấp Âm Liệt Truyện -

Cấp Âm tự là Trường Nhu, người đất Bốc Dương. Tổ tiên ngày xưa được vua nước Vệ yêu quý. Đến Âm là đời thứ bảy, đời đời vẫn làm khanh, đài phu. Âm nhờ cha được làm quan (1). Thời vua Hiếu Cảnh, Âm làm thái tử tể mã (2). Âm người trang trọng được mọi người kính sợ. Vua Hiếu Cảnh mất, thái tử lên ngôi, Âm làm chức yết giả. Các nước ở Đông Việt đánh lẫn nhau, nhà vua sai Âm đến xem. Âm không đi đến nơi chỉ đi đến đất Ngô rồi trở về báo:

- Người Việt đánh nhau, đó là cái tục của họ xưa nay vẫn thế, không đáng làm nhục đến sứ thần của thiên tử.

Hà Nội phát hỏa, cháy lan hơn một ngàn nóc nhà, vua sai Âm đến xem. Âm trở về báo:

- Người nhà để lửa cháy, nhà ở liền nhau nên cùng cháy. Điều đó không đáng lo. Thần qua Hà Nam, Hà Nam người nghèo, hơn một vạn người bị lụt lội hạn hán, có người cha con ăn thịt nhau. Thần nhân tùy tiện lấy cớ tiết (3), bảo mở kho lúa Hà Nam để phát chẩn cho dân nghèo. Thần xin đem cớ tiết về chịu tội đã giả chiếu chỉ của hoàng thượng.

Nhà vua cho Âm là người hiền, tha tội, đổi làm huyện lệnh ở Huỳnh Dương. Âm xấu hổ về việc đi làm huyện lệnh, cáo bệnh xin về vườn. Nhà vua nghe vậy mời vào cho làm trung đại phu. Vì Âm hay can thẳng nên không được ở lâu trong triều, bị đổi đi làm thái thú ở Đông Hải.

Âm theo đạo Hoàng Đế, Lão Tử; lúc làm quan trị dân thích thanh tĩnh, chọn những người thừa, sử, rồi giao cho họ làm. Trong việc cai trị chỉ xem xét đại thể mà thôi không chú ý đến những chi tiết vụn vặt. Âm ốm bệnh, nằm ở trong nhà không ra. Được hơn một năm quận Đông Hải rất yên. Mọi người khen ngợi. Nhà vua nghe tin, gọi vào cho làm chủ tước đô úy, đứng vào hàng cửu khanh. Âm cai trị chỉ muốn “bớt việc” mà thôi cốt đại thể, không câu nệ về văn từ pháp lệnh. Âm tính kiêu ngạo, ít lễ độ, chỉ trích trước mặt, không chịu tha thứ những sai lầm của người ta. Ai hợp với mình thì chơi, ai không hợp thì không buồn nhìn. Kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nhưng Âm thích chơi với người nghĩa hiệp, chú trọng về khí tiết, tự mình cư xử liêm khiết, thích can thẳng, nhiều lần xúc phạm đến sắc mặt nhà vua. Âm thường khen Phó Bách, Viên Áng (4), chơi thân với Quán Phu (5), Trịnh Dương Thời và Lưu Khí làm chức tông chính (6). Những người này cũng vì hay can thẳng nên không ở chức vị được lâu.

Lúc bấy giờ em trai thái hậu là Vũ An Hầu tên là Điền Phân làm thừa tướng. Các quan từ hai ngàn thạch lương trở lên đều đến bái yết. Phân không đáp lễ. Nhưng Âm thấy Điền Phân, thường không lạy mà chỉ vái. Nhà vua mới nhóm họp các nhà văn, nhà nho. Nhà vua nói:

- Ta muốn thế này, thế này...

Âm tâu:

- Bệ hạ trong lòng có nhiều ham muốn, bên ngoài lại làm ra vẻ nhân nghĩa muốn bắt chước cách cai trị đời Đường, đời Ngu làm sao được?

Nhà vua im lặng, nổi giận, biến sắc mặt và bãi triều. Các công khanh đều lo hộ cho Cấp Âm. Nhà vua lui vào cung bảo các quan hầu:

- Thật là quá lắm Cấp Ẩm thật là buống!

Các quan có người trách Ẩm. Ẩm nói:

- Nhà vua đặt ra các quan công khanh đâu phải bảo họ a dua nịnh hót, dẫn vua đến chỗ bất nghĩa? Vả chẳng đã ở địa vị công khanh mà còn luyến tiếc thân mình làm nhục triều đình sao?

Ẩm ốm bệnh, đau ba tháng liền. Nhà vua mấy lần cho ông ta cứ làm quan nhưng ở nhà chữa bệnh, tuy vậy cuối cùng cũng không bớt. Sau cùng mắc bệnh nặng. Trang Trợ xin cho Ẩm được thôi làm quan.

Nhà vua hỏi:

- Cấp Ẩm là người như thế nào?

Trợ nói:

- Nếu cho Ẩm giữ chức làm quan thì cũng chẳng có gì hơn người. Nhưng để ông ta giúp ấu chúa thì ông ta giữ vững ý định: gọi không đến, đuổi không đi, dù có người tự chomình là Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể thắng được.

Nhà vua nói:

- Phải đấy? Ngày xưa có bấy tôi cùng chung hoạn nạn với quốc gia. Ẩm cũng gần được như vậy.

Đại tướng quân Vệ Thanh vào chầu trong cung, nhà vua ngồi xồm bên cạnh giường mà tiếp. Thừa tướng Hoảng nhân việc vào yết kiến, nhà vua có khi không đội mũ. Còn Ẩm vào yết kiến nhà vua không đội mũ thì không tiếp. Nhà vua thường ngồi ở trong trướng võ, Ẩm tiến tâu công việc nhà vua không đội mũ, nhìn đằng xa thấy Ẩm thì tránh vào trong trướng, sai người chuẩn y lời tâu. Ông được nhà vua kính nể như vậy.

Trương Thang vừa mới được làm đình úy vì đã thay đổi hình luật, pháp lệnh. Cấp Ẩm mấy lần chất vấn, trách ông ta trước mặt nhà vua, nói:

- Ông làm cửu khanh nhưng ở trên không thể nêu cao công nghiệp của tiên đế, ở dưới không thể ngăn cản lòng tà của thiên hạ, khiến cho nước yên, dân giàu, tù ngục không có người. Cả hai điều đó ông không được lấy một. Không kể việc sai trái, làm khổ người khác, cứ việc làm; không kể việc hồng chỉ cốt được việc cho mình. Tại sao ông lại thay đổi pháp luật Cao Hoàng đế đã định để làm cho rối loạn? Ông làm thế sẽ mất nòi đấy!

Ẩm có lúc tranh cãi với Thang. Khi tranh luận Thang thường chú ý đến lời văn cho sâu và bới lông tìm vết còn Ẩm thì ngay thẳng, nghiêm túc, giữ đúng khuôn phép không chịu thua. Ẩm giận lắm:

- Thiên hạ nói bọn thư lại không thể làm công khanh, điều đó quả thật là đúng? Cứ theo Thang thì sẽ khiến thiên hạ chồng chân lên nhau mà đứng liếc mắt nhìn trộm vậy (7).

Lúc bấy giờ, nhà Hán đang đánh Hung Nô, kêu gọi võ về tứ di (8). Ẩm cốt sao ít sinh sự, nhân lúc nhà vua rảnh thường nói nên hòa thân với Hồ chứ đừng gây binh. Nhà vua đang thiên về đạo Nho, tôn quý Công Tôn Hoàng (9). Đến khi công việc càng nhiều, quan lại lo dùng pháp luật để ràng buộc, dân lo tìm cách trốn tránh. Nhà vua dùng pháp luật để xét xử, bọn Thang thường gây

những ngục lớn, đem tội trạng tâu lên để được lòng nhà vua. Trái lại Âm thường chê bai nhà Nho, trước mặt bọn Hoǎng, trách họ trong lòng giả dối, bên ngoài khéo léo khôn ngoan hùa theo nhà vua để giữ địa vị, bọn thư lại (10) chỉ lo bề cong pháp luật khéo tìm cách làm hại người ta, hãm người ta vào tội khiến không được thân oan, lấy việc thắng được dân làm công lao. Nhà vua càng quý bọn Hoǎng, Thang. Hoǎng và Thang trong lòng rất ghét Âm. Tuy thiên tử không thích nhưng họ muốn tìm việc để giết Âm. Hoǎng làm thừa tướng nói với nhà vua:

- Ở trong hữu nội sử có nhiều quý nhân, tôn thất, khó trị. Nếu không có một vị quan đã từng nổi danh thì không làm được trách nhiệm ấy. Xin cho đổi Âm làm hữu nội sử.

Âm làm hữu nội sử mấy năm, việc quan không bỏ trễ.

Đại tướng quân Vệ Thanh càng được tôn trọng, chị là hoàng hậu, nhưng Âm vẫn đối xử ngang hàng. Có người nói với Âm:

- Thiên tử muốn quần thần kính trọng đại tướng quân. Đại tướng quân được tôn trọng lại càng quý, ông nên lạy là phải.

Âm nói:

- Đại tướng quân có người khách vái dài, thế là không được tôn trọng hay sao?

Đại tướng quân nghe vậy lại càng cho Âm là người hiền, thường mời hỏi những việc quốc gia triều đình chưa quyết định, đối xử với Âm hơn hẳn ngày trước.

Hoài Nam Vương mưu phản, sợ Âm, nói:

- Âm thích can thẳng, giữ khí tiết, chịu chết theo chính nghĩa, khó lấy điều phản bội mà dụ dỗ ông ta được. Còn như thuyết phục thừa tướng Hoǎng thì cũng dễ như mở đồ đạc, chọc lá sắp rụng mà thôi.

Sau khi nhà vua nhiều lần đánh Hung Nô thành công, lời nói của Âm lại càng không được nghe. Trước kia Âm ở vào hàng cửu khanh, trái lại Công Tôn Hoǎng, Trương Thang là quan lại nhỏ. Đến khi Hoǎng và Thang càng ngày được thăng lên ngang hàng với Âm. Âm lại mắng nhiếc chê trách Hoǎng và Thang. Ít lâu sau, Hoǎng làm đến thừa tướng được phong làm hầu, Trương Thang làm đến ngự sử đại phu. Vì vậy trong thời của Âm, thừa tướng, ngự sử đều cùng ngang hàng với Âm lại có phần được tôn trọng, tin dùng hơn. Âm là người hẹp hòi không khỏi oán thán. Khi yết kiến nhà vua, Âm nói:

- Bệ hạ dùng bày tôi như chất củi mà thôi, ai đến sau thì ở trên.

Nhà vua im lặng. Một lúc sau Âm rút lui. Nhà vua nói:

- Người ta quả là không thể không có học, xem Âm nói thì ngày càng quá lắm.

Được ít lâu, vua Hồn Gia của Hung Nô đem dân chúng đến hàng. Nhà Hán đưa ra hai vạn cỗ xe. Nhà vua không có tiền, mua chịu ngựa của dân. Dân có người giấu ngựa đi, số ngựa không đủ. Nhà vua giận, muốn chém quan huyện lệnh Trường An. Âm nói:

- Quan huyện lệnh Trường An không có tội, xin chém một mình Âm, thì dân sẽ chịu đưa ngựa ra. Vả chăng Hung Nô phản lại chủ của họ, đầu hàng nhà Hán; Hán cứ thùng thẳng đặt các

trạm ở các huyện để đưa đến, sao lại làm cho thiên hạ náo động, Trung Quốc mệt mỏi để hầu hạ Di, Địch

Nhà vua im lặng. Đến khi Hồn Gia đến, những người buôn bán và những người ở ngoài chợ phạm tội chết đến hơn năm trăm người. Ắm xin được dịp yết kiến nhà vua ở điện Cao Môn. Ắm nói:

- Hung Nô vào xâm lấn đường sá biên giới, cắt đứt hòa thân. Trung Quốc đem binh trừng phạt, người chết và bị thương không kể xiết, hao phí tiền của hàng vạn triệu. Thần ngu dốt cho rằng bệ hạ được người Hồ thì đều cho làm nô tỳ cấp cho những gia đình có người tòng quân mà chết. Tài sản cướp được thì đều cấp cho họ để đỡ cái khổ cho thiên hạ, an ủi lòng trăm họ. Nay lại không làm như vậy, Hồn Gia đem mấy vạn người đến hàng, bệ hạ sai vét rỗng kho để thưởng, bắt dân lành hầu hạ nuôi nấng, như nuôi đứa con cưng? Dân ngu biết đâu rằng đó là lệnh cấm, nên tùy tiện đến mua những đồ vật ở chợ Trường An. Thế mà quan lại theo pháp luật buộc tội họ là đã đem của cải vật phẩm đưa ra biên giới! Nếu như bệ hạ không thể có được của cải của Hung Nô để tạ lỗi với thiên hạ, thì lẽ nào dùng lời lẽ khó hiểu mà giết hơn năm trăm người đại đột. Làm như vậy tức là như người ta nói: “Che chở cho lá làm thương tổn đến cành cây vậy”. Thần trộm cho bệ hạ làm như thế là không phải.

Nhà vua im lặng, không nghe theo, nói:

- Ta đã lâu không nghe Cáp Ắm nói, đến nay ông ta lại nói bậy.

Mấy tháng sau, Cáp Ắm phạm sai lầm nhỏ, bị tội. Gặp lúc đại xá bị bãi chức, Ắm bèn ở ẩn chốn điền viên.

Cáp Ắm ở nhà được mấy năm, gặp lúc nhà vua thay bằng thứ tiền năm thù, dân nhiều người đúc tiền trộm, ở nước Sở lại càng nhiều nhất (11). Nhà vua cho rằng Hoài Dương là nơi giáp giới nước Sở, bèn gọi Cáp Ắm vào cho làm thái thú Hoài Dương: Ắm lạy từ tạ không nhận ấn. Chiếu mấy lần ép giao ấn, sau đó Ắm mới vâng lời. Chiếu cho Ắm đến yết kiến, Ắm khóc và nói với nhà vua:

- Thần tự cho rằng mình chết ở nơi ngòi rãnh không còn có lúc thấy lại bệ hạ, không ngờ bệ hạ lại dùng. Thần thường có cái tật của loài chó ngựa, không đủ sức làm việc ở các quận. Thần xin nguyện làm trung lang (12) ra vào nơi cung cấm, và những điều sai, lật những điều sót, đó là nguyện ước của thần.

Nhà vua nói:

- Nhà ngươi coi thường Hoài Dương hay sao ít lâu nữa ta sẽ gọi nhà ngươi về. Hiện nay ở Hoài Dương dân và quan không tương đắc, ta chỉ nhờ cái uy sẵn có của nhà ngươi, nhà ngươi cứ nằm mà cai trị (13).

Sau khi Ắm từ già ra đi. Ắm qua nhà Lý Túc làm đại hành (14), nói:

- Ắm bị vớt ra ngoài quận không thể bàn việc triều đình được nữa. Nhưng Trương Thang làm ngự sử đại phu là người có cái trí khôn đủ để chống lại những lời can ngăn, có cái tài gian trá đủ để tô vẽ cho điều sai trái, chỉ cốt khéo ton hót bề trên, bắt bẻ người dưới, không chịu theo điều chính nghĩa để lo việc thiên hạ. Ông ta chỉ lo a dua theo ý vua. Nhà vua không ưa ai thì ông ta nhân đó gièm pha thêm, nhà vua ưa ai thì ông ta nhân đó khen ngợi thêm. Thích sinh sự, múa

may trong văn án, trong lòng nghĩ đến việc đối trá để chiều theo ý vua. Bên ngoài dựa vào bọn tặc lại (15) để làm cho uy mình thêm lớn. Ông ở hàng cửu khanh mà không sớm nói điều đó thì ông và hần đều sẽ bị tội cả đấy.

Tức sợ Thang, cuối cùng không dám nói. Âm ở quận vẫn cai trị như trước, chính trị Hoài Dương được sáng suốt. Sau đó quả nhiên Trương Thang bị thất bại. Nhà vua nghe lời Âm nói với Tức, trị tội Tức, cho Âm ở Hoài Dương được hưởng lương bổng của tướng quốc chư hầu (16). Được bảy năm thì mất.

Sau khi mất, nhà vua vì Âm nên cho người em là Cấp Nhân làm đến cửu khanh. Con Âm là Cấp Yến làm đến tướng quốc của chư hầu. Người em con cô là Tư Mã An lúc nhỏ cùng làm thái tử tể tướng với Âm. An lời văn sâu sắc, khéo làm quan, bốn lần đến chức cửu khanh, khi chết làm thái thú Hà Nam. Bọn anh em nhờ An nên đồng thời có đến mười người lương hai nghìn hộ. Đoạn Hoảng người Bộc Dương lúc đầu thờ Hạ Hầu tên là Tín. Tín dùng Hoảng. Hoảng cũng hai lần làm đến cửu khanh. Những người nước Vệ làm quan ai cũng kính sợ Âm, coi Âm là ở trên mình.

1. Trịnh Dương Thời tự là Trang, người ở đất Trần. Cha là Trịnh Quân đã từng làm tướng của Hạng Tịch. Tịch chết, ít lâu sau theo về Hán. Cao Tổ sai các quan cũ của Hạng Tịch gọi tên Tịch (17). Riêng một mình Trịnh Quân không nghe theo lời chiếu. Chiếu cho tất cả những người gọi tên Tịch làm đại phu mà đuổi Trịnh Quân. Trịnh Quân chết thời Hiếu Văn Đế.

Trịnh Trang thích làm nghĩa hiệp. Khi đã cứu Trương Vũ khỏi ách thì nổi tiếng ở miền Lương, Sở. Thời Hiếu Cảnh Đế, Trang làm thái tử xá nhân (18). Cứ năm ngày lại tắm rửa, thường đặt ngựa trạm ở ngoại thành Trường An, thăm hỏi những người bạn cũ, đến chơi nhà các tân khách, suốt đêm cho đến sáng hôm sau, thường vẫn sợ không chu đáo, Trang thích học theo lối Hoàng Đế, Lão Tử, hâm mộ những người trưởng giả như là sợ không được gặp mặt (19). Tuy tuổi trẻ, quan thấp, nhưng các bạn bè giao du, đều là hạng cùng lứa với hàng cha, ông, là những kẻ sĩ có danh tiếng trong thiên hạ. Vũ Đế lên ngôi, Trang dần dần làm trung úy ở đất Lỗ, làm thái thú ở Tế Nam, làm tướng quốc ở Giang Tô, làm đến hữu nội sử thuộc hàng cửu khanh. Vì việc Vũ An Hầu và Ngụy Kỳ tranh cãi nhau, An bị giáng chức làm thêm sự, đổi làm đại nông lệnh (20).

Khi làm thái sử, Trang căn dặn những người môn hạ như sau:

- Có khách đến thì không kể cao quý hay hèn mọn đều không được giữ ở ngoài cửa.

Trang giữ lễ đối với khách, mặc dầu mình cao quý nhưng đối với người thì khiêm tốn. Trang thanh liêm lại không lo đến sản nghiệp đem tất cả lương bổng cho tân khách, những thức ăn đưa cho khách đều đặt trong những cái quả bằng tre (21). Mỗi lúc đi chầu, có dịp tâu lên, Trang luôn luôn nói lên những người trưởng giả trong thiên hạ. Khi tiến cử các kẻ sĩ và những người thuộc lại thì trình bày thân thiết thú vị thường đề cao tài đức của họ, cho họ hơn mình, không bao giờ gọi họ bằng tên. Khi nói với những quan dưới quyền mình thì cẩn thận như sợ làm tổn thương đến họ. Nghe người ta có lời nói hay thì vội vàng lo tiến lên nhà vua. Kẻ sĩ và những người trưởng giả ở Sơn Đông vì vậy đều khen ngợi Trịnh Trang.

Vua sai Trịnh Trang đi xem cửa sông Hoàng Hà. Trang xin năm ngày để chuẩn bị hành lý, Nhà vua nói:

- Ta nghe nói Trịnh Trang đi nghìn dặm không mang lương, tại sao lại xin chuẩn bị hành lý?



Nhưng Trịnh Trang ở trong triều thường a dua phụ họa theo ý muốn nhà vua không dám trình bày rõ ràng là đúng hay sai. Đến khi già, nhà Hán đánh Hung Nô, chiêu hàng tứ di, thiên hạ hao phí nhiều, của cải dùng càng thiếu. Trang tiến cử người và tân khách làm việc vận chuyển dưới quyền đại nông lệnh, nhiều người ăn bớt của công. Tư Mã An làm thái thú Hoài Dương tố giác việc ấy. Trang vì vậy bị tội, chuộc tội làm thường dân. Ít lâu sau tạm quyền chức trưởng sử của thừa tướng. Nhà vua thấy Trang già nên cho làm thái thú Như Nam. Được mấy năm thì chết trong lúc làm quan.

Trịnh Trang, Cấp Ẩm lúc đầu vào hàng cửu khanh, người thanh liêm bản thân lo gìn giữ trong sạch. Hai người này giữa chừng bị bỏ, nhà nghèo khách khứa càng ít. Khi làm việc ở quận chết đi nhà không có của thừa. Anh em con cháu Trang nhờ có Trang nên sáu bảy người lương đến hai nghìn thạch.

## 2. Thái sử công nói:

Người hiền như Ẩm và Trang thế mà khi có thế lực thì khách khứa đông gấp mười lần, khi không có thế lực thì chẳng có một ai, nữa là người thường! Địch Công ở Hạ Quê nói: Lúc đầu Địch Công làm đình úy thì khách khứa chật cửa. Đến khi bãi quan thì ngoài cửa có thể đặt lưới bắt chim sẻ. Khi Địch Công lại làm đình úy, khách khứa muốn đến. Địch Công viết mấy chữ lớn ở ngoài cửa: “Một sống một chết, tình bạn mới biết; một nghèo một giàu, mới rõ lòng nhau; một hèn một sang, tình bạn rõ ràng”. Câu đó cũng đúng với Cấp Ẩm, Trịnh Trang. Thương thay!

- .....
- (1). Theo quan chế nhà Hán nếu ở địa vị từ 2. 000 thạch trở lên thì sau ba năm được cử một người trong số anh em ruột hay còn làm lang.
  - (2). Chức quan lương 600 thạch, khi nào thái tử đi ra thì cưới ngựa đi trước.
  - (3). Nhà vua sai người đi thay mình làm việc gì thì cấm cờ tiết.
  - (4). Xem Quý Bố, Loan Bố liệt truyện.
  - (5). Xem Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện.
  - (6). Chức ở địa vị cửu khanh.
  - (7). Đứng hai chân đặt lên nhau, ý nói không còn lối nào mà đi, liếc mắt nhìn trộm ý nói không dám nhìn thẳng. Nếu theo pháp luật hà khắc thì thấy cái gì cũng sợ phạm pháp, có chân không dám đi, có mắt không dám nhìn.
  - (8). Hán Vũ Đế tham lam muốn đánh Hung Nô, bình định Đông Việt Nam Việt, Tây Nam Di v. v... gây nên chiến tranh, nhân dân điêu đứng.
  - (9). Bấy giờ Hoǎng làm thừa tướng. Hoǎng theo đạo Nho, người giả dối, tàn nhẫn.
  - (10). Chỉ Trương Trang.
  - (11). Xem Bình chuẩn thư.



- (12). Chức quan thấp lo việc canh phòng. Ý Ắm muốn ở cung để được can ngăn nhà vua dù là chức quan thấp chứ không muốn đi ra các quận.
- (13). Vũ Đế rất biết tài của Ắm cho nên nói “nằm mà cai trị”, nhưng rất ghét Ắm nên cho đi ra các quận để khỏi can gián lời thôi.
- (14). Chức quan ngoại giao cấp cửu khanh coi việc đối xử với các nước ngoài.
- (15). Quan lại ăn cướp.
- (16). Nhưng vẫn không cho về kinh đô. Vũ Đế ghét Ắm nhưng không giết được vì sợ dư luận dù biết Ắm là trung thần cũng không dùng. Đúng như nhận xét “trong lòng nhiều ham muốn, bên ngoài ra vẻ nhân nghĩa”.
- (17). Gọi vua bằng tên là phạm tội bất kính.
- (18). Chức rất thấp ở dưới chức thái tử tẩy mã.
- (19). Ý nói vội vàng.
- (20). Thiêm sự coi công việc trong cung Hoàng Đế và cung thái tử. Đại nông lệnh thuộc hàng cửu khanh coi thóc lúa và hàng hóa cả nước.
- (21). Ý nói không sấm sủa gì.

oOo

## Du Hiệp Liệt Truyện -

Hàn Phi(1) nói: “Bọn nho lấy lời văn làm rối pháp luật, bọn du hiệp lấy võ lực phạm vào việc ngăn cấm”. Hai hạng này đều bị chê bai. Tuy vậy các nho sĩ thường vẫn được đời khen(2). Còn đối với những kẻ dùng thuật(3) để chiếm lấy chức tể tướng, công khanh, đại phu, giúp đỡ chúa đương thời thì công danh ghi chép ở sử sách, điều đó chẳng phải nói. Kìa xem Quý Thứ, Nguyên Hiến là những người ở nơi quê mùa, đọc sách, muốn một mình giữ lấy đạo đức của người quân tử, vì nghĩa lý không chịu a dua theo thời, thế mà người đương thời cũng cười họ. Cho nên Quý Thứ, Nguyên Hiến trọn đời để nhà trống, lấy dây buộc cửa, mặc áo vải, ăn rau không biết chán. Họ chết đã hơn bốn trăm năm mà học trò còn nhớ mãi không quên. Nay bọn du hiệp, tuy nét không hợp với chính nghĩa nhưng lời họ nói ra thì chắc chắn, việc họ làm thì quả quyết, đã hứa thì nhất định làm, không tiếc tính mạng để cứu người ta khỏi nơi nguy khốn. Sau khi đã xông pha vào nơi nguy hiểm để cứu người, họ lại không khoe tài, lấy việc kể ơn làm then, như vậy thì xem ra cũng có nhiều điều đáng khen. Vả chăng, việc hoạn nạn người ta thường khi vẫn gặp.

Thái sử công nói:

Ngày xưa vua Thuần bị khốn ở kho, ở giếng(4), Y Doãn mang vạc thót(5), Phó Duyệt ẩn nấu ở đất phó Nham(6), Lã Thượng bị khốn khổ ở Cúc Tân(7), Di Ngô, mang gông(8), Bách Lý Hề chần trâu(9), Trọng Ni sợ hãi ở đất Khuông, đói, mặt xanh như lá rau ở đất Tân, đất Thái(10). Những người ấy đều là người mà kẻ học giả gọi là đạo đức nhân nghĩa, vậy còn gặp những tai nạn ấy; huống gì những kẻ tài năng bậc trung mà ở về cuối thời loạn lạc thì việc gặp tai họa còn nói làm sao cho hết. Tục ngữ có câu: “Chẳng cần nhân nghĩa, hay không nhân nghĩa, cái gì có lợi cho ta là tốt”. Vì vậy Bá Di(11) cho nhà Chu là xấu, chịu chết đói ở núi Thù Dương, nhưng vua Văn Vương, Vũ Vương không phải vì thế mà bỏ ngôi vua. Chích, Cự(12) hung bạo dữ tợn, nhưng đồ đảng của họ là ca ngợi mãi mãi nghĩa khí của họ. Do đó mà xem “ăn trộm lưỡi câu thì bị chém, ăn trộm nước được phong hầu. Nhà công hầu ở đâu, nhân nghĩa ở đấy”(13), điều đó không phải lời nói suông. Nay bọn học giả câu nệ, chỉ khư khư lo ôm lấy cái nghĩa chật hẹp thì sẽ cô độc mãi ở đời(14), sao bằng hạ thấp cái đạo của mình để theo thế tục, trôi nổi với đời để được công danh(15). Tuy vậy bọn áo vải cần thận trong việc lấy và cho, xem trọng tiếng ừ và lời hứa, tuy cách nghìn dặm cũng nghĩ đến nghĩa, chịu chết chẳng tiếc đời, họ làm thế nào cũng có chỗ hay, chứ không phải chỉ có điều xằng bậy. Có thể kẻ sĩ lúc cùng quẫn mới có nơi phò thác số phận. Những người ấy chẳng phải hiền tài, hào kiệt đó sao? Nếu như để bọn nghĩa hiệp ở nơi hàng xóm độ tài đua sức với Quý Thứ, Nguyên Hiến, lập công với đương thời thì hẳn khác nhau xa. Nếu xét về mặt công lao thấy ngay lời nói được giữ, thì nghĩa khí của bọn hiệp khách có thể xem thường được đâu!

Hạng nghĩa hiệp áo vải đời xưa, ta không còn được nghe nữa. Thời gần đây bọn Duyên Lăng, Mạnh Thường, Xuân Thân, Bình Nguyên, Tín Lăng(16) đều nhờ ở chỗ thân thích của nhà vua, dựa vào sự giàu có vì có đất phong, lại được địa vị khanh tướng, chiêu tập những người hiền trong thiên hạ, nổi danh với chư hầu, không thể gọi là không giỏi. Họ cũng như thuận theo chiều gió mà gọi, không phải tiếng vì đó nhanh thêm, nhưng vì thế gió đưa tiếng đi xa đó thôi. Còn đến bọn nghĩa hiệp ở nơi làng xóm, giữ gìn tính nết, trau dồi thanh danh, tiếng tăm vang

trong thiên hạ, ai cũng khen là hiền, điều đó mới thật là khó. Nhưng các nhà Nho, nhà Mặc đều gạt ra mà không chép(17). Từ nhà Tần trở về trước những người tầm thường mà nghĩa hiệp đều mai một, tôi rất lấy làm giận(18). Theo những điều tôi được nghe từ khi nhà Hán lên có bọn Chu Gia, Điền Trọng, Vương Công, Kịch Mạnh, Quách Giải, tuy đôi khi có phạm vào cái lưới pháp luật của đương thời, nhưng đời sống riêng của họ liêm khiết, nhũn nhặn cũng đáng khen. Danh tiếng của họ không phải là danh tiếng hảo, kẻ sĩ không phải vô cớ mà theo họ. Còn đối với những kẻ cậy gia thế họ hàng, kéo bè kéo đảng, lợi dụng tiền tài để sai khiến người nghèo, bắt nạt người sức yếu thế cô, khoe khoang thế lực của mình, lấy việc thỏa mãn điều ham muốn của mình làm sướng, thì những người du hiệp cũng lấy làm xấu hổ. Tôi đau xót về nổi thói đời không xét điều đó, cứ gộp bọn Chu Gia, Quách Giải với bọn cường hào và chê cười tất cả.

2. Chu Gia là người Lỗ sống cùng thời với Cao Tổ. Người nước Lỗ đều học theo đạo Nho, riêng Chu Gia học theo lối du hiệp mà nổi danh. Những người có danh tiếng được ông nuôi nấng che chở có hàng trăm, còn người tầm thường thì không kể xiết. Nhưng trước sau ông vẫn không khoe tài, tự phụ ân đức của mình; trái lại chỉ sợ những người chịu ơn cảm tạ mình. Ông cứu giúp những người thiếu thốn bắt đầu từ chỗ nghèo khó và thấp hèn. Trong nhà không có cửa thừa, áo quần cũ kỹ không lành lặn, ăn không có hai món, đi thì ngồi trên chiếc xe bò nhỏ. Ông lo cứu giúp người ta trong lúc gấp hơn cả việc riêng của mình. Sau khi đã bày mưu cứu được tướng quân Quý Bố thoát nạn đến khi Bố được tôn quý, suốt đời ông không gặp lại Bố(19). Từ cửa Hàm Cốc về phía Đông không ai không dướn cổ(20) muốn chơi với ông ta.

3. Điền Trọng người nước Sở, nổi tiếng về nghĩa hiệp, thích đánh kiếm, thờ Chu Gia như cha, tự cho rằng hành vi của mình không bằng Chu Gia. Điền Trọng chết rồi, ở đất Lạc Dương có Kịch Mạnh. Người đất Chu lo nghề buôn bán, trái lại Kịch Mạnh lại nổi tiếng ở chư hầu về nghĩa hiệp. Khi nước Ngô, nước Sở làm phản, Diêu hầu(21) làm thái úy, đi xe trạm, sắp đến Hà Nam bắt được Kịch Mạnh, mừng rỡ nói:

- Nước Ngô, nước Sở làm việc lớn mà không mời đến Mạnh, thì ta biết họ không làm được gì rồi!

Trong khi thiên hạ rối loạn, tể tướng bắt được ông ta cũng như chiêu hàng được một nước địch vậy(22). Việc làm của Kịch Mạnh cũng như việc làm của Chu Gia, nhưng ông ta thích đánh bạc, hay chơi những trò chơi của những người trẻ tuổi. Khi người mẹ của Kịch Mạnh chết, có gần một nghìn cỗ xe ở phương xa đến đưa tang. Đến khi Kịch Mạnh chết, của cải trong nhà còn lại không quá mười lạng vàng.

Vương Mạnh người đất Phù Ly cũng nổi tiếng nghĩa hiệp ở miền sông Giang, sông Hoài. Lúc bấy giờ họ Nhàn ở đất Tế Nam, Chu Dung ở đất Trần, cũng nổi tiếng hào hiệp. Vua Cảnh Đế nghe vậy sai người giết cả bọn này.

Về sau ở đất Đại có bọn họ Bạch, ở đất Lương có Hàn Vô Ty, ở huyện Dương Dịch có Tiết Huống, ở huyện Thiểm có Hàn Nhụ nổi lên rất đông(23).

4. Quách Giải là người đất Chỉ tự là Ông Bá, là cháu ngoại của Hứa Phụ người có tài xem tướng. Cha Giải bị giết thời Hiếu Văn Đế vì du hiệp. Giải người thấp bé, tinh ranh, hung hãn, không uống rượu. Lúc nhỏ tính nham hiểm, tàn nhẫn, những kẻ không làm Giải vừa lòng bị Giải giết rất nhiều. Giải liêu thân báo thù cho bạn, chứa những người trốn tránh, phạm pháp, còn việc cướp bóc là việc thường làm, cũng như việc đúc tiền đào mỏ người thì không kể hết. Ông ta gặp

may, lúc nguy khốn cấp bách thường nhờ dịp đại xá mà được thoát.

Đến khi Giải lớn thì thay đổi tính nết, biết tự kiềm chế, biết lấy đức để báo oán, cho người thì nhiều mà trông mong người thì ít. Giải lại càng thích làm việc nghĩa hiệp hơn trước. Sau khi đã cứu tính mạng người ta, Giải không khoe công, tuy cái lòng nham hiểm tàn ác ngày xưa đôi khi vẫn lộ ra như cũ nếu gặp kẻ trợn mắt với mình. Những người tuổi trẻ hâm mộ việc làm của Giải, liền báo thù ngay, không cho Giải biết(24).

Người con của chị Giải cậy thế Giải, uống rượu với người khách, cưỡng ép người khách phải cạn chén mặc dù uống không nổi. Người kia giận, tuốt gươm, đâm chết cháu Giải rồi bỏ trốn. Chị Giải giận nói:

- Người nghĩa hiệp như Ông Bá, mà để người ta giết con tôi không bắt được thằng giặc sao?

Bèn rút xác ở ngoài đường không chịu chôn, ý muốn làm nhục Giải. Giải sai người dò biết nơi hung thủ ở. Hung thủ thế bí đành quay về trình bày tất cả sự thực với Giải. Giải nói:

- Ông giết nó là đúng lắm, cháu của tôi làm bậy.

Bèn tha hung thủ, bắt tội người cháu, khâm liệm nó rồi chôn. Mọi người nghe vậy đều khen Quách Giải là người nghĩa khí, lại càng theo Giải.

Khi Giải đi ra, ai cũng tránh. Riêng có một người cứ ngồi xổm mà nhìn. Giải sai người hỏi họ tên anh ta. Những người khách muốn giết anh ta. Giải nói:

- Ta ở trong làng xóm đến nỗi không được người ta kính trọng, đó là vì ta không trau dồi đức hạnh, anh ta có tội gì đâu?

Bèn bảo ngầm với viên quan coi việc công dịch trong huyện:

- Người ấy là người chí thân của tôi, khi nào đến lượt anh ta phải phục dịch thì miễn cho anh ta.

Vì vậy mấy lần đều được miễn, quan không đòi đến. Anh kia ấy làm lạ, hỏi tại sao, mới biết Giải bảo miễn cho mình. Anh ta bèn cời trần đến tạ tội. Những người trẻ tuổi nghe vậy lại càng hâm mộ việc làm của Giải.

Ở Lạc Dương có người thù hằn nhau, những người tài giỏi ở trong làng xóm đến dàn xếp có hàng chục, nhưng vẫn không xong. Người khách bèn đến nói với Quách Giải, Giải đang đêm đến nhà người có thù hằn, người kia miễn cưỡng nghe theo lời Giải. Giải bèn nói với người này:

- Tôi nghe nói các vị ở Lạc Dương đã hòa giải việc này, nhưng ông không chịu nghe. Nay may sao ông nghe theo lời Giải, vậy có lẽ nào Giải lại ở huyện khác đến tranh giành mất cái công của các vị hiền đại phu trong xóm này!

Bèn đang đêm ra đi, không để cho ai biết, nói:

- Hãy khoan theo cách hòa giải của tôi. Đợi tôi đi rồi sau để cho những người tai mắt ở Lạc Dương làm việc giải hòa và sẽ nghe theo họ.

Giải giữ mình cung kính không dám lên xe đi vào sân công đường huyện. Khi đi các quận ở lân cận cầu xin việc cho người khác, gặp việc có thể giúp được thì giúp, không giúp được thì cũng làm cho người ta vừa lòng. Sau đó mới dám ăn cơm rượu người ta. Mọi người vì vậy hết sức kính

trọng Giải, tranh nhau giúp đỡ Giải. Thanh niên trong làng xóm và những người tài giỏi, tai mắt trong các huyện lân cận nửa đêm qua cửa nhà Giải thường hơn một chục cỗ xe, xin đưa những người khác Giải giấu giếm đem về nuôi(25).

Đến khi nhà vua sai dời những người giàu đi Mậu Lăng(26). Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng đủ tư cách. Quan lại sợ nên bắt Giải dời nhà(27). Vệ tướng quân tâu lên nói “Quách Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng dời nhà”.

Nhà vua nói:

- Một người áo vải mà có quyền thế khiến cho tướng quân phải nói giúp, điều đó chứng tỏ nhà hần không nghèo.

Kết quả Giải phải dời nhà. Các vị tiền Giải đưa ra hơn ngàn vạn quan tiền. Con Dương Quý Chủ người đất Chỉ làm thư lại trong huyện, báo tên Giải lên, khiến cho Giải phải dời nhà. Người con của anh Giải chặt đầu Dương. Vì vậy họ Dương có thù hằn với họ Giải.

Giải vào Quan Trung. Những người hào kiệt ở Quan Trung quen biết hoặc chưa quen biết Giải, nghe tiếng Giải đều tranh nhau đến vui chơi bạn bè với Giải. Giải người thấp bé, không uống rượu, lúc ra đi không bao giờ đi ngựa. Sau khi Dương Quý Chủ bị giết, người nhà Dương Quý Chủ dâng thư lên, nhưng lại bị người ta giết ở dưới cửa cung đình. Nhà vua nghe tin bèn giao quan lại bắt Giải. Giải bỏ trốn, đến mẹ đến ở Lạc Dương, còn mình thì trốn sang Lâm Tấn. Tịch Thiệu Công ở Lâm Tấn vốn không biết Giải. Giải giả mạo tên, nhân đây xin ra khỏi cửa quan. Tịch Thiệu Công bèn cho Giải đi ra. Giải trốn đến Thái Nguyên, đến nhà ai, Giải đều nói trước(28). Quan đuổi bắt, dò tung tích đến Tịch Thiệu Công, Tịch Thiệu Công tự sát, tung tích mất đứt. Mãi về sau mới bắt được Giải.

Quan lại xét những điều Giải đã phạm và những người Giải đã giết thì sự việc đều xảy ra trước khi có ân xá. Ở huyện Chỉ có người nho sinh giúp quan trên trong việc xét Giải. Có người khách khen Giải, người nho sinh nói:

- Quách Giải chỉ chuyên làm việc gian, phạm pháp công, tại sao lại gọi là người hiền?

Người khách nghe thế giết người nho sinh, cắt lưỡi y. Quan vì việc đó bắt tội Giải. Thực ra, Giải không biết kẻ giết người. Người giết kia cũng mất tích chẳng ai biết anh ta là ai. Quan tâu Quách Giải vô tội. Công Tôn Hoàng làm ngự sử đại phu phê: “Giải là người áo vải làm trò nghĩa hiệp, tác uy tác phúc. Việc kẻ hung hăng giết người, Giải tuy không biết nhưng tội này nặng hơn tội chính Giải giết(29), đáng khép vào tội đại nghịch vô đạo.

Bèn giết cả họ Quách Giải ông Bá.

Từ đó về sau, rất nhiều người làm du hiệp nhưng đều kiêu ngạo không đáng kể, ở Quan Trung, Trường An có Phàn Trọng Tử, ở Hòe Lý có Triệu Vương Tôn, ở Trường Lăng có Cao Công Tử, ở Tây Hà có Quách Công Trọng, ở Thái Nguyên có Lỗ Công Nhụ, ở Lâm Hoài có Nhị Trường Khanh, ở Đông Dương có Điền Quân Nhụ tuy làm du hiệp nhưng đều có cái thái độ nhã nhặn khiêm nhường của người quân tử. Đến như họ Diêu ở phương Bắc, bọn Đỗ ở phương Tây. Cừu Cảnh ở phương Nam, Triệu Tha Vũ công tử ở phương Đông, Triệu Điện ở Nam Dương thì đó đều là bọn trộm cướp ở trong dân gian thôi, đáng kể làm gì! Bọn họ làm xấu hổ cho Chu Gia vậy.

## 5. Thái sử công nói:

Tôi xem Quách Giải tướng mạo không bằng người bình thường, nói năng không có gì đáng chú ý, thế mà tất cả những người hay kẻ dở trong thiên hạ, biết hay không đều hâm mộ danh tiếng của ông ta. Khi nói đến những người nghĩa hiệp, ai cũng nhắc đến tên. Tục ngữ có câu: “người ta lấy danh thơm làm dung mạo, há có khi nào hết”. Ô hô, tiếc thay!

(1) Hàn Phi Tử, thiên Ngũ đổ mục đích chê trách cả bọn Nho và bọn du hiệp.

(2) Ý Thiên bệnh du hiệp: Hàn Phi chê trách cả hai; thế nhưng trong thực tế thì chỉ bọn du hiệp bị chê bai còn bọn Nho vẫn được trọng vọng.

(3) Âm chỉ Công Tôn Hoàng, Trương Thang. Thuật đây là Nho thuật tác giả mặt sát bọn Ngụy Nho.

Nguyên Hiến người nước Lỗ, học trò Khổng Tử. Khổng Tử chết, Nguyên Hiến trốn vào nơi ao đầm. Tử Cống làm tướng quốc nước Vệ đi xe đến tìm Nguyên Hiến. Tử Cống nói: “Ngài có bệnh hay sao?” Nguyên Hiến đáp: “Tôi nghe nói không có của gọi là nghèo, học đạo không làm được gọi là bệnh. Như Hiến đây là nghèo chứ không phải là bệnh”. Tử Cống then bỏ đi. Công Tích Ai tự Quý Thứ. Khổng Tử nói: “Thiên hạ vô hạnh nhiều người làm gia thần, làm quan ở kinh đô, chỉ có Quý Thứ chưa hề làm quan”.

Đây là tác giả đưa ra những chân Nho đối lập với bọn ngụy Nho.

(4) Thuấn lúc còn hàn vi bị cha ghét, muốn giết đi, sai trèo lên bụi lúa rồi châm lửa đốt, lại sai đào giếng, rồi lấp giếng.

(5) Y Doãn cày ở cánh đồng Hữu Sấn mang vạc có hòa ngũ vị đến cho vua Thang ăn.

(6) Phó Duyệt trước khi làm tể tướng vua Vũ Đinh nhà Ân thì làm nghề thỏ mộc ở Phó Nham.

(7) Lã Thượng tức là Lã Vọng giúp Vũ Vương đánh Trụ.

(8) Di Ngô tức Quản Trọng, vì theo công tử Củ khi Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Quản Trọng bị tù.

(9) Bách Lý Hề khi chưa làm thừa tướng Tần làm nghề chăn trâu.

(10) Trọng Ni tức Khổng Tử (Xem Khổng Tử thế gia).

(11) Bá Di phản đối việc Vũ Vương đánh Trụ, trốn lên núi Thù Dương chết đói ở đấy.

(12) Chích, Cự: tên những người ăn trộm thời xưa.

(13) Câu này của Trang Tử.

(14) Chỉ Nguyên Hiến, Quý Thứ.

(15) Chỉ Công Tôn Hoàng. Câu này theo lối phản ngữ, ý nói mỉa.

(16) Duyên Lăng tức Quý Trát người thời Xuân Thu, không thấy nói đến việc tiếp tân khách. Mạnh Thường Quân, Tín Lăng Quân, Xuân Thân Quân đều là những người thời Chiến quốc, số tân khách trong nhà họ đến hai, ba ngàn.



- (17) Trách hai phái Nho và Mặc đều hẹp hòi đối với bọn du hiệp.
- (18) Tỏ rõ thái độ bênh vực những người du hiệp.
- (19) Xem Quý Bố, Loan Bô liệt truyện.
- (20) Ý nói khao khát.
- (21) Tức Chu Á Phu.
- (22) Ca ngợi tài và uy tín của Kịch Mạnh.
- (23) Không phải vì triều đình nghiêm trị mà bọn du hiệp hết.
- (24) Ý nói Quách Giải không trừng trị kẻ trợn mắt với mình, nhưng những người tuổi trẻ liền trả thù cho Giải mà không nói cho Giải biết.
- (25) Vì Giải giấu giếm những người phạm pháp nên họ không sợ mang tội xin đem những người khách này về nhà nuôi. Trở lên kể những hành động đạo đức của Giải khi lớn lên.
- (26) Năm 127 trước Công nguyên vua Vũ Đế sai dời những nhà giàu từ ba trăm vạn trở lên đến đất Mậu Lăng.
- (27) Vì Giải có tiếng hào phóng nên quan lại sợ mang tiếng che chở.
- (28) Để tỏ hành động của mình quang minh và cho người ta khỏi liên lụy.
- (29) Rõ ràng lối dùng văn chương làm rối pháp luật.

oOo

## Hoạt Kê Liệt Truyện -

Khổng Tử nói:

- Sáu kinh đối với việc trị dân đều thống nhất làm một(l). Kinh Lễ dùng để giữ gìn người ta. Kinh Nhạc dùng để gây vui. Kinh Thư dùng để kể việc. Kinh Thi để bày tỏ tình ý. Kinh Dịch để nêu sự thay đổi. Kinh Xuân Thu để dạy chính nghĩa.

Thái Sử Công nói:

- Đạo trời lồng lộng, to biết bao nhiêu! Lời nói bông đùa nếu hơi hợp chính đạo cũng đủ giải được những điều rắc rối(2).

2. Thuần Vu Khôn là người gửi rể ở nước Tề. Minh cao không đầy bảy thước, giỏi bông lơn, có tài biện luận, mấy lần sang sứ chư hầu, chưa hề chịu thua, chịu nhục. Thời vua Tề Uy Vương, thích nói bóng gió, thích thứ nhạc dân dật, suốt đêm say sưa li bì, không lo chính sự mà giao tất cả cho bọn khanh, đại phu. Trăm quan biếng nhác rối loạn. Chư hầu kéo nhau đến xâm lấn. Thế nước nguy vong chỉ trong sớm tối. Các quan không ai dám can.

Thuần Vu Khôn dùng cách nói bóng gió để thuyết phục nhà vua.

- Trong nước có con chim lớn đậu ở giữa sân nhà vua. Ba năm nay nó không bay cũng không kêu. Nhà vua có biết con chim ấy là chim gì không?

Nhà vua nói:

- Con chim ấy không bay thì thôi, chứ đã bay thì tung trời! Không kêu thì thôi, chứ đã kêu thì làm cho người ta khiếp oai?

Nói thế rồi đòi các quan cầm đầu các huyện vào châu tất cả có 72 người. Thương một người, giết một người... Cắt quân ra đánh. Chư hầu hoảng sợ đều trả lại các đất đã lấy của Tề. Oai vua lừng lẫy ba mươi sáu năm. Việc này chép trong Điền, Hoàn thế gia(3). Năm thứ tám thời Uy Vương (371 trước Công nguyên) nước Sở đem đại quân đánh Tề. Vua Tề sai Thuần Vu Khôn sang Triệu xin quân cứu viện, vua sai đem đi một trăm cân vàng, mười cỗ xe bốn ngựa. Khôn ngửa mặt lên trời cả cười đứt cả dải mũ. Vua hỏi:

- Tiên sinh chê ít sao?

Khôn nói:

Đâu dám thế!

Vua nói:

- Thế cười là muốn nói gì?

- Sáng nay thần từ phương Đông lại đây. Thấy bên đường có kẻ cầu thần ruộng, đem bày một chén rượu, một chân giò mà khẩn: “Ruộng cao đầy thúng ruộng thấp đầy xe! Ngũ cốc được lớn,

đầy nhà ê hê! ”. Thần thấy nó đưa lễ thì ít mà lòng mong thì quá nhiều cho nên cười.

Tề Uy Vương liền cho đem thêm một nghìn cân vàng, mười đôi ngọc bích trắng, trăm cỗ xe bốn ngựa. Khôn từ biệt ra đi. Sang Triệu, vua Triệu cho sang một nghìn cỗ xe bọc da, mười vạn quân tinh nhuệ. Vua Sở nghe tin đang đem rút quân về. Uy Vương cả mừng, đặt tiệc ở hậu cung, mời Khôn, cho uống rượu, hỏi:

- Tiên sinh uống được bao nhiêu rượu thì say?

Khôn đáp:

- Thần uống một đấu cũng say, một hộc(4) cũng say.

Uy vương nói:

- Tiên sinh uống một đấu đã say thì uống thế nào được một hộc? Tiên sinh có thể cho biết tại sao lại nói như vậy không?

Khôn nói:

- Nếu cho rượu uống trước mặt đại vương, có quan chấp pháp đứng bên cạnh, quan ngự sử(5) nấp sau lưng thì Khôn sợ hãi cúi đầu mà uống, chỉ mới một đấu đã say. Nếu cha mẹ có khách Quý, Khôn vén áo khom lưng hầu rượu ở trước mặt, thỉnh thoảng ban cho mấy giọt rượu thừa, lại phải bung chén chúc thọ, phải đứng lên hầu rượu luôn, như thế chỉ mới hai đấu đã say. Còn nếu bạn bè chơi bời lâu ngày không gặp nhau, bỗng nhiên gặp gỡ, mừng rỡ kể chuyện cũ, đem chuyện riêng ra nói cùng nhau, như thế có thể uống được năm sáu đấu là say. Nhưng đến như ngày hội ở nhà quê, trai gái ngồi lẫn lộn, mời rượu dằng dai, đánh bạc, ném hồ, kéo nhau tùm năm tùm ba, nắm tay cũng không ai phạt, mắt nhìn nhau cũng không ai cấm. Đằng trước có cái hoa tai đánh rơi, đằng sau có cái trâm bị bỏ sót, Khôn trộm lấy thế làm vui, có thể uống tám đấu cũng chỉ say hai phần. Khi trời chiều tiệc vãn, dón chén ngồi kể, gái trai cùng chiếu, giày dép lẫn lộn, chén bàn bừa bãi, trên thêm tất đốc, chủ nhân giữ Khôn ở lại mà tiễn khách ra, áo là cởi bỏ, thoáng thấy mùi hương phung phực. Trong lúc bấy giờ lòng Khôn rất vui, có thể uống được một hộc. Vì vậy nói rượu quá hóa loạn, vui quá hóa buồn, muôn việc đều thế. Mọi việc đều không thể quá. Hết quá thì hỏng, nên dùng lời nói bóng mà can ngăn.

Vua Tề nói:

- Hay.

Bèn bãi bỏ việc uống rượu suốt đêm, cho Khôn coi việc tiếp khách chư hầu. Khi các tôn thất đặt tiệc rượu. Khôn thường ngồi một bên

3. Sau đó, hơn một trăm năm, ở nước Sở có Ưu Mạnh. Ưu Mạnh là người nhạc công ở nước Sở. Minh cao tám thước, giỏi biện bác; thường dùng lời nói bông đùa để tỏ ý can ngăn. Thời Sở Trang Vương có con ngựa yêu, cho mặc áo gấm, đặt dưới mái nhà có chạm trổ, đứng trên cái giường không có màn, cho ăn táo khô. Con ngựa mắc bệnh béo mà chết. Nhà vua sai quần thần để tang, muốn dùng quan khách khâm liệm chôn theo lễ đại phu. Những người xung quanh can ngăn là không nên. Nhà vua ra lệnh:

- Ai dám can ngăn về việc ngựa thì chịu tội chết.

Ưu Mạnh nghe vậy, vào cửa điện ngẩng đầu lên trời, khóc rống. Nhà vua kinh ngạc hỏi vì sao.

Ưu Mạnh nói:

- Con ngựa là vật nhà vua yêu. Một nước đường đường như nước Sở làm cái gì chẳng được mà lại phải chôn theo lễ đại phu, như thế thì quá bạc. Xin chôn theo lễ nhà vua.

Nhà vua nói:

- Chôn như thế nào?

Ưu Mạnh nói:

- Thần xin đeo ngọc để làm áo quan, lấy gỗ tử có vân để làm quách, lấy gỗ biền, gỗ phong, gỗ dự chương để ở ngoài áo quan, sai quân sĩ mang áo giáp đào huyệt ở ngoài, những người già yếu mang đất, nước Tề, nước Triệu đứng tề ở trước, nước Hàn, nước Ngụy hộ vệ mặt sau, lập miếu thờ, dùng cỗ thái lao để tế, phong ấp vạn nhà(6). Chư hầu nghe vậy đều biết nhà vua coi rẻ người mà Quý ngựa(7).

Nhà vua nói:

- Quả nhân sai lầm đến thế à? Bây giờ nên làm thế nào?

Mạnh nói:

- Xin đại vương chôn như chôn súc vật. Lấy bếp để làm quách, lấy vạc đồng để làm quan tài, thêm vào gùng để làm gia vị, đặt trên mâm cỗ mộc lan, lấy gạo nếp để tế, cho mắc áo lửa để chôn vào trong bụng người ta.

Nhà vua bèn sai người giao ngựa cho viên quan lại coi việc bếp núc, không khiến thiên hạ nói đến việc chôn ngựa nữa.

Tướng quốc nước Sở là Tôn Thúc Ngao biết Ưu Mạnh là người hiền nên chơi thân với Mạnh. Đến khi mắc bệnh sắp chết, Ngao trở lại với con rằng:

- Ta chết, may thế nào cũng nghèo khổ. May đến gặp Ưu Mạnh nói rằng may là con ông Tôn Thúc Ngao.

Được mấy năm, người con nghèo khổ đi gánh củi, gặp Ưu Mạnh bèn nói:

- Tôi là con ông Tôn Thúc Ngao. Khi cha tôi sắp chết có trở lại rằng nếu tôi nghèo khổ thì sẽ tìm đến ông.

Ưu Mạnh nói:

- Ông chớ có đi đâu xa.

Bèn làm áo mũ của Tôn Thúc Ngao bắt chước cử chỉ lời nói. Được hơn một năm ròng thì y như Tôn Thúc Ngao. Vua Sở và người xung quanh không ai phản biện được. Sở Trang Vương đặt tiệc rượu, Ưu Mạnh tiến ra chúc thọ, Trang Vương kinh hãi, cho là Thúc Ngao sống lại, muốn cho làm tướng quốc. Ưu Mạnh nói:

- Xin cho thần về bàn với vợ, ba hôm nữa sẽ làm tướng quốc.

Trang Vương bằng lòng. Ba bốn hôm sau Ưu Mạnh lại đến. Nhà vua nói:

- Vợ nhà người nói thế nào?

Ưu Mạnh đáp:

- Vợ thần bảo chó có làm, không nên làm tể tướng nước Sở! Đấy Tôn Thúc Ngao làm tể tướng nước Sở, cai trị nước Sở hết sức trung thành và liêm khiết, nhờ vậy vua nước Sở được làm bá. Nhưng nay chết rồi, người con không có đất cắm dùi, nghèo khổ, gánh củi để kiếm ăn. Nếu làm như Tôn Thúc Ngao thì không bằng tự sát cho rồi.

Nhân đó hát rằng:

- Ở trong núi cày ruộng khổ, kiếm ăn khó: Ra làm quan, thấy bọn tham lam bỉ ổi có nhiều của, không nghĩ đến sỉ nhục, khi chết nhà giàu có. Nhưng lại sợ lấy của hối lộ, phạm pháp, làm niệc gian, mắc tội nặng thân bị giết, nhà cũng bị diệt vong. Làm tham quan làm gì! Làm quan thanh liêm giữ phép tắc, giữ chức vụ đến chết không dám làm điều trái. Làm quan thanh liêm làm gì? Tể tướng nước Sở là Tôn Thúc Ngao, giữ gìn thanh liêm cho đến chết; nhưng nay vợ con nghèo khổ gánh củi để kiếm ăn, không nên làm!

Trang Vương bên cảm tạ Ưu Mạnh và gọi con của Tôn Thúc Ngao ra phong cho đất Tầm Khâu có bốn trăm hộ để lo việc tế tự. Đến mười đời sau, đất phong cũng không mất. Trí khôn ấy có thể nói việc thời ghi vậy(8).

4. Hơn hai trăm năm sau, nước Tần có Ưu Chiên, Ưu Chiên là con hát Tần, người lùn, giỏi cách nói bông đùa, nhưng lại hợp đạo lớn. Thời Tần Thủy Hoàng đặt tiệc rượu, bỗng gặp trời mưa to. Những người đứng hầu ngoài thềm đều bị ướt và lạnh. Ưu Chiên thấy thế thương họ, bảo họ rằng:

- Các anh có muốn nghỉ hay không?

Những người đứng hầu ngoài thềm đều nói:

- Được thế thì may lắm.

Ưu Chiên nói:

- Khi nào ta gọi các người thì các người phải “dạ” ngay.

Được một lát, ở trên diện chúc thọ hô “vạn tuế”. Ưu Chiên đến lan can hô lớn:

- Các quan đang ở dưới thềm!

Các quan lang nói:

- Dạ!

Ưu Chiên nói:

- Các người cao lớn có ích gì! Lại đứng ngoài trời bị mắc mưa. Ta đây tuy lùn thấp nhưng được ở trong nhà nghỉ ngơi.

Tần Thủy Hoàng bèn cho những người hầu ở thêm được chia đôi thay phiên nhau châu chực.

Thủy Hoàng thường bàn mở rộng vườn của nhà vua phía Đông đến cửa ải Hàm Cốc, phía Tây đến đất Ung, đất Trần Thương.

Ưu Chiên nói:

- Hay lắm! Cứ thả nhiều cảm thú vào đấy. Nếu kẻ cướp từ phương Đông đến thì chỉ sai hươu nai húc chúng cũng đủ.

Tần Thủy Hoàng vì vậy thôi không làm nữa. Đến khi Tần Nhị Thế lên ngôi lại muốn sơn thành. Ưu Chiên nói:

- Hay lắm? Chúa thượng tuy không nói, nhưng thần cũng đã muốn xin điều đó. Sơn thành tuy làm trăm họ khổ sở và tốn kém, nhưng đẹp làm sao! Thành xây láng bóng, giặc đến không sao trèo lên được. Nếu như muốn trèo lên thì dễ bị sơn lấp vào người. Chỉ khổ một điều bị sơn lấp vào người, không làm được nhà che.

Tần Nhị Thế cười. Vì vậy bỏ việc đó. Chẳng bao lâu Nhị Thế bị giết chết. Ưu Chiên về nhà Hán được mấy năm thì mất.

4. Thái sử công nói:

- Thuần Vu Khôn ngẩng mặt lên trời cả cười, Tề Uy Vương đắc chí? Ưu Mạnh lắc đầu mà ca, người gánh củi được đất phong. Ưu Chiên đến lan can hô lớn, những người ở dưới thêm lần lượt được thay thế nhau một nửa chẳng phải là việc lớn đáng khen hay sao?

Chủ tiên sinh(9) nói:

- Tôi may mắn nhờ được nho thuật mà làm quan lang lại thích đọc những lời lưu truyền của các sách ngoài, xin mạo muội chép thêm tất cả những chuyện bông đùa gồm sáu chương vào đây. Như thế có thể mở rộng kiến văn để người sau ai tò mò xem cũng sướng lòng hả dạ, đừng giúp thêm vào ba chương của Thái sử công.

5. Trong thời Vũ Đế, có người con hát nhà vua yêu tên là Quách Xá Nhân. Khi nói năng trình bày tuy không hợp đạo lớn, nhưng khiến nhà vua vui lòng. Khi Vũ Đế còn nhỏ, mẹ của Đông Vũ Hầu thường nuôi nấng nhà vua. Đến khi lớn lên, nhà vua gọi bà ta là “vú nuôi lớn”, cứ một tháng cho vào châu hai lần. Khi vào châu có chiếu chỉ sai người tôi yêu là Mã Du Khanh cho nhũ mẫu năm mươi tấm lụa, lại cho cơm khô, rượu để nuôi nhũ mẫu. Nhũ mẫu làm đơn dâng lên, nói: “Xin nhà vua cho tôi sử dụng những công điền ở...”. Nhà vua nói: “Nhũ mẫu muốn được công điền à? Thôi thì cho nhũ mẫu”. Những điều mà nhũ mẫu muốn đều được nhà vua ưng thuận. Có chiếu chỉ cho nhũ mẫu được ngồi xe đi vào giữa công đường của nhà vua. Lúc bấy giờ các công khanh và đại thần đều kính trọng nhũ mẫu. Con cháu tôi tớ của nhũ mẫu hoành hành ngang dọc đất Trường An. Giữa đường chặn đón xe ngựa người ta, cướp giật áo quần người ta. Trong cung biết chuyện ấy nhưng không nỡ bắt trị tội. Quan coi việc pháp luật xin nhà vua dời nhà của nhũ mẫu ra ngoài biên giới. Lời tâu được chuẩn y. Trước khi vào từ biệt nhà vua nhũ mẫu đến gặp Quách Xá Nhân khóc lóc về việc đó. Xá Nhân nói:

- Khi vào từ biệt nhà vua rồi trở ra cứ đi nhanh, nhưng quay lại nhìn mấy lần.



Nhũ mẫu cứ làm theo lời nói, từ biệt ra đi, quay lại nhìn mấy lần, Quách Xá Nhân lớn tiếng mắng:

- Ô kìa! Cái mẹ già này! Sao không đi nhanh cho rồi. Bệ hạ lớn rồi có cần bú mớm mà nữa đâu, quay lại nhìn làm cái gì?

Nhà vua thương hại bà ta, bèn ra lệnh đình chỉ; không rời nhà nhũ mẫu ra biên giới nữa, phạt đầy người gièm pha.

6. Thời Vũ Đế có người nước Tề, họ Đông Phương tên là Sóc thích đọc sách truyện xưa, yêu đạo Nho, xem nhiều sách các nhà. Lúc đầu Sóc vào Trường An. Đến công xa dâng thơ, vào khoảng ba nghìn thếp(10). Công xa(11) sai hai người ôm thếp đưa lên mới nổi. Nhà vua ở trong cung đọc ngừng lại chỗ nào thì dành dấu chỗ đó, đọc hai tháng mới hết. Chiếu cho Sóc làm quan lang, thường hầu ở bên cạnh nhà vua, nhà vua mấy lần gọi đến trước mặt để nói chuyện, không lần nào nhà vua không vui lòng, có khi cho thức ăn trước mặt vua. Sóc ăn xong còn bao nhiêu thịt thì mang đi làm bữa hết cả áo. Mấy lần nhà vua thưởng lụa là, Sóc vác lên vai mà đi. Dùng tất cả lụa tiền vua cho để lấy những người con gái đẹp và trẻ ở Trường An. Cứ lấy được một năm lại bỏ, lấy người vợ khác. Nhà vua cho được bao nhiêu tiền của đều tiêu hết vào việc lấy vợ. Các quan lang xung quanh nhà vua, phân nửa gọi Sóc là anh cuồng.

Nhà vua nghe vậy nói:

- Nếu Sóc làm quan mà không có điều này thì các người làm sao kịp nó được.

Sóc cử con làm quan lang, lại làm người yết giả để châu chực, thường cầm cờ tiết đi sứ. Sóc đi trong điện có quan lang bảo:

- Người ta đều bảo tiên sinh là người cuồng.

Sóc nói:

- Như bọn Sóc đây có thể gọi là trốn đời ở giữa triều đình vậy. Người đời xưa thì mới trốn đời ở trong núi sâu.

Sóc thường ngồi trên chiếu uống rượu, say bò trên đất mà hát:

- “Luân lạc cùng với bọn thế tục, ở ẩn cửa Kim mã. Trong cung điện, có thể trốn đời, bảo toàn thân mình, cần gì phải vào nơi núi sâu ngồi dưới lều cỏ! ”.

Cửa Kim mã là cửa quan. Hai bên có hai con ngựa lồng nên gọi là “cửa Kim mã”. Sóc trường cùng với các bác sĩ họp nhau ở trong cung bàn luận. Những người kia hỏi vặn Sóc(12):

- Tô Tần, Trương Nghi một khi gặp các vị vua có vận cỡ xe đều lên địa vị khanh tướng, ơn đức lưu lại đến đời sau. Nay ông trau dồi đạo tiên vương; hâm mộ cái nghĩa của thánh nhân, đọc thuộc ngâm nga lời của Kinh Thi, Kinh Thư, bách gia, kể không thể hết. Viết ở trên tre lụa, cho rằng trong thiên hạ không ai bằng mình. Như thế có thể gọi là kẻ biết nhiều, có tài biện luận vậy. Nhưng ông đem hết sức hết lòng để thờ thánh đế, đến nay, ngày qua tháng lại đã được mấy chục năm ròng mà chức quan chẳng qua chỉ thị lang(18), địa vị thực ra chỉ cảm kích để hầu, như thế có phải còn điều gì thiếu sót chăng? Thế là tại làm sao?

Đông Phương Sóc nói:

- Đó không phải là điều các ông biết được! Thời xưa khác, thời nay khác, có phải giống nhau đâu? Thời Trương Nghi, Tô Tần ngày xưa là lúc nhà Chu tan rã, chư hầu không vào châu. Về chính trị thì dùng võ lực tranh nhau quyền thế, đem binh giữ nhau, thôn tính nhau còn lại mười hai nước(14) không ai hơn ai. Nước nào được kẻ sĩ thì mạnh, nước nào mất kẻ sĩ thì mất nước. Vì thế cho nên kẻ sĩ nói được nghe, đi được lọt, thân mình ở địa vị tôn quý, ơn đức để lại đời sau, con cháu mãi mãi vinh hiển. Ngày nay không phải thế nữa! Thánh đế ở trên, ơn đức tưới khắp thiên hạ, chư hầu theo phục, uy thế vang đến tứ di, cả ngoài bốn biển cũng đều liên như chiếu thế yên ổn như cái chậu úp sấp, tất cả thiên hạ đều cân bằng, thu vào một nhà, có việc gì muốn làm thì dễ như trở bàn tay. Bấy giờ người hiền người dở có khác gì nữa đâu! Trong lúc này thiên hạ to lớn, kẻ sĩ và dân chúng đông đúc những người đem hết tâm lực, học thuyết, kéo nhau tụ tập không thể kể hết. Những kẻ hết sức theo nghĩa, ăn mặc còn thiếu thốn, có kẻ mất cả thể diện, gia thế. Giả sử Trương Nghi, Tô Tần cùng tôi đều sinh ra đời này thì họ sẽ không được chức quan chưởng cố, chứ làm gì mong đến chức thường thị thị lang. Truyện có câu: “Trong thiên hạ nếu không có điều nguy hại, tai họa, thì tuy thành nhân cũng không có chỗ để thi thố tài năng. Trên dưới hòa hợp thì tuy người hiền cũng không có cách gì lập công”. Cho nên nói rằng thời đổi khác thì việc đổi khác. Tuy nhiên điều đó đâu phải là để ta không lo tu thân? Kinh Thi nói: “Chuông đánh ở cung tiếng vang ra ngoài. Hạc kêu nơi ao đầm xa xôi, tiếng nghe trên trời”. Nếu mình tu thân thì lo gì không được hiển vinh! Xưa Thái công lo làm việc nhân đức, năm bảy mươi hai tuổi gặp Văn Vương được thực hành cái thuyết của mình, được phong đất ở Tề bảy trăm năm mà không dứt. Chính vì vậy cho nên kẻ sĩ ngày đêm lo lắng, trau dồi việc học, thực hành đạo nghĩa, không dám thôi. Nay những người xử sĩ(15), trên đời tuy chưa được gặp thời, vẫn đứng nghiêm nhiên ở một nơi, một mình sừng sững trên xem Hứa Do dưới nhìn Tiếp Du(16), theo sách lược của Phạm Lãi, trung thành hợp với Tử Tư thiên hạ hòa bình tu thân để giữ gìn mình. Nếu mình cô độc ít có bạn bè thì đó là lẽ thường. Các ông sao lại nghi ngờ ta?

Các vị bác sĩ đều im lặng không biết lấy gì đáp lại.

Ở lan can nhà gác sau cung Kiến Chương, có con vật xuất hiện, hình nó giống như con nai. Người ta tàu lên, Vũ Đế đến xem, hỏi các quan chung quanh và những người am hiểu đạo nho, nhưng không ai biết là con gì! Sai Đông Phương Sóc đến xem. Sóc nói:

- Thần biết. Xin nhà vua cho rượu ngon cơm ngọt đãi thần một bữa tiệc sang thì thần mới nói.

Chiếu nói:

- Được.

Sóc lại nói:

- Ở nơi nọ có mấy sở công điền, ao cá, mấy khoảnh đất lau lách, bệ hạ cho thần thì thần Sóc này mới nói.

Bấy giờ Sóc mới chịu nói:

- Con ấy là con Sô nha. Nơi xa xôi sắp theo về thần phục cho nên con Sô nha xuất hiện trước. Răng cửa răng hàm nó như nhau, bằng nhau như không có răng vậy, cho nên gọi nó là Sô nha.

Sau đó một năm, quả nhiên vua Hồn Gia của Hung Nô đem mười vạn người đến đầu hàng Hán. Nhà vua bèn thưởng cho Sóc rất nhiều tiền bạc. Sóc sắp mất, can nhà vua:

- Kinh Thi có câu: “Làng xanh nhưng nhúc, đậu ở rào giậu. Người quân tử chớ nghe lời gièm pha. Lời gièm pha vô cùng làm rối loạn các nước bốn phương”. Xin bệ hạ đuổi xa bọn xu nịnh, gạt bỏ lời gièm pha.

Nhà vua nói:

- Ngày nay Đông Phương Sóc cũng nói những lời hay thế sao?

Và lấy làm lạ. Được ít lâu, quả nhiên Sóc mắc bệnh chết. Truyện có câu: “Con chim sắp chết thì tiếng kêu thảm thương, con người sắp chết thì lời nói hay(17) là ý nghĩa như vậy.

7. Trong thời Vũ Đế, đại tướng quân Vệ Thanh là anh của Vệ Hậu được phong làm Trường Bình Hầu. Vệ Thanh đem quân đi đánh Hung Nô, đến Dư Ngô Thủy(18) chém thủ cấp bắt giặc, có công trở về, vua ban chiếu thưởng một ngàn cân vàng. Khi tướng quân ra khỏi cửa cung, có người nước Tề là Đông Quách tiên sinh về làm phương sĩ cho nên chầu chực ở nhà môn công xa, giữa đường ngăn xe của Vệ tướng quân lại mà nói:

- Xin cho trình bày sự việc.

Tướng quân dừng xe lại cho Đông Quách tiên sinh đến trước mặt. Đông Quách đến bên xe nói:

- Vương phu nhân mới được nhà vua yêu, nhà phu nhân nghèo. Nay tướng quân mới được ngàn cân vàng, nếu đem một nửa cho người bà con của Vương phu nhân, nhà vua biết thế nào cũng vui lòng. Điều đó có thể gọi là kế lạ và nhanh vậy:

Vệ tướng quân cảm tạ và nói:

- Tiên sinh bày cho tôi cái kế hay, tôi xin vâng lời.

Đoạn Vệ tướng quân đem năm trăm cân vàng làm lễ chúc thọ thân nhân của Vương phu nhân. Vương phu nhân đem việc ấy nói với Vũ Đế. Vũ Đế nói:

- Đại tướng quân không biết điều đó đâu?

Hỏi Vệ Thanh:

- Ông nghe theo kế của ai?

Vệ Thanh đáp:

- Nghe theo lời người chờ chiếu là Đông Quách tiên sinh.

Nhà vua gọi Đông Quách tiên sinh vào và cho làm đô úy ở quận. Đông Quách tiên sinh đã lâu ngồi chờ chiếu ở công xa, nghèo khổ, đói rét, quần áo rách rưới, giày không còn nguyên. Khi đi giữa tuyết, giày chỉ còn mu ở trên mà không còn đế, chân giẫm đất. Người trên đường cười chế nhạo. Đông Quách tiên sinh trả lời ngay:

- Ai có thể đi trên tuyết mà khiến cho người ta thấy ở trên là giày, ở dưới vẫn là chân được đâu?

Đến khi được bổ làm quan hai nghìn hộ lương, Đông Quách tiên sinh mang dải ấn xanh ra khỏi cửa cung(19) đến tạ người chủ trọ. Thì ra người này trước đây cũng là người chờ chiếu làm quan như mình, đứng tiền mình ở ngoài đô thành. Đông Quách tiên sinh lên đường vinh hoa lập danh

trong đời. Có thể nói là người mặc áo ngắn mà mang đồ quý vậy. Khi ông ta nghèo khổ, không ai nhìn ngó, đến khi giàu có, người ta lại tranh nhau xu phụ. Ngạn ngữ có câu: “Xem ngựa thấy nó gầy nên không biết là ngựa hay, xem kẻ sĩ thấy họ nghèo nên không biết họ giỏi”, phải chăng là ý nghĩa như vậy?

Vương phu nhân ồm nặng, nhà vua thân hành đến hỏi:

- Con nàng sẽ làm vương. Nàng muốn con nàng làm vương ở đâu.

Vương phu nhân đáp:

- Muốn làm vương ở Lạc Dương.

Nhà vua nói:

- Không được, Lạc Dương có kho vũ khí, kho lúa, giữ cửa quan, là yết hầu của thiên hạ. Từ tiên đế đến nay, không hề đặt vương ở đây. Nhưng các nước ở quan đông không có nước nào lớn bằng nước Tề, có thể cho làm Tề vương.

Vương phu nhân lấy tay đập vào đầu kêu:

- Thế thì may lắm.

Vương phu nhân chết, hiệu là “Tề vương thái hậu chết”(20).

7. Ngày xưa Tề Vương sai Thuần Vu Khôn dâng chim học cho nước Sở. Đi khỏi cửa ải, giữa đường chim bay mất, chỉ còn lại cái lông không. Thuần Vu Khôn đặt lời nói dối, đến gặp Sở Vương:

- Tề Vương sai thần đem chim hoàng học đến biếu. Khi đi qua trên mặt nước, thần không nỡ để cho chim khát nên đem ra cho uống. Chim bỏ thần bay mất. Thần muốn đâm bụng thắt cổ mà chết. Nhưng sợ người ta nói rằng nhà vua vì việc chim muông mà bắt kẻ sĩ phải tự sát. Học là một thử chim có nhiều con giống, thần muốn mua chim khác thay vào nhưng sợ làm thế là không tin và lừa dối nhà vua. Thần muốn chạy trốn sang nước khác, nhưng đau lòng về việc sứ thần qua lại giữa hai vị vua bị đoạn tuyệt, cho nên thần đến đây dập đầu xin chịu tội với đại vương.

Vua Sở nói:

- Tốt lắm! Tề Vương có kẻ sĩ trung tín như thế sao?

Bèn thưởng rất hậu, tiền bạc gấp đôi so với việc hiến chim học.

8. Trong thời Vũ Đế nhà vua mời thái thú Bắc Hải đến nơi nhà vua ở. Người lo việc giấy tờ là ông Vương xin được cùng đi với thái thú, nói:

- Tôi sẽ giúp ích được cho ông.

Thái thú bằng lòng. Các viên thư lại trong phủ đều nói:

- Ông Vương là người thích rượu, lắm lời nhưng trống rỗng, sợ không thể cùng đi.

Thái thú nói:

- Ý ông ta muốn đi, ta không thể trái.

Bèn cùng ông ta đi. Đến chờ chiếu nhà vua ở cửa cung. Ông Vương chỉ mang tiền mua rượu cùng viên quan coi vệ binh uống say cả ngày không gặp thái thú. Thái thú vào quỳ bái kiến. Ông Vương nói với viên quan coi cửa:

- Nhờ ông ngoảnh vào cửa quan, gọi vọng ông chủ tôi giúp.

Quan coi cửa cung gọi thái thú. Thái thú đến thấy ông Vương ở đằng xa. Ông Vương nói:

- Nếu thiên tử hỏi ngài cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà không có trộm cướp thì ngài trả lời như thế nào?

Thái thú đáp:

- Chọn và cất nhắc đúng người tài, ai cũng dùng đúng năng lực của họ, thưởng những người giỏi, phạt những người kém.

Ông Vương nói:

- Đáp như thế là tự đề cao, tự khoe công. Không nên. Ngài cứ đáp: “Đó không phải là sức của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ đã cảm hoá được lòng dân”.

- Được! Phải đấy.

Khi thái thú được triệu vào, đến dưới điện có chiếu hỏi:

- Nhà ngươi cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà trộm cướp không nổi lên?

Thái thú dập đầu đáp:

- Đó không phải công của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ cảm hóa được lòng dân.

Vũ Đế cả cười nói:

- Ủa, ông làm sao có được lời nói của bậc trưởng giả mà trình bày như vậy? Ai bày cho ông đấy?

Thái thú đáp:

- Tôi học của người coi việc văn thư.

Nhà vua hỏi:

- Ông ta nay ở đâu?

- Ở ngai cửa cung.

Nhà vua cho chiếu gọi vào, cho ông Vương làm thủy hành thừa(21), cho thái thú Bắc Hải làm thủy hành đô úy(22). Truyện có câu: “Lời nói đẹp có thể đem ra mà mức được, phẩm hạnh cao quý có thể làm cho cao hơn người được. Người quân tử lấy lời nói để tiến nhau, kẻ tiểu nhân lấy tiền của để tiến nhau”.

9. Thời Ngụy Văn Hầu, Tây Môn Báo làm huyện lệnh ở ấp Nghiệp. Báo đến ấp Nghiệp gặp các

trưởng lão hỏi dân tình khổ sở vì điều gì? Các vị trưởng lão nói:

- Khổ vì chuyện Hà Bá lấy vợ nên dân nghèo.

Báo hỏi tại sao, họ đáp:

- Quan tam lão(23) và những người thuộc lại mỗi năm thu thuế trăm hộ được mấy trăm vạn, lấy ra hai ba mươi vạn để cưới vợ cho Hà Bá. Còn bao nhiêu thì giao cho ông đồng bà cốt chia nhau mang về. Đến lúc ấy, bọn bà cốt đi thấy nhà nào có con gái đẹp thì nói nên gả cho Hà Bá và đem đồ sính lễ đến cưới. Họ tắm rửa cho cô ta xong, lấy the lụa mặc cho cô ta, cho ở một mình, ăn chay, dựng nhà trai cung ở trên bờ sông Hoàng Hà, bày cờ đỏ màn the, cho người con gái sống ở trong cung. Cô ta có đủ thịt bò, rượu, cơm. Làm như thế hơn mười ngày. Sau đó lại đánh phấn tô điểm cho cô ta, chuẩn bị giường chiếu như cô dâu thật, để cô gái trên giường cho trôi ở trên sông Hoàng Hà. Lúc đầu còn trôi ở trên mặt nước, đi đến mấy dặm rồi mới chìm. Nhà nào có con gái đẹp cũng rất sợ ông đồng bà cốt bắt gả cho Hà Bá. Cho nên nhiều người mang con gái trốn đi nơi xa. Vì thế trong thành vắng tanh không người, lại càng đói kém. Tục này đã có từ lâu. Dân gian có câu tục ngữ tương truyền: “Nếu không lấy vợ tho Hà Bá thì nước dâng lên chết hết dân”.

Tây Môn Báo nói:

- Khi nào Hà Bá lấy vợ, xin cụ tam lão, các ông đồng bà cốt, các phụ lão tiễn người con gái trên sông Hoàng Hà đến nói với tôi; tôi cũng muốn tiễn cô ta.

Họ đều nói:

- Dạ.

Đến hôm ấy, Tây Môn Báo đến họp trên sông Hoàng Hà. Cụ tam lão, các thuộc lại, những người tai mắt, các bộ lão trong làng nhân dân đến xem hai ba nghìn người. Bà cốt là nhột bà già, tuổi đã bảy mươi. Bọn con gái làm đệ tử theo bà đến mười người. Tất cả đều mặc áo the mỏng đứng đằng sau bà cốt chính. Tây Môn Báo nói:

- Gọi người vợ Hà Bá đến đây xem xấu đẹp thế nào?

Người ta hèn dẫn người con gái ở trong màn ra trước mặt Báo. Báo nhìn người ấy, đoạn quay lại bảo tam lão, ông đồng bà cốt:

- Người con gái này không đẹp. Phiền bà cốt xuống sông báo với Hà Bá khi nào tìm được người đẹp để thay sẽ đưa dâu.

Liền sai thuộc hạ và quân lính ôm bà cốt già ném xuống sông Hoàng Hà. Một lát sau, Báo lại nói:

- Bà cốt già sao đi lâu thế? Các đệ tử phải giục bà ấy đi!

Lại sai ném một người đệ tử xuống sông. Một lúc sau, Báo lại nói:

- Đệ tử sao lâu về thế? Phải sai một người nữa đi giục họ về.

Lại ném một đệ tử xuống sông nữa. Tây Môn Báo lại nói:



- Bà cốt già và đệ tử đều là đàn bà con gái không thể trình bày công việc được. Xin phiền vị tam lão xuống trình bày đầu đuôi.

Lại sai ném tam lão xuống sông Hoàng Hà. Tây Môn Báo cầm bút lên đầu làm ra vẻ cung kính quay về phía sông một hồi lâu. Các vị trưởng lão và thuộc lại đứng bên cạnh đều sợ hãi. Tây Môn Báo quay lại nói:

- Bà cốt già, tam lão không về! Bây giờ làm thế nào?

Muốn sai một người thuộc lại và một người trưởng lão xuống giục.

Hai người này đập đầu van xin, đầu muốn vỡ, máu chảy lênh láng trên đất, sắc mặt xám như tro ngụi. Tây Môn Báo nói:

- Được ta hãy đợi một chút.

Một lát sau, Tây Môn Báo bảo:

Ông lại đứng đây, Hà Bá giữ khách như thế lâu rồi. Cho tất cả về nhà.

Thuộc lại và dân chúng ấp Nghiệp đều hoảng sợ. Từ đó về sau không ai dám nói đến việc Hà Bá lấy vợ nữa. Tây Môn Báo sai dân đào mười hai con ngòi để đem nước sông Hà vào tưới ruộng của dân, ruộng đều đầy nước. Lúc bấy giờ dân chúng đào ngòi rất khổ cực, không muốn làm, Báo nói:

- Dân chúng có thể vui thích khi việc đã thành, nhưng không thể cùng họ lo toan khi bắt đầu làm. Nay các cụ và con em tuy lo lắng, khổ sở vì ta, nhưng một trăm năm sau thế nào con cháu của các cụ cũng sẽ nhớ đến lời ta.

Đến nay, nhờ được thủy lợi, nhân dân đều được no đủ, giàu có. Mười hai con ngòi chạy thẳng, cắt mất đường của xe. Đến khi nhà Hán lên, quan lại cho rằng cầu của mười hai cái ngòi chắn mất đường đi, các ngòi lại gần nhau không tiện, muốn hợp các ngòi lại, ở trên đường cái, gộp ba ngòi làm một cầu. Nhân dân và các phụ lão đất Nghiệp không chịu nghe quan lại, cho rằng đó là điều Tây Môn Báo đã làm. Phép tắc của người hiền không thể thay đổi được. Rút cục quan lại phải nghe theo, gác việc ấy lại. Tây Môn Báo làm huyện lệnh đất Nghiệp nổi tiếng trong thiên hạ, ơn đức lưu lại đời sau không khi nào hết. Chẳng phải là một vị đại hiền sao?

Truyện nói: “Tử Sản cai trị đất Trịnh, dân không thể dối. Tử Tiễn cai trị đất Đan Phụ, dân không nỡ dối. Tây Môn Báo cai trị đất Nghiệp, dân không dám dối”. Tài năng của ba người này ai giỏi hơn? Người nào biết phân tích đạo trị người thì mới biết điều đó(24).

.....

(1) Văn lục kinh tuy khác nhau nhưng đều thống nhất ở chỗ có tác dụng chính trị.

(2) Tác giả cho những lời bông đùa cũng xếp vào loại Lục Kinh. Đó là một ý kiến táo bạo.

(3) Một thiên trong Sử ký, tức là thiên Điền Kinh, Trọng Hoàn thế gia (không dịch).

(4) Một học bằng mười đấu.

(5) Chấp pháp và ngự sử đều là những quan coi về nghi lễ.

- (6) Dùng lối phản ngữ làm cho việc chôn ngựa thành ra lộ bịch.
- (7) Then chốt là ở câu này.
- (8) Việc hợp thời nên làm.
- (9) Chủ Thiếu Tôn người đời Hán, làm bác sĩ thời Thành đế, Nguyên đế có bổ sung vào Sử ký của Tư Mã Thiên. Từ đoạn này trở đi là của Chủ Thiếu tôn.
- (10) Bấy giờ chưa có giấy, ghi chép dùng dao khắc vào gỗ, tre.
- (11) Chức quan coi việc giấy tờ các nơi đưa đến nhà vua hoặc nhà vua đi các nơi.
- (12) Từ “Những người kia...” đến “không biết lấy gì đáp lại” là bài “Giải trào” của Đông Phương Sóc, Sóc cũng sinh một thời với Tư Mã Thiên, cái nhìn của Sóc về thời đại của mình rất là tiêu biểu.
- (13) Chức thị lang đời Hán chỉ có nhiệm vụ cầm kích canh phòng trong cung khác chức thị lang triều Nguyễn là một chức quan to.
- (14) Thời Tô Tần, Trương Nghi.
- (15) Kẻ sĩ ở nhà chưa ra làm quan.
- (16) Hứa Do là ẩn sĩ. Nghiêu nhường ngôi cho Hứa Do. Hứa Do không nhận. Tiếp Dư là ẩn sĩ ở nước Sở cùng thời với Khổng Tử.
- (17) Luận ngữ, thiên “Thái bá”.
- (18) Hiện nay là biên giới phía Bắc nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.
- (19) Đô úy mang dải ấn màu xanh.
- (20) Điều đó chứng tỏ con sẽ làm Tề Vương.
- (21) Người giúp việc cho thủy hành đô úy.
- (22) Cõi vườn Thượng Lâm của nhà vua..
- (23) Chức quan ngày xưa coi việc giáo huấn trong làng.
- (24) Ý nói: Tử Sản thông minh không ai dối được; Tử Tiễn được dân yêu không ai nỡ dối; dân sợ Tây Môn Báo không ai dám dối.

## Chương 2-5 - E. Bảo Vệ Dân Tộc

Xoá bỏ các điều ước bất bình đẳng.

Đứng hàng đầu trong tam dân chủ nghĩa là dân tộc, giành lại quyền tự do, độc lập đã bị liệt cường xâm nhập, cho nên trong lời di chúc, Tôn Văn dặn phải gấp trừ bỏ các hiệp ước bất bình đẳng. Việc đó không thể dùng ngoại giao xin xỏ mà được. Nước mà mạnh, dân mà đoàn kết thì chẳng cần phí sức cũng thành công.

Sau vụ Nga táp vận động ( 30-05-1925), tức cuộc vận động phản đế của toàn dân Trung Hoa, tiếp theo là vụ tẩy chay hàng ngoại quốc ở Quảng Châu tháng 6 năm đó rồi từ đó các vụ dân tộc vận động tiến triển không ngớt, bỗng bột lạ thường, người Anh thấy vậy biết rằng Trung Quốc thời này không như Trung Quốc thời Thanh nữa, nên chủ trương phải thay đổi thái độ. Ở Mỹ, Bỉ, Tây Ban Nha cũng có khuynh hướng như thế, rất lợi cho chính phủ Trung Hoa tranh đấu để hủy bỏ các hiệp ước bất bình đẳng. Chúng ta đã biết sáu nước: Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật, Nga lập một ngân hàng đoàn để cùng nhau cho Trung Quốc vay những số tiền lớn, họ quyết định với nhau bắt Trung Quốc có việc gì thì không được giao thiệp thẳng với một nước nào mà phải giao thiệp với cả 6 nước. Lệ cộng đồng hành động của 6 nước đó, sau vụ Ngũ Táp được họ tự ý bãi bỏ. Đó là một thắng lợi do quốc dân tặng chính phủ.

Sau khi cách mạng Nga 1917 thành công, nhiều lần chính phủ Nga tuyên ngôn bãi bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà Nga Hoàng đã lý với Trung Quốc. Năm 1923, đại biểu Nga và chính phủ Bắc Kinh ký một hiệp định đại khái thi hành đúng việc bãi bỏ đó, và thừa nhận Ngoại Mông là một bộ phận của lãnh thổ Trung Hoa dân quốc, tôn trọng chủ quyền của Trung Hoa ở đấy. Việc ấy cũng tọa một thể thuận lợi cho Trung Hoa trong sự bang giao với liệt cường. Nhưng từ khi Tưởng cầm quyền, diệt Cộng thì do nhiều xích mích mà Nga và Trung Hoa tuyệt giao với nhau.

Suốt trong mấy năm 1928 – 1931, bộ trưởng ngoại giao của Chính phủ Dân Quốc đảng, Vương Chính Đình, tốt nghiệp đại học Yale ( ở Mỹ), gắng sức giao thiệp với các nước Tây phương để thu hồi quyền của dân tộc, và thành công ít nhiều.

Về việc các tô giới và các đất tô tá, Anh chỉ mới trả Trấn Giang, Uy Hải Vệ, Hạ Môn, Cô Lân, Bỉ trả ở Thiên tân. Về quan thuế, năm 1928, Chính phủ Dân quốc tuyên ngôn sẽ lập lại điều ước về quan thuế với các nước, theo nguyên tắc quan thuế hoàn toàn tự chủ, Mỹ thừa nhận việc đó và ký lại điều ước về quan thuế, tiếp theo là Na Uy, Hà Lan, Thụy Điển, Anh, Pháp, mỗi nước ký một điều ước riêng. Nhật ký sau cùng năm 1930. Như vậy là Trung Hoa cởi được sự trói buộc của liệt cường từ 80 năm trước.

Sau cùng, Trung Hoa cũng đòi bỏ quyền lãnh sự tài phán của liệt cường nữa, yêu cầu các nước lập lại điều ước bình đẳng mới. Một số nước: Bỉ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đan Mạch chịu lập tân ước bỏ quyền lãnh sự tài phán. Các nước lớn Anh, Mỹ, Pháp.... viện lẽ điều ước cũ chưa hết hạn, chưa chịu bỏ. Năm 1929, chính phủ Dân Quốc ban bố lệnh: “ Từ ngày 1 tháng 1 năm 1930, người ngoại quốc kiều cư ở Trung Quốc mà hiện còn quyền lãnh sự tài phán đều phải nhất luật tuân giữ những pháp lệnh của chính phủ trung ương và chính phủ địa phương.... ”. Thật là một quyết định mạnh mẽ. Ba Lan, Hi Lạp, Tiệp Khắc, Thổ Nhĩ Kỳ chịu ký ngay điều

ước mới.

Còn những nước khác. Anh, Mỹ, Pháp, vẫn làm lơ. Việc chưa được giải quyết dứt khoát thì Nhật gây hấn với Trung Hoa, rồi đánh chiếm Trung Hoa, tiếp theo là thế chiến thứ nhì, người ta đồng tình tạm hoãn lại vụ đó.

Mãi đến ngày 1-1-1942. Mỹ nhảy vào vòng chiến với Đức, Ý, Nhật, cần có sự hợp tác của Dân Quốc ở Đông Á để diệt Nhật nhận Trung Hoa vào hàng tứ cường ( Mỹ, Anh, Nga, Hoa), và ngày Quốc khánh của Trung Hoa. ( 01-10) năm đó, Anh, Mỹ tuyên bố hủy hết các điều ước bất bình đẳng, lập điều ước mới, Hà Lan, Bỉ, làm theo ( Pháp thời đó, dưới chính phủ Pétain, đứng về phe Đức, Ý, Nhật ). Vậy là tất cả các quyền lãnh sự tài phán, quyền sử quán khu và trú binh, tô giới, quyền hàng hành trên các sông, nhất luật triệt bỏ hết.

Chỉ còn Cửu Long là Anh chưa chịu trả, viện lẽ Cửu Long liền Hương Cảng, rất quan hệ cho Hương Cảng, không thể trả ngay được. Trung Hoa tạm thời nhượng bộ, đợi khi nào hết hạn, thu hồi Hương Cảng sẽ thu hồi luôn Cửu Long. Trước cuối thế kỷ này sẽ hết hạn thuê Hương Cảng, chưa biết Anh và Trung Cộng sẽ giải quyết ra sao để có lợi cho cả hai bên (1): nhờ Hương Cảng mà Trung Cộng thu được khá nhiều ngoại tệ, bán được nhiều hàng hóa. Còn bao nhiêu nước khác thì điều ký điều ước mới hết. Chỉ về mỗi điểm đó trong chủ nghĩa tam dân là anh hồn Tôn Văn được thỏa mãn

- (1) Gần đây Trung Quốc và Anh đã thỏa thuận. Anh giao Hồng Kông vào năm tới (1997) ( BT)

Chống xâm lăng - Nhật chiếm Mãn Châu

Gần cuối đời, Tôn Văn có ý muốn hợp tác với Nhật để Trung Hoa mau cường thịnh, mà cùng với Nhật đuổi hết người da trắng ra khỏi Đông Á. Chẳng riêng ông mà nhiều nhà ái quốc của mình cũng nghĩ như vậy. Mãi đến thế chiến thứ nhichúng ta mới thấy thực dân da vàng cũng tàn bạo như thực dân da trắng.

Từ khi Nhật thắng Trung Hoa năm 1894, nhất là từ khi họ thắng Nga năm 1905 thì họ coi Trung Hoa là một miếng mồi cực ngon, khi nào Âu Mỹ vì những việc cấp bách hơn, không chú ý vào Châu Á được thì Nhật nắm ngay cơ hội, đớp một miếng ở Trung Hoa, Âu Mỹ phản ứng mạnh thì họ tạm lùi để chờ cơ hội khác vồ mồi.....

Họ không muốn cho Trung Quốc thống nhất, vì Trung Quốc sẽ mạnh lên? họ khó thực hiện được ý muốn. Luôn luôn họ kiếm cách gây với chính phủ Quốc Dân để chiếm đất, viện cớ này, cớ nọ, không có cớ thì họ tạo ra một vụ lôi thôi nhỏ nhặt, một quân nhân của họ bị giết, một chuyến xe lửa của họ nổ tung vì mìn (của họ đặt ).... để đổ bộ lục quân, hải quân lên đất Trung Hoa.

Quan trọng nhất là vụ Mãn Châu. Năm 1928, Trương Tác Lâm, một quân phiệt làm chủ Đông Tam tỉnh( Mãn Châu) như một ông vua. Ông ta giao thiệp với cả Nga, lẫn Nhật, Nhật làm thân với ông, tới khi thấy ông đổi ý, muốn phản mình ( có thể vì Trương bỗng nghĩ đến tổ quốc mà trở về với Quốc Dân đảng) thì đặt mìn cho chuyến xe lửa chở ông ta nổ tung. Con ông, Trương Học Lương tức thì chống Nhật, đem Đông Tam Tỉnh lệ thuộc vào trung ương, tức chính phủ Quốc Dân.

Nhật bèn ra tay liền tháng 9 năm 1931 đem binh chiếm Thẩm Dương ( Moukden), và các thành

thị lớn. Trương Học Lương trốn về Trung Hoa, được Tưởng Giới Thạch trọng dụng, cuối năm đó trọn Mãn Châu vào tay Nhật.

Tháng 3 năm sau, Nhật đưa Phổ Nghi lên ngôi, Phổ Nghi bị cách mạng Tân Hợi truất ngôi, sau được Nhật bảo vệ, chu cấp để có cơ hội thì dùng tới, từ đó Mãn Châu không còn là Đông Tam Tỉnh nữa mà thành Mãn Châu quốc. Mọi việc từ hành chánh đến võ bị, từ nội trị đến ngoại giao đều có Nhật lo cho hết.

Tưởng Giới Thạch đưa vụ đó ra Hội Vạn Quốc. Hội đề nghị một giải pháp không làm vừa lòng bên nào hết, và Nhật rút chân ra khỏi hội 1933). Hội chẳng phản ứng gì cả chỉ đưa ra một thông cáo không thừa nhận Mãn Châu quốc thể thôi.

Sở dĩ họ bênh vực Trung Hoa một cách yếu ớt như vậy có lẽ vì một số nước cho cuộc xung đột Trung - Nhật thực ra là cuộc xung đột Nhật – Nga chiếm Mãn Châu để làm căn cứ tấn công Nga, chiếm Sibérie, Âu Mỹ không ưa Nga Xô, mặc cho Nhật hành động, và còn hy vọng Nhật đụng đầu với Nga sẽ vay tiền của họ, có lợi cho họ nữa.

Ở Trung Hoa, phe Cộng, theo Eberhard, mong rằng vụ Mãn Châu đó làm cho chiến tranh Trung Nhật nổ càng sớm, càng tốt. Nhật sẽ chiếm được miền Đông Trung Hoa, chắc chắn vậy, mà Tưởng sẽ yếu đi. Cộng sẽ nhờ Nga giúp, lập một Trung Hoa cộng sản, lúc đó sẽ đánh đuổi Nhật ra khỏi bờ cõi.

Tưởng trái lại muốn chiến tranh chậm xảy ra để ông có thì giờ diệt Cộng, và lập một đạo quân mạnh mẽ. Ông đưa ra chiến lược: Thống Nhất Quốc Gia (nghĩa là diệt Cộng) trước đã rồi hãy kháng Nhật, vì lúc đó mới đủ sức thắng Nhật.

Lúc đó ông có đạo lộ quân thứ 19 huấn luyện kỹ, có kỷ luật, năm 1932, phải làm cho Nhật phải nể mặt. sau vụ Nhật chiếm Moukden

(Thẩm Dương), dân chúng ở Thượng Hải tẩy chay hàng Nhật. Nhật đem 70.000 quân đánh. Đạo lộ quân 19 không đợi lệnh của Tưởng hết sức chống cự, được nhân dân tiếp tế nên tuy ít hơn quân Nhật nhiều, cũng thắng họ được vài trận oanh liệt (1)

Nhưng số quân thiện chiến đó, đem ra chọi với Nhật sẽ tiêu hao lần mà không được kết quả gì, nên Tưởng tìm cách hòa hoãn với Nhật nhờ công sứ Anh làm trung gian xin đình chiến cả hai bên đều rút quân ra khỏi Thượng Hải.

Thái độ của Mỹ lưng chừng chỉ lo thủ lợi thôi, bên

(Thiếu hai trang 112 và 113)

Sau cùng với quân đội cũng phản kháng. Đem họ đi diệt Cộng, họ đào ngũ, nhiều kẻ qua phía cộng, được cộng tiếp đón niềm nở, huấn luyện, thành những chiến sĩ chống Nhật giỏi. Một số quân phiệt như Phùng Ngọc Tường cũng đem quân đội riêng của họ đi đánh Nhật

Cuối năm 1935, cuộc trường hành của Mao Trạch Đông chấm dứt. Cộng mệt mỏi, làm chủ một miền rộng, nhưng nghèo, thưa dân (chỉ kiểm soát được độ 1 triệu dân) đảng viên chỉ con 40.000. Họ phải xây dựng lại từ đầu, chia làm nhiều khu tương đối tự trị, chưa tiến lên xã hội chủ nghĩa vội, tạm giữ chế độ tân dân chủ, còn cho dân có những tài sản nhỏ, còn có giai cấp, được tự do làm ăn, xóa bỏ những món nợ cũ cho dân, bỏ thuế ruộng cho chủ điền (mà cũng khg còn



lệ chủ điền cho lãnh canh nữa, ai cũng phải cày cấy lấy) khi nào cân chính phủ mới thu của dân 5% huê lợi thôi. Từ trước, nhất là từ thời các quân phiệt, nông dân bị chủ điền bóc lột, bị lính cướp bóc, bây giờ thấy sung sướng, coi cộng là những người giải thoát cho họ.

Dân chúng được học tập chính trị, được dạy cho cách thức làm ruộng, giữ vệ sinh, được tổ chức thành những đội tự vệ. Nhiều trường được mở để dạy dân cho khỏi nạn mù chữ, lần lần có cả một trường Đại học ở Bảo An, 2000 sinh viên chú trọng nhất vào việc đào tạo sĩ quan cho đạo quân thứ 8 sau này.

Nhân dân ở Thiểm tây, rồi ở Sơn tây, Sơn Đông, Hà Bắc thấy không còn họa Cộng sản nữa, mà chỉ thấy họa Nhật Bản nhất là từ khi họ chiếm gần hết Hoa Bắc ( 1935) nên chỉ mong Quốc, Cộng thỏa hiệp với nhau để kháng Nhật. Hùng hơn cả là bọn người bỏ Mãn Châu về và bọn quân của Trương Học Lương. Trương được Tưởng Giới Thạch phái lên đóng ở Tây An để bao vây Cộng sản. Thấy Cộng thay đổi khẩu hiệu « Diệt Quốc dân đảng » thành khẩu hiệu « Đoàn Kết để diệt Nhật », hơn nữa thấy đoàn quân của họ ở Thiểm Tây, Cam Túc gồm những lính cũ ở Hoa Nam còn sống sót sau cuộc trường hành, bây giờ hằng hái kháng Nhật, thấy vậy Trương Học Lương và bộ hạ, cả quân lính nữa, không thể nào tuân lệnh của Tưởng: « Diệt bọn đạo tặc đó trước hết » mà lén lút thương lượng với Cộng, cùng với Cộng lập một mặt trận thống nhất để kháng Nhật. Nhật cảnh cáo Tưởng rằng nếu không mau mau diệt Cộng, thì Nhật sẽ xóa bỏ các thỏa hiệp đình chiến đã ký.

Vậy là ngày 7- 12- 1936 Tưởng phải cùng với vài viên tướng và 200 vệ binh bay tới Tây An để dò xét tình hình. Trong ba ngày Trương Học Lương thuyết phục ông không được. Ông ta nghỉ đêm trong một ngôi chùa gần Tây An. Đêm 11- 12, Trương dùng 170. 000 quân để bắt cóc ông, vệ binh của ông bị bao vây, giết sạch. Ông không kịp mặc áo, thoát ra ngoài được, trốn trong bụi cây ở chân núi, sáng sớm hôm 12-12 bị quân Trương Học Lương bắt, đưa về Tây An. ( 2) Tin đó làm náo động toàn quốc, người ta sợ ông bị giết mà Trung Quốc lại có nội chiến nữa. Nhật sẽ chiếm thêm đất nữa. Bà Tống Mỹ Linh bay lên Tây An, chịu chung số phận với chồng.

Tưởng bị giam 14 ngày. Trong thời gian đó, Chu Ân Lai, một nhân vật quan trọng của Cộng từ Diên An lại, bàn tính với nhóm Trương Học Lương không nên giết Tưởng, mà chỉ cần buộc Tưởng chấm dứt nội chiến để cùng nhau kháng Nhật, thả hết tù chính trị, đặc biệt là tù Cộng sản và tôn trọng những tự do căn bản.

Tưởng đành phải hứa và họ thả ông ta. Ngày 26- 12 hai vợ chồng Tưởng bay về Nam Kinh, Trương Học Lương nhận lỗi đã không giữ kỷ luật, sẵn sàng chịu tội, và Tưởng đem Trương về giam ở Nam Kinh, nhưng đối đãi tử tế, hai mươi lăm năm sau mới thả ở Đài Loan.

Vụ đó, mấy bộ sử chữ Hán( tôi có) viết cho học sinh Trung và Đại học miền Quốc dân đảng, đều không nhắc tới. Tôi dùng tài liệu của Pháp: Lucien Bianco, J J Brieux, Roger Lévy, và của một học giả Trung Hoa viết bằng tiếng Anh: Tsui Chi.

Vụ Tây An còn là một bí mật. Người ta không hiểu Staline có ra lệnh cho Mao hoặc ít nhất là khuyên Mao để cho Tưởng sống mà chống Nhật, ngăn bớt sức bành trướng của Nhật, có hại cả cho Nga ở biên giới phía đông không. ( 2)

Tưởng bị mất mặt, nhưng ai cũng nhận rằng trước vụ đó ông ta có thái độ can đảm, cứ giữ đường lối tạm hòa hoãn với Nhật để lập lại trật tự trong nước, huấn luyện thêm quân đội đã. Ông hiểu rõ hơn các tướng khác sức mạnh của Nhật và thế yếu của Trung Hoa (3). Sau vụ đó



ông lại tỏ ra có tư cách: Giữ đúng lời hứa miệng với Cộng: thả các tù Cộng sản ra (4) và chuẩn bị để kháng Nhật.

Mà Mao cũng có thái độ đàng hoàng: sẵn sàng hợp tác với chính phủ Dân Quốc để thực hiện những nguyên tắc của Tôn Văn mà Cộng sản nhận là cần thiết trong giai đoạn đó, sẵn sàng đình chỉ mọi hành động thù nghịch Quốc dân đảng; giải tán chính phủ để cùng nhau chống Nhật.

Vậy là Quốc và Cộng bắt tay nhau để bảo vệ chủ nghĩa dân tộc. Toàn dân Trung Hoa hoan hô cả Tưởng lẫn Mao. Uy tín danh vọng của Tưởng tăng lên mạnh. Mao được thêm cái lợi là sinh viên, kỹ thuật gia tới Diên An khá đông mà sự mua bán với khu của Tưởng cũng dễ dàng.

(1) Chính trong vụ này mà nhà Thương Vụ ấn thư quán ở Thượng Hải cháy rụi với nhiều bộ sách cổ rất quý.

(2) Theo sách Cho Tôi Đặng Tiểu Bình, tác giả Mao Mao (con gái Đặng) thì trong vụ này có sự tham gia của Đảng cộng sản Trung Quốc mà người đại diện là Chu Ân Lai (BT)

(3) Nhưng người ta cũng không khởi tự hỏi nếu không có vụ Tây An này thì Tưởng sẽ còn chịu Ô chĩa má » ra cho tới bao giờ.

(4) Hình như có một số ít ông cho là nguy hiểm, bị ông sai người ám sát sau khi được thả.

## Chương 2-6 - Cộng Sản Ở Diên An

Trong khi đó, Cộng sản ở Diên An mỗi ngày mỗi mạnh. Sau khi thành lập mặt trận thống nhất Mao tự do hoạt động ở Tây Bắc, ảnh hưởng của ông bắt đầu lan ra. Tướng Lâm Bưu thắng Nhật một trận khá lớn, uy thế tăng lên dân chúng theo đông. Đảng viên được lệnh quân Nhật tới thì phải ở tại chỗ tổ chức bí mật, du kích, ám sát, phá đường, đánh cướp xe địch để lấy vũ khí. Những khu đó thành khu giải phóng. Mới đầu là khu Sơn Tây, rồi lan ra thành khu Sơn Tây- Hà Bắc- Hà Nam. Họ chế tạo súng, lựu đạn, thuốc súng, súng liên thanh, máy khâu thanh..... trong những khu giải phóng, họ tổ chức bầu cử, khuyến khích phát triển kinh tế, mở các tiểu công nghệ. Năm 1939, họ có 500. 000 quân chính qui và du kích. Dân quân đông hơn nhiều. Những công đó phần lớn của đệ bát lộ quân.

Ở miền An Huy tân đệ tứ lộ quân ( có sách gọi là đệ ngũ lộ quân) phát triển cũng rất mạnh gần như làm chủ cả miền hạ lưu Dương Tử. Khi họ mới thành lập trở lại, nông dân đem các khí giới cũ đã chôn giấu lại tặng. Họ tập hợp lại rất đông, chẳng bao lâu quân số từ 13. 000 tăng lên 30. 000 rồi 60. 000. Trong tám tháng họ đánh trên 200 trận, thu được trên 1. 500 súng trường, 32 súng liên thanh của Nhật.

Thấy họ phát triển mau quá, Tưởng lo ngại, coi họ mới đáng sợ hơn Nhật, tìm cách diệt. Và đầu tháng giêng 1941, xảy ra một vụ làm toàn dân Trung Hoa phẫn uất. Tưởng Giới Thạch ra lệnh cho họ bỏ khu vực họ đang hoạt động ở phía Nam sông Dương Tử mà vượt sông đó, lên phía Bắc tập hợp với đạo quân thứ VIII của Cộng). Họ không hiểu tại sao lại bỏ khu vực đó cho Nhật chiếm trở lại, nhưng họ cũng vẫn tuân lệnh. Cuối 1940 họ bắt đầu lui quân, đầu tháng giêng 1941, ở phía Nam chỉ còn 8. 000 quân với những cán bộ trong bản dinh, ban chính trị, y tế..... Khi họ mới lên đường, tới một khúc hẻm trong núi thì bị 80. 000 quân ( của Tưởng) phục kích. Viên chỉ huy, Yeh Ting ( ? ) bị bắt sống. Viên phó mất tích, 8000 người bị giết. Chính phủ Trung Khánh làm thinh. Nhưng tờ báo Cộng sản ở đó (vì Mao đặt một phái bộ ở Trung Khánh do Chu Ân Lai chỉ huy, Chu được thế giới nhận là một nhà ngoại giao giỏi, nhã nhặn, tươi cười, lễ độ, bình tĩnh mà thông minh) bất chấp cơ quan kiểm duyệt, cứ đăng đủ chi tiết. Viên chủ nhiệm tờ báo bị bắt. Chu Ân Lai nhận mọi việc do ông cả, ông chịu trách nhiệm. Tưởng không giám giam Chu sợ toàn dân Trung Hoa và cả thế giới nữa cho rằng ông không lo đánh Nhật mà chỉ lo diệt Cộng. Ông tuyên bố với thông tin viên ngoại quốc rằng đạo quân đó có ý làm phản, nên phải diệt.

Một thông tin viên ngoại quốc, Archibald Kerre bảo thẳng với một sĩ quan cấp tá của Tưởng “ Thật là một chuyện ghê gớm”.

Từ đó mặt trận thống nhất chỉ có danh mà không có thực. Cả hai bên đều giữ miếng, Tưởng không nghĩ tới chuyện kháng Nhật nữa, lại lo bao vây Cộng.

Giai đoạn sau, trong thế chiến 1941 – 1945.

“ Sáng ngày mừng 8 tháng 12- 1941, đường phố Trung Khánh ồn ào náo nhiệt lên, có tiếng rao của trẻ bán báo: “ Số đặc biệt”. Thiên hạ đổ xô ra mua rồi tụ họp nhau bàn tán.

“..... Cả Hội đồng quân sự hoan hỉ, Tưởng Giới Thạch sung sướng tới nỗi hát một điệu tuồng cổ

và cho chạy đĩa hát Ave Maria suốt ngày. Các công chức Quốc Dân đảng mặt mày tươi rói, chúc mừng nhau ríu rít. Họ cho đó là một thắng lợi lớn, họ chỉ mong có vậy thôi mong Mỹ đánh Nhật! A, bây giờ thì Mỹ và Nhật choảng nhau rồi! Trung Hoa lại sắp hóa ra quan trọng hơn nữa. Tiền bạc và khí giới Mỹ sắp tuôn vào, Mỹ sắp cho vay và cho mượn nữa thì chứ không phải là số tiền bản tiện như trước nữa”.

Han Suyin (Hàn Tú Anh) – Tác giả cuốn Một mùa hè vắng bóng chim (1) – lúc đó ở Trùng Khánh, đã ghi lại nỗi vui mừng của chính quyền Quốc Gia như trên, sau khi hay tin phi cơ Nhật chỉ trong mấy giờ, sáng ngày 7 – 12- 41, tiêu diệt trọn hạm đội mạnh nhất của Mỹ ở Thái Bình Dương, đậu tại Trân Châu cảng( Pearl Harbour), quần đảo Hawaii (2). Thế là Mỹ tuyên chiến với Nhật, Đức, Ý và từ nay Trung Hoa, Mỹ, Anh phải liên kết với nhau. Trung Hoa thua tức là Mỹ, Anh cũng thua. Trung Hoa cầm chân được 20. 000 quân Nhật thì đỡ cho Mỹ, Anh 20. 000 quân địch. Một phi trường Trung Hoa, một xưởng chế tạo khí giới của Trung Hoa vào tay quân Nhật... đều thiệt hại cho cả Mỹ và Anh.

Đầu năm 1942, Mỹ, Anh long trọng mời Trung Hoa vào phe Đồng Minh, và xóa bỏ hết các điều ước bất bình đẳng từ trước để cảm ơn Trung Hoa. Bỗng nhiên Trung Hoa, thành một trong bốn đại cường quốc: Mỹ, Nga, Anh, Trung.... Vẻ vang cho Trung Hoa, nhất là cho Tưởng biết bao!

Nhật thắng rất mau. Từ 1927, họ đã có một kế hoạch làm chủ Đông Á, do nam tước Tanaka, bộ trưởng bộ chiến tranh trình lên Nhật hoàng. Họ đã thực hiện được một phần kế hoạch đó: chiếm Triều Tiên, Mãn Châu, lấn vào Hoa Bắc, làm chủ được miền bờ biển Hoa Trung và Hoa Nam.

Nay diệt được hạm đội Mỹ ở Pearl Harbour, họ chiếm Hương Cảng, Phi Luật Tân, Mã Lai, Bornéo, đánh chìm hai chiến hạm lớn của Anh( Repulse và Prince of Wales), đổ bộ lên Singapour... Ở lục địa, họ làm chủ Đông Dương, Thái Lan, Miến Điện, tiến tới biên giới Ấn Độ. Chưa bao giờ trong lịch sử nhân loại có một cuộc chiến thắng chớp nhoáng, rực rỡ như vậy. Cuộc chiến thắng của Đức ở Pháp năm 1940 không thấm vào đâu.

Nhưng Nhật không ngờ rằng càng chiếm được nhiều đất xa thì sức càng yếu đi, mà sức quật cường của Mỹ trong khi đó tiến rất nhanh. Lại thêm nỗi lại hậu phương tức Trung Hoa, Nhật chưa bình định được: Trung Hoa được Mỹ, Anh viện trợ rất nhiều, có tướng Mỹ Stillwell làm tư lệnh tối cao cho mặt trận Trung Hoa, phụ tá cho Tưởng Giới Thạch.

Thực ra, về phía Dân Quốc, Nhật không có gì phải lo cho lắm, Tưởng vẫn theo chủ trương kẻ thù số một là Cộng. Nhật chỉ là kẻ thù thứ nhì, đòi Mỹ, Anh viện trợ thật nhiều, nhưng để dành đó đánh Cộng, còn việc đánh Nhật thì lơ là, để cho Mỹ lo gần hết.

Năm 1942, Nhật kêu gọi Tưởng liên kết với mình diệt thực dân da trắng, lập khu vực Đại Đông Á. Ông Tinh Vệ ở Nam Kinh làm tay sai cho Nhật, dụ dỗ phe Tưởng và phe Tưởng cũng có một số người nghe vì thấy Mỹ, Anh thua Nhật liểng xiểng.

Năm 1943, Quốc Dân đảng dùng một thủ đoạn đại quý quyết. Khi bị Nhật tấn công, nhiều đơn vị Quốc Dân đảng được phép đầu hàng Nhật. Rồi nhiều tướng tá đào ngũ, đem khí giới qua chính quyền bù nhìn của Ông Tinh Vệ. Như vậy đỡ phải nuôi các quân đó, mà gởi Ông - tức Nhật – nuôi dùm rồi sau này dùng họ để đánh Nhật. Nhật cũng có lợi- trước mắt: bớt được một số địch, thêm được một số quân trên mặt trận Trung Hoa, như vậy có thể rút bớt quân để đem

chiếm đánh các nơi khác ở Đông Á.

Có khi Nhật dùng ngay những quân đầu hàng đó để đánh Cộng sản, Tưởng càng mừng nữa, Mỹ không thể trách vào đâu được.

Như vậy năm 1943, có tới 42 tướng, 70 sĩ quan cấp tá và 500.000 quân lính quốc gia đưa qua mặt trận Nhật, giảm chiến phí cho Tưởng được bội. Thủ đoạn của Tưởng đó, Brieux và Han Suyin đều chép theo báo Cộng sản. Tôi không dám chắc là đúng hẳn, nhưng quả thực là quân của Tưởng qua Uông khá đông.

Cũng năm đó, Tưởng tính rút quân trên mặt trận chống Nhật, để tấn công đạo quân thứ VIII của Cộng sản, sau đó lại thôi, vì sợ dư luận quốc tế, mà cũng vì tướng của Tưởng sợ tài du kích của Cộng sản, không chịu đưa quân ra trận.

Các quân nhân Mỹ thấy chính sách của Tưởng như vậy, tinh thần của tướng Quốc gia như vậy, nên bất bình, tỏ vẻ khinh ra mặt. Người bị tướng Stillwell chê nhất là Tưởng Giới Thạch: “ Chính quyền Trung Hoa ở trong tay một người ngu dốt, độc đoán, bướng bỉnh, chỉ dùng sự đàn áp và tư sủng mà đứng được... Ông ta biết những sự gian lận, thói nát mà không có cách nào trừ được”.

Ở khu Cộng sản, tình hình trái hẳn. Những phi công Mỹ thả bom Nhật mà hạ xuống khu Cộng sản thì được tiếp đón niềm nở, săn sóc rồi đưa về khu Quốc dân, họ được thấy một đạo quân có kỷ luật, không cướp bóc của dân, tinh thần hy sinh rất cao, nên ngạc nhiên không hiểu sao chính quyền họ lại giúp Tưởng. Cộng sản tuyên truyền thật khéo léo.

Năm 1942, phó tổng thống Mỹ Henry A. Wallace đi tham quan Trùng Khánh rồi Diên An. Khi trở về, phấn khởi lắm, vì ở Diên An, rõ ràng là người ta hăng hái kháng Nhật. Người ta không xin viện trợ máy bay, xe thiết giáp, súng đại bác mà chỉ xin plastic (chất nổ), súng trường, bazooka. Vừa chiến đấu, người ta vừa sản xuất, để tổ chức hành chánh.

Những nhận xét đó đúng, vì tôi thấy vài tác giả phương Tây cũng khen Cộng sản như vậy. Ở Diên An người ta có kỷ luật, có tinh thần hơn ở Trùng Khánh, không tham nhũng, và năm 1942, Mao chỉ dùng du kích chiến thì xin máy bay và xe thiết giáp để làm gì? Nhưng có lẽ đó chỉ là bề ngoài.

Theo tập nhật ký 1942 – 1945 của người Nga – Vladimirov, một phái viên liên lạc của Quốc tế Cộng sản bên cạnh ban chấp hành Trung Ương Cộng sản Trung Hoa ở Diên An (bản dịch của Hà Nội) thì Mao cũng quá quắt lắm. Cộng sản Trung Hoa trước sau bao giờ cũng mong cho Nhật quấy phá Tưởng để Tưởng yếu đi. (Coi vụ Mãn Châu), năm 1937, do lòng dân mong mỏi mà Tưởng và Mao lập mặt trận thống nhất chống Nhật. nhưng chỉ hơn một năm sau, mặt trận đó hữu danh mà vô thực, cả hai bên đều giữ miếng nhau, lơ là việc đánh Nhật, bảo toàn lực lượng để sau sẽ diệt lẫn nhau, và năm 1939, họ đồng tình phá sự thống nhất. Từ đó Cộng cũng lo đánh Quốc hơn là đánh Nhật, cũng trồng và bán thuốc phiện cho Nhật. Đặng Bảo Sơn là vua thuốc phiện ở khu Cộng, Mao cũng ngầm ra lệnh cho tân tứ quân tiếp xúc với viên chỉ huy quân đội chiếm đóng Nhật.... Tóm lại, là cũng dùng tất cả những thủ đoạn của Tưởng. Có lẽ chỉ kín đáo hơn thôi, người Mỹ không biết được.

Năm 1944, Mỹ lấy lại được các đảo ở Thái Bình Dương, tính bao vây Nhật, Nhật vội vàng mở trước một ngã thoát, tấn công ồ ạt Trung Hoa, chiếm trọn Hà Nam, một tỉnh giàu nhất miền

Bắc, rồi hai đạo quân cùng tiến theo xe lửa Quảng Châu- Hán Khẩu, một khởi hành từ Nam, một khởi hành từ Bắc, gặp nhau ở Trường sa, cắt Trung Hoa làm hai. Họ dẹp hết quân Trung Hoa trong khu vực từ đường sắt đó ra tới biển. Cuối năm đó, Mỹ mất hết căn cứ ở miền Đông Nam Trung Hoa

Ở Trùng Khánh là một cảnh hoảng loạn chưa từng thấy. Kẻ giàu có thì đem vàng mua vé máy bay để trốn. Trên các đường lại có hàng triệu người tản cư như năm 1937, chết đói, chết rét....

Quân đội tan rã. Sĩ quan chỉ nghĩ tới lợi riêng, sát phạt nhau để chiếm một miền phì nhiêu, quân lính chỉ lo cướp bóc dân chúng.

Ở Diên An dân chúng rất bình tĩnh kháng Nhật, không suy sụp về kinh tế; nhờ quân, dân cùng chung sức nhau khai thác đất đai, mục súc. thấy vậy, Nhật cho phe Quốc không đáng lo chút nào cả, đem toàn lực lượng để dẹp Cộng, dùng cả hơi độc. Cả hai bên đều thiệt hại nặng ở Hà Bắc. Chiếm được khu nào, Nhật tàn phá mùa màng, khủng bố nhân dân, phá hết các đồ đạc, dụng cụ, đốt hết lúc thóc. Có những thị trấn trên 150. 000 người bị san thành bình địa, như thị trấn Thường Đức ở Hồ Nam (3)

Cộng sản phản công, đem những lực lượng rất hùng hậu, hạ đồn Nhật, diệt Hán giang. Cả hai bên đều dùng chính sách khủng bố. Quân của Uông Tinh Vệ đào ngũ, qua phía Cộng. Lần lần, Cộng lấy lại được thế mạnh, cùng nổi dậy, đánh du kích quân Nhật ở khắp nơi, lập được những khu giải phóng ở bờ biển để đội quân Đồng Minh đổ bộ lên.

Một tờ báo Nhật nhận định đúng tình hình đó, viết: Ô Kẻ thù chính của chúng ta là cộng sản. Họ biết gây ý thức quốc gia và quyết chiến với ta. Còn quân Trùng Khánh thì mất hết ý chí chiến đấu rồi ».

Nhưng qua năm 1945, áp lực của Mỹ càng ngày càng làm cho Nhật thêm khốn. Tháng 4, Mỹ đổ bộ lên Okinawa, tháng 6 chinh phục đảo đó. Tháng 7 giải phóng hoàn toàn Phi Luật Tân.

Quân Trung Hoa cả hai phe biết rằng chiến tranh sắp chấm dứt, phấn khởi lên, phản công, chiếm lại nhiều thị trấn, phi trường trong các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Chiết Giang, thu lại nhiều đất đai ở Quảng Tây, Phúc Kiến, dồn quân Nhật qua Đông Dương và chiếm Móng Cáy.

Mỹ trút bom xuống các đô thị, trung tâm kỹ nghệ, hải cảng Nhật, khi Đức đầu hàng rồi. Mỹ càng lo giải quyết gấp với Nhật. Ngày 29- 7 chính phủ Nhật bác bỏ tối hậu thư của ba nước Mỹ, Anh, Trung Hoa. Tối hậu thư đó thảo ra sau cuộc hội nghị ở Postdam, chỉ cho Nhật lựa một trong hai điều: đầu hàng không điều kiện hoặc bị tiêu diệt.

Trong mấy tháng đó, Tưởng càng muốn lấy lòng Mỹ, tỏ ra tự do, dân chủ, thay đổi vài nhân viên trong chính quyền, dùng lại Tống Tử Văn mà người Mỹ tin cậy, cho làm chủ tịch viện Hành chánh tức như Thủ tướng. Giao bộ thông tin cho Vương Thế (4) một người liêm khiết được cảm tình của Mỹ và ra lệnh nói tay trong việc kiểm duyệt. Ông ta cho bầu lại Ủy Viên Hội đồng hành chánh và Ủy viên hội đồng giám sát.

Phe tả hy vọng được nhiều đại biểu trong chính quyền. Nhưng Tưởng lập sẵn một danh sách 480 ứng cử viên cho Quốc dân tự ý gạt bỏ 20 người ( 5). Chỉ có 200 người chịu lối bỏ phiếu chỉ định đó. Tưởng lại còn ra lệnh mỗi cử tri phải ký tên lên lá phiếu của mình. Tới mức đó thì chỉ có vài người can đảm không bỏ phiếu, còn bao nhiêu tuân lệnh răm rắp. thế là đảng của Tưởng

thắng, tay sai của Tưởng vẫn ngồi đầy trong các cơ quan từ quân đội tới đại học. Toàn quốc ghê tởm trò đó.

Rồi hai trái bom nguyên tử nổ ở Nhật, Nhật đầu hàng không điều kiện.

(1) Hàn Tú Anh. Một mùa hè vắng bóng chim, Nguyễn Hiến Lê dịch - NXB Hội Nhà văn 1990

(2) Theo J J Servan Shreiber trong cuốn *Le Défi mondial* Paris 1980. thì tổng thống Mỹ Roosevelt đã hy sinh hạm đội đó để nhử Nhật, Nhật diệt hạm đội đó thì dân chúng Mỹ mới phản uất, cho ông quyền được tham chiến bên cạnh Đồng Minh. Từ đầu thế chiến dân Mỹ vẫn chỉ muốn trung lập và ông đã hứa với dân sẽ trung lập để họ bầu ông trong nhiệm kỳ thứ ba, điều đó rất đặc biệt, chưa tổng Thống nào được vinh dự ấy

(3) Tỉnh Hồ Nam này năm 1941 mất mùa rồi lại bị nạn châu chấu, dân đói quá phải ăn lá cây, một cân lá giá năm viên. Trên đường rải rác xương người, có tới ba triệu người chết đói.

(4) Tôi không thấy chữ này trong *Từ Hải* và *Từ Nguyên*.

(5) Cộng sản cũng dùng lối bỏ phiếu đó.



## Chương 2-7 - G. Lại Nội Chiến - Tưởng Thua

Hai bên chạy đua nước rút.

Bỗng nhiên, Tưởng được cái danh là thắng Nhật, cứu quốc. Sự thực ông chỉ đứng về phe thắng Nhật thôi, nhưng dân tộc Trung Hoa cũng đã phải hy sinh tới 3 triệu người.

Năm đó ông 58 tuổi ( 1887 – 1945) ngôi sao của ông lên đến cực điểm. Cả nước tung bùng, mà các nhà cầm quyền Quốc và Cộng thì tiu tít. Tới lúc phải chạy nước rút để chiếm cho được thật nhiều đất

“ thử xem rồi đây thiên hạ về ai? ”

Theo thỏa hiệp giữa các Đồng Minh ở Yalta thì Nga sẽ giải giới Nhật ở Mãn Châu, còn từ Vạn Lý Trường thành trở xuống. Trung Hoa sẽ giải giới. Tức thì Chu Đức ( tướng Cộng) ra lệnh cho quân đội chiếm tất cả những nơi có quân Nhật từ sông Dương Tử lên tới trường thành, rồi tiến lên Mãn Châu, Mông Cổ để hợp với quân Nga. Còn Tưởng thì ra lệnh cho đạo quân thứ VIII và thứ IV của Cộng không được dời chỗ, và ra lệnh cho Nhật chỉ được giao khí giới cho quân Quốc gia.

Tưởng lại đánh điện mời Mao đến Trùng Khánh thương thuyết. Mao đòi những thị trấn lớn nào có khá đồng Cộng sản thì bên cạnh thị trưởng Quốc dân đảng thêm một phó thị trưởng Cộng sản. Tưởng không chịu, muốn Trung Quốc là một quốc gia thống nhất, các tỉnh trưởng phải tùy thuộc trung ương. Mao cũng không chịu, lấy lẽ rằng Trung Quốc có nhiều miền rất khác nhau, nên dùng chính thể liên bang, mỗi địa phương có quyền tự trị rộng rãi.

Sau cùng, những cuộc thương thuyết, Quốc đã chiếm được nhiều đất rồi, muốn giải quyết bằng vũ khí cho mau.

Trong mấy năm kháng Nhật ( 1938- 1945) lực lượng của Quốc suy đi mà của Cộng thì mạnh hơn. Khi Nhật đầu hàng, Cộng đã làm chủ gần hết Hoa Bắc, trừ những thị trấn lớn, nhiều miền ở Hoa Trung và một số điểm ở Hoa Nam; Năm 1935 họ chỉ có 30. 000 quân thì bây giờ có 910. 000 quân chánh qui với hai triệu dân quân. Khi nhờ sự đồng tình của Nga, họ chiếm được Mãn Châu thì toàn thể số dân họ chiếm được là 130 triệu. Đảng viên của họ lên tới 1. 200. 000. Sức mạnh của họ về quân số, ngang với Quốc. Vũ khí còn kém nhưng họ có kinh nghiệm hơn, có tinh thần chiến đấu, được lòng dân hơn. Còn về phía Quốc thì được cái danh là một trong tứ hay ngũ cường, nhưng quân đội và công chức đã mất sự hăng hái buổi đầu, nhiều kẻ hóa tham nhũng, mà kinh tế suy đến cùng cực rồi. ( Coi nạn lạm phát nói ở trên).

Nhưng năm 1946, Tưởng được Mỹ giúp rất nhiều: đủ các thứ phi cơ phóng pháo lớn nhỏ, vận tải; hàng ngàn cam nhông, xe lửa, tàu chiến nữa... để chở quân đội quốc gia lên phía Bắc mà giải giới Nhật cho mau trước khi Cộng tới.

Ở Hoa Trung, Cộng phải rút lên Mãn Châu, lên Tứ Xuyên. Họ cũng được Nga giúp đỡ nhưng ít, Nga không nhiều phương tiện như Mỹ, vả lại Nga muốn giữ lời hứa với Đồng minh Mỹ, Trung Hoa, không muốn ra mặt giúp Cộng. Có thể còn do lẽ Staline không ưa Mao, cho thứ Cộng sản

của Mao chỉ là giả hiệu ( Communisme à la margarine: Margarine là chất béo ở trong dầu như dầu đậu phụng chẳng hạn, tạm thay bơ – “ beurre” - chất béo ở trong sữa bò), vì Mao không theo đúng thuyết của Marx, dùng thợ thuyền để làm cách mạng, mà dùng nông dân. Nông dân dù bận cố nông đi nữa thì cũng còn óc tư hữu không thực là cách mạng; lại thêm cách mạng của Mao có tính cách quốc gia – nationaliste - chỉ giải phóng quốc gia thôi, thiếu tinh thần quốc tế.

Nga chỉ giúp Mao được hai việc:

1- Tước khí giới của Nhật rồi giao cho Mao ( những thị trấn ở Mãn Châu thì giao lại cho Tưởng) còn các nhà máy, đường xe lửa thì Nga chở hết về nước để kiến thiết lại xứ sở.

2- Phái Thống chế Timochenko qua dạy cho quân đội Cộng cách chiếm các thị trấn lớn, các đường xe lửa, làm cố vấn cho Cộng trong mặt trận ở Mãn Châu và ở Hoa Nam, phái Thống chế Joukov - người đã thắng Đức- qua huấn luyện du kích quân của Mao đánh những trận chinh chiến ( hai bên dàn quân thành mặt trận ). Tóm lại, Nga chỉ giúp về chiến thuật và vũ khí giải giới của Nhật thôi.

Vì vậy năm 1946. Quốc tiến thì Cộng phải lùi, nhưng lùi theo đúng một chiến lược khôn khéo, để cho quân của Tưởng yên ổn chiếm các thị trấn mà không kháng cự gì cả. Những thị trấn đó lần lần thành gánh nặng trên lưng Tưởng.

Sức Quốc Dân đảng tiêu ma lần vì phải chiếm đóng các thị trấn giống các đồn lũy, tự nhốt mình trong đó, các tướng tá không chịu ra khỏi mấy bức thành, sợ giao chiến, sợ bị phục kích, chung quanh thị trấn, Cộng sản tự do tổ chức thôn dã, khẩn hoang, trồng trọt.

Trong năm rút lui theo chiến lược đó, Mao dụng tạm để cho Hồ Tôn Nam chiếm Diên An. Biết Hồ sắp tới. Mao rút hết khỏi Diên An, không để lại một chút gì. Hồ vô, thấy Diên An trống rỗng, tuyên bố rằng đã chiến thắng lớn. Sau đó Cộng quân như Hồ đi một vòng lớn khắp Hoa Bắc. Hễ Hồ tới thì Lâm Bưu phải lui. Hồ quay về thì Lâm đánh. Khi Hồ mệt mỏi rồi, Hồng quân mới xung phong và giải quyết rất mau. Tháng 5- 1947, Lâm Bưu dùng 300. 000 quân chính qui với cả triệu dân, quân tấn công quân của Tưởng, bao vây Thẩm Dương, Trường Xuân, Cát lâm, Quân Quốc Dân đảng chạy tán loạn, bỏ lại quân nhu, khí giới, xe cộ.

Từ đó Cộng càng mạnh lên, mà Quốc Dân đảng càng lụn bại. Qua tháng 9- 1948 thì giai đoạn cuối cùng bắt đầu.

- Mỹ muốn hòa giải hai phe

Nhưng chúng ta hãy ngưng một chút để xét thái độ của Mỹ trong thời này đã.

Trước khi chết, tổng thống Mỹ Roosevelt dặn phải răn hòa giải Quốc và Cộng cho kỳ được. Ông không ghét Trung Cộng, thấy họ chiến đấu vì tinh thần quốc gia và chỉ theo chính sách tân dân chủ mà ông cho là đúng. Truman lên thay ông, theo chủ trương của ông, phái tướng Marshall qua, thay sứ thần Hurley, mà hòa giải Quốc và Cộng. Mấy lần Marshall thuyết phục hai bên đình chiến để hòa đàm. Ông lại ép Tưởng Giới Thạch áp dụng hiến pháp đã thảo từ mười năm trước, nay sửa lại ít nhiều trọng những tự do dân chủ.

Tưởng phải theo, tuyên bố hết thời kỳ huấn chính rồi, cuối tháng 10 – 1947 sẽ bầu cử quốc hội. Từ 21 đến 24- 10, 250. 000 triệu dân đi bầu 2. 971 đại biểu.

Người ta lập danh sách và thẻ cử tri đảng hoàng, nhưng tới ngày bầu cử thì có người không nhận được thẻ, có người được 3- 4 thẻ và dùng tất cả, không được bầu kín, mà cử tri phải ghi tên người mình muốn bầu trước mặt một ông kiểm soát viên Quốc dân đảng, 95% dân quê không biết chữ thì có người của Quốc Dân đảng cầm tay vẽ cái dấu thay tên ứng cử viên A, ví dụ dấu + dân O thay tên ứng cử viên B.... việc đếm phiếu làm kín, và hai tháng sau mới có kết quả: có 2.045 ghế thì ứng cử viên chính thức ( của chính phủ giới thiệu) được 1516 ghế, trong số đó Quốc Dân đảng được 1342 ghế, còn 93 ghế của Đảng dân chủ, 81 ghế của đảng tân Trung Hoa.

Đảng Cộng sản không dự.

Đĩ nhiên Tưởng được bầu làm Tổng Thống: 2430 phiếu, địch thủ của ông là Chu Chang ( ? ) 269 phiếu. Lý Tôn Nhân làm phó Tổng thống. Thủ tướng là ông Văn Hạo.

Marshall thấy trò bịp bợm đó của Tưởng chán nản bảo:

- “ Không thể cải cách gì được với con người phản động ( néactionnaire) đó”. Chắc Tưởng cũng chê lại Marshall là ngây thơ.

Trước sau, Quốc và Cộng họp nhau hai ba lần để Marshall tìm cách hòa giải nhưng làm sao hòa giải được? Khi Tưởng mạnh thì Tưởng muốn nuốt Mao, mà khi Mao mạnh thì Mao cũng muốn diệt Tưởng. Lẽ tự nhiên như vậy.

- Bây giờ ta trở lại cuộc tranh hùng của Tưởng và Mao.

Từ tháng 9 – 1948, Cộng ồ ạt tấn công. Chỉ trong ba tháng, Lâm Buu chiếm được trọn Mãn Châu, Thiên Tân, rồi Bắc Kinh bị hạ trong hai tuần. Hoa Bắc vào trong tay Cộng, toàn là do công của Lâm Buu.

Ông Văn Hạo từ chức Thủ tướng. Tôn Khoa vốn có cảm tình ít nhiều với Cộng ( vì nhận rằng Mao theo đúng chủ nghĩa dân sinh của cha) được Tưởng cử lên thay Hạo, hy vọng thương thuyết được với Cộng, nhưng Mao đưa ra 8 điều kiện gắt quá. Tưởng không sao chấp nhận được.

Chiếm trọn Hoa Bắc rồi, Cộng tiến xuống Hoa Nam, ngày 10 -1- 1949 Tưởng đem hết lực lượng ra đánh canh bạc cuối cùng, tức trận Hoài Hải ( Huai Hai) mà các nhà quân sự cho là một trong những trận lớn trong lịch sử hiện đại ( có thể ví với trận Waterloo của Napoléon) ở khoảng 150 cây số phía Tây Bắc Nam Kinh. Chính Tưởng lựa địa điểm đó mặc dầu các chiến thuật gia của ông cản ngăn, ông tung vào đó nửa triệu quân mà Trần Nghị và độc long tướng quân Lưu Bá Thừa chặt ra từng khúc, rồi bao vây. Một đạo quân của Tưởng tới cứu, với rất nhiều khí giới nặng, nhưng khi hay tin Tưởng tính thả bom tiêu diệt tất cả thì quân Quốc Dân đảng đầu hàng Cộng. Vậy là trong 4 tháng từ 9- 1948 tới 1- 1949, Quốc mất non một triệu quân. Trận Hoài Hải lịch sử đó, tôi không thấy một sử gia nào nói tới, trừ Bianco.

Ngày 21 -1 Tưởng rút lui khỏi chính quyền, giao việc nước cho Lý Tôn Nhân và Hà Ứng Khâm.

Sau đó Cộng vô Nam Kinh ( Tưởng đã dời kinh đô từ Trùng Khánh xuống đó mấy năm trước). Hán Khẩu, Thượng Hải, ngừng một chút để gom lực lượng rồi vượt sông Dương Tử. Chỉ trong hai ngày mà 300. 000 người qua được con sông rộng 1. 600 thước đó.

Từ đây quân của Lâm Buu tiến như vũ bão, còn nhanh hơn quân Cộng sản Việt nam, đầu năm 1975 nữa. Có ngày vượt 45-50 cây số. Trùng sa đầu hàng ngày 4\_8, Phúc Châu bị chiếm ngay

17-8, Quảng Châu ngày 15 – 10. Rồi tới Trùng Khánh, Thành Đô, Côn Minh, Tàn quân của Tưởng chạy qua Đông Dương hoặc trốn ở Hải Nam (đảo này sau bị Mao chiếm).

Ngày 1-10- 49 Mao tuyên bố thành lập nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Mao làm chủ tịch. Ngày hôm sau 2-10, Nga đoạn tuyệt với chính phủ Dân quốc, thừa nhận chính phủ Cộng Hoà nhân dân. Tiếp theo là các nước cộng sản ở Đông Âu: Roumanie, Bulgarie, Hungarie.... Ngày 21 612, Mao qua Moscou ( lần đầu tiên ông ta ra khỏi nước) để chúc thọ thất tuần của Staline và ký một hiệp ước tương trợ 30 năm với Nga, Anh do dự ít lâu rồi cũng thừa nhận để bảo vệ quyền lợi ở Hương Cảng.

Sau khi từ chức Tổng Thống, Tưởng về thăm quê hương rồi lên thăm Trùng Khánh, sang Phi Luật Tân, Ấn Độ thăm thủ tướng hai nước đó, bà Tống Mỹ Linh cùng qua Mỹ xin giúp đỡ, nhưng không được một kết quả gì cả.

Mặt trận Trung Hoa – MIỀN ẤN

Trong thế chiến II

( HÌNH BẢN ĐỒ)

Cuối năm 1949, Tưởng bay qua Đài Loan, mang theo vàng trong kho và những bảo vật, mỹ nghệ ở Bắc Kinh. Quân đội còn được 2 –3 trăm ngàn người theo ông qua đó.

Năm 1938 ông ta khôn khéo lựa tỉnh Tứ Xuyên để trốn. Lần này ông cũng sáng suốt, lựa Đài Loan ở trong hệ thống chiến lược của Mỹ. Mỹ sẽ không bỏ nó, tức không bỏ ông.

Mới ba năm trước, ông ta được toàn dân hoan hô, ngưỡng mộ thì bây giờ bị 85% dân chúng ( theo Han Suyin) từ bỏ, oán ghét đến xương tủy. Mỹ đã bỏ vào Trung Hoa bao nhiêu tỉ đô la, còn bị ghét hơn nữa. Phong trào bài Mỹ phát sinh từ tháng giêng năm 1947 trong giới sinh viên. Nguyên nhân là “ tụi Mỹ đi tới đâu là mở ổ điểm tới đó. Họ là một đạo quân chiếm đóng, hành động như một đạo quân chiếm đóng.... Cái gì họ cũng có quá nhiều, họ bán số thừa thãi để lấy tiền.... Có một số đàn bà giao thiệp với họ để kiếm son bôi môi, hàng lụa, vợ nilông, thức ăn. Họ mua quạt, hành hạ kẻ nào họ không ưa. Thành phố nào cũng hóa ra thối tha. Mọi người đều ghét họ, cả những người rút rĩa tiền của họ.... Họ muốn làm gì thì làm, chửi người ta, đập đá cu li, buộc cu li phải chạy đua như bầy thú vật “ Han Suyin trong Một mùa hè vắng bóng chim”

Chính quyền Mỹ không thấy rằng hễ viện lẽ giúp một chính quyền thối nát mà đưa quân vô nước đó thì chỉ làm cho chính quyền đó mau sụp đổ, vì như vậy là làm cho nổi bất bình của dân chúng tăng lên, rồi đồng hóa Mỹ với chính quyền đó. Họ đã phải cay đắng thua ở Trung Hoa mà không rút ra được một bài học, lầm lẫn trở lại ở Việt Nam trong những năm 1965 – 1974. Cảnh han Suyin tả ở trên, tôi cứ ngỡ rằng đã đọc trên một tờ báo nào ở Sài Gòn mấy năm đầu 70.

Học giả nào ở Tây Phương cũng nhận rằng Tưởng có nhiều đức, có tư cách.

Từ đời Tống hay trước nữa. Trung Hoa đã rất nghèo, mặc dù rất văn minh. Mỗi lần lụt lớn rồi hạn hán thì dân chết hàng ức hàng triệu người. Cảnh nông dân phải bán vợ đợ con, đã có vài ba đứa con rồi mà sinh thêm con gái thì nhận nước cho nó chết hoặc bỏ ở bờ sông, lề đường, những cảnh đó xảy ra rất thường.

Nạn đói kinh khủng nhất xảy ra ở miền Sơn Tây, Thiểm Tây năm 1978 - 1979: Có tới từ 9 đến 13 triệu người chết đói. Dân các miền khác đỡ hơn, nhưng dân bất kỳ miền nào cũng lo đói: Tới gần đây mà ở Phúc Kiến người ta còn chào nhau: “Ăn cơm chưa?”

Năm 1406 đã có những sách kể trên 400 thức ăn thay lúa gạo, như món bánh trắng làm bằng cây bông vải, cây gai, có thứ miến ( bún Tàu) làm bằng bột đá nghiền thật nhỏ, trộn với đất sét, vỏ cây, rễ cây. Năm 1946, những sách đó đã được in lại, như vậy có nghĩa là tình trạng chưa được cải thiện gì nhiều.

Hễ đói quá thì không còn lễ nghĩa, nhân đạo gì cả.

Trong cuốn *Origines de la révolution chinoise*, Bianco chép lại vài truyện rất bi thảm. Trong một gia đình nọ ở ranh giới hai tỉnh Tứ Xuyên và Thiểm Tây, người cha chết, mà người mẹ cũng suy nhược lắm rồi. Các con bàn với mẹ, đừng chôn cha vội, có thể mẹ cũng không sống được tới mùa hè, trước khi thân của cha hôi thối; như vậy sẽ chôn cả hai một lần, đỡ tốn kém. Mẹ bằng lòng, và các con đặt quan tài vô trong phòng lạnh nhất: phòng mẹ nằm; rồi chất đá lên trên nắp quan tài để cho khỏi ăn xác.

Họ nghèo nên đành bỏ chữ hiếu, mà lo cho người sống trước đã.

Chuyện chó ăn xác người, cũng như chuyện khoét thịt trẻ con, cả người lớn, không còn làm cho ai nữa.

Truyện thứ nhì do các nhà truyền giáo Mỹ kể lại. Một thiếu niên nhà nghèo quá, cha mẹ bán cho một gia đình không con. Sáu năm sau gia đình này sanh được một đứa con trai, bèn đuổi đứa con nuôi đi. Nó lang thang đi xin ăn cả tháng trong miền, chỉ còn xương bọc da. Cũng chỉ vì nghèo quá mà không còn chút tình người.

Truyện thứ ba: Một nông dân mới bị bắt lính không biết kỷ luật nhà binh bị lính canh kêu lại, chỉ vì trả lời trễ mà bị một viên đạn vào phổi.

Trung Hoa là xứ của đạo Khổng; một đạo rất nhân ái, mà người ta tàn nhẫn như vậy, coi đời sống nông dân không bằng đời sống một con trâu, một con ngựa....

Theo Han Suyin ( trong sách đã dẫn) (1) tuy theo Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh, có lần nông dân bị bắt làm xấu giữa mùa cấy hay mùa gặt, nên nổi loạn – 2. 000 người bị giết. lần khác 6. 000 nông dân bị bắt lính đưa lên Tây Bắc tới nơi thì chỉ còn có 700 sống sót.

Chúng ta đã biết năm 1938, Tưởng cho phá đê Hoàng Hà để chặn quân Nhật. Nhật không bị chặn, mà một triệu dân chết vì lụt.

Chính Han Suyin đêm tối đi đỡ đẻ cho vợ một phu xe. Họ ở trong một cái chòi cất trên lề đường. Sản phụ nằm trên một tấm ván kê lên mấy cục đá giữa một chỗ nhơ nhớp, hôi thối. Không có một ngọn đèn, đứa nhỏ sanh ra, không có một cái tả để quấn. Han Suyin phải cho họ một chiếc khăn bông để quấn nó.

Cũng theo Han Suyin, ở Tứ Xuyên cứ hai người thì có một người nghiện. Chưa bằng một lần bà đi qua ở miền Quý Châu: làng có vài ba trăm nóc nhà, nhà nào cũng tiêu tụy sắp đổ nát, và người dân nào cũng nghiện, y như những bộ xương biết đi. Bà thương hại đồng bào của bà Ô

sống như loài vật trên một non sông tuyệt đẹp ».

Lời đó khiến tôi nhớ lại cảm tưởng của tôi lần đầu tiên coi một tấm hình kéo ghe chụp vào khoảng sau 1940, in ở trang 384 cuốn East Asia – The Modern transformation ( 1965). Hai chục người sắp làm hai hàng. Người nào tay phải cũng nắm kéo một sợi dây, vai trái quàng vào sợi dây để lôi. Họ cúi gập làm đôi, mặt gằm xuống, bàn tay trái chắm đất. Ở trên nhìn xuống chỉ thấy hai dãy lưng trần, không nhận kỹ thì tưởng là lưng một bày cừu

Han Suyin còn kể nhiều cảnh thương tâm nữa, tôi không thể chép hết được.

Đời sống của họ nhọc nhãi, điều đúng như vậy mà Tưởng Giới Thạch, không lo cải thiện cho họ thì họ ùn ùn theo Mao là phải. Tới khi chính quân đội của Tưởng thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu thuốc uống, cũng bỏ Tưởng nữa thì Tưởng sụp đổ tức thì. Đó mới là nguyên nhân chính, còn những nguyên nhân khác Tưởng vô tài, bất lực, tay sai của Tưởng tham nhũng... chỉ là phụ.

(1) Cuốn Un été sans oiseaux ( Mùa hè không bóng chim)



## Chương 3 - Trung Hoa Cộng Sản

### A- ĐẢNG VÀ HIẾN PHÁP NĂM 1954.

#### Thành phần của đảng

Năm 1927, sau khi các cuộc nổi dậy của thợ thuyền thất bại ở các thị trấn, Mao Trạch Đông quyết dựa vào nông dân, vì theo ông, ở Trung Hoa nông dân chiếm 80%-90% dân số, không có họ thì cách mạng không thể thành công được. Thời đó ông nghĩ rằng lực lượng cách mạng phải gồm 70% nông dân, 30% thị dân và quân đội.

Sau ông thấy chủ trương đó sai (khi in lại tác phẩm của ông, ông bỏ đoạn đó đi). Không có thợ thuyền (vô sản) hướng dẫn thì nông dân không làm được gì cả; mà thợ thuyền không có một tổ chức tiến bộ (1) - tức Đảng Cộng Sản - hướng dẫn thì không thành công. Cho nên năm 1945 ông bảo "Đảng cộng sản chúng tôi bao giờ cũng giữ quan điểm vô sản".

Năm 1949 khi cộng sản chiếm các thị trấn rồi, Ủy ban trung ương của Đảng quyết định thay đổi trung tâm hoạt động của Đảng, rán tăng thành phần vô sản lên. Năm 1954, riêng ở Thượng Hải - thành phố công nghệ lớn hạng nhì ở Trung Quốc- có hàng ngàn thợ nhà máy được vô Đảng. Nhưng vai trò của nông dân vẫn quan trọng. Những giai cấp khác mà "tiến bộ", nghĩa là chấp nhận quan điểm vô sản thì cũng được vô Đảng.

#### Qui chế

Qui chế của Đảng được vạch rõ năm 1956. Đại khái như sau:

Đại hội toàn quốc được bàn trong kỳ hạn 5 năm, và theo lý thuyết, mỗi năm họp một lần để quyết định chính sách, đường lối của Đảng. Đại hội bầu ủy ban trung ương - cũng trong 5 năm gồm 98 ủy viên chính thức và một số dự khuyết. Chủ tịch là Mao Trạch Đông.

Ủy ban trung ương lại bầu "bộ chính trị" gồm 19 ủy viên. Bộ này quyết định về hoạt động của Đảng và đời sống của toàn quốc.

Bộ lại cử ra bảy ủy viên đứng đầu vào ủy ban thường trực của bộ. Họ có quyền tối cao.

Ở cấp, tỉnh, huyện các hội nghị và ủy ban cũng tổ chức như trung ương. Điểm này rất quan trọng: Các tổ chức của Đảng chỉ huy các tổ chức quốc gia, từ trên xuống dưới. Chủ tịch hội đồng quốc gia (tức như Tổng thống ở các nước Mỹ, Pháp), chủ tịch hội đồng bộ trưởng (tức như Thủ tướng) phải theo lệnh của ủy ban trung ương Đảng, của bí thư Đảng. Ở tỉnh huyện, ủy ban hành chánh phải theo lệnh của bí thư đảng bộ tỉnh hay huyện. Tổ chức đó y hệt Nga (Liên Xô) mà Việt Nam cũng vậy.

(1) Thành phần tiến bộ đó, bất kỳ trong đảng cách mạng nào, mới đầu cũng là giới tri thức tiểu tư sản.

#### Ý thức hệ:

Về ý thức hệ Mác xít chúng ta chỉ cần nhớ mấy điểm này:

- Giai cấp đấu tranh là hiện tượng thời nào cũng xảy ra từ xưa tới nay, muốn vô đảng thì phải chấp nhận quan điểm đó; phải quyết tâm diệt các giai cấp thù địch, tức: Bọn đế quốc, đại điền chủ, quan liêu.... Như vậy là có lập trường giai cấp.

- Thiếu số phải phục tùng đa số. Khi thảo luận về mọi vấn đề thì đảng viên có thể đưa ra ý kiến của mình, bênh vực nó, nhưng khi đa số đã quyết định rồi thì dù ngược với ý kiến của mình, mình cũng phải theo triệt để, có vậy đảng mới thống nhất, mới mạch lạc được.

- Quan niệm tự do của những người không phải Mác-xít là tự do giữ quan điểm ý kiến của mình, đối với người Mác-xít, trái lại chỉ được tự do phát biểu quan điểm Mác-xít thôi.

Cấp bậc, quyền hành:

Cộng sản có mục đích diệt tất cả các giai cấp thù địch; khi diệt xong thì trong xã hội chỉ còn người cộng sản, không còn giai cấp nữa, do đó không còn giai cấp đấu tranh nữa. Nhưng giai đoạn hiện tại chưa có thể bình đẳng được, không thể ai ai cũng có quyền và hưởng lợi như nhau được; vẫn còn phải theo nguyên tắc, làm theo khả năng hưởng theo công việc của mình, quan trọng nhiều hay ít, theo sức của mình làm được nhiều hay ít. Nghĩa là vẫn có nhiều cấp bậc.

Ở Trung Hoa có bảy cấp bậc:

1. Trên cùng là bộ chính trị (Polit-buro)
2. Rồi tới những người nắm giữ chức vụ quan trọng nhất: chỉ huy Đảng ở địa phương, chỉ huy quân đội, uỷ viên chính trị trong quân đội....
3. Bí thư Đảng ở tỉnh, chỉ huy các cơ quan quần chúng.....
4. Các nhà chuyên môn, kỹ thuật gia.
5. Công chức ở tỉnh, cán bộ trung cấp, hạ cấp.
6. Quần chúng gồm: lính tráng, thanh niên, hợp tác xã viên...
7. Cuối cùng là hạng hoàn toàn không ở trong một tổ chức nào cả, số người trong hạng này mỗi ngày một giảm đi.

Tuy chia làm bảy cấp như vậy, nhưng trong mỗi cấp cũng chia làm hai ba bậc nữa, mỗi bậc được đãi ngộ khác nhau, có những quyền lợi khác nhau về lương bổng, nhà cửa, như yếu phẩm, y phục, thuốc thang..... Tôi chỉ xin kể một thí dụ: có đường riêng cho cấp 1, cho cấp 2, cho cấp 3.....; trong mỗi cấp có phòng riêng, thuốc riêng cho hạng quan trọng nhất, hạng quan trọng vừa vừa, kém quan trọng, thức ăn cũng tùy hạng mà phân phối....

Simon Leys trong cuốn *Ombres Chinoises* bảo thời Xuân Thu (thế kỷ VI tr. CN) theo sách *Tả Truyện Trung Hoa* chỉ có mười giai cấp, mà thời nay ở Trung Hoa có tới 30 giai cấp, mỗi giai cấp có những đặc quyền riêng. Chế độ đó có từ năm 1956.

Khi tiếp khách ngoại quốc, các cán bộ của Mao hỏi tỉ mỉ về chức vụ, địa vị của mỗi người khách để họ quyết định phải phái ai tiếp cho xứng, tiếp cách nào.... và khi in hình đăng báo thì phải tính xem hình sẽ lớn nhỏ ra sao, có những nhân viên nào đăng chức tước và tên các nhân viên đó theo thứ tự nào.... Rắc rối vô cùng. Âu Mỹ đâu có chú ý tới điều đó, nhưng ở Trung Hoa nhân

viên nào coi về nghi lễ mà sơ suất trong việc đó có thể bị "chỉnh" gắt gao, "kỷ luật" nữa.

Chưa thể có bình đẳng được, và trong khi làm cách mạng để tiến tới bình đẳng, thì phải bất bình đẳng hơn thời phong kiến nữa. Có vậy kẻ dưới mới sợ người trên. Vả lại sức sản xuất còn kém, nước còn nghèo thì không thể nào cho mọi người hưởng thụ như nhau được. Phân phối theo 30 giai cấp như Trung Hoa, chính là "công bình" đấy, công bình như lối chia thịt của Trần Bình đời Hán (1). Các nhà cầm quyền Trung Hoa rất thuộc sử.

Chi li quá, nhưng một xã hội mà được thật công bình như vậy, không có đấu tranh mà chỉ có ganh đua thì cũng là một xã hội tốt rồi.

(1)Trần Bình thời hàn vi, làm tên mỗ, giữ việc chia thịt trong làng, được mọi người khen là khéo: hương chức cao thì được phần lớn, nhỏ thì được phần nhỏ, không ai kêu ca. Trần Bình bảo: Bình tôi mà được giúp nước thì cũng như vậy không khó gì. Sau giúp Hán Cao Tổ, rồi làm tể tướng.

### Cán Bộ

Trung Hoa đã nhiều lần ở đời Hán, Tống, cả đời Thanh nữa (Thái Bình Thiên Quốc), làm những cuộc cách mạng gần như cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng đều thất bại do nhiều nguyên nhân, thiếu ý thức hệ, thiếu tổ chức, thiếu phương tiện thông tin, chuyên chở..... quan trọng nhất là thiếu cán bộ.

Năm 1949 khi đã chiếm hết non sông rồi, Mao phải đào tạo thật gấp rất nhiều cán bộ. Ở các thành phố họ có sẵn một số cán bộ phiến động, tuyên truyền ở các xưởng các trường, còn ở thôn quê họ phải dùng những thanh niên có khi rất trẻ, dạy gấp trong vài tháng, năm sáu tháng tại các trường: "Đại học cách mạng"; bọn đó không cần hiểu lý thuyết miễn can đảm, siêng năng, hăng hái, tận tâm, tin tưởng ở tương lai, ở Đảng là được rồi.

Người ta tung mấy trăm ngàn cán bộ như vậy vào thôn quê để dạy dân, sách động, tuyên truyền. Về ý thức hệ, họ chỉ biết lặp lại một số từ ngữ: Xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giai cấp, phản phong, phản đế, lao động là vinh quang..... mà họ không hiểu hết ý nghĩa.

Nhiệm vụ đầu tiên của họ là tạo một không khí sôi nổi, lập hội để dân nghèo, đòi công bằng xã hội, nhận định được đâu là kẻ thù, rồi phát lòng căm thù. Họ đi từng nhà, sống với dân nghèo, giúp đỡ dân trong công việc đồng áng.

Họ nói, nói suốt ngày để nhồi vào đầu óc dân những từ ngữ mới, những tư tưởng cách mạng; tổ chức các hội hè, có vũ, hát; thu thuế, quyền tiền.... Còn trẻ quá, thiếu kinh nghiệm, lại tự cao, tự phụ, họ nhiều khi lầm lẫn, làm sai đường lối của Đảng, nhưng Đảng tha thứ cho hết, miễn là họ trung thành, rút họ về thị xã cho học thêm một khoá bổ túc; cùng lắm thì bắt họ tự kiểm thảo trước nhân dân.

Làm việc trong ít năm, nếu họ tỏ ra đắc lực thì được vô Đảng, với một số điều kiện dưới đây:

- Quyết tâm hy sinh đời mình cho cách mạng
- Chấp nhận kỷ luật của Đảng, Đảng sai làm gì cũng phải làm.
- Chí công, vô tư, nghĩa là đặt quyền lợi của nhân dân tức của Đảng, trên quyền lợi cá nhân;

- Tự kiểm thảo và để cho đồng chí kiểm thảo;
- Học thêm để hiểu học thuyết Mác-Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông

Đảng nhờ thống nhất, đoàn kết mà sống được, vì vậy như trên tôi đã nói, thiếu số phải triệt để phục tùng đa số. Đảng hội họp rất thường để cùng nhau quyết định đường lối. Nguyên tắc rất tốt nhưng lần lần nhược điểm xuất hiện: cả những việc nhỏ nhặt người ta cũng không dám lãnh trách nhiệm, cũng họp nhau để bàn rồi lấy đa số, do đó công việc tiến rất chậm, mất thì giờ của mọi người và nhiều người chán nản, nói cho xuôi để có đa số mà chấm dứt buổi họp.

Thêm nhược điểm này nữa: một chính quyền độc tài, muốn có đa số thì rất dễ (coi vụ cách mạng văn hoá ở sau), đa số đó không có nghĩa gì cả, mà rốt cuộc đa số phải phục tùng thiểu số, trái hẳn với nguyên tắc.

### Hiến pháp 1954

Quốc hội họp năm 1954 ở Bắc Kinh gồm 1226 đại biểu của toàn quốc (25 tỉnh: 18 tỉnh Trung Hoa với các tỉnh Nội Mong tự trị, Tây Tạng... ) có cả đại biểu của các dân tộc thiểu số, đại biểu hoa kiều hải ngoại nữa.

Họp để phê chuẩn Hiến pháp. Hiến pháp năm 1954 có lẽ là hiến pháp thứ 10 của Trung Hoa từ năm 1911, nhưng các hiến pháp trước chỉ có trên giấy tờ, không được thi hành, hoặc chỉ được thi hành trong một thời gian ngắn mà cũng không được quốc dân thừa nhận. Đảng cộng sản TH cho rằng chỉ có hiến pháp năm 1954 của họ là quan trọng nhất, thực sự là một hiến pháp được "toàn dân chấp nhận".

- Đoạn mở đầu tuyên bố là đã thắng đế quốc, phong kiến; tin tưởng sẽ diệt được sự bóc lột và sự nghèo khổ, và sẽ giữ tình thân hữu bất diệt với Liên Xô (nhưng chỉ bảy, tám năm sau tình đó đã tiêu tan)

- Đoạn về các hình thức phương tiện (mình gọi là thành phần) sản xuất, hiến pháp ghi: Có tài sản quốc gia, tức tài sản công cộng; tài sản hợp tác xã tức tài sản chung của lao động; tài sản riêng của cá nhân lao động; tức tài sản tư bản.

Vậy có 4 thành phần; về thành phần cuối, tôi muốn được biết thêm chi tiết, nhưng không kiếm được tài liệu.

- Quốc hội dân bầu, theo lý thuyết có quyền tối cao, nhưng trong thực tế, chỉ xác định những quyết định mà Đảng đã đề nghị với Quốc hội thôi.

- Điều này dễ hiểu. Giai cấp vô sản (có thể nói là toàn dân) đã trao quyền lãnh đạo cho Đảng thì Đảng quyết định hết. Quốc hội không thể có quyền quyết định được, chỉ là một hình thức cho có vẻ dân chủ thôi.

Quốc hội mỗi năm chỉ họp một lần, nhưng bầu một Ủy ban thường trực có quyền tuyên bố chiến tranh khi Quốc hội không họp.

Chủ tịch Quốc hội đầu tiên là Lưu Thiếu Kỳ với 13 phó chủ tịch, trong số này có bà Tôn Văn và Đạt Lai Lạt Ma (Tây Tạng)

Ủy ban thường trực "trùm lên" hội đồng bộ trưởng.

Trung Hoa khác Nga ở điểm có thêm một chủ tịch Hội đồng quốc gia (như Tổng Thống ở các nước Tây Phương) và không có chế độ liên bang.

Có toà án tối cao của nhân dân, lại có viện kiểm soát tối cao của nhân dân(1), nhưng không có bộ luật. Vì luật pháp thay đổi hoài tùy theo chính sách của Đảng, có khi tùy theo từng miền nữa, không thể lập thành pháp điển được. Nga mấy năm trước đây (khoảng 60 sau Cách mạng năm 1917) mới có bộ luật, Trung Hoa hiện nay chắc hẳn chưa có; Việt Nam ta thì mới dự định thảo một bộ luật.

Ở Trung Hoa cũng như ở mọi nước xã hội chủ nghĩa, chỉ có một Đảng, Đảng Cộng Sản, được cầm quyền; các Đảng khác như Quốc dân đảng, Dân Chủ đảng.... tuy có danh mà không có thực. Không có Đảng đối lập.

Tóm lại, Đảng và chính quyền móc với nhau rất chặt chẽ, đều bị một nhóm người chỉ huy; nhóm người này nắm hết các chức chủ tịch Đại hội đảng, Ủy ban trung ương, Bộ chính trị, đó là về phía Đảng, còn về phía chính quyền thì nắm hết các chức chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng Quốc gia, hội đồng Bộ trưởng, Quốc hội, hội đồng Quốc phòng.....

Ở các cấp dưới cũng vậy: Một đảng viên vừa làm thư ký đảng, vừa làm chủ tịch uỷ ban nhân dân, vừa làm tư lệnh quân khu.

Người nào không ưa chế độ thì chê nó là một bộ máy gồm nhiều bánh xe lớn nhỏ, hết thấy đều quay một lượt lơ một cái moay-ơ (moyeu: trái thom) rất nhỏ. Người nào ưa chế độ thì bảo những Đảng nhỏ (như Quốc Dân đảng, Dân Chủ đảng... ) vẫn có một chút ảnh hưởng... Nhưng ai đó cũng phải nhận rằng bộ máy đó chạy rất tốt: lắp xong nó rồi thì các đảng viên chủ chốt nắm chặt được toàn dân, miễn là Đảng phải đoàn kết. Khi có sự chia rẽ trong Đảng (coi vụ Cách mạng văn hoá ở sau) thì nước loạn.

Từ thời nào rồi, một nhà độc tài chỉ cần có một nhóm sáu bảy người tay chân, thật trung tín; nhóm đó lại có sáu bảy chục tay chân; bọn sáu bảy chục tay chân này lại sai bảo sáu bảy trăm kẻ được chủ chia cho những quyền lợi nào đó.... cứ như vậy, lần lần xuống đến hàng cùng ngõ hẻm, và rốt cuộc có hàng triệu kẻ làm tay sai cho một nhà độc tài, mà hàng chục hàng trăm triệu dân phải cuối đầu tuân lệnh.

Dĩ nhiên nhà độc tài phải cho bọn tay sai từ cao tới thấp đó được hưởng những quyền lợi nhiều ít tùy địa vị, chức vụ, như vậy họ mới trung thành.

Nhà cầm quyền cộng sản Trung Hoa phân chia ra ba chục giai cấp quyền lợi khác nhau, quả là sáng suốt.

Nhưng cũng phải làm được gì cho dân nhờ, ít nhất cũng phải lo cho dân đủ ăn đủ mặc thì cái ngôi của mình mới vững được. Guơng của Tưởng Giới Thạch còn đó. Trung Hoa có một câu rất hay: "Dân như nước, nhà cầm quyền như chiếc thuyền. Nước đỡ thuyền, nhưng cũng lật úp được thuyền"

Nhà cầm quyền Trung Hoa hiểu điều đó nên khi dân bị ép quá muốn bùng lên thì họ sửa sai liền. "Mềm nắn rắn buông" đó là nghệ thuật cầm quyền.

Các nhà chỉ huy - Mao và đồng chí.



### - Mao Trạch Đông

Trong cuộc Trường hành năm 1953, Mao tỏ ra bình tĩnh, cương quyết, kiên trì có tư cách của một nhà lãnh đạo và được đồng chí nhận là thủ lĩnh, nhưng vẫn có một số người chống đối đường lối của ông, mãi đến năm 1945 ông mới hoàn toàn thắng hẳn.

Bà vợ thứ nhì con thầy học của ông, bị Quốc Dân đảng giết 1938, ông cưới người thứ ba, bà này sau qua Nga ở; ông cưới người thứ tư, một đào hát tuồng hát bóng ở Thượng Hải, bỏ nghề theo Đảng năm 1933, để "đóng trò cho nhân dân coi" ở Diên An, bà này hiện nay còn sống

Suốt đời, Mao chỉ ra khỏi nước có hai lần: đều qua Nga. Ông đọc sách Anh cũng dễ dàng như đọc sách Hoa; có óc tò mò, gặp người ngoại quốc nào cũng hỏi về tình hình thế giới.

Mỗi khi qua một giai đoạn mới, ông thảo một diễn văn để vạch đường lối phải theo, cả về chính trị lẫn văn hoá(2). Những diễn văn đó gom lại, in thành một tập dày, người thì không tiếc lời khen (như Brieux), người thì cho là lý thuyết không có gì sâu sắc, chỉ đặc biệt ở tính cách thực tiễn thôi. Ông cũng làm thơ nữa, thơ luật và nhiều sách dẫn bài "Tuyệt", ông tả cảnh Hoa Bắc nhìn từ phi cơ xuống, khi ông rời Diên An lại Trùng Khánh để thương thuyết với Tưởng Giới Thạch.

Cho tới khoảng năm 1960 ông được các đồng chí kính trọng, sau đó trong "bước nhảy vọt" và vụ "cách mạng văn hoá" ông mới bị chống đối và tính tình ông thay đổi, hoá ra độc tài nham hiểm, tàn bạo, ngoan cố.

- Chu Đức lớn hơn Mao 6 tuổi, sinh năm 1887, trong một gia đình đại điền chủ ở Hoa Nam. Học hết trung học, ông vô trường võ bị ở Vân Nam, trường này dạy theo phương Tây. Năm 1916 ông chỉ huy một lữ đoàn tấn công Viên Thế Khải; rồi về sống một đời công chức giàu có, với nhiều nàng hầu ở Vân Nam. Ngoài thuốc phiện, ông còn nghiện đọc sách, nhờ vậy mà hiểu được nhiều vấn đề chính trị và xã hội trong nước.

Khi hiểu rồi, ông quyết tâm theo phong trào mới, đuổi chín cô nàng hầu đi, cho mỗi người một số tiền khá lớn để nuôi con, rồi ông lên Thượng Hải, xin gia nhập Quốc Dân đảng. Thấy cái điệu bộ nghiện ngập, già trước tuổi của ông, người ta khinh ông. Ông nhất định cai và cai được, năm 1922 xin gia nhập đảng Cộng Sản, được phái qua Đức học võ bị. Ở Hanovre (Đức) ông thành lập một tổ cộng sản. Chính quyền Đức bắt giam ông hai lần rồi trục xuất ông.

Ông qua Pháp, kết bạn với Chu Ân Lai, rồi qua Nga, năm 1926 về Trung Hoa, được làm uỷ viên chính trị trong quân đội, kế đó là hiệu trưởng trường võ bị Nam Xương, một chi nhánh của trường Hoàng Phố.

Năm 1927, khi Tưởng Giới Thạch thanh trừng đảng Cộng sản, Chu Đức chống lại Tưởng, cùng với đoàn quân của ông, tiến vào miền Giang Tây-Quảng Đông hùng cứ một phương. Tại đó ông nghiên cứu chiến thuật của Nga để áp dụng vào hoàn cảnh Trung Hoa, thành một trong những lý thuyết gia giỏi nhất về du kích chiến hiện đại. Năm 1931 ông được Đảng bầu lên Tổng tư lệnh Hồng quân, và giữ hoài chức đó.

Sống rất giản dị, chỉ huy 2 triệu quân mà không đeo một dấu hiệu nào cả. Trục tính tới mức thô bạo, nhưng lòng rất tốt, được quân đội rất quý.

- Chu Ân Lai là người Âu hoá nhất trong giới lãnh đạo cộng sản; sinh năm 1898 ở Hoa Nam



(Giang Tô) trong một gia đình quan liêu đại địa chủ, cha làm giáo sư, mẹ rất có kiến thức. Năm 1913, ông vô học trường trung học Thiên Tân, năm 1917 qua Nhật học đại học, hai năm sau trở về Trung Hoa tiếp tục học nữa. Theo phong trào cách mạng, cưới một nữ sinh viên cũng làm cách mạng. Năm 1919 bị bắt giam.

Năm sau được thả, ông qua Pháp để tiếp tục học, lập ở Paris một chi nhánh của đảng Cộng sản Trung Hoa. Tìm hiểu đời sống thợ thuyền trong các mỏ than ở miền Bắc và miền Khénanie, đi du lịch khắp Tây Âu, qua Anh. Sau bốn năm tiếp xúc với văn minh phương Tây và biết rõ chế độ dân chủ, ông trở về nước năm 1924, dạy ở đại học võ bị Hoàng Phố về chính trị, dưới quyền Tưởng Giới Thạch.

Cùng với Lưu Thiếu Kỳ, Chu tổ chức giai cấp thợ thuyền Thượng Hải, thành công tới mức dùng thợ thuyền không phải đổ một giọt máu mà chiếm được thị trấn đó trước khi quân Tưởng Giới Thạch tới. Khi Tưởng thanh trừng tả phái trong Quốc Dân đảng, ông bị bắt, trốn thoát lại Hán Khẩu (1). Sau khi cuộc nổi loạn ở Quảng Châu thất bại, ông trốn qua Hương Cảng, lại lập một tổ chức Cộng sản ở đó.

Năm 1928 ông được phái qua Moscou dự Đại hội thứ VI của Đệ tam Quốc tế. Ông ở lại Moscou học trường Đại học Đông Phương. Năm 1931, về nước hợp tác với Mao ở Giang Tây, cùng với vợ dự cuộc Trường hành như vợ chồng Chu Đức. Năm 1935 ông lại qua Moscou dự Đại hội thứ VII. Trở về Trung Hoa, ông được phái lại Tây An, thuyết phục Trương Học Lương thả Tưởng Giới Thạch. Khi Quốc và Cộng kí hiệp ước mặt trận chống Nhật, ông đại diện cho Cộng (tựa như sứ thần của Cộng) ở Nam Kinh, Hán Khẩu, Trùng Khánh bên cạnh Tưởng Giới Thạch. Chu học rộng, sáng suốt, luôn có thái độ đàng hoàng, nhã nhặn theo Vladi\_mirov, ông tuy có chủ trương khác Mao, nhưng mềm mỏng, trung thành với Mao, được Mao tin giữ chức bộ trưởng ngoại giao - có thời làm thủ tướng- cho tới khi chết, không ai thay ông được. Ông được nhiều người quý mến.

(1) André Malraux trong cuốn *La Condition humaine* đã dùng Chu Ân Lai và cuộc đời của Chu để xây dựng nhân vật Kyo.

- Lưu Thiếu Kỳ làm phó chủ tịch Bộ Chính trị trung ương của Đảng. Gầy, ăn nói kém, nhưng viết văn hay, cô đọng, mạnh mẽ. Cũng sinh ở Hồ Nam như Mao, học ở Moscou vô đảng năm 1922, hoạt động ở Giang Tây nhưng không dự cuộc Trường hành, mà ở lại hoạt động ngầm tại Bắc Kinh và các thị trấn Hoa Bắc. Năm 1935 tổ chức cuộc bạo động của sinh viên đòi Tưởng phải chống Nhật. Năm 1937 điều khiển Hội lao động toàn quốc. Sau làm tham mưu trưởng trong Tân đệ tứ lộ quân. Được bầu vào Ủy ban Chính trị thường trực trung ương Đảng; lãnh trách nhiệm rất quan trọng là vạch đường lối, thảo lý thuyết cho Đảng. Trong Bộ Chính trị, ông là người biết rõ nhất về Trung Hoa.

- Lâm Bưu. "Vô địch tướng quân" sinh năm 1907 ở Hồ Bắc. Ở trường Hoàng Phố ra, năm 1927 dự cuộc khởi nghĩa ở Nam Xương; năm 1935 theo cuộc Trường hành; có công đầu trong cuộc nội chiến, từ đầu cho tới cuối, từ Mãn Châu tới Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam (1946-1949), có tham vọng, tư cách kém.

- Bành Đức Hoài cũng tổ chức du kích quân ở Hồ Nam-Giang Tây, rồi theo cuộc Trường hành; đa tài, tư cách cao, uy danh chỉ hơn kém Mao và Chu Đức. Sống giản dị, không ham chức tước, quyền hành, thời nào cũng gần gũi với đại chúng, do đó hiểu được nỗi lầm than, nghe được

những lời ta thán của nông dân trong vụ "nhảy vọt", dám nói thẳng với Mao, bị Mao ghét.

- Trần Nghị sinh năm 1901 ở Tứ Xuyên trong một gia đình quan liêu, năm 1919 qua Pháp theo nhóm sinh viên làm thợ, tổ chức một phân bộ Cộng sản ở Pháp năm 1921 bị trục xuất vì tổ chức vụ sinh viên Trung Hoa biểu tình ở Lyon. Năm 1923 vô Đảng, năm 1930 diệt nhóm chống đối Mao, đưa Mao lên làm lãnh tụ. Trong cuộc trường hành, chiến đấu rất hăng. Năm 1941 chỉ huy Tân đệ tứ lộ quân, trong nội chiến năm 1947-1948 được phong làm thống chế. Năm 1958 làm Bộ trưởng ngoại giao nhưng thiếu kinh nghiệm. Trong cuộc cách mạng văn hoá, bị hồng vệ binh hỏi tội, mất chức bộ trưởng nhưng vẫn còn là uỷ viên trung ương Đảng. Rất được Chu Ân Lai tin.

So sánh nhóm thân thích của Tưởng với nhóm đồng chí của Mao, chúng ta thấy hai bên trái ngược hẳn nhau về tư cách, đời sống. Nhóm Mao là những chiến sĩ gan dạ được cách mạng tôi luyện, nằm gai nếm mật với nhau (mặc dù vậy, sau này họ cũng tìm cách thủ tiêu nhau). Trong nhóm thiếu nhà khoa học, nhà kỹ thuật, không thích hợp với thời phát triển kinh tế.

### Quân đội

Sức mạnh của Cộng sản là quân đội. Lính của Tưởng bị khinh rẻ, ngược đãi một số lớn vì đói rách phải cướp bóc như 100.000 quân Lư Hán ở Vân Nam mà năm 1945 Tưởng cho qua Bắc Việt để giải giới Nhật thật sự là để Việt Nam nuôi chúng mà chúng không làm loạn. Chúng bắt buộc phải nhập ngũ, không được huấn luyện, không có một lý tưởng gì cả, mà hạng chỉ huy chúng nhất là bọn quân phiệt, thiếu tư cách, tàn nhẫn, nên ngay từ đầu Tưởng ra lệnh phải tôn trọng tài sản của nhân dân, chúng cũng không theo. "Người ta không coi trọng họ là con người thì họ cũng không hành động như con người".

Trái lại, quân của Mao từ nhân dân mà ra, được Đảng tiêm một lý tưởng cao cả: Giải phóng nhân dân khỏi cái ách phong kiến và đế quốc, được đảng dạy cho cách cư xử với nhân dân-chăm mẹ, chị em, anh em của họ-chỉ giúp đỡ nhân dân (cày ruộng, gặt lúa, tát nước, cất nhà....) chứ không lấy của nhân dân một chút gì, dù là một sợi chỉ, một trái cây, cho nên họ có tư cách, được nhân dân quý mến. Đúng như khẩu hiệu của Chu Đức: "Quân đội ở trong nhân dân phải như cá ở trong nước". Họ chịu cực khổ nhưng không đói (Hồi ở Diên An mỗi ngày họ được nửa kí lô kê)

### Quân đội của Mao chia làm ba dạng

- Quân chính quy năm 1945 được khoảng 300.000 cuối năm 1948 được khoảng 1.500.000 lộ quân (tức bộ binh). Mới đầu không có pháo binh, sau chiếm được đại bác, cam nhông của Tưởng (do Mỹ viện trợ) họ mới lập được vài đội

- Dân quân là những tổ chức địa phương (nên cũng gọi là địa phương quân) gồm dân tình nguyện trong miền, nhiệm vụ là canh gác, giúp đỡ quân chính quy, diệt các thổ hào. Họ chỉ hoạt động trong miền, tự túc; ngay cả khí giới họ cũng phải tự xoay sở lấy.

- Quân du kích ở những miền có địch (Nhật hay Quốc Dân đảng).

Đa số giải phóng quân là người ở miền Bắc, còn Quốc Dân đảng thì đa số ở miền Nam; mà người miền Bắc thường lực lưỡng hơn, can đảm siêng năng hơn người miền Nam. Khí giới họ ưa nhất là lựu đạn. Những người chỉ huy họ ít khi xuất thân từ trường võ bị, nhờ chiến đấu mà rút kinh nghiệm, rồi chịu học hỏi thêm, nghiên cứu chiến thuật của Napoléon, Clausewitz, Rommel,

Joukov...

Chu Đức nổi tiếng nhất, được quân đội rất trọng, danh vọng uy tín ngang với Mao Trạch Đông.

Cộng sản coi trọng chiến lược( Cách dùng địa thế, dùng người, tương quan lực lượng giữa hai bên.... )hơn chiến thuật.

Về phương diện chính trị, Mao và Chu Đức tuyên truyền mạnh để tăng cường tinh thần của mình và tiêu hao tinh thần của địch; về phương diện quân sự, phải làm suy giảm sức mạnh của địch; cướp được nhiều vũ khí của địch, hoặc làm cho địch đào ngũ nhiều, bắt sống rồi tuyên truyền một thời gian, kẻ nào theo thì dùng, không theo thì thả ra, cho tiền, cho gạo nữa chứ không cần giết, vì họ không dám mà cũng không muốn trở về với Tưởng. Tưởng không khi nào dùng lại họ.

Vì vậy mà 80% tù binh xin được ở lại phục vụ trong đạo quân giải phóng; họ thấy họ được nông dân không những không khinh rẻ mà còn săn sóc như con, em. Thuật tuyên truyền của cộng thật tuyệt, họ rất hiểu tâm lý dân.

Đó là chiến lược. Về chiến thuật thì cộng sản thay đổi nhiều lần cho thích hợp với khí giới họ có. Họ nghiên cứu cách sử dụng dao găm. Khi địch dùng đại bác, chiến xa, phi cơ thì dao găm không thể chống được địch, nhưng thế nào cũng có lúc địch đi lòng bố trong làng xóm, hoặc lúc hai bên đánh xáp lá cà, thì dao găm rất lợi. Rồi khi nào cướp được đại bác, xe tăng của địch thì họ nghiên cứu cách sử dụng những khí giới đó. Tinh thần học hỏi của họ cao, quân của Tưởng ngược lại, rất lười biếng.

Chiến lược của họ là không chiếm đất đai, thị trấn, rồi đóng đồn để giữ. Họ dùng nông thôn bao vây thành thị. Năm 1946-1947, Mao đã nhử cho quân của Tưởng vào chiếm Diên An, như trên chúng ta đã biết. Họ rút ra ngoài đánh du kích. Họ nói: "Địch chiếm được thị trấn nọ, không dùng mất một tên lính, nhưng phải dùng 40. 000 quân để giữ thị trấn, tức là lực của địch giảm đi 40. 000 người, nếu khi chiếm, địch thiệt hại 30. 000 thì trước sau chúng ta bớt đi được 30. 000 + 40. 000 = 70. 000 quân địch. Rồi chúng còn phải dùng binh và xe cộ để tiếp tế, chúng ta lại được dịp phục kích, chiếm được khí giới, quân nhu. Chúng bị nhốt trong đồn, lâu sẽ chán nản, ở ngoài ta tuyên truyền cho chúng mất tinh thần, lúc đó tấn công thắng chúng dễ dàng hơn là ở ngoài mặt trận".

Hai loại chiến tranh khác nhau bằng giải phóng và bình định. Chiến lược đó rất lợi hại, Việt Minh đã theo Mao mà thắng được Pháp, Mĩ, đều đó dễ hiểu. Chỉ có điều này khó hiểu: Pháp, Mĩ sao không rút được kinh nghiệm mà cứ đút đầu vào rọ hoai.

Một chính khách Mĩ bảo: "Chiến tranh du kích lâu mà không bại, tức là thắng đấy". Số quân của Tưởng giảm đi, khí giới của Tưởng cũng giảm đi, càng ngày tương quan lực lượng giữa hai bên càng bất lợi cho Tưởng; lúc đó (năm 1948) là lúc Mao đại tấn công và Tưởng sụp rất mau.

Trong tập "Tình thế hiện tại và nhiệm vụ của chúng ta" viết cuối năm 1947, Mao đưa ra vài quy tắc (chắc do kinh nghiệm của Chu Đức), dưới đây tôi trích vài điểm.

- Đánh những nhóm nhỏ, rải rác của địch trước, rồi sau hãy đánh những nhóm mạnh.
- Mục tiêu quan trọng nhất là tiêu ma sức chiến đấu của địch, chứ không phải là chiếm thị trấn...

- Trong mỗi trận phải tập trung sức của mình, cho mạnh gấp bốn, hoặc năm, sáu sức của địch. Bao vây chúng rồi diệt, không cho một tên thoát ra được.
- Tránh những trận kéo dài, làm hao mòn sức của mình.
- Phải chuẩn bị kỹ, hễ không chiến thắng thì đừng đánh.

Những điều đó không mới mẻ gì, chỉ là lương tri thôi; nhờ chịu kiên nhẫn áp dụng thật đúng mà quân của Mao thắng được quân của Tưởng.

Nhưng dân quân không phải chỉ có mỗi nhiệm vụ chiến đấu mà thôi; khi không cầm súng họ còn nhiệm vụ: Chính trị Giảng cho nông dân nhận định thân phận của mình thời trước và trách nhiệm của mỗi người trong thời này; hiểu được đường lối của đảng biết kẻ thù của đảng là ai....

Và Kinh tế giúp nông dân sản xuất, cải thiện phương pháp canh tác...

Sau năm 1949, khi hết nội chiến, chính quân đội phải làm những công trình kiến thiết lớn: sửa đê, thủy lợi, xây cầu, xây đường, xây nhà máy và sản xuất trong nhà máy nữa.

Từ năm 1950, nhất là sau chiến tranh Triều Tiên. Hồng Quân không còn là một quân đội thật sự nhân dân nữa, từ cách tuyển lính tới cách chiến đấu, sự kết hợp với nhân dân, không phải như "con cá trong nước" nữa. Không phải là tự nguyện quân mà là trung binh; có quân phục, dấu hiệu để phân biệt cấp bậc, có khí giới tối tân như mọi quân đội của nước khác.

Theo luật 1955, đàn ông từ 18 đến 40 tuổi phải làm nghĩa vụ quân sự 3 năm trong lục quân, 4 năm trong không quân, 5 năm trong hải quân; như vậy mỗi năm có từ 5 tới 6 triệu người đúng tuổi trung binh và trong thời bình, Trung Quốc phải nuôi 15 triệu quân, nhưng thực sự thì chính phủ chỉ gọi khoảng 1 triệu người và cả lục, không, hải quân có khoảng từ 3 tới 4 triệu người.

Sau chiến tranh triều tiên, lục quân đã được tổ chức lại theo Nga, gồm khoảng 2. 500. 000 người, giỏi chiến đấu, dai sức, quen chịu cực, can đảm, kiên nhẫn.

Không quân Trung Hoa lớn nhất Châu Á, gồm 2500 phi cơ chiến đấu, nhiều kiểu tối tân. Hải quân còn yếu, không đáng kể.

Nhưng lực lượng dân quân thì rất đông và mạnh; làng nào cũng có ít nhất một đại đội (ta nên nhớ làng Trung Hoa lớn bằng một huyện, hay hơn của ta). Toàn quốc có từ 20 đến 25 triệu dân quân. Nếu có chiến tranh thì 25 triệu quân đó thành 25 triệu lính trừ bị. Họ được học tập về chính trị.

Mặc dù quân đội vẫn rất trung với đảng, rất ái quốc, nhưng cũng phải nhận rằng đã có hai xu hướng: xu hướng thành một uy lực, một quyền thế trong quốc gia, và xu hướng tách rời quần chúng. Các cấp tham mưu và các kỹ thuật gia trong quân đội đã bớt quan tâm tới chính trị.

Còn chiến tranh thì quân đội còn mạnh. Hoà bình lâu quá thì thế nào tinh thần quân đội cũng nhạt đi. Có lẽ vì vậy mà nước Cộng sản nào cũng gây trong dân chúng cảm tưởng rằng tình hình thế giới bất ổn, để dân chúng phải chuẩn bị đề phòng. Mà sự thật, thế giới từ ba bốn chục năm nay rất bất ổn, vì sự tranh chấp giữa tư bản và cộng sản. Nhưng không nước nào dám nuôi cái mộng chiếm Trung Hoa, nó mệnh mông quá, dân số hiện nay được một tỉ, một phần năm dân số trên thế giới rồi; nhất là nguyên tử lực của nó vào hàng ba, chỉ kém Mỹ, Nga; rồi đây thế nào

nó cũng có những khí giới mà sức tàn phá tới mức tuyệt đối nhất.

(1) Sách này tác giả viết năm 1982 nên bảo bà Giang Thanh "còn sống".

(2) Như khi mới chiếm trọng Trung Hoa, ông thảo diễn văn "Tân dân chủ"

## Chương 3-2 -

(Mao và Lâm chắc quên chiến tranh Triều Tiên năm 1950-1953). Lâm nịnh Mao mà không biết ngượng, “chỉ có thuyết của Mao là chân lý, tự đề cao mình mà không biết ngượng chỉ Lâm là sứ đồ duy nhất của Mao”. Thâm ý của Lâm là đưa Mao lên bệ để làm ngẫu tượng hưởng hương hoa của sứ đồ Lâm dâng lên còn Lâm sẽ làm hết mọi việc cho nước. Mao khôn, hiểu Lâm muốn “hất mình lên”, để chiếm ngôi của mình, nên bảo Lâm tụt lại.

Những năm 1960-1962, uy quyền của Mao xuống thấp nhất. Nhưng mùa thu năm 1962, lấy tư cách là chủ tịch Đảng, mặc dầu là vô quyền, ông ta vẫn có thể lên tiếng được, đọc một diễn văn bảo phải đào tạo lại thanh niên, phải ngăn chặn sự tiêu cực của cán bộ nông thôn, coi chừng bản năng tư sản của nông dân lại nổi dậy; phải xét lại vấn đề văn hoá mà bọn trí thức đương nắm quyền để phản lại xã hội chủ nghĩa, phục hưng lại chế độ tư bản. Không ai nghe ông cả.

Năm 1965, ông tấn công mạnh hơn, trách đảng để cho cán bộ cao cấp bị hủ hoá, chính đảng đã bị suy hoại tới đâu, tới cỡ rồi, phải dùng bản nông làm công việc thanh trừ từ nông thôn, nếu không tin được dân quân thì giao khí giới cho bọn bản nông đó.

Vậy Mao đã có ý làm một cuộc đảo chánh mà Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình không hiểu, hoặc hiểu mà vẫn tin là mình còn kiểm soát được. Mao nói là phải thanh trừ từ dưới lên. Thanh trừ ở dưới thì được, nếu dẹp luôn cả đảng ở trên cao thì loạn rồi, sụp đổ hết, điều đó không thể xảy ra được. Họ nghĩ vậy.

Mao ra lệnh cho Lâm Bưu làm một cuộc đảo chánh, chiếm Bắc Kinh năm 1966.

Mao và Lâm làm chủ Bắc Kinh rồi, còn phải chiếm các tỉnh nữa. Mao biết rằng đảng ở địa phương nếu không theo Lưu Thiếu Kỳ thì cũng không chịu để cho quân đội nghe Lâm Bưu mà diệt đảng; phải dùng lực lượng khác và ông ta có một sáng kiến lạ lùng, một thuật thần sầu quỷ khốc; dùng thanh niên tức hồng vệ binh để diệt cán bộ, diệt đảng. Bọn thanh niên đó dễ tin, nghe lời Mao, họ được dịp phá phách làm loạn nên hăng hái vô cùng. Thử tưởng tượng bỗng nhiên thành con cung của chế độ, được quyền tố cáo, lật đổ các đảng viên có uy quyền đã áp chế họ, mà lại được mang cái vinh dự là chống đỡ tổ quốc, cứu thoát nhân dân để làm “cách mạng văn hoá” thì còn gì sướng bằng!

Cách mạng văn hoá

Mao cho in không biết bao nhiêu triệu bản (có sách nói là 740 triệu, không tiền trong lịch sử nhân loại) một tập Sách đỏ truyền bá tư tưởng của ông.

Ông cho rằng bước nhảy vọt và công xã nhân dân của ông thất bại. Ông chịu nhận là thất bại rồi, chịu nhận rằng những thống kê của cán bộ công xã là ảo toét vì được sống mấy năm trong hoà bình, cán bộ hủ hoá, mất tinh thần cách mạng năm 1935 (vụ Trường hành), thành một bọn công chức tiểu tư sản, sợ khó nhọc, biếng nhác... vậy phải làm lại cách mạng, đưa hết những bọn cán bộ, trí thức, học sinh ở thành thị về nông thôn sống với dân quê, vào trong các nhà máy sống với các thợ thuyền, lao động cực khổ, để cho tinh thần cách mạng của họ phục hồi lại. Họ phải có tinh thần chịu nghèo, thích nghèo, thích làm các công việc tay chân, không thêm dùng



máy móc của bọn tư sản không chuyên môn hoá, luôn luôn chống bọn thư lại, tiểu tư sản. Như vậy là thay đổi lại cả một nền văn hoá, cho nó thành thứ văn hoá bần cùng, vô sản, lao động. Mao dùng từ “văn hoá” theo nghĩa ấy.

Cứ khoảng 10 năm lại phải làm lại cuộc cách mạng văn hoá đó, cho tới trăm năm, ngàn năm, nếu ngưng lâu thì con người lại hủ hoá, tư sản hoá, lại có giai cấp đấu tranh nữa. Vậy cách mạng văn hoá đó có phải là thường trực tuyệt đối.

Từ khi có loài người tới nay, chưa ai có ý nghĩ làm một cuộc cách mạng như vậy. Thay đổi hẳn 600 triệu người, bắt họ thụt lùi lại, sống thời trung cổ hay thượng cổ nữa.

Cuốn Sách đỏ (tuyển tập) của Mao chỉ lớn bằng bàn tay, có thể bỏ túi được. Bọn Hồng vệ binh nhiều kẻ chỉ mới 15-16 tuổi phải học thuộc tập đó, rồi đi khắp nơi, tới cả các hang cùng ngõ hẻm, truyền bá tư tưởng của Mao, triệt hạ kẻ nào dám chống đối.

Ngày 18. 8. 1966, mấy trăm ngàn Hồng vệ binh tập hợp nhau tại Thiên An Môn (Bắc Kinh) để tỏ lòng trung thành với Mao rồi chia nhau thành đoàn đi khắp tỉnh, vênh váo ra lệnh cho người lớn, dạy bảo hạng người bằng tuổi cha ông chúng. Chúng thấy sách là đốt vì sách nào cũng lạc hậu, nếu không phải là phản động, đồi trụy. Mới 4-5 giờ sáng, chúng đã cho máy khuyếch thanh chạy oang oang, nhồi vào tai thiên hạ tư tưởng của Mao.

Các tiệm sách phải đóng cửa hết. Trong 6 năm liền không in tập sách nào cả, trừ tập Sách đỏ của Mao và ít cuốn về kỹ thuật. Đúng là chính sách Tần Thuỷ Hoàng thời xưa. Muốn kiếm một bộ Tam Quốc hay Thuỷ Hử cũng không có. Trong các thư viện, người đọc sách chỉ được mượn những tác phẩm ngoại quốc đã được lựa chọn kỹ: Balzac, Zickens, Zola “những tác giả chứng nhân của thời đại mục nát, tan rã của giai cấp tiểu tư sản”. Gorki và MaiaKoski đứng hàng đầu vì họ ca tụng vô sản.

Người ta duyệt lại các giá trị văn hoá cũ của nhân loại: Shakespeare, Mozart, Bethoveen, Bach bị đả kích; ngay Tolstoi, Hugo trước kia được coi là tiến bộ nay cũng bị mạt sát.

Sáu năm sau (1972) mới bắt đầu cho in lại truyện như Hồng Lâu Mộng, Tam quốc diễn nghĩa, Ba trăm bài Đường thi... và bản dịch những cuốn L'esprit des lois của Monstquieu, Histoire de la guerre de Péloponèse của

Thucydide, La critique de la raison pure của Kant. Tức thì thiên hạ đổ xô lại mua còn những tiệm bán sách của Mao, Marx, Lenine thì vắng teo (Alam Peyrefitte – Quand la Chine s'éveillera – tr. 121)

Các đền đài, viện bảo tàng đóng cửa hết, có nơi dùng làm kho chứa rác, làm trại lính. Bảo vật, nhất là các tượng bị phá huỷ.

Dân chúng có đồ cổ, tranh cổ cũng phải dấu cất đi; bọn vệ binh lau nhau có thể vào đập phá. Những tàn tích của thời phong kiến lạc hậu đó, ai còn giữ thì là phản động. Phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới mẻ. Về sau bị báo chí phương Tây chê là không biết trọng di sản văn hoá của dân tộc Mao mới sửa sai, cho khai quật một lăng tẩm của vua chúa đời Minh, được rất nhiều cổ vật đem qua Tây Âu triển lãm để thế giới thấy rằng Mao không vong bản. Lúc đó, Mao cần lấy lòng của Tây phương để được vô Liên Hiệp quốc (1971)

Đồng thời với công việc phá huỷ đó, Mao bắt thị dân phải về nông thôn, sống với nông dân, làm

việc với nông dân. Thật là một phong trào di cư vĩ đại. Ở Thiên Tân, hơn 40.000 học sinh trung học và trên 10.000 sinh viên đại học về nông thôn. Nhưng tỉnh Giang Tây mới đáng làm kiểu mẫu: trên 720.000 người (130.000 cán bộ, giáo viên, y sĩ) về nông thôn chia làm 12.000 đội sản xuất như nông dân. Các nhân viên hành chính giảm xuống chỉ còn 1/5, còn 4/5 về nông thôn. Chỉ khổ cho các công xã nhân dân phải nuôi họ, kiếm chỗ ở, việc làm cho họ.

Các nhà bác học may mắn hơn còn được tiếp tục khảo cứu, nhưng không được ở thị trấn, gần thư viện, trong các “la bô” (phòng thí nghiệm) nữa, cũng phải về đồng ruộng hoặc vào các xưởng xem nông dân, thợ thuyền cần gì thì cũng phải tìm tòi cùng họ về cái đó.

Giáo sư đại học phải đi hốt phân, đổ vào một xe “bù ệt” (xe một bánh) đẩy đi. Quách Mạt Nhược bảo: “văn minh phát từ phân mà ra, từ khi bọn du mục biết rằng phân cừ, phân ngựa của họ chôn xuống đất làm cho cây cỏ tốt tươi”. Họ Quách bác học và thông minh thật.

Các giáo sư chở phân ra ruộng, đổ phân xuống ruộng, rồi dùng hai bàn tay nhồi đất cho thật đều, thật nhuyễn, để có sự hoà hợp mật thiết giữa đất và phân thì kết quả mới tốt. Có nơi còn tổ chức một cuộc tiếp đón linh đình, đủ kèn, trống, cờ, biểu ngữ (không hiểu có múa lân không) để đón một ngàn xe “bù ệt” phân tới.

Có hốt phân thì mới là “hồng” cả “chuyên” nữa chứ và phải làm sao cho tụi trí thức “thấy sung sướng rằng mình không còn là trí thức nữa”, thì cách mạng mới thành công (A Peyrefitte trích dẫn).

Chính Chu Ân Lai làm gương. Tôi đã thấy một tấm hình, không nhớ ở sách báo nào chụp Chu đẩy một chiếc xe bò chở đồ. Mặt ông bình tĩnh nhưng không tươi cười như khi ông tiếp khách ngoại quốc. Đúng là truyền thống từ đời Chu: thời xưa, đầu năm thiên tử ra ruộng, cày một luống để mở đầu công việc đồng áng cho dân; bây giờ đại thần (Chu) thay thiên tử (Mao); chỉ khác có thể thôi.

Mục đích của Mao là nghiền các giai cấp, trộn lộn làm một chỉ còn một thôi. Công việc của nông dân, thợ làm cũng được, và ngược lại công việc của giáo sư, y sĩ, bác học, ... nông dân và thợ làm thay cũng được và ngược lại, công việc hốt phân, cày ruộng, đập sắt, xây nhà, ... nhà trí thức nào làm cũng được. Cũng là truyền thống nữa. Khổng Tử chẳng bảo từ 2.500 năm trước rằng “sỹ khả bách vi” (kẻ sỹ tức hạng trí thức có thể làm được mọi việc) đấy ư? Nhưng chính Khổng Tử lại đáp Phàn Trì, môn đệ của ông muốn xin ông chỉ cho nghề nông “Ta không bằng một lão nông”, vậy là ông trọng sự chuyên môn, còn Mao thì muốn diệt cả sự chuyên nghiệp.

Các trường đại học đóng cửa luôn 4 năm từ năm 1966 đến 1970, khi mở cửa trở lại thì rút từ 4 năm xuống còn 2-3 năm. Muốn được tuyển vào thì phải giỏi về ý thức hệ, phải thuộc và biết áp dụng tư tưởng của Mao, phải biết sống chung với dân chúng, phải có tinh thần phục vụ giai cấp vô sản.

Học hết trung học (trước 6-7 năm nay rút xuống còn 4-5 năm), phải thực tập trung bình 3 năm hoặc trong xưởng hoặc ngoài đồng ruộng. Con nông dân, thợ thuyền, binh lính thì không buộc có bằng cấp gì cả.

Như vậy mới đúng với lập trường giai cấp.

Chương trình học thay đổi hẳn: nhiều môn bỏ hoặc giảm (như sử học, văn học); có mấy môn

thêm như canh nông (lý thuyết và thực hành) văn hoá cách mạng... mà sinh viên ngành nào cũng phải học. Về canh nông dĩ nhiên người ta đưa nông dân lên làm giáo sư; khổ cho họ (nông dân) chứ họ không cho đó là một vinh dự.

Hậu quả là sau cuộc cách mạng tôn giáo bị dẹp, các chùa chiền, giáo đường Hồi và Ki tô phải đóng cửa, báo chí bị rút giấy phép; các rạp hát trong toàn quốc chỉ còn diễn đi diễn lại 6-7 vở tuồng (trên tổng số là 50. 000 vở) mà vở Bạch Mao nữ (trang ở sau) được diễn nhiều nhất và quay phim. Vô số trí thức thất nghiệp bỏ nghề, họ không được đào tạo thêm; 5-6 năm sau, khi tình trạng bình thường trở lại Trung Hoa thiếu kỹ thuật gia một cách trầm trọng. Có tỉnh lớn bằng nửa nước ta mà trong số lãnh đạo không kiếm ra được 10 cán bộ có bằng cấp đại học; một nửa số cán bộ không hiểu nổi tài liệu của Đảng. Bộ Chính trị, Ủy ban Trung ương Đảng không ai có bằng cấp cao. Trên số 11. 3 triệu cán bộ thì 7 triệu bị đàn áp, non 2 triệu xử tử, nên phải tuyển thêm 20 triệu Đảng viên.

Một số nhà văn bị nhục, phải xử tử như Lão Xá, hoặc phải trốn ra nước ngoài, còn đa số phải tự phê như Quách Mạt Nhược. Quách năm đó đã 70 tuổi, tuyên bố: “theo các tiêu chuẩn hiện nay, những gì tôi viết ra trước đây

không có giá trị gì cả và đáng đem đốt hết...” Nhờ nghiên cứu các tác phẩm của Mao chủ tịch, thợ thuyền, nông dân và binh sỹ viết hay hơn tôi”.

(nhưng trước sau tôi có thấy tác phẩm nào của ba giai cấp đó đâu).

Có lẽ Quách hơi ức nên dùng mấy tiếng hạn chế: “theo các tiêu chuẩn hiện nay”, và bọn binh đồ hiểu ý tại ngôn ngoại của “quân chủ bại”, là “tên văn sỹ phản động con đẻ của gia đình phong kiến. Quách là Viện trưởng Viện khoa học nổi tiếng khắp thế giới mà còn bị như vậy thì Đinh Linh, Mao Thuần đâu được tha. Ngay Chu Dương, người từ trước vẫn là phát ngôn viên của Đảng về văn hoá mà cũng bị kết tội là mê say văn nghệ tư sản thế kỷ XIX, là phản cách mạng, đề cao Kroutchev là “cáo già, chó sói, rắn độc” (theo K. S. Karol trong La Chine de Mao – Robert Laffont – 1996)

Báo chí Trung Quốc gần đây bảo cuộc cách mạng đó đã giết chế 20 triệu người, không biết nhà cầm quyền (Đặng Tiểu Bình và bộ hạ) có phóng đại để kết tội bọn tay sai của Mao, tức bốn tên Vương Hồng Văn, Trần Bá Đạt (thư ký của Mao), Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên (nên kể thêm Giang Thanh, vợ Mao nữa), tức bốn hung thần trong cuộc cách mạng văn hoá không.

Một nhà báo của Tây phương ví Mao với Tần Thuỷ Hoàng: Mao đáp: “Tần Thuỷ Hoàng chỉ giết có 460 kẻ sỹ. Còn tôi, tôi đã giết 46. 000 trí thức, tôi hơn Thuỷ Hoàng cả trăm lần chứ! ”.

Ngày nay Mao đã chết, chính sách của Mao đã bãi bỏ, nhưng dù ghét Mao thì cũng chưa ai dám đập thần tượng Mao.

Rốt cuộc Mao chỉ muốn tố cáo, hại những kẻ thù của ông: Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, ... nhất là Lưu, kẻ đã chiếm ngôi Chủ tịch hội đồng Nhà nước của ông, nên phải tìm ra một lý thuyết mới: cách mạng thường trực, mớm cho bọn con nít là Vệ binh đỏ để chúng mạt sát, trừng trị bọn tay sai hoặc có cảm tình với Lưu ở các tỉnh, nhưng tuổi trẻ hăng quá, chỉ trong một tháng, chỉ trong 1 tháng, từ giữa tháng 8 đến giữa tháng 9 năm 1966, chúng tố cáo lung tung, kết tội gần hết các nhà cầm quyền địa phương và bọn này phải phản ứng, cũng tổ chức Hồng Vệ binh địa phương để tiêu diệt Hồng vệ binh Trung ương, sinh ra loạn khắp nước, nhất là ở

Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, hai bên đâm chém nhau. Các nhà cầm quyền địa phương lại thừa dịp tách riêng ra, không chịu nhận mệnh lệnh trung ương nữa, muốn tự trị. Bắc Kinh phải vội vàng nắm lại bọn Hồng vệ binh, dùng quân nhân dạy bảo chúng, bắt chúng vào kỷ luật.

Chu Ân Lai cũng cảnh cáo chúng là chúng chỉ có nghĩa vụ lật đổ những kẻ chính phủ chỉ cho chứ không phải là lật đổ chế độ.

Riêng thị trấn Thiên Tân, người ta đưa hàng vạn Hồng vệ binh về ruộng để được cải tạo, để được bản nông dạy dỗ cho. Đến phiên chúng phải gánh phân, nhồi phân, trồng cải bẹ (món ăn chính của bình dân Trung Hoa cũng như rau muống ở Bắc Việt). Thế là hết nạn Hồng vệ binh.

Nhưng chúng ta nên công bằng: cách mạng văn hoá ở Trung Hoa có điểm đáng khen là nghiên cứu y học cổ truyền, nhất là khoa học châm cứu, thực hiện cải thiện phương pháp, thực hiện được nhiều tiến bộ, làm được một số giải phẫu mà khỏi phải dùng thuốc mê, thuốc tê được người phương Tây khen và hiện nay môn đó bắt đầu được phát triển ở vài nước như Pháp, Việt Nam...

Tháng 10/1968, trong một cuộc họp của Ủy ban Trung ương Đảng, Mao làm chủ tịch, người ta thừa nhận chính sách của Mao từ 1966 về cuộc cách mạng văn hoá và toàn thể đồng lòng đuổi vĩnh viễn tên “phản động” Lưu Thiệu Kỳ ra khỏi đảng, tước hết các chức vụ của Lưu ở trong và ngoài đảng, bỏ tù Lưu và sau Lưu chết thê thảm ở trong ngục vì bị hành hạ tàn nhẫn, vợ con không hay gì cả.

Qua vài năm sau đến phiên của Đặng Tiểu Bình. Người ta dẫn ra những lỗi của Đặng trước kia, chẳng hạn Đặng bảo: “Chủ tịch Mao tuyên bố năm 1962 rằng tình trạng kinh tế tốt đẹp; không nó xấu chứ không tốt đẹp” – “dân chúng thiếu ăn, thiếu mặc, chúng ta tự tin quá, lừa gạt nhân dân quá” – “một số đông nông dân đòi chia đất lại cho họ; họ không tin chính sách kinh tế tập thể” – “cá nhân hay tập thể điều đó không quan trọng, quan trọng là tăng sự sản xuất thực phẩm; mèo trắng hay mèo đen, mèo nào bắt được chuột là mèo ấy tốt” – “đa số các nhà tư sản Trung Hoa đều tay trắng làm nên nhờ nghị lực và tài năng của họ; lại Thượng Hải mà xem họ tổ chức xí nghiệp trung bình và nhỏ của họ ra sao” – “đối với bọn trí thức tiểu tư sản... thì lúc này ta cần tới họ, mặc dầu họ càu nhàu đi nữa, miễn là họ biết dạy, điều này mới là quan trọng”. Chủ trương đó của Đặng hợp với đường lối của Lênine, Lênine khuyên phải học bọn tư bản và trí thức, ít nhất là trong buổi đầu. Vì vậy mà buổi trước Đặng không bị “chỉnh”, bây giờ Đặng bị trục xuất, sở dĩ không bị hại như Lưu vì Đặng không có ý tranh quyền với Mao.

Sau cùng đến phiên Lâm Bưu, Lâm là bạn chiến đấu chí thiết của Mao, trung thành với Mao, theo triệt để đường lối của Mao, được Mao chọn làm người kế vị của mình. Vậy mà bỗng nhiên năm 1971 Lâm mất tích. Báo chí đưa ra tin Lâm cùng tám bộ hạ lên máy bay trốn qua Nga, chiếc đó bị nạn (đâm vào núi?!) ở Mông Cổ, tan xác hết.... Mọi người nghi ngờ tin đó, Lâm cùng hoà một khúc với Mao, mật sát chính sách “xét lại” của Nga thì qua Nga làm gì? Người ta ngờ rằng Lâm đã bị Mao thủ tiêu vì Mao căm Lâm muốn hất mình khi đã nắm được quân đội miền Bắc thời Mao thất thế. Cũng chỉ là phỏng đoán vậy thôi. Việc đó hoàn toàn bí mật. Mãi năm sau mới có tin chính thức rằng Lâm bị trục xuất, thế thôi. Bị giam ở đâu hay bị giết rồi, không biết. (1)

(1) Theo số báo nhân dân Hà Nội, tháng 7-1983 thì nhà Laffont ở Paris mới phát hành bản dịch của cuốn Yao Mingle trong đó kể lại vụ Lâm Bưu bị Mao thủ tiêu bằng rốc két trong khi ngồi xe

hơi trở về dinh sau bữa tiệc Mao đãi trong Cẩm Thành. Vụ đó Chu Ân Lai có nhúng tay vào. Vợ chồng (1) Lâm Bưu tan xác vì Lâm muốn giết Mao, chưa kịp thì Mao ra tay trước (NHL).

Gần đây các sách của Trung Quốc thì cho rằng Lâm làm phản, mưu đảo chính Mao. Cuộc tạo phản bất thành, vợ chồng, con cái và tay chân Lâm trốn thoát bằng phi cơ, đến Mông Cổ thì máy bay rơi. Cả đoàn tùy tùng và vợ chồng Lâm đều chế tan xác. Có giả thuyết cho rằng, máy bay rơi là do lệnh của Chu Ân Lai đã bàn trước với Mao Trạch Đông (BT)

Từ năm 1970, Mao nắm lại hết quyền hành nhưng uy tín đã sút nhiều, phải bỏ “nhảy vọt”, bỏ công xã nhân dân, bỏ cách mạng văn hoá vì đại đa số đều chống mà trở lại lối phát triển cũ. Nhưng kinh tế không tiến được mau vì thiếu kỹ thuật gia (họ chết nhiều mà không được đào tạo thêm); dân và cả đảng nữa thiếu tinh thần hăng say. Chính Mao cũng chán nản, buông xuôi, để cho đảng theo đường lối cũ của Lưu Thiếu Kỳ (đã bị nhốt khám) dưới nhãn hiệu của Mao.

Qua năm 1971, đường lối “quạt hẩn”: diệt phe tả, xích lại Tây phương, bắt tay Nixon (Mỹ), đả Nga nhiều hơn. Đại hội của đảng trao cho Chu Ân Lai quyền quyết định vì Mao suy nhược về thể chất lẫn tinh thần. Uy tín của Chu lên nhưng ông ta ôn hoà mà tròn trịa, không để cho Mao nghi kỵ, ông được lòng nhiều người, nhưng bị Giang Thanh và đồng bọn ghét gọi ông là Khổng Tử (Khổng Tử bị cộng sản đả đứ lăm). Ít lâu sau, Chu bị bệnh ung thư đường tiết niệu, khi mới biết nếu giải phẫu ngay thì có cơ cứu được, nhưng Giang Thanh chỉ muốn ông có cơ chết để bà dễ chuyên quyền nên tìm mọi cách giữ y sỹ, hoãn việc giải phẫu, đợi đến khi nguy ngập mới cho làm thì đã quá trễ, và Chu tắt thở tháng 1/1976. Bệnh liệt run của Mao lúc này đã nặng, lúc tỉnh lúc mê, Hoa Quốc Phong thay Chu Ân Lai làm thủ tướng nhưng Giang Thanh nắm hết quyền với bốn tên Vương Hồng Văn, Trần Bá Đạt, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên tôi đã kể trên.

Mao chết tháng 9/1976 xác được ướp. Các con trai của Mao đều bị Giang Thanh hãm hại, có người hoá điên. Mao chỉ có một người con gái với Giang Thanh, cô ta cũng bị mẹ bạc đãi.

Hoa Quốc Phong chỉ là con nuôi của Mao, quê ở Giang Tây nhưng hoạt động ở Hồ Nam, được Mao đưa lên kế vị và được nhóm Diệp Kiếm Anh đưa lên làm chủ tịch Đảng (1976). Vậ triều đình của Mao không khác gì triều đình hủ lậu thời quân chủ: hoàng hậu - Giang Thanh – ham quyền hành, muốn theo gót Từ Hy Thái Hậu, còn hoàng đế (Mao) thì bỏ ý thức hệ cộng sản mà trở về truyền thống cũ, truyền ngôi lại cho con, mặc dầu là con nuôi. (1)

(1) Kim Nhật Thành, chủ tịch Bắc Triều Tiên, hiện còn sống, đã chỉ định một người con lên kế vị mình sau này. Có người mỉa là “chủ nghĩa xã hội thừa kế”. Mà chủ nghĩa dân chủ của Tưởng cũng kế thừa nữa, truyền ngôi cho con. Có lẽ không dân tộc nào ham ngôi vua bằng dân tộc Trung Hoa

Mới đầu Hoa có ưu thế, đánh đổ bọn bốn tên mà cả nước ai cũng ghét, nhưng không động đến Giang Thanh.

Đặng Tiểu Bình được phục hồi danh dự từ năm 1973, làm Phó thủ tướng, uy tín mỗi ngày một cao. Tháng 7/1977, ông tranh quyền với Hoa, thắng, nắm trọn quyền. Năm sau đưa ra chiến lược “bốn hiện đại hoá” mà Chu Ân Lai đã đề nghị từ năm 1965, và lúc này đây dân chúng các thành thị nhao nhao lên đòi thực hiện. Bốn hiện đại hoá đó là hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và văn hoá – khoa học - kỹ thuật, chẳng có gì mới.



Chính sách kinh tế nhiều thành phần được khôi phục, bỏ tư tưởng chỉ đạo tả khuynh, cá thể hoá lại lao động của nông dân; mở mang sang các nước tư bản Mỹ, Nhật... (sự thật là Mao đã thân với Mỹ từ 1972 vì tổng thống Nixon ủng hộ Trung Hoa vào Hội đồng bảo an liên hiệp quốc thay Tưởng năm 1971); dùng vốn và kỹ thuật của Tây phương để kiến thiết. Theo báo Nhân dân (Hà Nội) năm 1983, Hồ Diệu Bang biến Trại Giang ở gần Hương Cảng thành một đặc khu kinh tế, kêu gọi tư bản ngoại quốc đầu tư, sẽ miễn hoặc giảm thuế cho họ. Họ tính đầu tư một tỷ rưỡi Mỹ kim vào đó. Chuyên gia Trung Hoa từ các vùng khác sẽ tới đó học hỏi kinh nghiệm để về thử rồi tìm một con đường phát triển mới mà họ gọi là xí nghiệp tư mà không có chủ nghĩa tư bản (private enterprise without capitalism). Họ hy vọng cuối thế kỷ tổng sản lượng sẽ gấp bốn năm 1982 (Theo Far Eastern Economic Review 4/1983). Muốn vậy thì mỗi năm phải tăng lên đều đều từ 7%-8% so với năm trước.

Bây giờ Đặng mới có cơ hội thực hiện chính sách cởi mở của ông từ năm 1968, chính sách đã làm cho ông mất địa vị, mà mà không toi mạng. Ông đặt lại vấn đề hồng và chuyên (trọng chuyên hơn hồng), trọng thiết thực hơn lý thuyết.

Ông nhất khâm Giang Thanh, thanh trừng các đối thủ (như Mao hồi trước). Chính sách của Mao bị bãi bỏ nhưng không ai dám phá thần tượng Mao. Phe Giang Thanh chủ trương cải cách văn hoá hình như còn rất đông, chỉ trích ông hoặc chống đối ông. Tình hình Trung Hoa năm 1983 còn lộn xộn lắm.

Ở Đài Loan, Tưởng Giới Thạch chết trước Mao (1975). Còn Tưởng Kinh Quốc vẫn theo đường lối của cha.

(1) Quốc dân đảng và Cộng sản đảng đều thành công lớn nhưng

(2) không bền (Quốc từ 1911-1912; Cộng từ 1925-1926); tiếp theo là một khoảng 10 năm long đong (Quốc từ 1913-1923; Cộng từ 1927-1937); rồi lên cầm quyền, tràn trề hy vọng (Quốc: 1928, Cộng: 1949), nhưng chỉ được mười năm đầu rồi lại suy loạn. Cả hai đảng đều do giới trí thức thành lập, tổ chức.

Nhân vật quan trọng trong Quốc dân đảng hầu hết là thị dân, gia đình thương nhân ở Quảng Châu (môn đệ Tôn Văn), hoặc người ở Thượng Hải, miền hạ du Dương Tử Giang du học ở ngoại quốc về (phe của Tưởng).

Những người theo Mao, trái lại cũng như Mao, đa số gốc nông dân ở Hồ Nam, chỉ có một số ít đã xuất ngoại.

Quốc dân đảng suy từ khi rời lên Trùng Khánh (1939) nhờ đứng về phe đồng minh mà vượng lên mấy năm, rồi không góc đầu lên được nữa vì không biết lo cải thiện đời sống nông dân như Tôn Văn đã dặn. Cộng sản đảng tuy đã thuộc lời Tôn Văn đấy, nhưng từ khoảng 1960 cũng thất bại nặng vì muốn tiến mau quá, bắt dân phải hy sinh quá sức của họ. Hiện nay (1983), Đặng Tiểu Bình có vẻ muốn làm theo đường lối kinh tế tự do của tư bản. Chúng tôi chỉ biết vậy thôi chứ không dám tiên đoán gì cả. Từ nay đến cuối thế kỷ còn nhiều biến chuyển.

Tưởng và Mao đều sống giản dị, có nhiều nghị lực, kiên nhẫn nhưng đều ham quyền, tư cao tự đại, không nghe lời khuyên cáo của ai cả. Tưởng nóng nảy, Mao bình tĩnh nhưng giả dối, thâm hiểm, hiếu sát. Cả hai đều có bốn vợ, đều truyền ngôi lại cho con. Tưởng cho Tưởng Kinh Quốc (con vợ trước), Mao cho Hoa Quốc Phong (con nuôi). Họ là những con người mới mà không bỏ



được truyền thống từ 2000-3000 năm trước.

Công của Tưởng là bắt đầu hiện đại hoá Trung Quốc, ít nhất là ở thành thị, xoá bỏ được các hiệp ước bất bình đẳng, đưa Trung Quốc lên hàng ngũ cường quốc mặc dầu chỉ có danh chứ không có thực.

Công của Mao là xoá bỏ chế độ phong kiến (Tưởng cũng có một phần công này), cứu dân khỏi bị chết đói – tuy vẫn còn đói - giải cho nông dân khỏi bị tui nhục, khinh bỉ và làm cho Trung Quốc trở thành một cường quốc thực sự, đứng thứ ba trên thế giới (1). Không một dân tộc nào dám nuôi cái mộng diệt họ.

(1) Thời Mao làm cách mạng văn hoá, một số người Tây phương coi ông là thần tượng, muốn theo chủ nghĩa cách mạng tuyệt đối của ông. Nay họ đã bót ngưỡng mộ ông ta

Nhưng cách mạng Trung Hoa đã làm đổ biết bao máu? Có người đoán là 50 triệu, khoảng 1/10 dân số. Cách mạng nào mà không vậy? Pháp, Nga, Algérie, Pakistan...

Kinh tế:

Trong tiết này tôi chỉ xin tóm tắt vài điểm về chính sách, mục tiêu, phương tiện và kết quả thôi. Tôi sẽ đưa rất ít thống kê và con số vì môn thống kê ở Trung Hoa chưa được chính xác lắm (chính họ nhận như vậy nên đã nhiều lần sửa con số đã đưa ra), vả lại những con số đó không đưa cho ta một ý niệm gì cả vì theo chỗ tôi biết, chưa có sử gia nào so sánh những tiến bộ của Trung Hoa với những tiến bộ ở các nước khác như Âu, Mỹ, nhất là ở các nước được phát triển như Trung Hoa, chẳng hạn Ấn Độ, Miến Điện, Việt Nam.

Về kinh tế, Trung Hoa bị những bất lợi là thiếu vốn, thiếu kỹ thuật gia nhưng lại được cái lợi là được hưởng những công trình của Nhật để ở Mãn Châu, với một cơ sở kỹ nghệ vững chắc, từ đó lan ra các miền khác, có một đảng mạnh, bắt buộc được dân phải hy sinh; sau cùng là được Nga giúp cho về vật chất lẫn kinh nghiệm.

Như trên tôi đã nói, từ năm 1950 đến năm 1957 (hết kế hoạch năm năm đầu). Kinh tế tiến triển rất mau, trừ 1958 đến 1962, suy thoái về chính sách nhảy vọt, từ 1963 lại bắt đầu phục hồi nhưng chậm, phải 7 năm mới trở lại mức sống như năm 1957. Vậy là từ 1957 đến 1970, Trung Hoa giậm chân tại chỗ.

a. Nông nghiệp (hiểu theo nghĩa rộng là trồng trọt, hoa màu, kể cả cây kỹ nghệ nữa như bông, vải)

Năm 1960, Trung Hoa có 110 triệu ha trồng trọt (1/12 diện tích) và 600 triệu dân, trung bình 1 ha cho 6 người dân làm vì thiếu đất, máy móc, phân bón (Nhật dùng phân bón gấp 10 lần Trung Hoa), nên năng suất của nông dân rất thấp, 1 người làm chỉ nuôi được 3 người, bằng 1/12 nông dân Mỹ.

Phương pháp canh tác không thay đổi, thiếu máy móc phải khai phá thêm đất đai, làm thêm công việc thủ lợi, nhưng tới năm 1970 Trung Hoa vẫn chưa đủ thực phẩm, phải mua thêm lúa của Úc, Canada 5-6 triệu tấn mỗi năm, giá vào khoảng 400 triệu Mỹ kim Việt Nam năm 1980 cũng như Trung Hoa, thiếu thực phẩm, Thái Lan, Miến Điện có dư để xuất cảng.

a. Kỹ nghệ

Mao theo đúng lý thuyết kinh tế của cộng sản: chú trọng đến sự phát triển kỹ nghệ nặng trước hết vì hai lẽ:

- Kỹ nghệ nặng sẽ kéo theo các kỹ nghệ nhẹ giúp cho canh nông như sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, máy cày, máy giặt, ...
- Mao muốn cho Trung Quốc trở thành một cường quốc, có khí giới tối tân nhất, nghĩa là ông vẫn muốn phát triển kỹ nghệ chiến tranh nhưng không cho biết đã thực hiện được những gì.

Tài nguyên thiên nhiên Trung Hoa chắc là nhiều nhất Châu Á nhưng hình như kém xa Mỹ và Nga. Than đá khoảng 600 tỷ tấn, ở miền Bắc là chính; dầu lửa: 1700 triệu tấn ở Cam Túc, Tân Cương, Mãn Châu chưa đủ dùng.

Khoáng sản có sắt, atimoin, bismuth, tungstène, uranium, thiếc, đồng, nhôm; trữ sắt ở miền Bắc còn tất thảy ở miền Nam và tây Nam khai thác khó.

Sau năm 1958, kỹ nghệ nhẹ cũng thụt lùi, nhất là từ khi Nga rút kỹ thuật gia về.

Nga năm 1950 cho vay 300 triệu Mỹ kim trả làm năm năm, năm 1954 cho vay 540 triệu rút trả làm tám năm; năm 1959 cho vay thêm 5 tỷ rút trả làm chín năm, nhưng Trung Hoa dùng một số lớn để giúp Bắc Hàn, Việt Nam, Mông Cổ, ... gây uy tín với những nước đó.

#### b. Chuyên chở

Phát triển nhất là đường xe lửa. Năm 1967, Trung Hoa có khoảng 32.000 cây số đường xe lửa, nhiều nhất ở đường Tây Bắc (coi bản đồ). Đường xe hơi thì được 440.000 cây số nhưng chỉ một phần tư là dùng được quanh năm. Kỹ nghệ xe hơi đã có từ năm 1956 và trong hai năm sau sản xuất được 16.000 cam nhông.

Họ ráng đóng tàu chạy trên sông và trên biển, chưa được bao nhiêu. Ngành hàng không chưa lấy lại được mức năm 1949.

#### c. Ngoại thương

Thụt lùi nặng. Xuất cảng năm 1959 được 2.230 triệu Mỹ kim, năm 1962 còn 1.510 triệu, năm 1964: 1.670 triệu. Nhập cảng cũng vậy, năm 1959: 2.065 triệu, năm 1962 còn 1.160 triệu, năm 1964: 1.335 triệu.

Trung Hoa giao dịch với Tây phương mỗi ngày một tăng, với khối chủ nghĩa xã hội mỗi ngày một giảm.

#### b. Các công trình lớn

Cùng việc đầu tiên là chống lụt, Trung Hoa có 2.400.000.000 mẫu (mỗi mẫu vào khoảng 750 thước vuông) có thể trồng trọt được, mà chỉ có 1.470.000.000 (non 2/3) đã thành ruộng. Cần nhiều công trình thủy lợi cần khai thác những chỗ còn bỏ hoang.

Công trình thủy lợi lớn nhất là cánh đồng sông Hoài. Năm 1949, miền đó bị lụt lớn, cả triệu dân đói nên chính quyền bắt tay vào liền, huy động bốn triệu dân đắp đê, đào kinh, khai thông khắp miền bị lụt. Vậy là từ năm 1955 đến nay cứu được cả triệu dân khỏi bị nạn. Phải đắp ba cái đập ngăn nước từ các sông nhỏ chảy vào, tạo mười cái hồ lớn giữa nước vét lòng sông... đáng kể là

một công trình vào hàng lớn trên thế giới.

Sông Hoàng Hà là cái hoạ từ thời thượng cổ của dân tộc Trung Hoa. Mấy ngàn năm trước đã có vài ông vua nghĩ cách vét sông mà không đắp đê nữa. Vì đắp đê mà không vét sông thì mỗi ngày lòng sông dân cao lên, cao hơn mực đất trong đồng, có chỗ (Son Đông) tới bảy thước hể vỡ một khúc đê nào là tai hại cho dân không sao kể xiết, hơn nữa dòng sông thay đổi theo một hướng khác. Từ khi có sử tới bây giờ nó đã đổi dòng tới 24 lần, khi thì đổ vào Bột Hải như ngày nay khi thì chảy về phía Nam, đổ vào Hoàng Hải như năm 1954. Trung bình cứ 10 năm vỡ đê bốn lần, mà mỗi lần vỡ đê là hàng triệu người chết.

Mao Trạch Đông quyết tâm chế ngự nó. Ông tính từ năm 1957 đến cuối thế kỷ xây 46 cái đập từ thượng lưu tới hạ lưu thành một cầu thang cao 850 mét, dài 3. 600 cây số, xây cất nhiều cửa nước để thuyền, tàu đi lại được (vì mùa khô lòng sông cạn, không chở được thuyền). Đến lúc đó thì một cánh đồng hoàng thổ rộng bằng một nửa nước Pháp sẽ không bị lụt nữa, rất phì nhiêu. Có người đã bảo “nếu chính quyền nước cộng hoà dân chủ chỉ làm được bấy nhiêu thôi thì cả dân tộc Trung Hoa sẽ mang ơn hàng ngàn năm sau rồi”. Nhưng các nhà chuyên môn cho rằng công trình đó khó mang lại kết quả như ý mà rất tốn kém. Hoàng Hà là con sông có nhiều phù sa nhất thế giới (trung bình 1. 600 triệu tấn mỗi năm). Phải làm nhiều công trình kiến trúc đào đất, đào hầm, đào kinh trong núi để tháo nước trong các hồ chứa nước phía trên các đập cho thật mau, nếu không thì phù sa sẽ lắng xuống, chỉ một hai chục năm là đập không dùng được nữa.

Nay Mao Trạch Đông đã chết công trình đó sẽ được tiếp tục hay không?

Miền sông Dương tử cũng được sửa chữa lại đê, đào thêm kinh, đưa nước vô ruộng.

Muốn giảm nước lũ thì phải trồng lại rừng. Cộng sản tính trồng lại bốn khu rừng ở Đông Bắc và miền Trung. Có khu ài 1. 100 cây số, rộng 300 cây số. Dọc bờ sông Hoàng Hải cũng sẽ trồng 600 cây số rừng để ngăn bão.

Kinh Hồng Kỳ. Để đưa nước vô miền Linhsien (1), (Vụ đào kinh này tôi chỉ thấy Simon Leys kể trong cuốn *Ombres Chinoises* xuất bản năm 1975. Các cuốn khác không nói tới. Không biết công trình đó đã thực hiện xong chưa) người ta bắt một con sông phải đổi dòng, chui qua một dãy núi rồi chảy vào lòng sông nhân tạo đục và xây ở sườn núi. Công việc hoàn toàn bằng tay người dân trong miền, không dùng máy móc cũng không nhờ tới kỹ sư. Người ta tính phải dùng cả trăm triệu dân làm trong mười năm để đào được 1. 500 cây số kinh, phá núi, đồi, xây 134 đường hầm, 150 cống nước, chuyển 16 triệu thước khối đất và đá. Có thể dùng máy nhưng Mao không muốn. Các du khách ngoại quốc tới coi đều ngạc nhiên, cho là Mao điên, không hiểu rằng ông muốn hậu thế nhớ bài học của ông: hể có tinh thần tin tưởng, cương quyết thì không công việc gì loài người không làm được. Bài học đó chính là bài học Ngu Công dời núi của Trung Hoa thời xưa, bài học của Tần Thuỷ Hoàng, của các pharaon (vua) thời cổ đại Ai Cập.

### Cầu Nam Kinh

Con đường xe lửa từ Bắc xuống Nam, tới sông Dương Tử vẫn phải đứt quãng để qua phà. Năm 1968 Mao cho xây cầu Nam Kinh dài 1. 600 thước, có hai bản cầu (tablier) một cho xe lửa, một cho xe hơi. Chín cột cầu phải xây trên những cái thùng (Caisson) rất lớn bằng bê tông cốt sắt, thả xuống đáy sông (cầu Doumeur) từ Hà Nội qua Gia Lâm cũng dùng những thùng đó nhưng

nhỏ hơn vì sông Nhị Hà chỗ đó cạn). Các kỹ thuật gia Âu Mỹ đều bảo phải dùng máy để thả thùng xuống, dùng sức người thì sẽ thất bại. Mao không nghe, dùng không biết bao nhiêu dân và làm được, mặc dầu gặp rất nhiều khó khăn, suýt thất bại. Ông ta dám nghĩ, tìm một lối mới, dám hành động và coi thường mạng người.

### Bom hạch tâm

Đây là thành công lớn nhất của cộng sản. Năm 1959 Nga không chịu chỉ cho Trung Hoa cách chế tạo bom hạch tâm. Mao quyết định tự làm lấy, kêu gọi hai nhà bác học chuyên về hạch tâm ở Mỹ về. Hai nhà này còn trẻ (Tchen Ning Lang, Tsung Lao Lee) được giải Nobel về vật lý. Bốn năm sau (1964) họ thử trái bom đầu tiên và thành công. Dân tộc Trung Hoa rất hãnh diện, từ đây không dân tộc nào ăn hiếp họ được nữa.

Năm 1970 họ đã có vệ tinh nhân tạo. Hiện nay lực lượng hạch tâm của họ chỉ thua Mỹ và Nga thôi.

### Ngoại giao

Chính sách ngoại giao của nước nào và thời nào cũng thay đổi như chong chóng, sớm đánh tối hoà, nay thù mai bạn. Tôi chỉ có thể ghi vài nét chính thôi.

### Nga – Hoa

Stalin vốn không ưa Mao, cho cộng sản của Mao là thứ cộng sản giả hiệu (communism à la morganine). Nhưng khi thấy Mao đuổi được Tưởng đi, uy tín phe cộng tăng lên mạnh, thêm được 5-6 trăm triệu dân nữa, phe tư bản do đó yếu thế đi, tất nhiên Staline mừng, thừa nhận ngay chính phủ cộng hoà nhân dân Trung Hoa và giúp Mao khá nhiều

Mao giúp Bắc Triều Tiên đánh Mỹ và Nam Triều Tiên, giúp Việt Nam đánh Pháp, đánh Mỹ. Năm 1954, thế của Trung Hoa càng tăng, sau hội nghị về Việt Nam (Genève), Mao giúp Ấn Độ. Năm 1955, ở hội nghị Bandoeng, Trung Hoa muốn lãnh đạo các nước chậm phát triển ở Á, Phi tuyên bố: “Trung Hoa sẽ không chiếm một thước đất của một đất nước nào”. Năm 1956, Chu Ân Lai đi thăm mười nước Á Châu, và thử tướng các nước Cao Miên, Lào, Mã Lai... lại Bắc Kinh đáp lễ.

Staline chết, Kroutchev lên thay, chỉ trích Staline là độc tài, hiếu sát, tự tạo cho mình một thần tượng...; rồi Kroutchev thay đổi chính sách, cởi mở cho dân một chút, hoà hoãn với Tây phương; Mao chê Kroutchev là theo đúng chủ nghĩa “xét lại”, không theo đúng Mác-Lê. Kroutchev chê lại bước nhảy vọt, công xã nhân dân của Mao. Năm 1957 Nga đã hứa giúp Trung Hoa chế tạo bom hạch tâm, năm 1959 nuốt lời hứa... những việc xảy ra đó việc nào là nguyên nhân chính sự bất hoà Nga – Hoa từ năm 1960 đến nay? Không ai biết được, chỉ thấy tháng 8/1960:

- Nga rút 500 (có sách nói 1000) kỹ thuật gia về, mới bắt đầu xây cầu Nam Kinh thì bỏ dở.
- Hoa bắt tất cả các sinh viên đang học ở Moscow phải về nước
- Trong hội nghị các nhà nghiên cứu phương đông ở Moscow, không một học giả Trung Hoa nào dự.

- Các lãnh quán Nga ở Trung Hoa đóng cửa hết.
- Nga giảm xuất cảng sắt, thép qua Trung Hoa để sang giúp Ấn Độ.

Và từ 1963, hai nước anh em đó bắt đầu mặt sát nhau kịch liệt. Mao tự cho mình mới theo đúng đường lối chính truyền. Kroutchev hỏi Mao dùng nông dân và tiểu tư sản làm cách mạng quốc gia thì chính truyền ở chỗ nào?

Kroutchev bảo có thể tránh chiến tranh toàn diện, sinh tử với tư bản được vì nếu có chiến tranh như vậy thì cả hai bên đều chết. Mao chê như vậy là ý chí cách mạng tiêu tan rồi, là sợ con “Cọp giấy” (Mỹ) cho rằng Trung Hoa dù có chết nửa số dân vì chiến tranh hạch nhân thì vẫn còn ba trăm triệu người. Kroutchev cho rằng Mao hiểu chiến, gây gỗ, nguy hiểm.

### Hoa - Mỹ

Nhưng kẻ thù số một của Trung Hoa thời đó là Mỹ. Mỹ chiếm Đài Loan, ủng hộ Tưởng Giới Thạch, cho một hạm đội mạnh đi tuần ở bờ biển Trung Hoa, Mao không yên tâm được; Mỹ đánh bại Bắc Triều Tiên và Trung Hoa; Mỹ không cho Mao vô Liên Hiệp Quốc thay Tưởng Giới Thạch. Mỹ giúp Ngô Đình Diệm rồi đem quân qua đánh Mặt trận giải phóng Miền Nam, muốn làm chủ bán đảo Đông Dương; nếu làm chủ thì sẽ bao vây Mao ở phía Đông (Đài Loan, Nam Triều Tiên) và ở phía Nam.

Khoảng 1971-1972, Mỹ Hoa bỗng kết thân với nhau làm cả thế giới chung hửng. Họ thoả thuận với nhau về Đông Dương rồi ư? Thoả thuận ra sao không ai biết. Rồi có hiệp định Pari năm 1973 giữa Bắc và Nam Việt, hai bên đình chiến, Mỹ rút hết quân về. Sau đó Bắc và Nam Việt lại choảng nhau tháng 5- 1975, Bắc chiếm hết Nam. Mỹ uất hận. Trung Hoa cũng vậy. Đầu năm 1979, Trung Hoa rút hết kỹ thuật gia ở Bắc Việt về. Bất lợi (Đặng Tiểu Bình tự nhận là thất sách) ủng hộ Pol Pot (cộng sản Cao Miên) chống lại Việt Nam. Việt Nam phải nhờ Nga giúp. Thế là Nga - từ 1905, trong cuộc chiến tranh với Nhật đã biết hải cảng Cam Ranh tốt thứ nhì trên thế giới - viện trợ cho Việt Nam kỹ thuật gia, quân sự gia, khí giới, tiền bạc... và có được một căn cứ quân sự tối quan trọng ở Đông Nam Á.

Mới mấy năm trước Trung Hoa là ân nhân của Việt Nam. Việt Nam nhờ viện trợ của Trung Hoa và Nga trong hai chục năm mới đuổi được Pháp, Mỹ, nay coi Trung Hoa là kẻ thù số một (Mỹ là kẻ thù số hai). Có gì bí mật trong vụ đó?

Đồng thời Trung Hoa kết thân với Mỹ, nhờ Mỹ giúp để hiện đại hoá cho. Nga ghét Mỹ và cũng ghét Hoa nữa dĩ nhiên, nhưng năm 1982 lại tỏ vẻ thân thiện với Trung Hoa, phái sứ giả qua ve vãn Bắc Kinh để phá tình hữu nghị Hoa Mỹ chẳng? Bắc Kinh đưa những điều kiện mà Nga không chấp nhận được. Còn Mỹ tuy thân với Trung Hoa mà vẫn giúp đỡ, che chở, bán vũ khí tối tân cho Đài Loan, thật rắc rối.

Tương lai bán đảo Đông Dương sẽ ra sao? Người ta bảo thời đại chúng ta là thời đại dân làm chủ. Người dân Trung Hoa, Nga, Mỹ, Việt Nam... có hiểu nguyên nhân của những vụ thân và thù, thù rồi thân của chính phủ nước mình với chính phủ nước khác không? Không hiểu được đường lối của chính phủ thì làm chủ cách nào? Nhà xã hội học Pháp Raymond Aron bảo tất cả các chính quyền dân chủ hiện nay đều là giả dối (hypocrite) hết.

### Các nước Á Châu



## Nhật Bản

Mao trước kia muốn kéo Nhật Bản về phía mình, nhưng đảng cộng sản Nhật không mạnh nên Mao không thành công. Gần đây, Mỹ và Hoa thân thiện với nhau, Nhật theo Mỹ nên cũng thân thiện với Trung Hoa của Đặng Tiểu Bình, (có màu sắc tư bản một phần rồi), nhưng hai bên chưa hợp tác chặt chẽ. Nhật chỉ lo phát triển kinh tế thôi, có lợi thì họ giúp mà hiện chưa thấy có lợi gì nhiều. Trung Hoa hứa cung cấp dầu lửa cho họ nhưng không giữ được lời vì sản xuất còn ít.

## Tây Tạng.

Năm 1954, Ấn và Hoa thân thiện với nhau, ký một hiệp ước thương mại và văn hoá về Tây Tạng. Ấn nhận Tây Tạng thuộc Trung Hoa và bỏ hết quyền của Anh ở Tây Tạng mà Ấn tự cho là được thừa hưởng. Vậy là Ấn nhượng bộ nhiều và Trung Hoa làm chủ lại ở Tây Tạng, cải tạo xã hội để chuyển lần qua xã hội chủ nghĩa. Nhưng năm 1959, dân Tây Tạng nổi lên ở Lhasa, Mao đàn áp dữ dội, Đại Lai Lạt Ma chạy trốn qua Ấn

Năm 1962, Trung Hoa chiếm miền Tây Tây Tạng mà Ấn bảo của Ấn, Hoa bảo của Hoa, biên giới miền đó khó định được rõ. Sự thực thì Tây Tạng, dân chúng về chủng tộc Hoa hơn gần Ấn, đất đai cũng vậy, mà về tôn giáo, tinh thần thì rõ ràng là chịu ảnh hưởng đậm của Ấn.

Trung Hoa tiến tới Assam, Ấn hoảng hốt, chống cự, la lớn, cả thế giới chú ý tới, phe thì bên Ấn, phe thì bên Hoa. Trung Hoa nhượng bộ vội rút quân về. Từ đó hai bên cãi cọ nhau trên một chục năm, chẳng đưa tới đâu. Rồi nó chìm lặn, người ta quên đi. Miếng đất đó hoang vu, gần như không có dân, không đáng cho họ tranh nhau.

## Mãn Châu

Năm 1950, Mao nhận Mãn Châu thuộc Trung Hoa và con sông Hắc Long Giang ở phía bắc làm biên giới giữa Nga – Hoa. Hai nước tính hợp tác để làm các công trình thủy lợi, tránh lụt cho các miền hai bên bờ. Nhưng từ khi hai nước hục hặc nhau thì cả hai bên cùng đem quân đóng hai bên bờ nhòm ngó nhau, thỉnh thoảng nã súng sang nhau, cũng như ở biên giới Bắc Việt nam hiện nay.

## Ngoại Mông

Từ thời Nga hàng năm 1913, Nga đã viện cớ Mông Cổ loạn lạc, đem quân lại dẹp, cho Mông Cổ tự trị, nhưng cắt ra một phần gọi là Ngoại Mông do Nga kiểm soát, mặc dầu vẫn thừa nhận nó thuộc Trung Hoa (hiệp định năm 1923).

Từ 1924, Ngoại Mông thuộc hẳn về Nga, thành một nước Cộng hoà Xô Viết, thần phục Nga. Kinh đô là Oulan Bator. Ngoại Mông được Nga giúp đỡ, chỉ bảo, che chở, cũng có các sứ thần ở các nước xã hội chủ nghĩa như Việt Nam chẳng hạn. Trung Hoa không hy vọng chiếm lại được, đó là một cớ cho Nga và Hoa xích mích với nhau.

## Châu Phi và Châu Mỹ la tinh

Năm 1955, Chu Ân Lai dự hội nghị các nước Á, Phi chậm tiến ở Bandoeng, gặp Nasser. Một năm sau, Trung Hoa và Ai Cập lập quan hệ ngoại giao với nhau. Trong vụ Ai Cập lấy lại kênh Suez, Trung Hoa tận tình giúp Ai Cập về tiền bạc và còn đề nghị đưa chí nguyện quân qua nữa. Từ khi Trịnh Hoà thám hiểm Ba Tư, Châu Phi ở thế kỷ XV (đời Minh) tới nay Trung Hoa mới lại



quan tâm tới Châu Phi.

Nhờ giúp Ai Cập mà uy tín của Mao tăng lên ở các nước Ả Rập. Trong hai năm 1957, 1958, Trung Hoa và các nước Syrie, Yemen, Soudan, Irak, Maroc thăm viếng lẫn nhau, ký các hiệp ước thân thiện với nhau. Thời đó Châu Phi sùng sức lên, Algérie đòi lại chủ quyền cho các thuộc địa ở Châu Phi. Các thực dân khác ở châu đó cũng dần theo Pháp. Không có thời nào thuận tiện cho cộng sản bằng, nhất là cho Trung Hoa vì đường lối của Mao thích hợp cho các nước nhược điểm hơn đường lối của Nga. Các nước đó không cần làm cách mạng vô sản; Cần phản đế, phản phong kiến trước đã, như Trung Hoa, như Việt Nam vậy.

Mà chính các nước ở Châu Phi cũng phục Trung Hoa, ưa Trung Hoa da vàng hơn Nga da trắng. Mao nắm lấy cơ hội, đưa kỹ thuật gia, cán bộ và tung tiền vào các cựu thuộc địa, giúp Algérie, Mali, Ghama, Guinée, Tanganika, Tchad,...

Cán bộ Trung Hoa sống giản dị, gần gũi với dân da đen hơn người Âu, mà không hiểu tại sao họ thất bại, lần lần phải rút về nước. Ngay các sinh viên da đen qua Bắc Kinh học mấy năm rồi cũng không ưa nổi người Trung Hoa. Có thể vì Trung Hoa cũng có óc kỳ thị, khinh thường người da đen; và cũng có thể người da đen thấy Trung Hoa nghèo quá (nhất là nữ sinh viên da đen ở Bắc Kinh càng thấy rõ tình trạng đó), không giúp đỡ được nhiều, không rộng rãi như thực dân da trắng, nên đâm chán họ.

Thất bại ở Châu Phi, Trung Hoa qua Châu Mỹ la tinh: Haiti, Paraguay, Guatemala, Salvador, Honduras, Uruguay, Colombie, Argentine,... ở các nước đó, họ không tuyên truyền chính trị, chỉ lo thương mại nhưng cũng không thành công, mặc dầu ở vài nơi, có sẵn một số Hoa Kiều từ vài ba ngàn tới 50. 000 (Perou).

Chỉ có CuBa từ thời Fidel Castrol cầm quyền là thân thiện với Trung Hoa, hai bên trao đổi đại sứ với nhau, thương thảo lập đường điện tín trực tiếp từ Thượng Hải đến Havana. Sở dĩ được vậy vì Cu Ba cũng là một nước cộng sản ghét Mỹ. Nhưng hiện nay Trung Hoa thân thiện với Mỹ mà Cu Ba thân thiện với Nga thì tình hình Cu Ba – Trung Hoa ra sao?

Xích mích Nga – Hoa

Đọc những trang trên chúng ta đã thấy Trung Hoa và Nga có nhiều lý do để xích mích với nhau, ngay từ thời Staline

### 1. Xích mích về đường lối

Staline theo đúng học thuyết Marx, dùng thợ thuyền để làm cách mạng. Mao Trạch Đông cho như vậy không hợp với hoàn cảnh Trung Hoa, một nước nông nghiệp, chưa có kỹ nghệ, lực lượng thợ thuyền rất yếu nên ông phải dựa vào nông dân làm cách mạng và ông thành công. Thực ra cuộc cách mạng của Trung Hoa chủ yếu là để diệt phong và phản đế, cũng như cuộc cách mạng Việt Nam. Công là của toàn dân, mà nông dân đông nhất, tới đại đa số vì ái quốc mà theo Mao chứ không vì học thuyết Marx. Khi thành công rồi, Mao mới chuyển nó thành cách mạng xã hội, sau một giai đoạn quá độ rất ngắn: 3 năm giai đoạn Tân Dân chủ (1949-1952). Vì công của thợ thuyền rất nhỏ nên đã xảy ra vụ ngược đời này: trong một làng nọ, các bần nông xử 26 người cộng sản và khai trừ 4 tên. Nhưng nông dân vẫn còn tinh thần tư hữu, không ưa chế độ tập thể, nên Đảng phải dạy chính trị cho họ hoà, chỉnh phong cho họ thường.

Staline chê Mao Trạch Đông là theo cơ hội chủ nghĩa, Mao chê lại Staline là theo giáo điều chủ nghĩa; và ngày nay ai cũng nhận ra rằng đường lối của Mao rất hợp với các xứ thuộc địa muốn giành lại độc lập, rằng Mao đã có công Hoa hoá chủ nghĩa Marx.

Trong tập “Nhật ký 1942-1945” (Sách đã dẫn), Vladimirov đã cho ta thấy rõ sự nghi kỵ, ghét ngầm nhau giữa Staline và Mao. Mao biết Vladimirov do thám cho Staline nhưng ngoài mặt phải niềm nở tiếp, mà ra mặt lệnh cấm cán bộ của mình giao du với cán bộ của Nga.

Ở Diên An thời đó có hai phe (không kể một nhóm lưng chừng); phe theo Mao gồm Khang Sinh, Trần Bá Đạt,...; phe theo cộng sản chính thống (theo Nga) gồm Vương Minh, Bác Cổ,... Mao rất ghét Vương, muốn đầu độc Vương nhưng không thành; rồi năm 1943, Mao làm một cuộc chỉnh phong để diệt phe theo Nga. Một phần năm đảng viên bị khai trừ, một số bị giết, một số tự tử.

Khi nào Staline thua Hitler, Mao tỏ vẻ khinh Staline ra mặt; nhưng về sau Nga thắng, Mao lại ve vãn Staline để xin viện trợ. Trước sau Mao vẫn muốn gần Mỹ hơn để xin vũ khí, chuẩn bị cho cuộc nội chiến, và có lẽ cũng để giảm bớt ảnh hưởng của Nga ở Viễn Đông, đừng cho nó hơn ảnh hưởng của Mỹ. Điều đó dễ hiểu: Trung Hoa có chung biên giới Đông Bắc với Nga còn Mỹ thì ở xa. Lại thêm tinh thần dân tộc của Mao rất mạnh. Staline biết vậy cho nên có cảm tình với Tưởng, ủng hộ Tưởng cho tới khi Tưởng bị Mao đánh bại.

## 2. Xích mích về ý thức hệ thời Kroutchev

Kroutchev tố Staline là độc tài, tàn nhẫn nên đổi Stalingrad thành Vogograd. Mao không ưa hành động đó của Kroutchev có lẽ cũng vì Mao độc tài. Kroutchev lại muốn hoà hoãn với tư bản, Mao cho như vậy là phản Marx, theo chủ nghĩa xét lại, là không tưởng, sợ con cọp giấy Mỹ.

## 3. Xích mích về quyền lợi, đất đai

Khi cách mạng Nga thành công, Lenine tuyên bố trả hết đất mà Nga hoàng đã chiếm của Trung Hoa. Điều đó không biết có thực hay không, tôi chỉ biết Nga đã xé bỏ hết các hiệp ước bất bình đẳng ký với Trung Hoa, nhưng vẫn giữ đất Nga hoàng đã chiếm được ở Ngoại Mông, Mãn Châu. Trung Hoa ức vì điều đó và hai bên thường gây nhau ở biên giới Mãn Châu (bên bờ Hắc Long Giang), đóng đồn gồm nhau, lâu lâu nã súng vào nhau.

4. Theo tôi, lý do quan trọng nhất là trên một thế giới, nhất là thế giới cộng sản không thể có hai mặt trời được. Mao tự cho là tài hơn Staline, thành công hơn Staline mà Trung Hoa đất tuy hẹp hơn nhưng dân đông hơn Nga. Mao phái Chu Ân Lai dự hội nghị tại Bangdoeng là có ý lôi cuốn những nước nhược tiểu Á, Phi về với mình và ông cho rằng đường lối cách mạng của ông mới thích hợp với các nước đó. Mao gây ảnh hưởng lớn ở Albanie (Đông Âu), gửi các phái đoàn qua giúp các nước ở Châu Phi mới thu hồi được độc lập, rõ ràng là tranh thế lực với Nga. Ông “nhảy vọt” lập công xã nhân dân để tỏ rằng Trung Hoa vượt được Nga, đánh lãnh đạo phong trào cộng sản trên thế giới. Ông thất bại, Nga mỉa ông, ông càng tức. Bây giờ Trung Hoa xích về phía Mỹ cũng để mau hiện đại hoá mà vượt Nga.

## Xã hội

a. Dân số: Từ thời Tần, hiện tượng dân số tăng mau vẫn là mối lo của nhà cầm quyền Trung

Hoa. Hai ngàn năm trước Malthus, Hàn Phi đã bảo một gia đình có năm người con thì qua thế hệ sau, 5 người con đó lại sinh một người 5 người con nữa, thành 25 người. Thực ra sinh con nhưng chưa chắc đã nuôi được hết. Ngoài bệnh tật ra, còn những thiên tai, chiến tranh nữa làm giảm bớt dân số đi. Hiện nay, theo các thống kê dân số Trung Hoa tăng khoảng 2% mỗi năm (Việt Nam cũng vậy, các nước Châu Âu khoảng 1%)

Năm 1953, Trung Hoa kiểm kê dân số được 602 triệu, trong số đó 7. 591. 000 ở Đài Loan.

Tăng lên 2% mỗi năm, thì năm nay 1982 dân số Trung Hoa tới 1 tỷ (dân số thế giới là 4. 6 tỷ và mỗi năm Trung Hoa phải nuôi thêm khoảng 20 triệu dân, thật là một gánh nặng cho nhà cầm quyền).

Năm 1950, chính quyền khuyến khích sự sinh sản, cấm ngặt thói giết con, nhất là con gái: nhận nước, bỏ ở lề đường, liệng cho heo ăn hoặc bán

con; và cho rằng nạn nhân mãn là một hiện tượng ở xã hội tư bản, không do thiếu thực phẩm để nuôi dân mà do xã hội hoá không công bằng. Mao muốn cho xã hội Trung Hoa càng đông càng có nhiều cánh tay để sản xuất, nhiều lính để ra trận.

Nhưng chỉ 4 năm sau (1954), Mao đã thay đổi ý kiến. Thấy dân số tăng mau quá, sản xuất khó theo kịp nên phát động chiến dịch hạn chế sinh đẻ. Ba năm sau, ông ra lệnh “Kiểm soát sinh đẻ”. Từ khi thất bại về bước nhảy vọt, rồi ba năm mất mùa liền (1959-1961) ông bảo dân dùng những phương pháp ngừa thai, khuyến khích sự phá thai, sự tuyệt tự chủng (stélesation), sự chậm chạp lập gia đình (Con trai 30 tuổi, con gái 25 tuổi).

Nhưng dân chúng ít người theo, kết quả không được bao nhiêu. Từ 1968, lại phát động phong trào: mỗi gia đình có hai con là vừa đủ. Chính phủ dùng những biện pháp mạnh: ở vài thị trấn, những gia đình có 3 con thì vợ chồng có thể bắt buộc phải sống xa nhau, làm mỗi người một nơi, cách nhau cả mấy trăm cây số, không được sống với con, không có nhà ở, chồng phải sống tập thể với đàn ông, vợ với đàn bà. Lần này có kết quả nhưng chậm. Và cuối thế kỷ, Trung Hoa có thể có tới 1. 5 tỷ dân (1)

(1) Từ 1983, mới có tin chính phủ TH lệnh mỗi cặp vợ chồng chỉ được có một con thôi, nhiều gia đình nếu con đầu là gái thì nhận nước cho chết để chờ sinh con trai. Nếu thi hành chính sách đó thật gắt thì tới năm 2000 dân số sẽ đứng lại ở khoảng 1 tỷ. Nhưng tôi chắc những người mẹ sinh từ 3 đứa con gái trở lên sẽ thác loạn tinh thần, có thể tự tử. Rồi từ năm 2000, dân số sẽ xuống mạnh; lúc đó dân tộc TH sẽ suy nhược (và phải đối phó với nhiều vấn đề rắc rối, gái thiếu, trai thừa, người già nhiều quá, thành một gánh nặng cho người trẻ... ). Hiện nay sinh suất của dân tộc Pháp là 1. 3 (nghĩa là mỗi gia đình chỉ có 1. 3 đứa con thôi) mà họ đã lo cái nạn suy nhược và thiếu người làm lao động bằng tay chân, phải dùng nhiều lao công Algérie. Trong khi đó thì dân số Nga vẫn tăng đều đều...

Dân thiểu số ở Trung Hoa được khoảng 35 triệu người, 6% dân toàn quốc; một số miền nam như người Miêu ở Hồ Nam, Thái ở Vân Nam, một số ở miền núi hoặc một nửa sa mạc ở Tây Bắc, như người Mông Cổ, Mãn Châu, Hồi Hột, Tây Tạng... Trung Hoa khác hẳn với Nga, không cho những dân thiểu số có quyền tự quyết, phải bỏ tinh thần dân tộc hẹp hòi đi mà thống nhất với người Hoa, như vậy cùng hợp lý vì từ thời dân chủ họ đã sống chung với người Hoa, đã Hán hoá khá nhiều rồi. Nhưng theo hiến pháp năm 1954, họ được tự trị, có được 200 ghế ở quốc hội, được khuyến khích giữ ngôn ngữ và vài hình thức tổ chức xã hội của họ.

Hoa Kiều ở hải ngoại được khoảng 12 triệu, nhiều nhất ở Đông Nam Á (3. 5 triệu ở Thái Lan, 2. 5 triệu ở Mã Lai và Singapore, 1. 6 triệu ở Indonexia, 0. 8 triệu ở Đông Dương) làm ăn phát đạt, tiến bộ về kiến thức, vẫn hướng về tổ quốc, một số theo cộng, một số theo quốc. Bắc Kinh đối với họ có thái độ khôn khéo, hiểu biết, kiên nhẫn vì còn chính phủ quốc dân đảng ở Đài Loan thì còn cần giữ tình cảm của họ.

Từ 1950 đến 1955 có phong trào dân di cư từ nông thôn ra thành thị, và dân thành thị tăng lên từ 10 đến 15% số dân trong nước. Trong thời công xã nhân dân, số dân đó còn tăng mau hơn. Vào khoảng 1965, có 100 triệu dân ở các thị trấn, với khoảng 30 thị trấn trên nửa triệu dân và 13 thị trấn trên 1 triệu dân. Chính quyền gắng phân tán các xí nghiệp, phân xưởng về nông thôn, kỹ nghệ hoá làng mạc để hạn chế sự di cư đó.

Chế độ đại gia đình đương suy tàn rất mau, một phần vì sự kỹ nghệ hoá, một phần vì sự truyền bá ý thức hệ cộng sản, sự ban hành luật lệ mới về hôn nhân.

### Đời sống của dân

Xét chung thì xã hội Trung Hoa có công bằng hơn xã hội xưa ít nhiều, giai cấp thấp nhất đỡ đói rách, bị ức hiếp, hạng bần cố nông không còn, hễ siêng năng thì đủ ăn nhưng các cán bộ cao cấp vẫn sung sướng, được ưu đãi, đặc quyền rất nhiều, mức sống rất cao.

Đảng luôn luôn xen vào đời tư của cá nhân, bóc lột giới lao động để kiến thiết quốc gia, nhất là trong thời nhảy vọt và công xã nhân dân, bắt họ phải hy sinh triệt để cho đảng nhưng đảng cũng cho họ hưởng được an ninh trật tự xã hội tùy theo khả năng của quốc gia; lập nhiều dưỡng đường, nhà nuôi người già (từ 1951), nhà nuôi trẻ em, nhà nghỉ mát... như vậy có lợi cho dân mà cũng có lợi cho chính phủ.

Chính phủ rất quan tâm tới giáo dục, nhất là giáo dục chính trị, giáo dục thương nghiệp. Nạn mù chữ năm 1966 chưa diệt xong nhưng số học sinh đã tăng lên mau.

Niên khoá 1952-1953 1959-1960

Ở tiểu học 51 triệu 90 triệu

Ở Trung học 3. 145 triệu 12. 900 triệu

Ở Đại học 194. 000 810. 000

Như vậy tiểu học tăng gấp hai, trung và đại học tăng gấp 4 lần trong 7 năm.

Các trường kỹ thuật tăng lên ít hơn; năm 1952-1953: 636. 000 học sinh, năm 1957-1958 (5 năm sau): 785. 000 học sinh.

Chính phủ cộng sản tiếp tục công việc của quốc dân đảng, thử dùng mẫu tự la tinh để thống nhất cách phát âm các chữ theo giọng Bắc Kinh, bắt toàn quốc phải dùng cách đó, đem dạy ở các trường tiểu học, kết quả chưa đáng mừng vì còn gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác chính phủ cũng giản dị hoá lối viết (tức như viết tắt) của một ngàn chữ nhiều nét quá.

Không kể thời nhảy vọt và công xã nhân dân, nông dân, thợ thuyền phải làm việc quá sức, có lòng oán chính phủ, còn những thời bình thường thì đời sống của họ được đảm bảo hơn thời

quốc dân đảng. Năm nào mất mùa thì họ cũng đói nhưng chắc không chế nhiều như xưa. Mỗi năm họ cũng bán được cho một ít vải lanh màu xanh lam, toàn dân dùng một màu đó.

Rất ít thịt, cá nhưng gần có đủ gạo để ăn với cải bẹ mà họ trồng khắp nơi, mỗi năm bốn mùa. Cũng như ở nước ta, sự phát gạo đáng gọi là công bằng: người lao động nặng thì được 20kg mỗi tháng, người làm việc trí óc được ít hơn, người không còn sức lao động thì ít hơn nữa. Trung bình thì mỗi người cũng được 2000Kcal thực phẩm mỗi ngày (ở phương tây, phải 3000-3500Kcal).

Hạng cán bộ đảng viên được ưu đãi. Một cán bộ đảng viên trong nhà máy, vợ làm hợp tác xã, có mẹ già, hai con được một căn nhà gần đầy đủ tiện nghi tối thiểu: bếp, cầu tiêu, có đèn điện, máy thu thanh, thỉnh thoảng được phát sữa, thịt... như vậy là tiến bộ hơn thời trước.

Cũng có cảnh chợ trời như ở Nga thời trước, ở nước ta bây giờ, nhưng đa số là trẻ em đứng bán vì không bị cảnh sát đánh đập, bắt bớ, chỉ xua đuổi đi thôi. Cảnh sát đi thì chúng lại quay lại.

Những nạn hối lộ, cho vay nặng lãi, nợ đời cha tới đời con, nhất là tệ nghiện thuốc phiện nếu chưa triệt được hẳn thì cũng giảm nhiều rồi. Xã hội lành mạn hơn, rất ít người thất nghiệp, ở không.

Con cái họ được nâng đỡ, học tới trung học, đại học nếu đủ tư cách, mặc dù trong khi học có hồi phải chịu nhiều thiếu thốn. Có trường hợp sinh viên đại học ở Bắc Kinh đói, phải xin thực phẩm và quần áo của sinh viên ngoại quốc (đa số là Châu Phi, Châu Á) vì tiêu chuẩn của người ngoại quốc cao hơn họ nhiều, gấp bốn, gấp năm; đó là chính sách chung của các nước xã hội chủ nghĩa.

Tôi nhắc lại, đó là trong thời bình thường, không bị thiên tai, hạn hán, lụt... và ở những miền trung bình, không nghèo, không giàu. Tại Cam Túc, một tỉnh rất nghèo, thời Tưởng Giới Thạch dân mặc toàn áo vá, ăn thì chỉ có cơm với muối, không biết đời sống của họ đã được cải thiện phần nào chăng?

Sau bước nhảy vọt, kinh tế suy sụp, lại gặp ba năm đói kém liên, năm 1961, có chỗ (Tràng Sa ở Hồ Nam) dân đói quá phải ăn cỏ, đánh cướp xe chở rau cho cán bộ. Mỗi người dân chỉ được phát 6 tấc tây (tức 2 thước Trung Hoa) vải mỗi năm đủ để vá quần áo. Sinh viên Bắc Kinh 3 năm liền không được ăn thịt, có lần 3 tháng liền không có gạo, phải ăn khoai, bắp. Học bổng của học là 10 viên (bằng 20 quan Pháp) một tháng, còn sinh viên ngoại quốc được 100 viên, bằng lương viện trưởng, gấp 2. 5 lần lương giáo viên. Nội trú đại học bản kinh khủng. Trong thời đó, ở Bắc Kinh người nghèo đi lượm đồ phế thải của ngoại nhân (để viết trang này tôi dùng tài liệu của Fernand Gigon và E. J. Hevi – coi mục lục sách tham khảo).

Dân Trung Hoa có thực sự hạnh phúc không?

Người Âu nào đi du lịch ở Trung Hoa về cũng được ban bè hỏi người dân Trung Hoa có hạnh phúc không?

Sung sướng hay không còn là tùy tâm lý, cá tính của con người hơn là tùy ở hoàn cảnh nên câu hỏi đó gần như vô nghĩa.

Dân tộc Trung Hoa có đặc tính là yêu đời, vui vẻ, không ủ rũ mà cũng không lạnh lùng như dân tộc Anh chẳng hạn. Bertrand Russel, một triết gia Anh qua thăm Trung Hoa năm 1920 kể lần



ông đi thăm cảnh ở Tây Hồ ở Hàng Châu. Hôm đó trời nắng gắt, bọn phu khiêng kiệu cho ông leo những đường dốc hiểm trở để lên một ngọn núi, thấy họ hỗn hển, gắng sức, cực khổ mà ông thương hại. Nhưng khi tới ngọn rồi, họ nghỉ một lát để thở. Tức thì họ quây quần lại, lấy ống điếu ra hút, cười nói vang lên như đòi họ hạnh phúc lắm, không phải lo lắng gì cả. Bertrand Russel khen họ. Lỗ Tấn mỉa ông ta: “Tôi không biết ông ấy muốn nói gì. Tôi chỉ biết một điều là nếu những tên phu đó biết đau đớn về thân phận của mình thì Trung Hoa đã thoát khỏi cảnh điều đúng từ lâu rồi”.

Han Suyin trong cuốn *Un éte Sans oiseaux*, cũng than thở cho cảnh phu khiêng kiệu cho các quan lớn và khách ngoại quốc mà leo dốc Trùng Khánh và cũng thấy chính bọn phu đó hể tới nơi là chuyện trò, nuốt một cục xái thuốc phiện.

Lâm Ngữ Đường trong *the importance of living* bảo nhờ có tinh thần Lão trang đó, trong cảnh nào họ cũng tìm được cái vui mà dân tộc ông không bị bệnh thần kinh như người phương Tây và tồn tại đến ngày nay mặc dầu trải qua bao nổi gian truân. Để đói rồi mới ăn thì thức gì cũng ngon như nem công chả phượng, lời đó đúng.

Bình dân Trung Hoa cũng như bình dân các nước kém phát triển khác, không đòi hỏi gì nhiều; hễ có cơm cho đủ no bụng, có áo đủ che thân mà không bị bắt bớ, tra hỏi thì họ cho là sung sướng rồi. Họ không cần máy khâu, máy ti vi, ngay đến khi đau ốm họ cũng không cần thuốc ngoại quốc, uống bậy bạ mấy lá cây trong vườn, nếu không khỏi bệnh mà có chết thì họ cũng không oán trách ai, cho là tại số.

Như vậy ta có thể coi dân Trung Hoa dưới thời Mao Trạch Đông rất sung sướng, trừ những năm Mao “nhảy vọt” và lập công xã nhân dân. Vì trong những năm đó Mao đòi hỏi họ quá nhiều: bỏ miếng đất riêng của họ, bỏ cả vợ con họ nữa, làm việc như mọi, năm này qua năm khác để xây dựng một xã hội mà họ thấy không khác gì một trại lính, một ổ ong hay ổ kiến vĩ đại

Tâm lý của họ sau hai mươi năm bị Mao Trạch Đông nhồi sọ cả ngày lẫn đêm, cơ hồ không thay đổi gì cả. Ngay đức số 1 – theo Hồ chí Minh - của con người xã hội chủ nghĩa, tức đức chí công vô tư, bỏ cá nhân chủ nghĩa, bỏ tư hữu đi, chỉ nghĩ đến lợi ích chung. Nông dân thì săn sóc trăm thước vườn riêng của mình rất siêng năng (1) mà lơ là với ruộng chung của hợp tác xã, thiếu nữ thành thị kén chồng phải có ba quay (San chuan): đồng hồ, xe đạp, máy may. Tôi không biết thiếu nữ ở Nga kén chồng ra sao nhưng báo chí Tây phương bảo phụ nữ Nga muốn có căn nhà riêng ấm cúng cho vợ chồng với đầy đủ tiện nghi chứ không ưa đời sống tập thể; họ thích làm công việc bếp núc hơn làm thợ trong xưởng, cũng phấn son, dầu thơm, nhạc, tiểu thuyết, phim phương tây....

(1) Phần đất vườn phát cho họ làm riêng chỉ bằng 5% số ruộng vườn trong nước mà lại sản xuất được 25% thực phẩm cho toàn quốc.

Bản tính con người có thể thay đổi được. Nhà nhân chủng học Margaret Mead đã thấy ở Thái Bình Dương một bộ lạc mà đàn bà y như đàn ông ở các nước văn minh, còn đàn ông thì cũng yếu đuối làm những công việc nhẹ, trang điểm y như đàn bà... bản tính đàn ông, đàn bà ngược hẳn nhau.

Vậy cái mà ta gọi là bản tính không phải do thiên nhiên mà do con người, do xã hội tạo ra, nhưng phải lâu lắm, cương quyết trong vài trăm năm, mười thế hệ liên tục, không gián đoạn. Mà ở Nga, sau khi Staline chết cách mạng mới được non bốn chục năm đã hơi thay đổi rồi, chính



sách đã bị Kroutchev “xét lại”, còn ở Trung Hoa Mao Trạch Đông mới thực sự cầm quyền được mười năm sau khi công xã nhân dân thất bại, Lưu Thiếu Kỳ cũng không theo Mao nữa, phải cởi mở cho dân, như vậy thì làm sao có thể thay đổi tâm lý, bản tính của dân được?

Tháng 12. 1982, có tin Đặng Tiểu Bình, năm 1969 bị Mao xử tội. Mao có lý khi chủ trương cứ 10 năm làm lại cuộc cách mạng văn hoá cho tới 1000 năm. Nhưng việc đó không sao làm được. Thế giới thay đổi hoài chứ. Đặng nay lãnh đạo Trung Hoa đã xé bỏ hiến pháp năm 1954 của Mao, đưa ra một hiến pháp mới được Quốc hội chấp nhận, cho dân tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do chỉ trích chính phủ, tự do hội họp... (tôi chưa rõ kinh tế được tự do tới mức nào). Đặng và Đảng đã xích lại gần tư bản Tây phương, cách mạng vô sản đã biến thành cách mạng tiểu tư sản chăng? Sự nghiệp của Mao Trạch Đông còn gì nữa đâu?

Brejev ở Nga chết rồi, Andropov lên thay chức Tổng bí thư đảng (1982), cả hai đều muốn sống chung hoà bình với Mỹ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa, chư hầu của Nga ở Đông Âu, hai chục năm nay vẫn thân thiện với phe tư bản Âu, Mỹ, muốn – nhưng có lẽ còn ngại Nga – phát triển kinh tế theo lối tư bản. Theo điều đó thì qua thế kỷ sau, rất có thể cộng sản chỉ còn phơn phớt hồng, thành một thứ như đảng xã hội của Mitterand của Pháp. Marx và Hegel cho rằng có luật chính (thèse) rồi phản (antithèse) sau cùng là hợp (synthèse). Sắp tới lúc hợp rồi chăng? Như vậy đáng mừng cho nhân loại.

## Văn học

Tôi không xét về khoa học, khảo cổ học, kiến trúc, hoạ... vì các ngành đó không phát triển được bao nhiêu trong thời 1950-1976 (năm Mao chết), và đều bị chính trị chi phối, phải theo truyền thống cách mạng, theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, phải thực tế, hiện thực, phục vụ nhân dân... (coi *La Chinese* của Roger Levy – PUF)

Dưới đây tôi chỉ tóm tắt điểm chính về đường lối và hiện thực văn học Trung cộng trong cuốn Văn học Trung quốc hiện đại, tập II của tôi, xuất bản năm 1969 (1).

(1) NXB văn học, tái bản năm 1983

Tôi xét tiếp vào hai giai đoạn sau

Thời chống Nhật và thời nội chiến (1938-1949)

Năm 1937, sau vụ Tưởng Giới Thạch bị bắt cóc ở Tây An mặt trận thống nhất Quốc - Quốc thành lập để kháng Nhật. Năm sau, Hiệp hội Trung Hoa toàn quốc văn nghệ giới kháng địch cũng thành lập một cách chính thức. Lão Xá, một cây bút hơi thiên tả, được cả tả lẫn hữu tín nhiệm bầu làm chủ tịch. Quách Mạt Nhược mới ở Nhật về, Mao Thuần, Ba Kim phụ trách cơ quan chính của hội là Tạp chí Kháng chiến văn nghệ xuất bản ở Trùng Sa, sau dời lên Trùng Khánh.

Tuyên ngôn của Hội: “Cần thiết thực đi vào nhân dân, cần ra mặt trận để phát động quần chúng, động viên binh sỹ, lực lượng văn nghệ phải hoà với tiếng súng, nhất tề đánh vào lưng quân thù”.

Nhiều nhà văn hăng hái ra tiền tuyến, kích thích tinh thần kháng chiến của nhân dân, an ủi chiến sỹ. Họ diễn thuyết, soạn kịch, diễn kịch, viết tiểu thuyết, làm bài ca ái quốc. Một số người có tài văn sáng tác được những tác phẩm có giá trị như Mao Thuần, Ba Kim, Lão Xá, Thẩm

Tòng Văn... nhưng xét chung vì mục đích họ cần viết mau nên không tránh khỏi có những tác phẩm viết theo công thức, thiếu tính nghệ thuật.

Tuy là Quốc Cộng hợp tác nhưng Cộng vẫn ở Diên An, theo đường lối riêng. Năm 1938, Mao nêu lên “Phương hướng nông công binh”, văn nghệ sỹ phải phục vụ giới lao động tức nông dân, công nhân, binh sỹ,,, phải đề cao cuộc đấu tranh của lao động.

Mao lại phân tích quan hệ giữa tiêu chuẩn chính trị và tiêu chuẩn nghệ thuật: “Bất kỳ giai cấp nào trong xã hội cũng luôn luôn lấy tiêu chuẩn chính trị làm đầu, tiêu chuẩn nghệ thuật làm thứ yếu”

Đó là chủ trương hồng, phải quan trọng hơn chuyên về lĩnh vực văn nghệ.

Mao nhấn mạnh vào điểm này, văn nghệ không mạnh hơn được chính trị mà phải phục tùng chính trị của giai cấp vô sản.

Phục vụ cách nào? Quần chúng Trung Hoa cũng như quần chúng Việt Nam thời tiền chiến, đại đa số còn thất học, và chỉ thưởng thức được câu ca dao, tuồng hát bội, truyện lịch sử, kiếm hiệp. Thơ và kịch của Quách Mạt Nhược, tiểu thuyết và tạp văn của Lỗ Tấn, mặc dầu viết bằng bạch thoại họ cũng không hiểu nổi, nói chi đến sáng tác của những văn sỹ chịu ảnh hưởng nhiều của phương Tây. Vì vậy, Mao bảo phải trở về “những sáng tác của dân tộc”. Tất nhiên những hình thức Mao nói đó không phải là những thể thơ luật, phú, biến ngẫu, mà là những thể ca dao, tuồng đời Minh, đời Nguyễn.

Chẳng những đa số các nhà văn phe hữu mà một số nhà văn phe tả cũng thấy tình trạng này có hại cho văn học, nghệ thuật.

Mao lại bảo phải tiếp thu văn hoá truyền thống của dân tộc để làm kinh nghiệm khi sáng tác. Tiếp thu không có nghĩa là “phục cổ” mà phải phê phán trong số vốn cũ đó, phần nào hủ bại thì bỏ, phần nào có tính cách dân chủ, cách mạng thì giữ.

Nhưng các văn hào thời Đường, Tống làm sao có những tư tưởng, tác phong luôn luôn đúng với đường lối Mác – Lê được, cho nên cộng sản một mặt tiếp thu nghệ thuật của họ, một mặt cảnh giác, nhắc nhở hoài là họ bị giai cấp và thời đại hạn chế, vẫn có ít nhiều khuyết điểm mà ta phải nhận định cho chính xác.

Rồi sau cộng sản chẳng cần cần thận như vậy, cứ giải thích ngược lại rằng những điểm trước kia họ coi là trái với đường lối của họ. Thực ra không phải là khuyết điểm mà là ưu điểm, rất hợp với đường lối mới. Cho nên, trước họ chê Lý Bạch là lãng mạn, tiêu cực thì nay họ khen là lãng mạn tích cực, nghĩa là lãng mạn mà vẫn có tính cách phản đối xã hội đời Đường. Còn như Hồng Lô Mộng của Tào Tuyết Cần, đầy rẫy những đoạn tả tình uỷ mị giữa Giả Bảo Ngọc và cô em họ Lâm Đại Ngọc trong một gia đình phong kiến sa đọa thì được họ đề cao là có tính cách hiện thực, phản phong tích cực, đề cao sự giai cấp đấu tranh. Khiến cho Du Bình Bá, tác giả bộ “Hồng Lô Mộng nghiên cứu” rất nổi tiếng, chỉ vì không theo đúng chỉ thị của Đảng, cứ giữ ý kiến rằng Hồng Lô Mộng chỉ là tự tuyện của Tào Tuyết Cần, chỉ diễn tư tưởng “sắc không” của Nhà Phật chứ chẳng có tư tưởng cách mạng gì ráo, mà bị mạt sát là phải nhận tội, hứa sẽ học tập thêm, cải thiện lần lần.

Thật ra họ nói xuôi nói ngược gì cũng được hết. Con ngựa họ bảo là con dê thì người cầm bút

cũng phải bảo là con dè.

Trong thời kháng Nhật và thời nội chiến này, phía Cộng có hai tiểu thuyết gia khá nổi tiếng: Đinh Linh và Triệu Thụ Lý đều theo đúng lý thuyết của Mao.

Đinh Linh là tác giả truyện Thái dương chiếu tại Tan Cang hà thượng, viết về chiến dịch cải cách điền địa mà tôi giới thiệu ở trên.

Triệu Thụ Lý cũng được một giải văn chương của Đảng cộng sản, được đảng đề cao vì nội dung lành mạnh, lời văn bình dân. Tác phẩm chính của ông là truyện Tam Lý Loan, viết sau 1949 tả sự chống đối của nông dân trong việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Rốt cuộc, nhờ tận tâm và khéo léo, cán bộ khắc phục được bốn phản động và cả làng hợp nhau, quyết định vô hợp tác xã hết.

Thời kỳ chia hai (1949-1970)

Ngay từ khi chưa thống nhất xong Hoa lục, chưa thành lập chính phủ cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Mao Trạch Đông đã mở cuộc đại hội văn nghệ lần thứ nhất vào tháng 7/1949, sau đó mở thêm hai đại hội nữa.

Năm 1949, trên 800 văn nghệ sỹ đủ các ngành đến dự để nghe Mao giải thích đường lối sáng tác. Cũng vẫn là đường lối trong cuộc toạ đàm ở Diên An năm 1942 chứ không có gì khác.

Trong thời kỳ này có nhiều cuộc chỉnh phong (sửa lại cho ngay tác phong của nhà văn) mà nhẹ nhất là Hồng Lô Mộng và hai cuộc thanh trừng vĩ đại; Cuộc Trăm hoa đua nở và cuộc Cách mạng văn hoá đã kể rõ ở trên...

Mới đầu còn có một vài nhà văn trong đảng lên tiếng. Can đảm nhất và cũng có tài nhất là Hồ Phong. Ông gửi lên Ủy ban trung ương đảng một tập điều trần dài tới 300. 000 chữ (!), giọng rất mạnh mẽ, cho rằng chính sách văn nghệ của Mao là “năm lưỡi dao đâm vào đầu óc nhà cầm bút” vì:

- Bắt nhà văn phải phục vụ nông, công binh
- Bắt họ phải cải tạo tư tưởng
- Bắt họ phải nhận sự lãnh đạo của Đảng
- Bắt họ phải dùng những “hình thức dân tộc”
- Bắt văn nghệ phải lệ thuộc chính trị
- 

Họ bị chụp mũ là mật vụ Quốc dân đảng, bắt giam và truất hết quyền công dân.

Vụ thanh trừng đó chỉ là cá nhân, vụ Trăm hoa đua nở mới là tập thể

Sau vụ này văn nghệ sỹ mất hết tinh thần, không còn sáng tác được gì nữa vì phải theo những công thức đã vạch sẵn.

Trước hết không được bi quan, vì đã là nghệ thuật thì theo quan niệm Cộng sản Trung Hoa phải

luôn luôn lạc quan. Truyện nào cũng phải có hậu; hễ là chống Nhật thì Nhật luôn luôn phải thua; hễ là nông dân chống địa chủ thì luôn luôn là nông dân phải thắng; công nhân chống với chủ thì chủ luôn phải nhượng bộ, nếu muốn sống.

Đã chủ trương lạc quan thì tất nhiên không chấp nhận bị kịch.

Mà hài kịch cũng không được hoan nghênh vì châm biếm ai bây giờ? Nông công binh cũng còn nhiều tật nhỏ đấy nhưng phải thân ái sửa sai, hướng dẫn họ chứ sao lại châm biếm?

Trong xã hội chỉ có 4 hạng người: hạng đã giác ngộ, không hủ hoá được, tức đa số cán bộ (họ nghĩ vậy); bọn cũng đã giác ngộ nhưng đôi khi còn lầm lẫn, tức một số cán bộ và đa số quần chúng; bọn chưa giác ngộ nhưng còn cải hoá được, tức bọn trung nông, tiểu tư sản ở thành thị, bọn trí thức; dưới cùng là bọn hoàn toàn xấu, tức cựu địa chủ, tay sai quốc dân đảng,

Người cầm bút khi tả những hạng người đó thì nhất định phải đề cao hạng người thứ nhất, phải cho độc giả thấy hai hạng giữa thế nào cũng được Đảng dắt về con đường chính mà thành người tốt, còn bọn cuối thì thế nào cũng bị trừng trị xứng đáng. Xây dựng tiểu thuyết hay kịch mà không nắm vững công thức đó thì bị chỉnh liên.

Tóm lại là mỗi nhân vật đều phải xếp vào một giai cấp, mang “nhãn hiệu” của giai cấp đó, tả hạng A thì phải dùng những nét trong bảng này, tả hạng B thì phải dùng những nét trong bảng kia... khỏi phải suy nghĩ, phân tích.

Khốn nỗi, viết như vậy thì mười truyện như một, chán quá mà vẫn có thể bị chỉnh là “xem nhẹ phần quan trọng của đặc điểm và kỹ xảo trong sáng tác nghệ thuật...”, kết quả là thủ tiêu nghệ thuật”, là tôn trọng giáo điều. Thế thì biết làm sao bây giờ? Công việc làm văn nghệ thật khó như đi trên dây, chỉ nghiêng qua bên đây hay bên kia một chút là vỡ sọ.

Vì vậy mà những nhà văn lớp cũ, có uy tín rồi như Tào Ngưu, Ba Kim, Quách Mạt Nhược... thời này bớt sáng tác. Nhưng, “một đội ngũ văn nghệ vô sản lớn mạnh mới xuất hiện”. Nông dân thợ thuyền đua nhau sản xuất, thi đua văn nghệ, lượng rất đáng kể mà phẩm chẳng có gì. Có còn hơn không.

Tới cuộc cách mạng văn hoá thì như chúng ta đã biết, văn nghệ chết đứng luôn. Không tác phẩm nào được in nữa, kể cả những tác phẩm của Mao Thuần, Đinh Linh, Lão Xá, thơ của Ngải Thanh (học ở Pháp về) dạy học ở Thiên An được sắp vào hàng đầu thi sĩ Cộng sản.

Rốt cuộc là trong thời này văn nghệ Trung Hoa chỉ có rất nhiều dân ca; hàng trăm vạn bài mà Quách Mạt Nhược và Chu Dương thu thập rồi chọn lọc, thành tập “Ca dao cờ đỏ” với lời giới thiệu “Đây là quốc phong mới của thời đại xã hội chủ nghĩa (... ) ca tụng tổ quốc, ca tụng đảng và ca tụng lãnh tụ (... ), nội dung và phong cách rất mới, đến ba trăm bài Kinh thi cũng phải thua xa”. Ca tụng lãnh tụ, vậy là tôn thờ cá nhân sao?

Về ca kịch, thì người ta sửa lại với kịch Bạch mao nữ được giải thưởng Staline năm 1952, cho Hỷ Nhi, tức Bạch Mao nữ, người con gái tóc hoá trắng vì trốn một địa chủ tàn ác, phải núp vào một hang sâu mấy năm, thành một nữ anh kiệt, tinh thần chiến đấu rất cao, không chỉ chửi suông bọn địa chủ như nguyên bản mà còn gia nhập Hồng quân để phục vụ cách mạng.

Cộng sản Trung Hoa hãnh diện về kịch đó lắm, năm 1973 còn đem diễn ở Pháp.

Guillermaz, sau khi giới thiệu văn học cộng hoà nhân dân Trung Hoa (trong *La Chine populaire*) kết luận:

“VẬY Trung Hoa đã bỏ văn hoá truyền thống mà không tạo được văn tư vô sản như họ tin tưởng (...). Người ta ước mong rằng khi thoát khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay (1967), khỏi phải giải quyết những lo lắng cấp bách nhất về vật chất, Trung Hoa sẽ phục hưng lại được những giá trị văn hoá truyền thống vô cùng độc đáo và rất thực sự nhân bản của họ”.

## Đài Loan

Đài Loan chỉ bằng non nửa tỉnh Phúc Kiến, một phần ba Bắc Việt mà hai phần ba là núi, có những ngọn cao trên 3000 thước, ngọn cao nhất non 4000 thước, ở gần bờ biển phía Đông; càng tiến về phía Tây (tỉnh Phúc Kiến) núi càng thấp dần, rồi tới đồi và một cánh đồng rộng nằm suốt bờ biển từ Nam lên Bắc. Ở cực Bắc còn một số núi lửa chưa tắt hẳn. Năm 1935, một cuộc động đất làm 15. 000 người chết và bị thương.

Khí hậu tốt, rừng có nhiều cây quý. Thổ dân gốc Mã lai, hơi giống người Mọi ở nước ta. Họ sống trên rừng núi bằng săn bắn và làm rẫy. Họ là một thiểu số rất nhỏ trong số 7. 5 triệu dân vào khoảng năm 1953. Năm 1970 được khoảng 13 triệu dân.

Từ mấy thế kỷ, Đài Loan làm sào huyệt của bọn cướp biển. Tới khi người Nhật chiếm được năm 1895 mới diệt hết bọn đó, đem các nhà bác học, kỹ thuật gia qua nghiên cứu đất đai, tài nguyên, bắt đầu mở đường, lập dưỡng đường, làm đường. Người Trung Hoa từ Phúc Kiến đi du cư qua nhiều và Đài Loan được tích cực khai thác. Họ trồng gạo, bắp, đậu nành, đậu phộng, mía, trà (có tiếng là ngon), long não (ba phần tư số long não trên thế giới).

Phát triển nhất là kỹ nghệ: khai thác than đá, xây cất nhà máy thủy điện, nhà máy phân bón, xi măng, giấy, nhôm, làm nhiều đường xe hơi và xe lửa. Đài Loan thành một miền kỹ nghệ quan trọng của Trung Hoa.

Khi Nhật đầu hàng đồng minh, Đài Loan trở về Trung Hoa và bắt đầu suy: đồng tiền bị phá giá, dịch bệnh tả, dịch hạch phát trở lại, lúa gạo thiếu, dân đói.

Năm 1950, Tưởng Giới Thạch đem hai ba trăm ngàn quân qua với một số đông dân di cư. Ông ráng lập lại trật tự, chấn chỉnh kinh tế, cải cách chế độ.

Thế giới thừa nhận quốc gia Đài Loan của Tưởng, cho nó là hợp danh nghĩa và hợp thực tế. Thành thử có hai Trung Hoa, Trung Hoa của Tưởng và Trung Hoa của Mao. Tưởng vẫn ở trong Hội đồng an ninh Liên hiệp Quốc, Mao không được vào. Điều đó làm cho Nga và phe của Mao ức lắm mà không làm được gì.

Đầu năm 1950, Mỹ còn đang do dự không biết nên thừa nhận Trung Hoa lục địa không; sau mới quyết định cứ ủng hộ Tưởng rồi sau sẽ hay, như vậy rất có lợi cho Tưởng: rất nhiều Hoa Kiều ở hải ngoại sẽ còn hướng về Tưởng được, Mao mất một miền kinh tế phát triển và nếu tình trạng kéo dài lâu thì có thể mất luôn Đài Loan.

Tưởng mới qua Đài Loan được sáu tháng thì chiến tranh Triều Tiên nổ, Tổng thống Mỹ Truman long trọng tuyên bố rằng nếu Cộng chiếm Đài Loan thì Thái Bình Dương sẽ nổi sóng gió; ông ta lại viện trợ quân sự cho Tưởng trở lại nhưng cũng ra lệnh cho Tưởng ngưng ngay mọi cuộc tấn công Hoa Lục bằng không quân và hải quân. Hạm đội thứ VII của Mỹ được đưa ngay đến vùng



biển Đài Loan để canh phòng. Vậy là Đài Loan hoá ra trung lập. Nhưng khi Eisenhower lên thay Truman thì chính sách của Mỹ thay đổi, ra mặt che chở cho Đài Loan, mặc cho Đài Loan khiêu khích Mao.

Do đó mà Tưởng và Mao tình hình căng thẳng. Mao thả bom xuống các đảo Kim Môn và Mã Tổ của Tưởng ở gần bờ biển Hoa lục; Tưởng trả đũa, đổ bộ một ít lên Hoa lục, phá quấy rồi rút lui vội vàng. Ai cũng biết Tưởng không hy vọng gì chiếm được Trung Hoa, chỉ muốn nâng cao tinh thần của quân đội, của nhân dân lên thôi. Nhiều lắm thì ông ta cũng chỉ mong khi nào Hoa lục có nội chiến thì ông ta sẽ đem quân qua giúp phe chống Cộng. Chuyện đó xa vời quá. Khi ông chế (1975) Mao vẫn nắm quyền ở Hoa lục. Con ông, Tưởng Kinh Quốc lên nối ngôi, chính sách không có gì thay đổi.

Tưởng cho phép hai đảng đối lập hoạt động. Dĩ nhiên hai đảng đều có tính cách dân chủ và chỉ đối lập nhau cho có hình thức. Kẻ nào đối lập hẳn thì bị chụp mũ là cộng sản và bị thủ tiêu liền. Người nào không tán tưng chính quyền thì cũng bị coi chừng. Tưởng vốn có tính thù dai. Xét vụ Trương Học Long thì biết, năm 1959, 23 năm sau vụ Tây An mà Trương vẫn bị an trí ở Đài Loan (1).

Từ năm 1971, chính sách của Mỹ với Trung Quốc lại thay đổi, Nixon lại thân thiện với Mao, ủng hộ Mao gia nhập Liên hiệp quốc, vậy là Đài Loan bị gạt ra ngoài.

Nhưng Mỹ vẫn không bỏ rơi Đài Loan. Mấy năm nay mặc dù tình hình Mỹ - Trung Quốc vẫn rất trầm thiết, Mỹ vẫn bán những vũ khí tối tân cho Đài Loan, có thể phải viện trợ cho nữa. Trung Quốc vẫn đương nhờ Mỹ giúp đỡ nhiều để thực hiện bốn hiện đại hoá nên chỉ phản đối cho có và Mỹ cứ làm.

(1) Đúng như tác giả (trong sách này) viết, trong cuốn Cha tôi Đặng Tiểu Bình (NXB Chính trị quốc gia), Mao Mao con gái Đặng Tiểu Bình viết: “Tướng Giới Thạch đã căm ghét ai thì căm ghét suốt đời (...), tướng Trương (Học Lương) bắt Tưởng và giam Tưởng chỉ vắn vắn có 13 ngày. Còn Tưởng bắt và giam Trương hơn 50 năm”. Trương Học Lương mới mất ở Đài Loan năm 1991 (BT)



## Chương Kết - Kết Phần Tư

Từ khi nhà Thanh chấm dứt đến năm 1970 (năm cuối cùng tôi có được chút ít tài liệu về kinh tế Trung Hoa), là nửa thế kỉ, Trung Hoa đã tạm giải quyết xong vấn đề dân tộc và dân quyền, mà về dân sinh thì chưa tiến được bao nhiêu; mức tăng gia về sản xuất vẫn chưa vượt được mức tăng gia về dân số, nghĩa là vẫn còn nghèo, mặc dầu đã có vài công trình kiến thiết rất lớn, đã chế tạo được bom hạch tâm và vệ tinh nhân tạo.

Với tốc độ biến chuyển rất nhanh chóng ở thời đại chúng ta, thì nửa thế kỉ có thể bằng năm sáu thế kỉ trước. Nhật và Tây Đức hai nước bại trận, bị tàn phá rất nặng, vậy mà chỉ trong 25 năm - từ 1945 đến 1970 đã kiến thiết lại hết, đuổi kịp Anh, Pháp, những nước thắng họ, và bây giờ (1983) muốn tranh nhau với cả Mỹ nữa. So sánh với hai nước đó, Trung Hoa chậm như con rùa.

Chẳng phải chỉ riêng Trung Hoa, hết thảy các nước kém phát triển (1) Á, Phi mà người ta gọi là thế giới thứ ba (2) đều tiến chậm. Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Phi Luật Tân... đều không hơn gì Trung Hoa, vì họ “cần dùng đủ thứ mà thiếu đủ thứ”, thiếu máy móc, điện lực phương tiện giao thông, thiếu thực phẩm, thiếu vốn, thiếu kĩ thuật gia, kinh tế gia, thiếu giáo sư, trường học, đường đường, bác sĩ...

Hoàn cảnh Trung Hoa còn khó khăn hơn nữa: không được yên ổn để kiến thiết. Trong nửa thế kỉ đó, bỏ những năm lộn xộn, loạn lạc thời Viên Thế Khải và các quân phiệt, bỏ thời chiến tranh Hoa - Nhật, thời nội chiến Quốc - Cộng, thì chỉ còn khoảng 30 năm: 1928 - 1937 và 1950 - 1970 là kiến thiết được. Mà trong giai đoạn 1950 - 1970, Mao phải đem cả triệu quân qua giúp Triều Tiên, rồi lại phí mất 5 năm (1958 - 1962) cho bước nhảy vọt và công xã nhân dân, và 7 năm sửa sai nữa (để phục hồi được mức kinh tế năm 1958); vậy thực sự chỉ còn 18 năm phát triển. Thành thử tình cảnh nhân dân Trung Hoa sau hai cuộc cách mạng tiểu tư sản và vô sản chưa cải thiện được bao nhiêu. Tôi chắc họ còn nghèo hơn dân quê Bắc Việt ngày nay (1983).

Đó là cái tai hại của chế độ chuyên chính, một người quyết định sai mà không ai dám can ngăn, cứ răm rắp tuân theo hết, sau cùng phải đổ máu và mất nhiều năm mới sửa lại được. Làm gì có dân chủ! Gần khắp thế giới thứ ba ngày nay đều như vậy.

Tóm lại, tới khi Mao chết, cách mạng Trung Hoa vẫn chưa thành công. Trang 266 tôi đã nói không nên hỏi người dân Trung Hoa ngày nay có sung sướng không. Theo tôi, chỉ nên hỏi: Thanh niên trí thức Trung Hoa có còn tinh thần như mười, mười lăm năm đầu cách mạng không? Tôi e rằng dưới hai chế độ “dân chủ” của Tưởng và của Mao, tinh thần đó đã bị thui chột rồi.

o O o

Các sử gia Pháp (Guillermaz, Dubarbier, Lévy) đều rất quý văn minh Trung Hoa, khen nó là rất độc đáo, vô cùng nhân bản, ghét sự tàn bạo, trọng Khổng giáo mà khinh Pháp gia, họ mong nhà cầm quyền Trung Quốc theo đạo trung của Khổng, bỏ thái độ thách đố về ý thức hệ và chính trị đi, thái độ khiêu khích, tự cao, tự đại về ngoại giao đi, thì các nước tiến bộ mới giúp đỡ họ phát triển.

Tsui Chi, một học giả Trung Hoa còn mong rằng dân tộc Trung Hoa ông sẽ biến học thuyết Marx thành một học thuyết Trung Hoa để cải thiện đời sống mà vẫn dân chủ, cho mọi đảng chính trị được ngang quyền nhau, không dùng sự cưỡng chế để bắt kẻ khác phục tùng. Thời trước, Trung Hoa đã chẳng biến đạo Phật của Ấn Độ thành đạo Phật của Trung Hoa dung hoà được những cái hay của Nho và Phật đấy ư? Mao đã Hoa hoá học thuyết Marx rồi đấy, những vẫn giữ chính sách một đảng, nếu không thì còn gì là Mác xít nữa.

Các nhà cầm quyền Trung Hoa hiện này xích lại phía tư bản, đưa ra chiến tranh bốn hiện đại hoá. Họ theo chủ trương của Đặng Tiểu Bình năm 1969! “Chính sách kinh tế cá thể hay tập thể, điều đó không quan trọng, quan trọng là tăng sự sản xuất thực phẩm”, nghĩa là người ta không quá coi trọng ý thức hệ nữa rồi, có tinh thần thực tiễn hơn, lo cho dân hơn, sao cho họ khỏi thiếu ăn đã.

Người phương Tây nào ở Trung Hoa một thời gian cũng khen dân tộc Trung Hoa có kỉ luật, lễ độ, nhã nhặn siêng năng, giỏi chịu cực, sống đạm bạc, thông minh, có sáng kiến. Họ đã trên một tỉ người, có thể đã có những khí giới hạch tâm mạnh nhất, không một nước nào có thể diệt họ được. Họ, Mĩ và Nga đương giữ cái thế chân vạc như thời Tam Quốc không ai đoán được thế đó sẽ kết thúc ra sao, chỉ biết Nga đã lộ vẻ lo ngại khi thấy họ xích lại với Mĩ nên tìm cách ve vãn họ, nhưng trong bốn nguyên do xích mích giữa Nga và Hoa thì hai nguyên do cuối (tr. 220), theo tôi, khó mà giải được.

### Chú thích:

(1) Ngày nay người ta gọi là “đương phát triển” cho nhã nhặn hơn.

(2) Có người gọi là thế giới thứ tư, thế giới thứ ba trở những nước kém phát triển nhưng có dầu lửa như Ba Tư, Irak, Koweit, Ả Rập Séoud...

## Phụ Lục - Bảng Các Triều Đại

### Phụ lục I

#### Bảng các triều đại

Tôi theo bảng trong bộ Từ Nguyên, bảng này khác với bảng mà đa số học giả Pháp dùng, nhưng chỉ khác tới trước năm -827 thôi. Trước -827 các niên đại trong bảng Từ Nguyên xa hơn; từ năm đó trở đi, niên đại trong hai bảng y như nhau.

Tôi bỏ bớt nhiều đời vua trước đời Tần, những đời mà trong sử ít nhắc tới.

#### 1. Thời Ngũ Đế (có ngôi sao ở trước)

Năm lên ngôi

\*Hoàng Đế 2697

Thiếu Hạo (Phục Hi) 2597

\*Chuyên Húc 2513

\*Đế Khốc 2435

Đế Chí 2365

\*(Đường) Nghiêu 2357

\*(Ngu) Thuấn 2255

#### 2. Đời Hạ (2205 – 1766)

Năm lên ngôi (1)

Vũ (cũng gọi là Đại Vũ) 2205

Khải 2197

Thái Khang 2188

Trọng Khang 2159

Tiếp theo là 12 đời vua nữa

rồi tiếp vua cuối cùng là Kiệt 1815

#### 3. Đời Thương hay Ân (1766 – 1122 )

Năm lên ngôi

Thang 1766

Thái Giáp 1753

Tiếp theo là 25 đời vua

rồi tiếp vua cuối cùng là Trụ 1122

4. Đời Chu (1122 – 255

Võ Vương 1122

Thành Vương 1115

Khang Vương 1078

Tuyên Vương (2) 827

.....

bỏ 22 đời đến

Noãn vương 314 – 255

( Noãn Vương bị Tần bắt đưa qua Tần – Nhà Chu chấm dứt năm 255 )

5. Đời Nhà Tấn (3) 255- 207

Chiên Tương Vương chiếm Chu 256

Hiển Văn Chương ( 3 ngày thi chết ) 250

Trang Tương Vương 250

Thủy Hoàng Đế 246

Từ Anh 207

6. Nhà Hán – 208+ 220

Tiền hoặc Tây Hán

Cao đế ( Cao tổ ) tức Lưu Bang 206

Huệ đế 25

Lữ Hậu ( vợ Cao đế ) 187

Cảnh đế 156

Võ đế ( 4 ) 140

Chiêu đế 86

Tuyên đế 73

Nguyên đế 48

Thành đế 32

Ai đế - 6

Bình đế + 1

( Nhà Tần) Vương Mãng + 9

Hậu hoặc Đông Hán

Quang Vũ đế 50

Minh đế 58

Chương đế 76

Hòa đế 89

Thương đế 106

An đế 107

Thuận đế 126

Xung đế 145

Chất đế 146

Hoàn đế 147

Linh đế 168

Thiếu đế 189

Hiển đế 189

7. Thời Tam Quốc - Nhà Ngụy 220 – 265

Nhà Thục Hán 221 – 264

Nhà Ngô 229 – 280

Tôi bỏ bớt chỉ kể vài tên:

Ngụy Văn đế 220

Ngụy Minh đế 227

Ngụy Phế đế 224

Hán Chiêu Liệt 221

Hán Hậu chủ 223

Ngô Đại đế 222

Ngô Phế đế 252

8. Nhà Tấn 265 – 420

Tây Tấn

Vỗ đế (3) 265

Huệ đế 290

Hoài đế 307

Mẫn đế 313

Đông Tấn

Nguyên đế 317

Minh đế 323

Thành đế 326

Khang đế 343

Mục đế 345

Ai đế 362

Phế đế 366

Giản Văn đế 371

Hiến Vũ đế 373

An đế 397

Cung đế 419

9. Nam Triều 420 – 589

Tống

Vũ đế 265

..... bỏ bảy đời

Tề

Cao đế 479

Vỗ đế 482

..... bỏ 5 đời

Lương



Võ đế 502

Giản Văn đế 549

..... bỏ 4 đời

Trần

Võ đế 557

Văn đế 560

..... bỏ 3 đời

10. Bắc Triều 386 – 581

Bắc Ngụy 386 – 533

Đông Ngụy 534 – 557

Tây Ngụy 556 – 581

Bắc Chu 556 – 581

Những triều này sử Trung Hoa không cho là chính thống nên không chép các đời vua

11. Tùy 589 – 618

Văn đế 589

Dạng đế 605

Cung đế 617

12. Đường 618 – 907

Cao Tổ 618

Thái Tôn 627

Cao Tôn 650

Trung Tôn 684

( bị Võ hậu phế)

Huyền Tôn 713

( Minh Hoàng )

Túc Tôn 756

Đại Tôn 763

Đức Tôn 780

Thuận Tôn 805  
Hiếu Tôn 806  
Duệ đế ( do Võ hậu lập) 684  
Võ hậu xưng đế 684  
chết..... 705  
Trung Tôn ( phục vị) 705  
Duệ Tôn 710  
Mục Tôn 821  
Kính Tôn 825  
Văn Tôn 827  
Tuyên Tôn 847  
Ý Tôn 860  
Hi Tôn 874  
Chiêu Tôn 889  
Chiêu Tuyên đế 904  
13. Ngũ Đại 907 – 960  
(Tôi bỏ các vua Liêu, gốc Kiết Đan )  
Hậu Lương  
Thái tổ 907  
Mạt đế 913  
Hậu Đường  
Trang Tôn 923  
Minh Tôn 926  
Hậu Tấn  
Cao tổ 936  
Xuất đế 942  
Hậu Hán  
Ân đế 948

Hậu Chu 951  
Mẫn đế 933  
Thái tổ 951  
Thế Tôn 954  
Cung đế 959  
14 - Tống 960 – 1279  
( Tôi bỏ các vua Liêu và Kim)  
Bắc Tống  
Thái tổ 960  
Thái Tôn 976  
Chân Tôn 998  
Nhân Tôn 1. 063  
Anh Tôn 1. 063  
Thần Tôn 1. 067  
Triết Tôn 1. 086  
Nam Tống  
Cao Tôn 1. 127  
Hiếu Tôn 1. 062  
Quang Tôn 1. 189  
Ninh Tôn 1. 194  
Lý Tôn 1. 224  
Độ Tôn 1. 265  
Cung đế 1. 275  
Huy Tôn 1. 100  
Khâm Tôn 1. 126  
15 - Nguyên 1206 – 1279 ( Mông Cổ)  
Thái tổ ( Jengis ) 1. 206  
Thái Tôn ( Ogodéi) 1. 229

Định Tôn..... Chết  
Hoàng hậu lên 1. 246  
Hiển Tôn ( Mongka) 1. 260  
Thế Tôn ( Khoubilai) 1. 260  
Thành Tôn 1. 294  
Vũ Tôn 1. 307  
Nhân Tôn 1. 311  
Anh Tôn 1. 320  
Thái Định đế 1. 323  
Minh Tôn 1. 329  
Ninh Tôn 1. 332  
Thuận đế 1. 333  
16 - Đời Minh 1. 368 – 1644  
Thái tổ - Hồng Vũ (5) 1368  
Huệ đế - Kiến Văn 1402  
Nhân Tôn - Hồng Hi 1424  
Tuyên Tôn – Tuyên Đức 1424  
Anh Tôn – Chính Thống 1435  
Cảnh Tôn - Cảnh Thái 1449  
( Khi lên ngôi trở lại) -  
Thiên Thuận 1457  
Hiển Tôn – Thành Hóa 1465  
Hiếu Tôn - Hoằng Trị 1487  
Võ Tôn – ( Chính Đức ) 1505  
Thế Tôn – Gia Tĩnh 1522  
Mục Tôn – Long Khánh 1566  
Thần Tôn - Vạn Lịch 1572  
Quang Tôn – Thái Xương 1620

Hi Tôn – Thiên Khải 1620

Tư Tôn – Sùng Trinh 1627

17. Đời Thanh 1583 – 1912 ( Mãn Châu )

Thái tổ 1583

Thái Tôn 1627

Thế Tổ - Thuận Trị 1644

Thánh Tổ - Khang Hi 1661

Thế Tôn – Ung Chính 1723

Cao Tôn- Càn Long 1736

Nhân Tôn – Gia Khánh 1796

Tuyên Tôn – Đạo Quang 1821

Văn Tôn – Hàm Phong 1851

Mục Tôn - Đồng Trị 1862

Đức Tôn – Quang Tự 1875

Phổ Nghi – Tuyên Thống 1900

Từ Hi thái hậu cầm quyền suốt đời Quang Tự

Chú thích:

(1) Năm cuối của một ông vua thuộc trọn về ông đó, dù ông chết vào khoảng đầu năm. Năm sau mới thuộc về vua sau.

(2) 2) Từ đây mới thật có tín sử

(3) (3) Từ đây tôi chép đủ các đời vua của những triều đại quan trọng

(4) (4) Những tên Võ đế, Cảnh đế, Vạn đế.... đều là miếu hiệu, tên để thờ trong tôn miếu của mỗi nhà. Hán Võ đế là ông vua đầu tiên dùng thêm niên hiệu ( nom de période), như năm 140 dùng niên hiệu Kiến Nguyên, năm 134 dùng niên hiệu Nguyên quang..... ông dùng tới 11 niên hiệu. Vua Cao Tôn đời Đường dùng tới 14 niên hiệu. Tôi bỏ hết các niên hiệu đó. Đời Minh và Thanh, mỗi vua chỉ dùng một niên hiệu, và các sử gĩa ưa dùng niên hiệu hơn miếu hiệu để gọi, nên từ đời Minh tôi mới chép thêm niên hiệu.

(5) Từ đây tôi chép cả niên hiệu

o O o

## PHỤ LỤC II

## SỰ VIỆC QUAN TRỌNG TỪ 1911 đến 1973

( Tôi tóm tắt tài liệu của Alain Peyrefitte trong Quand la Chine s' éveillera... tr 445 – 455 )

### A. CỘNG HÒA TIỂU TU SẢN ( 1911 – 1927)

10. 10. 1911. Cách mạng Vũ Xương ( Hán Khẩu ). Trong 50 ngày, cách mạng lan tới 14 trong số 18 tỉnh, tuyên bố không tùy thuộc Mãn Thanh nữa.

1. 1. 1912 Thành lập, Chính phủ cộng hòa ở Nam Kinh, Tôn Văn ở Mỹ về, được bầu làm Tổng Thống.

Dùng Tây lịch.

Thân Vương Cung, phụ chính đi thần, cầu cứu Viên Thế Khải, Viên đòi được toàn quyền.

12. 2. 1912 Viên thuyết phục được: Phổ Nghi phải thoái vị. Viên nắm hết quyền.

15. 2. 1912 Tôn Văn nhường chức Tổng Thống cho Viên.

8. 4. 1923 Quốc Hội họp ở Bắc Kinh, phản đối Viên, bị Viên giải tán. Viên dẹp luôn Quốc Dân đảng. Tôn Văn lánh qua Nhật.

1914 Nhật tuyên chiến với Đức ( thế chiến I), rồi chiếm Sơn Đông cùng các nhượng địa khác của Đức.

12. 1. 1915 Nhật đưa 21 điều Ô yêu cầu Ô cho Bắc Kinh, muốn biến Trung Hoa thành một nước bảo hộ của Nhật. Viên điều đình không được, khắp nước nổi lên phong trào chống Nhật.

1915 – 23. 3. 1916 Viên vận động để được bầu làm hoàng đế. Phe cộng hoà và các tướng nổi lên chống đối. Viên phải bỏ ý đó non 100 ngày sau, và chết tháng 6 – 1916.

1916 - Thời quân phiệt làm loạn bắt đầu. Ở Bắc, còn một chính phủ hữu danh vô thực tại Bắc Kinh. Ở Nam, Tôn Văn lập một chính phủ Cộng hòa tại Nam Kinh. Sự thực các đốc quân chia nhau mỗi người chiếm một nơi, làm chúa trong miền và đánh nhau lung tung.

1918 – 1919 Trung Hoa cho 175. 000 thợ qua Pháp giúp đồng minh, và 400 sinh viên thợ, trong số đó có Chu Ân Lai và Chen Yi.

4. 5. 1916 Ngũ tứ vận động

Phong trào vận động dân tộc đầu tiên do sinh viên Bắc Kinh phát động rồi lan khắp nước để phản đối hội nghị Versailles cho Nhật hưởng những quyền của Đức ở Sơn Đông.

Một số trí thức ghét Tây Phương hướng về Nga Sô vì Nga Sô tuyên bố bỏ hết các quyền lợi thời Nga hoàng ở Trung Hoa ( nhưng không trả lại các đất Nga đã chiếm được thời trước ở Sibérie và ở các tỉnh bờ biển).

1921 Hội nghị Washington yêu cầu Nhật trả Sơn Đông cho Trung Hoa.

1. 7. 1921 Thành lập đảng Cộng sản Trung Hoa ở Thượng Hải gồm 12 người tới dự. Trần Độc Tú được bầu làm tổng thư ký, Mao Trạch Đông làm thư ký đảng ở Hồ Nam.



1921 – 1922 Thành lập những tổ Cộng sản Trung HGoa ở Pháp, Bỉ, Đức.

1923 – 1927 Mặt trận thống nhất đầu tiên Quốc Cộng ( do sự thoả hiệp giữa Tôn Văn và Joff), đại diện cho Lénine. Cộng sản được nhận vào Quốc dân đảng,

1923 Mao được làm ủy viên trung ương của đảng, chủ tịch phòng( cũng gọi là bộ) tổ chức.

1924 Ngoại Mông tuyên bố thành lập Chính phủ Cộng Hoà Xô Viết.

30. 5. 1925 Ngũ táp vận động. Tẩy chay ngoại nhân, đình công.

Tôn Văn chết, Tưởng Giới Thạch cầm đầu Quốc dân đảng.

Mao vận động nông dân ở Hồ nam

1925 – 1926 Tưởng Giới Thạch và Cộng Sản chống đối nhau.

## PHỤ LỤC II

### SỰ VIỆC QUAN TRỌNG TỪ 1911 đến 1973

( Tôi tóm tắt tài liệu của Alain Peyrefitte trong Quand la Chine s' éveillera... tr 445 – 455 )

#### A. CỘNG HÒA TIỂU TU SẢN ( 1911 – 1927)

10. 10. 1911. Cách mạng Vũ Xương ( Hán Khẩu ). Trong 50 ngày, cách mạng lan tới 14 trong số 18 tỉnh, tuyên bố không tùy thuộc Mãn Thanh nữa.

1. 1. 1912 Thành lập, Chính phủ cộng hòa ở Nam Kinh, Tôn Văn ở Mỹ về, được bầu làm Tổng Thống.

Dùng Tây lịch.

Thân Vương Cung, phụ chính đ(ì thần, cầu cứu Viên Thế Khải, Viên đòi được toàn quyền.

12. 2. 1912 Viên thuyết phục được: Phổ Nghi phải thoái vị. Viên nắm hết quyền.

15. 2. 1912 Tôn Văn nhường chức Tổng Thống cho Viên.

8. 4. 1923 Quốc Hội họp ở Bắc Kinh, phản đối Viên, bị Viên giải tán. Viên dẹp luôn Quốc Dân đảng. Tôn Văn lánh qua Nhật.

1914 Nhật tuyên chiến với Đức ( thế chiến I), rồi chiếm Sơn Đông cùng các nhượng địa khác của Đức.

12. 1. 1915 Nhật đưa 21 điều Ô yêu cầu Ô cho Bắc Kinh, muốn biến Trung Hoa thành một nước bảo hộ của Nhật. Viên điều đình không được, khắp nước nổi lên phong trào chống Nhật.

1915 – 23. 3. 1916 Viên vận động để được bầu làm hoàng đế. Phe cộng hòa và các tướng nổi lên chống đối. Viên phải bỏ ý đó non 100 ngày sau, và chết tháng 6 – 1916.

1916 - Thời quân phiệt làm loạn bắt đầu. Ở Bắc, còn một chính phủ hữu danh vô thực tại Bắc Kinh. Ở Nam, Tôn Văn lập một chính phủ Cộng hòa tại Nam Kinh. Sự thực các đốc quân chia nhau mỗi người chiếm một nơi, làm chúa trong miền và đánh nhau lung tung.

1918 – 1919 Trung Hoa cho 175. 000 thợ qua Pháp giúp đồng minh, và 400 sinh viên thợ, trong số đó có Chu Ân Lai và Chen Yi.

#### 4. 5. 1916 Ngũ tứ vận động

Phong trào vận động dân tộc đầu tiên do sinh viên Bắc Kinh phát động rồi lan khắp nước để phản đối hội nghị Versailles cho Nhật hưởng những quyền của Đức ở Sơn Đông.

Một số trí thức ghét Tây Phương hướng về Nga Sô vì Nga Sô tuyên bố bỏ hết các quyền lợi thời Nga hoàng ở Trung Hoa ( nhưng không trả lại các đất Nga đã chiếm được thời trước ở Sibérie và ở các tỉnh bờ biển).

1921 Hội nghị Washington yêu cầu Nhật trả Sơn Đông cho Trung Hoa.

1. 7. 1921 Thành lập đảng Cộng sản Trung Hoa ở Thượng Hải gồm 12 người tới dự. Trần Độc Tú được bầu làm tổng thư ký, Mao Trạch Đông làm thư ký đảng ở Hồ Nam.

1921 – 1922 Thành lập những tổ Cộng sản Trung HGoa ở Pháp, Bỉ, Đức.

1923 – 1927 Mặt trận thống nhất đầu tiên Quốc Cộng ( do sự thoả hiệp giữa Tôn Văn và Joff), đại diện cho Lénine. Cộng sản được nhận vào Quốc dân đảng,

1923 Mao được làm ủy viên trung ương của đảng, chủ tịch phòng( cũng gọi là bộ) tổ chức.

1924 Ngoại Mông tuyên bố thành lập Chính phủ Cộng Hoà Xô Viết.

30. 5. 1925 Ngũ táp vận động. Tẩy chay ngoại nhân, đình công.

Tôn Văn chết, Tưởng Giới Thạch cầm đầu Quốc dân đảng.

Mao vận động nông dân ở Hồ nam

1925 – 1926 Tưởng Giới Thạch và Cộng Sản chống đối nhau.

#### B. NỘI CHIẾN ĐẦU TIÊN ( 1927 – 1936)

1927 Mao trong bài điều tra về phong trào nông dân ở Hồ nam cho nông dân là lực lượng chính của cách mạng. Chủ trương đó bị ủy ban trung ương Đảng gạt bỏ. Mao mất chân trong phòng chính trị của Đảng.

Tháng 4, Tưởng Giới Thạch tấn công Cộng sản ở các thị trấn lớn nhất là Thượng Hải. Đảng mất đầu, lui vào bóng tối hoạt động.

1928 Tưởng Giới Thạch vô Bắc Kinh, dùng chế độ độc tài quân nhân. Mao Trạch Đông và Chu Đức trốn vào miền núi Hồ Nam và Giang Tây lập đạo hồng quân thứ nhất và một Xô Viết trong miền.

1929 Mao và Chu lập chính phủ Xô Viết ở Giang Tây. Anh trả vài nhượng địa cho Trung Hoa.

1930 Trung Hoa thừa nhận quyền của Pháp ở Đông Dương. Mao và Lý Lập Tam bất đồng ý kiến: Mao dùng nông dân, Lý dùng thợ thuyền làm chủ lực cách mạng ( Lý làm chủ tịch đảng).

Tướng lại tấn công - Vợ Mao bị Tướng giết.

Cộng lại thất bại ở vài thị trấn: Tràn sà, Vũ Hán, Nam Xương.

1931 Nhật chiếm Mãn Châu, lập Mãn Châu quốc.

Đại hội thứ I của đảng Cộng sản họp ở Thụy Kim, bầu Mao làm chủ tịch chính phủ đầu tiên Cộng Hoà Xô Viết (ở Giang Tây) – và Chu Đức làm tổng tư lệnh Hồng Quân.

1933. Nhật chiếm một phần Hà Bắc ( tỉnh có kinh đô Bắc kinh)

Từ 10. 1934 đến 10. 1935

Hồng quân ở Giang Tây bị Tướng bao vây; Mao và Chu Đức dẫn đầu Hồng Quân, làm cuộc trường hành tới Thiểm Tây dài 12. 000 cây số, tới Thiểm Tây. Mất một năm.

1935 – 1936 Ba đạo quân khác cũng trường hành tới Thiểm Tây, hợp với quân của Mao – Chu.

12 – 1936 Thành lập một chính phủ kháng Nhật ở Diên An. Mao làm chủ tịch.

### C. MẶT TRẬN THỐNG NHẤT

#### QUỐC - CỘNG ĐỂ KHÁNG NHẬT

12- 1936 Vụ Tây An - Tướng bị bộ hạ là Trương Học Lương bắt cóc. Chu Ân Lai ở Diên An lại thuyết phục Tướng cùng với Cộng lập mặt trận thống nhất kháng Nhật. Tướng được thả

1937 Nhật chiếm Hoa Bắc và miền Thượng Hải.

1940. Tướng và chính phủ Quốc dân đảng rút lên Trùng Khánh ( Tứ Xuyên )

1940 – 1941 Mặt trận thống nhất kháng Nhật tan rã.

1942. Một phong trào chỉnh phong trong đảng Cộng sản; phe thân Nga sơ bị “ chỉnh”

1943. Lưu Khiết Kỳ nhận rằng Mao đã tạo một thứ “ Mác xít Trung Hoa”. Theo Chu Ân Lai đánh có 800. 000 đảng viên.

1945. Hiệp ước thân thiện Nga - Tướng Giới Thạch. Sau khi Nhật đầu hàng. Hồng quân chiếm Hoa Bắc và Mãn Châu trước các đạo quân của Tướng, những đạo quân này được Mỹ giúp cho phương tiện di chuyển.

### D. NỘI CHIẾN THỨ NHỊ ( 1947 – 1949)

Cộng sản tiếp tục tuyên truyền trong giới nông dân về tinh thần dân tộc, cải cách điền địa, Nga vẫn chính thức ủng hộ Tướng Giới Thạch.

1948 Lâm Bưu diệt quân tộc, cải cách điền địa, Nga vẫn chính thức ủng hộ Tướng Giới Thạch.

1 – 1949 Hồng quân vô Bắc Kinh.

1949 Quân đội của Tướng thua, rút ra Đài Loan

### E. THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC ( 1949 - 1957)

1949- 1952. Thời theo chế độ " Tân dân chủ ". Diệt kẻ chống đối và uốn nắn ý thức của dân chúng.

1 -10- 1949. Tuyên bố thành lập chính phủ Cộng Hoà. Mao làm chủ tịch

1950 Ký hiệp ước thân thiện với Nga Sô

Chiến tranh Triều Tiên. Do NGa thúc, Mao phải gửi " chí nguyện quân" qua Bắc Triều Tiên. Đài Loan được Mỹ bảo vệ chộ

Cải cách điền địa

1953 - 1957 Thời xây dựng kinh tế

1953. Đình chiến ở Triều Tiên.

Staline chết.

1954. Kroutchev qua thăm Bắc Kinh lần đầu.

1956 - 1957 " Trăm hoa đua nở "

Đảng hứa cho các nhà trí thức được hưởng tự do hơn. Trong mấy tuần phong trào chỉ trích đường lối văn nghệ của chính quyền nổi lên mạnh quá. Phải đàn áp dữ dội; mấy trăm ngàn trí thức phải đi cải tạo.

#### F. THỜI NHẢY VỌT VÀ TỰ DO VỀ KINH TẾ 1958 – 1965

1958 Kế hoạch năm năm thứ nhì

Năm “ Nhảy vọt ”, dự tính thực hiện xong trong hai năm mục tiêu của kế hoạch 5 năm.

Thành lập công xã nhân dân.

Kroutchev rút lời hứa giúp Trung Hoa chế tạo bom hạch tâm.

Trung Hoa không chịu ở dưới quyền chỉ huy quân sự của Nga nữa.

1959 – 1962 Thời khó khăn về kinh tế.

1959. Mao từ chức chủ tịch nhà nước.

Lưu Thiếu Kỳ lên thay.

Mao vẫn giữ chức chủ tịch Đảng.

8 – 1959 Ủy ban trung ương Đảng họp ở Lư Sơn. Hai phe “hữu” và “tả” chống nhau dữ dội. Bành Đức Hoài, Bộ trưởng Quốc phòng bị cách chức.

8 – 1960 Moscou gọi tất cả các kỹ thuật gia và cố vấn về nước. Trung Hoa kết tội Kroutchev là “ xét lại ”.

1961. Trong cuộc đại hội đảng Sô Viết ở Moscou, Chu Ân Lai bỏ phòng họp khi Kroutchev vạch lỗi của Đảng Cộng sản Albanie.

Luôn ba năm 1959 – 1960 – 1961 Trung Hoa mất mùa. Đói kém tột bậc.

9- 1962. Lại họp ở Lư Sơn. Ý thức hệ hóa cứng rắn hơn.

- Mở “ phong trào giáo dục xã hội ” để nâng cao tinh thần cách mạng của trí thức và nông dân.
- Tôn thờ “ tư tưởng Mao Trạch Đông ”.
- Lâm Bưu sửa lại ý thức hệ trong quân đội.

1963 – 1965. Giai đoạn phục hồi kinh tế.

1963 Chu Ân Lai đi thăm các nước châu Phi để tuyên truyền lối cách mạng của Trung Hoa.

1- 1964. Pháp và Hoa lục bàn việc trao đổi đại sứ.

Nga – Hoa càng thù hằn nhau.

### G. CUỘC CÁCH MẠNG VĂN HÓA VÀ PHẢN ỨNG ( 1966 – 1973)

Từ 11- 1965 đến 4- 1969 biến cố rất phức tạp, khó sắp đặt cách nào để phản ánh được đúng sự thực, sự sắp đặt dưới đây chỉ mong được hợp lý phần nào thôi, như Peyrefitte đã nhận. Vì vậy tôi chỉ chép một số ít sự việc thôi.

Tháng 4 và 5 – 1966. Chuẩn bị đại tấn công Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, Lưu là phó chủ tịch Đảng. Đặng là tổng thư ký ủy ban trung ương Đảng vì họ cho lời Bành Đức Hoài trách Mao tiến mau quá, làm dân khổ là đúng.

Bọn vệ binh đỏ chiếm Đại học Bắc Kinh. Các trường đại học đóng cửa.

Từ 1 đến 12 tháng 8 năm 1966. Bắt đầu cuộc Cách mạng văn hóa. Mao tung đại chúng ra tấn công phe xét lại trong đảng. Lâm Bưu thành phó chủ tịch Đảng, thay Lưu Thiếu Kỳ.

Tháng 8 tới tháng 11 – 1966. Vệ binh đỏ tấn công các cán bộ của Đảng. Ngày 18 – 8, mấy trăm ngàn vệ binh đỏ diễn qua Thiên An môn, trước mặt Mao. Rồi họ đi từng đoàn khắp nước để thanh trừng cán bộ Đảng tại các thị trấn, đập phá các di tích thời phong kiến (đền, đài, nghệ, phẩm ). Sau phong trào lan tới nông thôn. Lưu Thiếu Kỳ phải tự kiểm phê ( 23 – 10). Họ quá khích, nội bộ vệ binh đỏ chia rẽ, các cơ quan của Đảng tê liệt.

Từ tháng giêng đến tháng 9 – 1967

Tháng giêng, hai Phong trào lan tới giai cấp thợ thuyền, ở Thượng Hải có những cuộc chiến đấu dữ dội. Ngày 5- 2. Ở Thượng Hải thành lập công xã Thượng Hải, tả khuynh. Quân đội phải dẹp cuộc hỗn loạn.

Từ tháng 3 đến tháng 8.

Khắp nước đâu đâu cũng có những cuộc đổ máu, nhất là ở Vũ Hán và Quảng Châu, có chiến tranh, nội loạn thật sự.

Bọn “ thiên tả ” bắt đầu tấn công Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ lại phải tự kiểm phê lần nữa.

Tháng 9 Chu Ân Lai rán lập lại trật tự bằng quân đội.

Tháng 9 – 1968 đến cuối năm 1968. Mao thắng.

Mao đập lung tung phe hữu và phe tả, ủng hộ triệt để Chu. Lâm Bưu mở lớp dạy tư tưởng Mao Trạch Đông trong quân đội.

Tháng 7 tới tháng 10 – 1968

Lưu Thiểu Kỳ bị trục xuất khỏi Đảng. Mao thắng ( nghĩa là dẹp được phe Lưu Thiểu Kỳ, nhưng rồi phải thay đổi đường lối ).

Tháng 4- 1969. Đại học thí IX của Đảng. Bầu Ủy ban trung ương mới. Cải cách kinh tế, hành chính và đại học. Lưu Thiểu Kỳ chết.

1970 Trung Hoa băng bó lại vết thương.

Tháng 8, 9: Hội ủy ban trung ương ở Lư Sơn. Lâm Bưu và Mao bắt đầu chống nhau.

7 – 1971 Trung Hoa và Mỹ thương thuyết ngầm với nhau về việc tổng thống Nixon qua Trung Hoa. Hướng mới về đường lối ngoại giao đó gây bất hòa nội bộ. Mao trục xuất Lâm Bưu và Lâm mất tích (13. 9. 1971)

## H. HƯỚNG MỚI NGOẠI GIAO

25 – 26 tháng 10- 1971. Trung Hoa được vô Liên Hiệp quốc ( nhờ Mỹ)

1- 1972. Tướng Chen Yi ( chết)

2- 1942 Nixon qua Bắc Kinh.

7 – 1972 Maurice Schuman qua Trung Hoa.

Trung Hoa bảo Châu Âu phải đoàn kết với nhau để chống Nga.

Mùa hè 1972. Tuyên bố chính thức rằng Lâm Bưu bị trục xuất.

Tháng 9 – 1972. Thủ tướng Nhật Tanaka qua Bắc Kinh.

Tháng 2 – 1973. Henry Kissinger qua Bắc Kinh thành lập phòng liên lạc ngoại giao giữa Bắc Kinh và Washington ( tức như sứ quán mà không mang tên sứ quán ).

Cũng tháng đó: Hội nghị quốc tế ở Paris về Việt Nam- Từ 1961 – 1962, sau hội nghị về Lào bây giờ Trung Hoa mới lại dự hội nghị này.

Tháng 3 – 1973. Trung Hoa lập lại bang giao với Ý Pha Nho, rồi với tất cả các nước Châu Âu, trừ Ái Nhĩ Lan ( Irlande), Bồ Đào Nha và Tòa Thánh Vatican. Vậy là Trung Hoa lập bang giao được 88 nước.

Tháng 8 – 1973. Trong đại hội thứ X của Đảng, người ta xác nhận rằng đã thay đổi hẳn đường lối: diệt phe “tả”, Lâm Bưu; cách mạng văn hòa thoái trào, xích lại với phương Tây, chống Nga hơn, Mao bớt quyền hành mà quyền hành của Chu Ân Lai tăng lên.



Tổng thống Pháp Pompidou qua Bắc Kinh (ông là người đầu tiên trong các nhà lãnh đạo phương Tây qua Trung Hoa ).

1976 Mao Trạch Đông chết, Hoa Quốc Phong kế vị